

TUẦN 01

NGÀY SOẠN: 01/9/2023

BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN

TIẾT 1,2,3: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN ĐỌC VĂN BẢN
“BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN”

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 1, 2, 3: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN ĐỌC VĂN BẢN “BÀI
HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN”

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi kể thứ nhất
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nhận biết được từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.
- Biết cách viết một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết văn bản đảm bảo các bước.
- Biết cách kể lại một trải nghiệm đối với bản thân.
- Nhân ái, chan hòa, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

B. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU VÀ SỰ CHUẨN BỊ CỦA HS:

- SGK, SGV, máy tính, ti vi, phiếu học tập, bảng phụ
- + Đọc trước phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK
- + Thực hiện phiếu học tập.
- + Đọc yêu cầu đối với các văn bản, tóm tắt, đọc bài tóm tắt tham khảo.
- +Tìm hiểu biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương.
- + Chuẩn bị nội dung viết, nói, tập luyện trước khi viết, nói.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC: (0.5 tiết)

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và nêu thể loại của văn bản chính.
- Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình
- Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* <i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</i>	

1. Khi các em rời xa ngôi trường tiểu học, các em bước vào ngôi trường THCS, điều gì khiến em thú vị? Em đã làm quen và chơi với các bạn mới chưa? Em có gặp khó khăn gì không khi hòa mình với một môi trường mới.

2. Hãy chia sẻ với các bạn và cô.

* *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.*

** Bước 3: Báo cáo, trình bày*

** Bước 4: Nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận*

- Nhận xét, dẫn dắt bài học.

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS xem lại phần *Giới thiệu bài học* đã chuẩn bị ở nhà; xem hình thức của VB1, VB2, VB3 và nêu chủ đề, thể loại chính của bài học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và yêu cầu của giáo viên, nêu chủ đề và thể loại chính của bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Gọi HS chia sẻ kết quả trước lớp.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học; giới thiệu các nội dung và số tiết sẽ học ở bài 1.

2. Khám phá tri thức ngữ văn

Làm việc cá nhân.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Em hãy kể tên một số truyện em đã đọc, chọn một chuyện yêu thích và chia sẻ kinh nghiệm khi đọc tác phẩm này, em chú ý đến những yếu tố nào?

- Ai là người kể chuyện trong tác phẩm?

Người kể chuyện xuất hiện ở ngôi thứ mấy?

- Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?

- Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu được đặc điểm của nhân vật đó?

- Thế nào là truyện đồng thoại? Đối tượng của truyện đồng thoại là ai?

I. Giới thiệu bài học

1. Chủ đề: Tôi và bạn

2. Thể loại chính: Truyền và truyền đồng thoại

II. Tìm hiểu tri thức ngữ văn:

1. Truyện.

* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại. Chỉ ra những “đấu hiệu” nhận biết truyện đồng thoại. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV nhấn mạnh: - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại. - Truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc. - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động...tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em. GV dẫn dắt đi vào tìm hiểu văn bản 1:	Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc. 2. Truyện đồng thoại. Là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người. - Cốt truyện: gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc. - Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ...Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, đồ vật, con vật... - Người kể chuyện: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ ba. - Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật

II. ĐỌC VĂN BẢN 1: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN (2, 5 tiết)

(Trích *Để Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài*).

1/ Mục tiêu:

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc, hình ảnh, nhịp trong bài thơ.
- Kết nối VB với trải nghiệm cá nhân để đọc hiểu một văn bản thơ.
- Bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu thiên nhiên, trân trọng suy nghĩ, cảm xúc, mong ước của tác giả.

2/ Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo, một số hình ảnh về truyện.
- Ti vi
- Phiếu bài tập

3/ Tiến trình hoạt động:

Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện hoạt động:
 - GV cho HS xem video câu chuyện về chú mèo Hello Kitty

Ở nước Nhật, có một câu chuyện cảm động về sự ra đời của chú mèo “Luôn biết lắng nghe” người khác.

- GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé?

+ Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện này?

* *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.*

* *Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

* *Bước 4: Nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận*

Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Có trải nghiệm tạo ra niềm vui, hạnh phúc. Có trải nghiệm mang đến kinh nghiệm. Có trải nghiệm để lại sự nuối tiếc, day dứt. Tất cả đều là bài học quý giá trong hành trình khôn lớn, trưởng thành của chúng ta.

Hôm nay, các em sẽ được trải nghiệm về những bài học đáng quý ấy qua một truyện đồng thoại, đó là “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

1. Mục tiêu:

– HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc, cốt truyện, nhân vật, tính cách của các nhân vật.

– Kết nối VB với trải nghiệm cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu bạn bè, trân trọng suy nghĩ, cảm xúc của người khác, tôn trọng lẽ phải, hướng thiện.

2. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*, văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”: nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề...),

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* và VB *Bài học đường đời đầu tiên* .

4. Tổ chức thực hiện:

Trước khi Trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu đôi nét về nhà văn Tô Hoài để việc đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.

HD của GV và HS	Giới thiệu
I. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung <i>*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</i> Hãy đọc SGK trang 20 và cho biết những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài và sự nghiệp sáng tác của ông? Em biết những tác phẩm nào của Tô Hoài? Kể tóm tắt đoạn trích? Nêu bố cục của đoạn trích. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. * Chiếu lên một số tác phẩm của Tô Hoài để HS quan sát:	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Tô Hoài: 2. Đoạn trích: <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>. Đọc- kể tóm tắt (theo ngôi thứ nhất). Các sự việc chính: - Miêu tả Dế Mèn: Tả hình dáng, cử chỉ, hành động. - Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Dế Mèn coi thường Dế Choắt. Dế Mèn trêu chọc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.

GV bổ sung: Bút danh Tô Hoài: Để kỉ niệm và ghi nhớ về quê hương của ông: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức

- Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: “*Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật....*”

II. Khám phá văn bản

1. Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu nhân vật Dế Mèn

TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ để thảo luận

*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Các nhóm hoàn thành phiếu HT số 1 về hình dáng và tính cách của Dế Mèn theo gợi ý sau:

Gợi ý: Tìm những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn. Trên cơ sở đó, nhận xét về tính cách của Dế Mèn.

* Bước 2. Các nhóm thực hiện nhiệm vụ và đại diện báo cáo sản phẩm.

(Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)

* Bước 4. Chuẩn kiến thức.

- GV bổ sung: Vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã làm tưởng sự ngông cuồng là tài ba.

LÀM VIỆC CÁ NHÂN

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn như thế nào? (Những chi tiết miêu tả Dế Choắt?)

Thái độ của Dế Mèn khi Dế Choắt nhờ vả ra sao?

* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

* Bước 4. Chuẩn kiến thức.

GV bổ sung, nhấn mạnh: Tự hào về mình bao nhiêu thì Dế Mèn tỏ ra coi thường Dế Choắt bấy nhiêu. Thậm chí, Dế Mèn còn mang Dế Choắt ra làm đối tượng để thỏa mãn tính tự kiêu của mình...

Thảo luận theo cặp bàn:

Bổ cục: 2 phần

- Phần 1: từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”:

Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.

- Phần 2: Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

II. Khám phá văn bản:

1. Nhân vật Dế Mèn.

a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.

=> Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.

=> Nghệ thuật:

+ Kể chuyện kết hợp miêu tả;

+ So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mầm bóng, nhọn hoắt, bóng mờ, đen nhánh ...*)

+ Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)

+ Giọng văn sôi nổi

b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.

* Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.

- Thái độ của Dế Mèn: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.

→ → Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.

* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.

→ → Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.

- Đó không dừng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.

- Dế Mèn bỏ mặc bạn bè trong cơn nguy hiểm...hèn nhát, không dám nhận lỗi

** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*

+ Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Đế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Choắt?

+ Việc Đế Mèn dám gây sự với chị Cốc khỏe hơn mình gấp bội có phải là hành động dũng cảm không? Vì sao?

** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.*

**Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.*

** Bước 4. Chuẩn kiến thức.*

**Bước 1.GV đặt câu hỏi: Đế Mèn trêu chị Cốc đã gây ra hậu quả gì?*

- Hậu quả Đế Mèn gây ra là gì?

- Tâm trạng của Đế Mèn có sự thay đổi ra sao trước cái chết của Đế Choắt? Sự hối hận bộc lộ qua hành động nào?

** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.*

**Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.*

** Bước 4. Chuẩn kiến thức.*

** GV đặt tiếp câu hỏi: Qua hành động của Đế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Đế Mèn? Theo em, sự thay đổi đó có hợp lí không? Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Đế Mèn, đó là tính cách nào?*

** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.*

**Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.*

** Bước 4. Chuẩn kiến thức.*

- GV đặt câu hỏi mở rộng: Theo em sự hối hận của Đế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?

** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.*

**Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.*

** Bước 4. Chuẩn kiến thức.*

2. Hướng dẫn HS tìm hiểu bài học của Đế Mèn:

**GV yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời câu hỏi: Cuối truyện là hình ảnh Đế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Đế Mèn lúc này?*

- Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Đế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? Việc tác giả để cho Đế Mèn tự kể lại câu chuyện của

2. Bài học đường đời đầu tiên của Đế Mèn.

- Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.

- Bài học về tình thân ái, chan hòa.

- Bài học đường đời đầu tiên mà Đế Mèn rút ra sau cái chết của Đế Choắt: Thói nông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.

mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy? - GV nhấn mạnh: Kể kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời. - Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái. → Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn. 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu tổng kết * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi: + Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nội dung, ý nghĩa của văn bản? + Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của Tô Hoài trong văn bản này? * GV hỏi thêm: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> là truyện đồng thoại? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Báo cáo * Bước 4. Nhận xét, bổ sung, kết luận	3. Tổng kết a. Nghệ thuật: - Kể chuyện kết hợp với miêu tả. - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động. - Các phép tu từ . - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc. - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại. b. Nội dung: - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình. - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

3. Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện.

* **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**

Nhiệm vụ 1. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. (Phiếu học tập số 3)

Lời kể của Dế Mèn	Lời đối thoại của Dế Mèn
Một tai họa đến mà đũa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt...	- Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa! (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt)
.....	
.....	

*** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

*** Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**

*** Bước 4. Chuẩn kiến thức**

Dự kiến sản phẩm:

Lời kể của Dế Mèn	Lời đối thoại của Dế Mèn
- Tôi tội lắm. Dám cả khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. - Ngấm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết ai nghe, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.	- Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào. - Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ, chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. - Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không? (Lời của Dế Mèn với Dế Choắt)

Nhiệm vụ 2. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh nhất thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

*** Bước 1:** Gv phổ biến luật chơi.

*** Bước 2.** GV đọc từng câu hỏi.

*** Bước 3.** HS chọn đáp án bằng cách giơ tấm thẻ có màu tương ứng đã quy ước.

*** Bước 4.** Công bố kết quả

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và vĩnh viễn mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng.

Các câu hỏi như sau:

Câu 1: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

Câu 2: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I

B. Chương III

C. Chương VI

D. Chương X

Câu 3: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 5: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

Câu 6: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ôm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 7: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 8: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

Hoạt động 4: Vận dụng:

a. Mục tiêu: phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học).

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

* Bước 1. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng " Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

*Bước 3. Báo cáo

* Bước 4. Nhận xét, bổ sung, kết luận.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Tìm hiểu, đọc và soạn bài Thực hành tiếng việt.

- Nắm hệ thống kiến thức về cách tìm hiểu thể loại truyện đồng thoại, từ đơn, từ phức.

TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu:

- HS nhận biết được cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.
- HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

2. Tiến trình hoạt động

Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về cấu tạo từ Tiếng Việt
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- Tổ chức thực hiện:
 - Ở bậc tiểu học, trong tiếng Việt, xét theo cấu tạo, em đã được học những từ loại nào ?
 - Hãy ghép các từ ở cột A với các từ ở cột B để miêu tả Dế Mèn cho phù hợp.

A	B
vuốt	nhọn hoắt
cánh	hủn hoẳn
người	rung rinh
răng	đen nhánh
	bóng mờ
	ngoàm ngoạp

+ Em có nhận xét gì về cấu tạo các từ ở cột A so với các từ ở cột B.

- HS trả lời.

- GV kết nối: Như vậy ở bậc tiểu học các em đã làm quen với từ đơn, từ ghép, từ láy. Hôm nay, tiết thực hành tiếng việt này, chúng ta sẽ tiếp tục học sâu hơn về đặc điểm cấu tạo cũng như cách sử dụng từ ngữ này sao cho hiệu quả hơn.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:

- Mục tiêu: (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đơn, từ ghép, từ láy; nghĩa của từ ngữ, nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, biện pháp tu từ so sánh.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Từ đơn, từ phức.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm														
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: <table border="1"> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> <tr> <td>vuốt</td><td>nhọn hoắt</td></tr> <tr> <td>cánh</td><td>hủn hoẳn</td></tr> <tr> <td>người</td><td>rung rinh</td></tr> <tr> <td>răng</td><td>đen nhánh</td></tr> <tr> <td></td><td>bóng mỡ</td></tr> <tr> <td></td><td>ngoàm ngoạp</td></tr> </table> + Trong cột B, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy? Tại sao? + Em hãy rút ra khái niệm: từ đơn, từ phức; từ ghép- từ láy. - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	A	B	vuốt	nhọn hoắt	cánh	hủn hoẳn	người	rung rinh	răng	đen nhánh		bóng mỡ		ngoàm ngoạp	I. Từ đơn, từ phức. 1. Ví dụ + vuốt- nhọn hoắt + cánh- hủn hoẳn + người- rung rinh, bóng mỡ + răng- đen nhánh, ngoàm ngoạp - <i>vuốt, cánh, người, răng</i> là từ đơn vì chỉ có một tiếng. - <i>nhọn hoắt, hủn hoẳn, rung rinh, bóng mỡ, đen nhánh, ngoàm ngoạp</i> là từ phức vì có hai tiếng. + <i>nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh</i> là từ ghép vì các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. + <i>hủn hoẳn, rung rinh, ngoàm ngoạp</i> là từ láy vì các tiếng có quan hệ láy âm (giống nhau về phụ âm đầu) 2. Kết luận: - Từ đơn là từ chỉ có một tiếng. - Từ phức là từ có hai tiếng trở lên. + Những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép. + Những từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) được gọi là từ láy.
A	B														
vuốt	nhọn hoắt														
cánh	hủn hoẳn														
người	rung rinh														
răng	đen nhánh														
	bóng mỡ														
	ngoàm ngoạp														

Nội dung 2: Nghĩa của từ

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS thảo luận theo hình thức cặp đôi chia sẻ. - Thông thường, nghĩa của từ <i>nghèo</i> được hiểu là gì, em hãy lấy ví dụ minh họa? -Trong VB <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> có dùng từ <i>nghèo sức</i>. Dựa vào VB, em hiểu <i>nghèo</i> trong <i>nghèo sức</i> là gì	II. Nghĩa của từ 1.Ví dụ: <i>Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà của mình thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá.</i> (<i>Bài học đường đời đầu tiên</i> – Tô Hoài) - <i>Nghèo</i>: ở tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc về yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất (như: <i>Nhà nó rất nghèo, Đất nước còn nghèo</i>).

- Vậy khi muốn tìm nghĩa của từ ngữ, cần lưu ý điều gì? (dựa vào đâu để giải thích nghĩa) * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- <i>Nghèo sức</i>: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế, sức khỏe kém hơn những người bình thường. 2. Kết luận: - Để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể dựa vào từ điển. - Giải thích nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào từ ngữ đứng trước và từ ngữ đứng sau.

Nội dung 3: Biện pháp tu từ so sánh

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
LÀM VIỆC CÁ NHÂN * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Câu văn trên đã sử dụng phép tu từ so sánh. - Hãy chỉ ra các hình ảnh đã được người viết so sánh ? - Dựa trên cơ sở nào mà tác giả lại so sánh hai hình ảnh ấy với nhau? - So sánh hai cách diễn đạt sau, em thấy cách nào hay hơn? Vì sao? <i>Cách 1: Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu.</i> <i>Cách 2: Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.</i> - Em hãy rút ra khái niệm của phép tu từ so sánh? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	III. Biện pháp tu từ 1. Ví dụ: <i>Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.</i> - Phép tu từ so sánh: <i>Hình dáng của Dế Choắt với một gã nghiện thuốc phiện</i> - Phép so sánh này dựa trên điểm tương đồng (giống nhau) về ngoại hình gầy gò, yếu đuối, yếu sức. - Tác dụng: Làm cho hình ảnh Dế Choắt hiện lên cụ thể, sinh động với dáng vẻ yếu đuối, thiếu sức sống; đồng thời thấy được cái nhìn coi thường, lạnh lùng của Dế Mèn về Dế Choắt. 2. Kết luận: - So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu: (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đơn, từ ghép, từ láy; nghĩa của từ ngữ, nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, biện pháp tu từ so sánh).
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.**
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

NV1: Bài 1

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 1

Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1/

Kẻ bảng/ điền từ in đậm vào ô phù hợp

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
.....		
.....		

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

* Bước 3. Báo cáo kết quả:

* Bước 4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

NV2:

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS thi: **Tiếp sức:**

- Thời gian 5 phút

Chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm cử đại diện lần lượt lên bảng nói tiếp nhau để viết từ láy. Nhóm nào tìm được nhiều từ thì chiến thắng.

-Tìm từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

* Bước 3. Báo cáo kết quả:

* Bước 4. Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, biểu dương bằng tràng pháo tay.

NV3:

* **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm và nêu tác dụng của các từ láy trong các câu văn

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

IV. Luyện tập

Bài 1 SGK trang 20:

Kẻ bảng vào vở và điền từ in đậm trong đoạn văn sau vào ô phù hợp.

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
Tôi, nghe, người	Bóng mờ, ưa nhìn	Hùn hoăn, phành phạch, giòn giã, rung rinh

Bài 2 SGK trang 20

Từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*: véo von, hừ hừ, phành phạch, phành phạch, vắng vắng, ngoàm ngoạp.

Bài 3. SGK trang 20

Các từ láy:

+ **Phành phạch:** âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.

+ **Ngoàm ngoạp:** (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.

+ **Dún dẩy:** điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.

- Tác dụng của các từ láy: *phành phạch, ngoàm ngoạp, dún dẩy* trong các câu văn được cho là:

* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Giáo viên nhận xét, đánh giá NV4: * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy giải nghĩa của từ <i>mưa</i> trong các câu: <i>Mưa dầm sùi sụt</i>, <i>Điệu hát mưa dầm sùi sụt</i> * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá NV5: * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc lại các chú thích có thành ngữ <i>tắt lửa tối đèn</i>, <i>ăn sổi ở thì</i>, <i>hôi như cú mèo</i> để hiểu nghĩa. Sau đó đặt câu với mỗi thành ngữ. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ * Bước 3. Báo cáo kết quả: * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá NV6: * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HD tìm câu văn dùng phép so sánh và tác dụng của so sánh trong VB <i>Bài học đường đời đầu tiên</i>: * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá- - Giáo viên nhận xét, đánh giá.	giúp cho nhân vật Dế Mèn được hiện lên cụ thể, sinh động, nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống của tuổi trẻ ở Dế Mèn. Qua đó, Dế Mèn bộc lộ niềm tự hào về chính mình. Bài 4 SGK trang 20 Hãy giải nghĩa của từ mưa - <i>Mưa dầm sùi sụt</i>: mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt. - <i>Điệu hát mưa dầm sùi sụt</i>: điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngâm ngùi, thê lương. Bài 5 SGK trang 20: Đặt câu với các thành ngữ - Anh em ta là hàng xóm láng giềng tắt lửa tối đèn có nhau. - Việc gì anh ta làm cũng tạm bợ, không chắc chắn, ăn sổi ở thì quá. - Cậu ta đi mưa về hôi như cú mèo ấy. Bài 6 SGK trang 20: Câu văn dùng phép so sánh và tác dụng của so sánh: - <i>Hai cái răng đen nhánh của tôi lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy đang làm việc.</i> - Tác dụng: So sánh hai cái răng của Dế Mèn khi nhai thức ăn với hai lưỡi liềm máy đang làm việc để nhấn mạnh Dế Mèn đang tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống. - <i>Mổ Cốc như cái rùi sắt, chọc xuyên cả đất.</i> - Tác dụng: So sánh mỏ của chị Cốc với cái rùi sắt cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm hệ thống kiến thức về cách tìm hiểu thể loại truyện đồng thoại, từ đơn, từ phức.
- Đọc và chuẩn bị văn bản 2, văn bản 3. (Tìm hiểu thể loại, nhân vật, tuyến nhân vật.)

TUẦN 2

NGÀY SOẠN: 09/9/2023

BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN

TIẾT 5, 6: ĐỌC VĂN BẢN “NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN”

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 8: ĐỌC VĂN BẢN “BẮT NẠT”

TIẾT 5, 6: ĐỌC VĂN BẢN “NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN” (Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri)

1. Mục tiêu:

- Hiểu đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật trong văn bản.
- Nhận biết tính chất của truyện đồng thoại trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn”.
- Nhận biết được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo.
- Bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật.
- Nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: Nhân vật con vật, ngôn ngữ đối thoại sinh động, giàu chất tưởng tượng
- Có trách nhiệm với bạn bè, với những gì mình gắn bó, yêu thương.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo, một số hình ảnh, video cùng chủ đề
- Ti vi
- Phiếu bài tập

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về tình bạn kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản để cảm nhận được tình bạn thể hiện trong tác phẩm.

b. Nội dung: Giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về người bạn thân thiết, tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.

c. Sản phẩm: HS trả lời được:

- Các câu trả lời của học sinh.
- Cảm xúc của cá nhân (GV để HS tự do bộc lộ cảm xúc cá nhân)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?	

2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào? - Thời gian chuẩn bị: 1 phút. - Thời gian trình bày: 2 phút. + Giáo viên gọi tình thân xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cặp đôi, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Kết luận, nhận định - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV nhận xét và giới thiệu bài học.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung:

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của *tác giả*.
- Nắm được cơ bản phong cách sáng tác của tác giả, những tác phẩm tiêu biểu.
- Nhận biết một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời nhân vật)

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi tìm hiểu về tác giả.
- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, nêu và giải quyết vấn đề
- HS làm việc cá nhân , nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD CỦA THẦY VÀ TRÒ	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả:

? Trình bày những hiểu biết chung của em về tác giả Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri? (Gợi ý: Tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp văn chương, các tác phẩm chính.) B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK. B3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. GV bổ sung: Antoine de Saint-Exupéry (1900-1944) là một nhà văn, một phi công người Pháp. Một tác giả có thể nói là độc nhất vô nhị trong lịch sử văn học thế giới khi là một phi công, một người lính, nhưng lại có đôi mắt và tâm hồn của nhà thơ. Ông tham gia Chiến tranh Thế giới lần II với cương vị phi công chiến đấu. Máy bay của ông bị bắn rơi trên vùng trời nước Pháp vào năm 1944.	- Tên tuổi: Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900-1944) - Quê quán: Pháp. - Là nhà văn lớn người Pháp. - Phong cách sáng tác: Ngòi bút của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn.
B1: Giao nhiệm vụ - GV: Hướng dẫn HS đọc văn bản: + Gv đọc mẫu + HD học sinh đọc phân vai: Người dẫn truyện, hoàng tử bé, con cáo. - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Đoạn trích “<i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>” có xuất xứ từ đâu? ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?	2. Tác phẩm - Xuất xứ: Đoạn trích: “<i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>” (chương XXI) của tác phẩm Hoàng tử bé (tên tiếng Pháp: Le Petit Prince). Xuất bản năm 1943. - Ngôi kể: ngôi thứ ba - Thể loại: Truyện đồng thoại.

? Văn bản thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em có nhận xét đó? ? Nhân vật chính của truyện là ai? ? Quan sát văn bản, em thấy văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhận nhiệm vụ đọc theo từng vai. - GV Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc theo các vai đã phân công HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét cách đọc của HS - Tuyên dương, khen ngợi - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - GV mở rộng: Khi đọc văn bản các em chú ý đọc diễn cảm thể hiện tình cảm của nhân vật. Như thế các em không chỉ được hòa mình vào câu chuyện mà các em còn hiểu hơn về tính cách, phẩm chất của các nhân vật. * Lưu ý: Quan sát, nắm thông tin ở các hộp chỉ dẫn thông tin màu vàng bên cạnh.	- Nhân vật chính: Hoàng tử bé và Cáo - Bố cục: 3 phần * Từ đầu... <i>mình chưa được cảm hóa:</i> Bối cảnh cuộc gặp gỡ giữa cậu bé và con cáo. * <i>Tiếp theo ...duy nhất trên đời:</i> Cuộc trò chuyện và sự cảm hóa của cậu bé dành cho cáo. * <i>Phần còn lại:</i> Chia tay và những bài học về tình bạn

2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Nắm nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của VB

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT mảnh ghép cho HS thảo luận nhóm.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

*NV 1: B1: Giao nhiệm vụ ? Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào? ? Cáo gặp hoàng tử bé trong khi nó đang cảm nhận như thế nào về cuộc sống? ? Cả hai nhân vật có đều mang tâm trạng gì ? Từ cuộc gặp gỡ của cáo và hoàng tử bé, em có rút ra được kinh nghiệm gì khi mình gặp gỡ 1 người bạn mới? <i>(Thân thiện, lịch sự qua nụ cười, ánh mắt)</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc thông tin SGK để thực hiện nhiệm vụ - GV giúp đỡ HS (nếu cần) B3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trả lời câu hỏi GV: Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN: 1. Cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và cáo - Hoàng tử bé: + Đến từ một hành tinh nhỏ bé và kì lạ + Tâm trạng: Buồn bã và chán nản - Cáo: + Bị coi là tinh ranh và gian xảo + Tâm trạng: Cô đơn và buồn chán. => <i>Cả hai nhân vật đều đang cô đơn, buồn bã.</i>

*NV2: B1: Giao nhiệm vụ HS đọc thông tin SGK thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi sau bằng cách điền vào phiếu học tập số 1: ? Gặp hoàng tử bé, cáo có đề nghị gì? ? Từ cảm hóa xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích? ? Qua những lời giải thích của cáo, em hiểu cảm hóa nghĩa là gì? ? Vậy, cáo mong muốn điều gì ở hoàng tử ? Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết tha mong được kết bạn với cậu? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc thông tin SGK, thảo luận với bạn bên cạnh mình để hoàn thành phiếu học tập, hoàn thành nhiệm vụ. - GV giúp đỡ HS (nếu cần) B3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trả lời câu hỏi bằng cách điền vào phiếu học tập. GV: Hướng dẫn HS, giúp đỡ (nếu cần) B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục tiếp theo.	2. Kết bạn và cảm hóa a. Kết bạn <table> <tr> <td><i>Lời đề nghị của cáo:</i></td><td>Được hoàng tử cảm hóa.</td></tr> <tr> <td><i>Từ “Cảm hóa” xuất hiện số lần:</i></td><td>Từ cảm hóa xuất hiện 15 lần)</td></tr> <tr> <td><i>Cảm hóa là:</i></td><td>Cảm hóa là kết bạn, là gắn kết tình cảm với nhau, làm cho gần gũi nhau hơn.</td></tr> <tr> <td><i>Mong muốn của cáo với ở hoàng tử bé:</i></td><td>Cáo mong được kết bạn với hoàng tử bé, mong được quan tâm, gần bó, được đón nhận, trân trọng, đánh thức những điều đẹp đẽ, xóa bỏ khoảng cách, định kiến, trở thành bạn bè, thân hữu, yêu thương.</td></tr> <tr> <td><i>Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết</i></td><td>Ấn tượng của cáo về hoàng tử bé: + Hoàng tử khen: “Bạn dễ thương quá”</td></tr> </table>	<i>Lời đề nghị của cáo:</i>	Được hoàng tử cảm hóa.	<i>Từ “Cảm hóa” xuất hiện số lần:</i>	Từ cảm hóa xuất hiện 15 lần)	<i>Cảm hóa là:</i>	Cảm hóa là kết bạn, là gắn kết tình cảm với nhau, làm cho gần gũi nhau hơn.	<i>Mong muốn của cáo với ở hoàng tử bé:</i>	Cáo mong được kết bạn với hoàng tử bé, mong được quan tâm, gần bó, được đón nhận, trân trọng, đánh thức những điều đẹp đẽ, xóa bỏ khoảng cách, định kiến, trở thành bạn bè, thân hữu, yêu thương.	<i>Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết</i>	Ấn tượng của cáo về hoàng tử bé: + Hoàng tử khen: “Bạn dễ thương quá”
<i>Lời đề nghị của cáo:</i>	Được hoàng tử cảm hóa.										
<i>Từ “Cảm hóa” xuất hiện số lần:</i>	Từ cảm hóa xuất hiện 15 lần)										
<i>Cảm hóa là:</i>	Cảm hóa là kết bạn, là gắn kết tình cảm với nhau, làm cho gần gũi nhau hơn.										
<i>Mong muốn của cáo với ở hoàng tử bé:</i>	Cáo mong được kết bạn với hoàng tử bé, mong được quan tâm, gần bó, được đón nhận, trân trọng, đánh thức những điều đẹp đẽ, xóa bỏ khoảng cách, định kiến, trở thành bạn bè, thân hữu, yêu thương.										
<i>Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết</i>	Ấn tượng của cáo về hoàng tử bé: + Hoàng tử khen: “Bạn dễ thương quá”										

	<i>thamong được kết bạn với cậu:</i>	-> Hoàng tử lịch sự, thân thiện, không bị giới hạn bởi định kiến	
B1: Giao nhiệm vụ <i>* Vòng chuyên gia (7 phút)</i> - Chia lớp ra làm 3 nhóm hoặc 6 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3... (nếu 3 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm)... - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong cảm nhận của cáo về bước chân trước và sau khi được cảm hóa? Nhóm 2: Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong cảm nhận của cáo về đồng lúa mì trước và sau khi được cảm hóa? Nhóm 3: Tìm những chi tiết thể hiện sự thay đổi trong nhận định của cáo về cuộc sống trước và sau khi được cảm hóa? <i>* Vòng mảnh ghép (8 phút)</i> - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm 1 mới, số 2 tạo thành nhóm 2 mới, số 3 tạo thành nhóm 3 mới & giao nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu? 2. Nếu được cảm hóa cuộc sống của cáo sẽ thay đổi như thế nào? 3. Qua đó em hiểu được ý nghĩa gì của tình bạn? B2: Thực hiện nhiệm vụ <i>* Vòng chuyên sâu</i> HS:	b. Cảm hóa		
		Cuộc sống của cáo trước khi cảm hóa	Cuộc sống của cáo sau khi cảm hóa
	<i>Cảm nhận của cáo về bước chân</i>	Những bước chân khách chỉ khiến mình trồn vào lòng đất => Nó sợ hãi và chạy trồn	Bước chân của bạn khác hẳn mọi bước chân khác, sẽ gọi mình ra khỏi hang như tiếng nhạc => Vui thích, chủ động tìm đến.
	<i>Cảm nhận của cáo về đồng lúa mì</i>	Đồng lúa mì chẳng gọi nhớ gì cho mình cả => Không thấy có ích	Lúa mì vàng óng sẽ làm mình nhớ đến bạn và mình sẽ thích gió trên đồng lúa mì. => Thân thương, ấm áp
	<i>Nhận định của cáo về</i>	Mình sẵn gà, con người thì sẵn mình. Mọi con gà đều giống	Như thể được mặt trời chiếu sáng...

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). <i>* Vòng mảnh ghép (7 phút)</i> HS: - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép. - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	<table><tr><td><i>cuộc sống</i></td><td>nhau, mọi con người đều giống nhau</td><td></td></tr></table>	<i>cuộc sống</i>	nhau, mọi con người đều giống nhau	
<i>cuộc sống</i>	nhau, mọi con người đều giống nhau			
*NV 3: B1: Giao nhiệm vụ ? Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì? Những cảm xúc ấy có khiến cáo hối tiếc về việc kết bạn với hoàng tử bé không?	3. Hoàng tử bé chia tay cáo a. Cáo - Cảm xúc: “Mình sẽ khóc mất”. => Buồn nhưng không hối tiếc vì màu lúa mì làm cáo nhớ hoàng tử.			

? Hoàng tử bé đã nhắc lại những lời nào của cáo để cho nhớ? Nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của một trong những lời nói đó? ? Cáo đã chia sẻ với hoàng tử nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào ý nghĩa, gần gũi với mình? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc thông tin SGK để thực hiện nhiệm vụ - GV giúp đỡ HS (nếu cần) B3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trả lời câu hỏi GV: Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	- Suy nghĩ: Cuộc sống không buồn tẻ, sợ hãi mà sẽ tốt đẹp hơn và hạnh phúc hơn. b. Hoàng tử bé - Nhắc lại lời nói của cáo để cho nhớ: + Người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần. + Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hoa hồng của bạn đã khiến bông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế + Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn cảm hóa. Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn. c. Món quà cáo dành tặng hoàng tử: + bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, dành thời gian để cảm hóa nhau + ý nghĩa của tình bạn: mang đến niềm vui, hạnh phúc, khiến cuộc sống trở nên phong phú, tươi đẹp + bài học về cách nhìn nhận, đánh giá, trách nhiệm với bạn bè: biết thấy rõ trái tim, biết quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu. sẽ chia, bảo vệ
*NV 4: B1: Giao nhiệm vụ - Chia nhóm lớp theo bàn.- Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ. - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc. 2. Nội dung

- Suy nghĩ cá nhân 1' và ghi ra giấy. - Làm việc cặp đôi 2' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS:- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV:- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.	Kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ này đã mang đến cho cả hai những món quà quý giá. 3. Ý nghĩa: Bài học về cách kết bạn cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào làm các bài tập cụ thể nhằm củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập GV giao.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ

- Chia nhóm lớp theo cặp đôi.

- Phát phiếu học tập

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” về cuộc gặp gỡ với cáo theo phiếu học tập số 3

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy.

- Làm việc theo cặp đôi 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS:

- Đại diện 01 đến 02 cặp đôi báo cáo kết quả thảo luận nhóm, cặp đôi khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các cặp đôi.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các cặp đôi.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Giao nhiệm vụ

- Phát phiếu học tập.- Giao nhiệm vụ cho HS:

? Viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ cá nhân hoàn thành bài tập

GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày bài làm của mình trước lớp.

GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo với bạn cùng bàn.

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm hệ thống kiến thức về cách tìm hiểu thể loại truyện đồng thoại.
- Đọc và chuẩn bị bài Thực hành tiếng việt (cấu tạo từ, biện pháp tu từ so sánh)

TIẾT 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu

- HS nhận biết được cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.
- HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo
- Tì vi
- Phiếu bài tập

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về cấu tạo từ Tiếng Việt
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: GV cho HS chơi trò chơi thi tìm từ ghép, láy, biệp pháp tu từ, giải nghĩa từ B2: HS trao đổi, thống nhất B3: Trình bày B4: Nhận xét, bổ sung, giới thiệu tiết củng cố các kiến thức về cấu tạo từ, ..	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó; tích cực hóa vốn từ (đặt câu với các từ cho trước).
- HS nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB Nếu cậu muốn có một người bạn...

b. Nội dung hoạt động: HS Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bàn để hoàn thiện nhiệm vụ về nghĩa của yếu tố Hán Việt thông dụng, biện pháp tu từ. Từ đó hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa ra câu hỏi, yêu cầu HS để HS trao đổi thảo luận theo hình thức cặp đôi chia sẻ: - Có những cách nào giúp ta hiểu được nghĩa của từ? - Hiệu quả của việc sử dụng phép tu từ là gì? Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh trong câu : “ Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi cửa hang, như là tiếng nhạc” (Nếu cậu muốn có một người bạn)	I. Nhắc lại lí thuyết 1. Nghĩa của từ - Để hiểu được nghĩa của từ, có thể dựa vào từ điển, có thể đoán nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện; đối với từ Hán Việt có thể giải nghĩa từng thành tố tạo nên từ. 2. Phép tu từ: - Việc sử dụng phép tu từ làm cho việc diễn đạt sinh động, gợi hình, gợi cảm. - Phép so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc, một âm thanh du dương, mang cảm xúc Tác dụng: so sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp,

- Thế nào là từ ghép, từ láy? Tìm 3 từ ghép, 3 từ láy trong VB <i>Nếu cậu muốn có một người bạn ?</i> - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ và thảo luận, đại diện cặp đôi trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương , những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặc biệt và đầy ý nghĩa. 3. Từ láy, từ ghép: + Từ ghép là từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ: <i>tiếng nhạc, bánh mì, vàng óng</i> + Từ láy là từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) .Ví dụ: <i>bồn chồn, lo lắng, phàn nàn</i>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ nghĩa của từ, biện pháp tu từ thể hiện cụ thể trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*).
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- Tổ chức thực hiện:

*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 1: Tìm và giải thích nghĩa một số từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa: <i>Cảm hóa</i>: dùng tình cảm tốt đẹp làm cho đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực. GV cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ mỗi bàn một nhóm * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày	II. Luyện tập Bài 1 SGK trang 26: Tìm và giải thích nghĩa một số từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa: Từ có yếu tố <i>hóa</i> được hiểu theo nghĩa là "trở thành, làm cho trở thành hay làm cho tính chất mà trước đó chưa có": - Từ Hán Việt theo mô hình như từ cảm hóa: tha hóa, xã hội hóa, nhân cách hóa, đồng hóa, trẻ hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa,...

- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng cố kiến thức về nghĩa của từ cho HS Bài 2 *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 2: GV hướng dẫn HS dựa vào câu văn chứa từ và phần chú thích để giải thích nghĩa của các từ: sửa soạn, trống rỗng, đơn điệu, cốt lõi, kiên nhẫn. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng cố Bài 3 *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 3: GV hướng dẫn HS sau khi hiểu nghĩa của từ đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi HS mới có thể đặt câu. Khi đặt câu theo một từ cho trước, cần lưu ý điều gì? GV lưu ý: - Hiểu đúng nghĩa của từ	- <i>Tha hóa</i>: biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược với bản chất vốn có. - <i>Nhân cách hóa</i>: gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách như con người (một biện pháp tu từ). - <i>Công nghiệp hóa</i>: là quá trình phát triển nâng cao tỉ trọng của ngành công nghiệp của một vùng hay một quốc gia. Bài 2 SGK trang 26 Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong câu: - <i>Sửa soạn</i>: chuẩn bị, sắp đặt trước để làm việc gì đó. - <i>Cốt lõi</i>: cái chính và quan trọng nhất - <i>Đơn điệu</i>: chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu. - <i>Trống rỗng</i>: không chứa đựng cái gì - <i>Kiên nhẫn</i>: bền bỉ, nhẫn nại dẫu có gặp khó khăn, trở ngại. Bài 3 SGK trang 26: Với mỗi từ sau, hãy đặt thành một câu: đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi - Điều cốt lõi của tình bạn là trân trọng và yêu thương lẫn, giúp đỡ nhau. - Tôi rất kiên nhẫn mỗi khi làm bài tập.

- Học sinh: suy nghĩ, viết đoạn văn - Giáo viên: quan sát * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả đọc đoạn văn. HS khác * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá BT 5 không còn thời gian thì GV giao cho HS về nhà hoàn chỉnh sau.	Bài 5 SGK trang 26: Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu: - Dung lượng đoạn văn từ 5-7 câu - Nội dung của đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i> - Đoạn văn sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 2 từ láy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm hệ thống kiến thức về từ đơn, từ phức; biện pháp tu từ so sánh, tác dụng
- Đọc và chuẩn bị văn bản “Bắt nạt”. (Tìm hiểu thể loại, chủ đề của bài thơ.)

TIẾT 8: ĐỌC VĂN BẢN “BẮT NẠT” (NGUYỄN THỂ HOÀNG LINH)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.
- Nhận biết được nội dung chính và chủ đề của bài thơ
- Bước đầu phân tích được thái độ của nhân vật trữ tình trong bài thơ.
- Thể hiện được quan điểm và thái độ của mình đối với hiện tượng bắt nạt.
- Học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo, một số hình ảnh về hiện tượng
- Ti vi
- Phiếu bài tập

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5')

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được hiện tượng bắt nạt trong cuộc sống. Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Những hình ảnh chiếu trên ti vi ấy phản ánh hiện tượng gì? Em có chứng kiến hiện tượng ấy trong thực tế không? Nếu có em có suy nghĩ gì về hiện tượng đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ : HS suy nghĩ cá nhân, trả lời và chia sẻ suy nghĩ của mình. B3: Báo cáo thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV B4: Kết luận nhận định : GV nhận xét và kết nối vào nội dung bài học (Bắt nạt là hiện tượng phổ biến trong trường học, nó tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Bắt nạt bằng hành động, bắt nạt bằng lời nói, bắt nạt trên Facebook....Hiện tượng bắt nạt đó là tốt hay xấu? Chúng ta nên cư xử như thế nào cho phù hợp? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu)	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó, nội dung văn bản.

b) Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.
- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và giới thiệu về tác giả. ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Thế Hoàng Linh ? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Hoàng Thế Linh.

HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV hướng dẫn cách đọc. GV gọi hai HS đọc bài thơ. ? Trình bày xuất xứ của bài thơ ? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? ? Bài thơ được chia thành mấy phần ? Nêu nội dung từng phần ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cặp đôi 2 ': HS trao đổi theo cặp. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động . B3: Báo cáo, thảo luận HS: Chia sẻ kết quả thảo luận . Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn . GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	2. Tác phẩm - Trích từ tập thơ <i>Ra vườn nhật nắng</i>. - Năm sáng tác: 2017. - Thể loại: Thơ năm chữ. - Bố cục: 4 phần + Khổ 1: Nêu vấn đề + Khổ 2, 3, 4 : Gợi ý những việc làm tốt thay cho bắt nạt. + Khổ 5,6 : Phân loại đối tượng bắt nạt. + Khổ 7, 8: Lời nhắn nhủ của tác giả.
II. Khám phá văn bản	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Tác giả nêu hiện tượng bắt nạt bằng những từ ngữ nào? ? Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc thầm khổ 1 - Làm việc cá nhân, tìm chi tiết. GV: - Theo dõi, hướng dẫn (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV)	1. Khổ 1: Nêu vấn đề -“ Bắt nạt là xấu lắm”-> bộc lộ thái độ trực tiếp. - Lời kêu gọi “ bạn ơi”-> tạo âm điệu ngọt ngào,lời khuyên tha thiết, thân mật.

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	
2. Khổ 2,3,4: Những việc làm tốt thay cho bắt nạt.	
Nhiệm vụ 1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV nêu câu hỏi ? Tác giả khuyên chúng ta làm gì thay vì bắt nạt? ? Em hiểu cụm từ “ ăn mù tạt”, “trêu mù tạt” là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc thầm khổ 2,3,4 - Làm việc cá nhân, cặp đôi. GV: - Theo dõi, hướng dẫn (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày kết quả thảo luận. Theo dõi, bổ sung cho các cặp trước . B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào khổ thơ sau. Nhiệm vụ 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV nêu câu hỏi ? Tác giả nhận xét như thế nào về những bạn bị bắt nạt, qua đó tác giả thể hiện thái độ gì đối với các bạn ấy ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát khổ 4 SGK. - Làm việc cá nhân tìm chi tiết. GV: - Theo dõi, hướng dẫn (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày kết quả. Theo dõi, bổ sung ý kiến . B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.	- Học hát, nhảy híp-hóp-> học tập trau dồi kiến thức, mở rộng tâm hồn. -“Ăn mù tạt, trêu mù tạt”->NT ẩn dụ chỉ sự đối diện khó khăn, thử thách. -Thỏ non,đáng yêu -> thể hiện thái độ tôn trọng, gần gũi, yêu mến.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học giải quyết tình huống
- b) **Nội dung:** HS HĐ nhóm giải quyết tình huống GV giao
- c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao phiếu học tập cho HS

Tình huống	Em sẽ làm gì ?
1. Nếu em bị bắt nạt	
2. Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt	
3. Nếu em là người bắt nạt người khác	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV : Chia lớp thành 6 nhóm , phát phiếu học tập cho các nhóm

HD HS hoàn thiện phiếu

HS : Làm việc cá nhân 2', nhóm 5'

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả phiếu học tập.
thảo luận,

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS, định hướng cách giải quyết hợp lý trong mỗi tình huống.

Tình huống 1: Nếu em bị bắt nạt: chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình.

Tình huống 2: Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt: can ngăn kẻ bắt nạt và bên vực nạn nhân bị bắt nạt, tìm sự trợ giúp.

Tình huống 3: Nếu mình là kẻ bắt nạt: đó hành vi xấu cần từ bỏ, xin lỗi người bị mình bắt nạt.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (7')

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, phát triển năng lực viết cho HS.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết đoạn văn (4- 5 câu) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS viết (bắt nạt là gì, có phổ biến trong nhà trường không ?, bắt nạt thường gây ra hậu quả gì, thái độ của em trước hiện tượng bắt nạt...)

HS hoạt động cá nhân đọc, xác định yêu cầu của bài tập , viết bài.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS đọc bài, nhận xét sửa lỗi.

GV nghe, chỉnh sửa bài viết cho HS.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Xem lại các kiến thức liên quan đã học.

- Chuẩn bị nội dung còn lại của văn bản “ Bắt nạt”

- + Lời nhắn nhủ, suy nghĩ của tác giả.
- + Những giá trị nội dung, nghệ thuật
- Chuẩn vị cho tiết Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em:
- + Năm mục tiêu của bài
- + Phân tích bài viết tham khảo
- + Thực hành viết bài.

TUẦN 3

NGÀY SOẠN: 16/9/2023

BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN (TIẾT 9-12)

TIẾT 9: BẮT NẠT (TT)

TIẾT 10,11,12: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

TIẾT 9: ĐỌC VĂN BẢN “ BẮT NẠT” (NGUYỄN THẾ HOÀNG LINH)

1. Mục tiêu:

- Hiểu được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.
- Nhận biết được nội dung chính và chủ đề của bài thơ
- Bước đầu phân tích được thái độ của nhân vật trữ tình trong bài thơ.
- Thể hiện được quan điểm và thái độ của mình đối với hiện tượng bắt nạt.
- Học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Sgk, sgv, tài liệu tham khảo, một số hình ảnh về hiện tượng
- Ti vi
- Phiếu bài tập

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5')

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được thái độ của nhân vật “tớ”. Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Nêu thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạt qua một số câu thơ? Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả?	

B2: Thực hiện nhiệm vụ : HS suy nghĩ cá nhân, trả lời và chia sẻ suy nghĩ của mình. B3: Báo cáo thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV B4: Kết luận nhận định : GV nhận xét và kết nối vào nội dung bài học Thái độ phản đối quyết liệt nhưng với thái độ hết sức lịch sự và hóm hỉnh. Còn với kẻ bị bắt nạt thì thái độ của nhân vật này thế nào chúng ta cùng tìm hiểu.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó, nội dung văn bản.

b) Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.
- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD CỦA GV VÀ HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và giới thiệu về tác giả. ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Thế Hoàng Linh ? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Hoàng Thế Linh.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV hướng dẫn cách đọc. GV gọi hai HS đọc bài thơ. ? Trình bày xuất xứ của bài thơ ? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? ? Bài thơ được chia thành mấy phần ? Nêu nội dung từng phần ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cặp đôi 2 ': HS trao đổi theo cặp. GV: - Chính cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động . B3: Báo cáo, thảo luận HS: Chia sẻ kết quả thảo luận .	2. Tác phẩm

Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn . GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	- Trích từ tập thơ <i>Ra vườn nhật nắng</i>. - Năm sáng tác: 2017. - Thể loại: Thơ năm chữ. - Bố cục: 4 phần + Khổ 1: Nêu vấn đề + Khổ 2, 3, 4 : Gợi ý những việc làm tốt thay cho bắt nạt. + Khổ 5,6 : Phân loại đối tượng bắt nạt. + Khổ 7, 8: Lời nhắn nhủ của tác giả.
II. Khám phá văn bản a. Mục tiêu: - Giúp HS hiểu được vấn đề bắt nạt là xấu, các việc làm tốt thay cho việc bắt nạt, các loại đối tượng bắt nạt, thái độ của tác giả. b. Nội dung hoạt động: - HS làm việc cá nhân, nhóm để thực hiện nhiệm vụ. c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân . d. Tổ chức thực hiện hoạt động.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Tác giả nêu hiện tượng bắt nạt bằng những từ ngữ nào? ? Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc thầm khổ 1 - Làm việc cá nhân, tìm chi tiết. GV: - Theo dõi, hướng dẫn (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	II. Khám phá văn bản: 1. Khổ 1: Nêu vấn đề -“ Bắt nạt là xấu lắm”-> bộc lộ thái độ trực tiếp. - Lời kêu gọi “ bạn ơi”-> tạo âm điệu ngọt ngào,lời khuyên tha thiết, thân mật.
2. Khổ 2,3,4: Những việc làm tốt thay cho bắt nạt.	
Nhiệm vụ 1 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV nêu câu hỏi ? Tác giả khuyên chúng ta làm gì thay vì bắt nạt? ? Em hiểu cụm từ “ ăn mù tạt”, “trêu mù tạt” là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc thầm khổ 2,3,4 - Làm việc cá nhân, cặp đôi. GV:	

- Theo dõi, hướng dẫn (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày kết quả thảo luận. Theo dõi, bổ sung cho các cặp trước . B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào khổ thơ sau. Nhiệm vụ 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV nêu câu hỏi ? Tác giả nhận xét như thế nào về những bạn bị bắt nạt, qua đó tác giả thể hiện thái độ gì đối với các bạn ấy ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát khổ 4 SGK. - Làm việc cá nhân tìm chi tiết. GV: - Theo dõi, hướng dẫn (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày kết quả. Theo dõi, bổ sung ý kiến . B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. Tiết 2 Nhiệm vụ 4: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV phát phiếu học tập 1, chia 6 nhóm ? Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì ? ? Tác giả khuyên chúng ta không nên bắt nạt những đối tượng nào? Vì sao? ? Qua đó em hiểu tác giả là người như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân tìm từ ngữ . - Hoạt động nhóm (trao đổi, chia sẻ hoàn thành phiếu học tập) GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động . B3: Báo cáo, thảo luận GV: yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận. HD HS trình bày. HS: Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả thảo luận.	- Học hát, nhảy híp-hóp-> học tập trau dồi kiến thức, mở rộng tâm hồn. -“Ăn mù tạt, trêu mù tạt”->NT ẩn dụ chỉ sự đối diện khó khăn, thử thách. - Thỏ non, đáng yêu -> thể hiện thái độ tôn trọng, gần gũi, yêu mến. 3. Phân loại đối tượng bắt nạt: - Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện 6 lần ->Nhằm nhấn mạnh thái độ thẳng thắn phê bình, không đồng tình với hành động bắt nạt. - Đối tượng không nên bắt nạt: người lớn, trẻ con, nước khác, chó, mèo, cái cây -> Thể hiện tư tưởng yêu chuộng hoà bình.

Điều hành các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức, mở rộng kiến thức về đối tượng có thể bị bắt nạt, nhấn mạnh đối tượng “nước khác” và chuyển dẫn vào mục sau.

*** Nhiệm vụ 5**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV phát phiếu học tập

? Tác giả nhấn nhủ gì đến những bạn bị bắt nạt?

Thái độ của tác giả trước hiện tượng bắt nạt thể hiện qua từ ngữ nào?

? Em có đồng ý với thái độ ấy của tác giả không?

Vì sao?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Làm việc cá nhân tìm từ ngữ.

- Hoạt động nhóm (trao đổi, chia sẻ hoàn thành phiếu học tập)

GV:

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV: yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận.

HD HS trình bày.

HS: Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

Điều hành các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập, sản phẩm của HS

- Chốt kiến thức.

4. Khổ 7,8: Lời nhắn nhủ của tác giả

- Thái độ: Bênh vực, sẵn sàng bảo vệ. (cứ đưa bài thơ, đến gặp tở, bắt nạt rất hôi)

- Đồng tình vì bắt nạt là một thói xấu có thể gây ra những tổn thương, nỗi sợ hãi, cho những bạn bị bắt nạt.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

Ân dụ, giọng điệu hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện.

2. Nội dung, ý nghĩa

- Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đứng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học giải quyết tình huống

b) **Nội dung:** HS HĐ nhóm giải quyết tình huống GV giao

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao phiếu học tập cho HS

Tình huống	Em sẽ làm gì ?
1. Nếu em bị bắt nạt	
2. Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt	
3. Nếu em là người bắt nạt người khác	

B2: Thực hiện nhiệm vụ**GV :** Chia lớp thành 6 nhóm , phát phiếu học tập cho các nhóm

HD HS hoàn thiện phiếu

HS : Làm việc cá nhân 2', nhóm 5'

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả phiếu học tập.
thảo luận,**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS, định hướng cách giải quyết hợp lý trong mỗi tình huống.**Tình huống 1:** Nếu em bị bắt nạt: chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình.**Tình huống 2:** Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt: can ngăn kẻ bắt nạt và bên vực nạn nhân bị bắt nạt, tìm sự trợ giúp.**Tình huống 3:** Nếu mình là kẻ bắt nạt: đó hành vi xấu cần từ bỏ, xin lỗi người bị mình ắt nạt.**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (7')****a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, phát triển năng lực viết cho HS.**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.**d) Tổ chức thực hiện****B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (GV giao nhiệm vụ)

? Viết đoạn văn (4- 5 câu) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt.

B2: Thực hiện nhiệm vụ**GV** hướng dẫn HS viết (bắt nạt là gì, có phổ biến trong nhà trường không ?, bắt nạt thường gây ra hậu quả gì, thái độ của em trước hiện tượng bắt nạt...)**HS** hoạt động cá nhân đọc, xác định yêu cầu của bài tập , viết bài.**B3: Báo cáo, thảo luận****HS** đọc bài, nhận xét sửa lỗi.**GV** nghe, chỉnh sửa bài viết cho HS.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Xem lại các kiến thức liên quan đã học.

- Chuẩn bị cho tiết Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em:

+ Nắm mục tiêu của bài

- + Phân tích bài viết tham khảo
- + Thực hành viết bài.

TIẾT 10, 11, 12: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

1. Mục tiêu:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra
- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, phiếu bài tập, sgk, sgv, tài liệu tham khảo
- Một số bài mẫu sưu tầm.

3. Tiến trình bài học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Trong VB Bài học đường đời đầu tiên, Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ:* DM đã chia sẻ lại kỉ niệm vì trò trêu chọc đại dốt của mình đã gây nên cái chết của Dế Choắt.

- *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Ai trong chúng ta cũng đều trải qua những kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời, đó có thể là kỉ niệm vui, buồn, hạnh phúc, đau khổ... Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về kiểu bài kể lại một trải nghiệm, giúp các em biết cách trình bày một bài văn kể.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm

a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm:

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Biết cách kể trải nghiệm của bản thân

b) Nội dung:

- GV chia nhóm lớp
- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập

c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV –HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? ? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhớ lại văn bản “Người bạn nhỏ”. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	- Kể về một trải nghiệm của bản thân. - Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện. - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”). - Cảm xúc của bản thân...

II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo:

a) Mục tiêu:

- Xác định được trải nghiệm của người kể trong bài viết tham khảo
- Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng “tôi”).
- Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).

b) Nội dung:

- HS đọc SGK, bài tham khảo
- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
• NHIỆM VỤ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm làm phiếu bài tập số 1 1. Xác định ngôi kể trong bài văn? 2. Phần nào giới thiệu câu chuyện? 3. Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào? 4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể? GV yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2’ - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời	Bài mẫu SGK: - Kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun). - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm. + Đoạn 2,3,4 tập trung vào các sự việc chính của câu chuyện. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân. - Các sự việc: + Sự việc 1: Ngôi nhà mới của 3 mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột. + Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho 3 mẹ con một con mèo Mun. + Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo Mun. + Sự việc 4: Một buổi chiều, Mun đã bị mất tích.

- Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	
• NHIỆM VỤ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu bài mẫu bổ sung GV hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định ngôi kể trong bài văn? 2. Phần nào giới thiệu câu chuyện? 3. Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào? 4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể? GV yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:	Bài mẫu(bổ sung) - Kể về kỉ niệm cùng gia đình nấu ăn tổ chức sinh nhật - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm. + Đoạn 2,3,4 tập trung vào các sự việc chính của câu chuyện. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân. - Các sự việc: + Sự việc 1: lên kế hoạch cho buổi sinh nhật

- Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	+ Sự việc 2: trang trí nhà cửa, nấu ăn + Sự việc 3: buổi tối sum họp cùng gia đình

III. Thực hành viết theo các bước :

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến										
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời? ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table border="1"> <tr> <td>Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý Mở bài: giới thiệu câu chuyện. - Thân bài: kể diễn biến câu chuyện. + Thời gian + Không gian + Những nhân vật có liên quan + Kể lại các sự việc - Kết bài: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân. 2. Viết bài - Kể theo dàn ý - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng những yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật, ...	Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?		Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?		Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?		Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?		Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?	
Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?											
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?											
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?											
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?											
Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?											

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, dám sát dàn ý đã lập.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Xây dựng một đoạn văn ngắn kể lại trải nghiệm của em.

b) Nội dung:

- HS làm bài cá nhân

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV giao nhiệm vụ: Xây dựng đoạn văn ngắn kể lại trải nghiệm của em. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét đoạn văn đã trình bày của HS	

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Xem lại các kiến thức liên quan đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Chuẩn bị tiết Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em (tt) (Chỉnh sửa bài viết)

Nói và nghe kể lại một trải nghiệm của em

Yêu cầu: Xây dựng dàn ý chi tiết cho bài kể lại một trải nghiệm của em; luyện nói ở nhà theo dàn ý đã xây dựng.

TUẦN 4**NGÀY SOẠN: 23/9/2023****BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN****TIẾT 13: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM****TIẾT 14, 15: NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI 1 TRẢI NGHIỆM CỦA EM****TIẾT 16: BÀI 2 GIỚI THIỆU BÀI HỌC, KHÁM PHÁ TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI”****TIẾT 13: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM****1. Mục tiêu:**

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra
- Phát hiện ưu, nhược điểm của bài viết, chỉnh sửa bài viết.
- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, phiếu bài tập, sgk, sgV, tài liệu tham khảo
- Sưu tầm một số bài mẫu hay của HS.

3. Tiến trình bài học:**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a) Mục tiêu:**

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về tiết Đánh giá và sửa bài.
- Sản phẩm: Bài làm của HS và phần giới thiệu của GV
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ: GV dẫn dắt yêu cầu của tiết học. Theo em tiết đánh giá và chữa bài có vai trò gì với chúng ta? Thực hiện nhiệm vụ: HS nêu vai trò của tiết học. Báo cáo, thảo luận: HS trả lời Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận. GV dẫn dắt bài mới.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết), trả bài cho HS.
- Nội dung: chất lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 *Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn chia sẻ một trải nghiệm. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:HS <i>xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng ở Phiếu học tập số 1) Nhiệm vụ 2 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát bài, yêu cầu HS xem lại bài kiểm tra, phát hiện những ưu và nhược điểm của bài làm. - Thực hiện nhiệm vụ: Hs xem bài viết tìm ưu, nhược điểm của bài. - Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. - Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	I. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. * Kiểm tra, điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). II. Trả bài

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn mở hoặc kết hoặc 1 ý thân bài.
- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS xây dựng đoạn văn kể lại một việc làm của bản thân của em cùng người thân.

b) Nội dung:

- HS làm bài.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xây dựng đoạn văn kể lại một việc làm của bản thân của em cùng người thân. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Bài viết của HS

Phiếu học tập

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN	
Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?	
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?	
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?	
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?	

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm hệ thống kiến thức về cách viết bài văn kể lại 1 trải nghiệm đáng nhớ của em.
- Đọc và chuẩn bị cho tiết Nói và nghe: Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của em.
- + Chuẩn bị dàn ý cho bài nói
- + Tập nói ở nhà.

TIẾT 14, 15: NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

1. Mục tiêu:

- Ngôi kể và người kể chuyện
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân
- Có kĩ năng trình bày trước nhóm, trước lớp.
- Nói rõ ràng, mạch lạc trải nghiệm của bản thân.
- Tự tin khi nói trước nhiều người.
- Hiểu được câu chuyện kể của bạn; nắm bắt được những thông tin, sự kiện quan trọng trong các câu chuyện kể của các bạn.
- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

2. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, phiếu bài tập, sgk, sgv, tài liệu tham khảo

3. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Nhân vật trong đoạn video kể về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. TRƯỚC KHI NÓI

a) Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b) Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV –HS	Sản phẩm dự kiến
I. TRƯỚC KHI NÓI	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Em sẽ nói về nội dung gì? B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV)	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. 2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.

2. Trình bày nói

a) Mục tiêu:

- Luyện kĩ năng nói cho HS
- Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

b) Nội dung: GV yêu cầu :

- HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.

c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

3. TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

c) **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

b) **Nội dung:**

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một kỉ niệm của bản thân và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, hãy gạch chân câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nêu tác dụng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)...

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- củng cố kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b) Nội dung:

- GV ra bài tập
- HS làm bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Xem lại các kiến thức liên quan đã học.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 2 - Gõ cửa trái tim:
- + Yêu cầu: Tìm hiểu về đặc điểm của thể loại thơ
- + Tìm hiểu nội dung phân tri thức ngữ văn
- + Văn bản “ Chuyện cổ tích về loài người”

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
NHÓM :			
Tiêu chí			
	<i>Chưa đạt</i>	<i>Đạt</i>	<i>Tốt</i>
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

*** Hướng dẫn tự học:**

- Luyện tập kỹ năng luyện nói.
- Đọc và chuẩn bị bài 2. (Tìm hiểu thể loại, ngôn ngữ hình ảnh, ...trong thơ)

BÀI 2: GỖ CỬA TRÁI TIM

TIẾT 16: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI”

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. Nhận biết và cảm nhận được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua VB.
- Nhận biết được được ẩn dụ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.
- Bước đầu biết viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự; trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo
- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.
- Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.
- Phiếu học tập:

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC.

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và nêu thể loại của văn bản chính.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi gợi về chủ đề tình cảm gia đình: GV mở đĩa hát: Nghe bài hát Ba ngọn nến lung linh của nhạc sĩ Ngọc Lễ Cảm xúc của em khi nghe bài hát ấy? Em nhận thấy, tình cảm gia đình có vai trò như thế nào với mỗi con người. * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. HS bày tỏ:	

- Cảm xúc của mình khi nghe ca khúc Ba ngọn nến như: cảm thấy ấm áp, hạnh phúc hoặc có thể buồn, nhớ mẹ.....

- Bước đầu nhận thấy: gia đình có vai trò quan trọng, nơi cho con người niềm vui sướng, hạnh phúc, nơi con người được yêu thương, che chở....

*** Bước 3: Nhận xét.**

*** Bước 4: Cùng trải nghiệm, logic vấn đề với bài học mới:**

GV dẫn dắt vào chủ đề.

NV: Giới thiệu bài học

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho HS đọc phần giới thiệu bài học

- Hướng dẫn trao đổi, theo hình thức cặp đôi chia sẻ. Yêu cầu đại diện cặp đôi trình bày cách hiểu về phần giới thiệu bài học:

Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là những nội dung gì?

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn giới thiệu chủ đề, thể loại thơ.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày.

*** Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

NV: Khám phá tri thức ngữ văn

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trước lớp.

Hướng dẫn HS suy nghĩ tìm ra một số đặc điểm cơ bản của thơ:

- Hãy kể tên một số bài thơ đã học và chia sẻ kinh nghiệm của mình khi học các tác phẩm thơ?

- Khi đọc một bài thơ, điều gì làm em tâm đắc nhất.

- Căn cứ vào đâu để xác định được thể của một bài?

Ngôn ngữ của thơ có đặc điểm gì?

- Tác giả viết thơ nhằm mục đích gì?

- Trong thơ có yếu tố tự sự và miêu tả không, tác dụng của những yếu tố đó?

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn giới thiệu thể loại thơ (thể thơ, ngôn ngữ thơ, nội dung của thơ, yếu tố miêu tả tự sự trong thơ, biện pháp tu từ trong thơ.

* Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gợi ý HS để nhận biết được các yếu tố cơ bản của bài thơ và trình bày * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV: Giới thiệu bài học *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS đọc phần giới thiệu bài học - Hướng dẫn trao đổi, theo hình thức cặp đôi chia sẻ. Yêu cầu đại diện cặp đôi trình bày cách hiểu về phần giới thiệu bài học: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là những nội dung gì? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn giới thiệu chủ đề, thể loại thơ. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận. NV: Khám phá tri thức ngữ văn *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trước lớp. Hướng dẫn HS suy nghĩ tìm ra một số đặc điểm cơ bản của thơ: - Hãy kể tên một số bài thơ đã học và chia sẻ kinh nghiệm của mình khi học các tác phẩm thơ? - Khi đọc một bài thơ, điều gì làm em tâm đắc nhất. - Căn cứ vào đâu để xác định được thể của một bài? Ngôn ngữ của thơ có đặc điểm gì? - Tác giả viết thơ nhằm mục đích gì? - Trong thơ có yếu tố tự sự và miêu tả không, tác dụng của những yếu tố đó? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn giới thiệu thể loại thơ (thể thơ, ngôn ngữ thơ, nội dung của thơ, yếu tố miêu tả tự sự trong thơ, biện pháp tu từ trong thơ. * Bước 3. Báo cáo, thảo luận	1. Giới thiệu bài học - Nội dung 1: Giới thiệu chủ đề bài học. Các văn bản được học đều xoay quanh tình cảm gia đình - Nội dung 2: Giới thiệu thể loại chính của các văn bản đọc hiểu là thơ. Các VB hướng tới nhận diện đặc trưng của thể loại thơ 2. Tri thức ngữ văn - Thơ: là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, với những tâm trạng dạt dào, với những tưởng tượng mạnh mẽ, ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu - Một số đặc điểm của thơ: + Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định, với những đặc điểm riêng về số tiếng mỗi dòng, số dòng mỗi câu. + Ngôn ngữ thơ cô đọng hàm súc, giàu nhạc điệu giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...) + Nội dung chủ yếu của thơ là thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống.

GV gợi ý HS để nhận biết được các yếu tố cơ bản của bài thơ và trình bày * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Thơ có yếu tố miêu tả, tự sự nhưng những yếu tố đó chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

II. ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI”

1. Mục tiêu:

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của VB chuyện cổ tích về loài người.
- Thấy được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ: thể thơ 5 chữ ngắn gọn, cô đọng súc tích, dễ hiểu.
- Nhận diện đặc trưng cơ bản của thơ: Ngôn ngữ thơ, nội dung chủ yếu trong thơ và tự sự trong thơ. Bài thơ mang màu sắc cổ tích suy nguyên.
- Hình thành phẩm chất tốt đẹp ở học sinh: Trân trọng lịch sử của loài người. Yêu cuộc sống hiện tại, yêu thương nhau và biết yêu thương cây cỏ, con vật. Yêu thiên nhiên và môi trường, có ý thức bảo vệ trẻ em, bảo vệ thiên nhiên và môi trường.

2. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: *Tạo tâm thế, kích thích sự tìm tòi khám phá của HS về tác giả, văn bản.*
2. Nội dung: *GV đặt cho hs những câu hỏi gợi mở vấn đề.*
3. Sản phẩm hoạt động: *Trình bày miệng theo nhận thức của học sinh.*
4. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: ? Nêu tên một câu chuyện kể về nguồn gốc loài người mà em biết. Trong truyện, sự ra đời của loài người có gì kì lạ. (lạc long Quân và Âu Cơ). ? Đọc một bài thơ về tình cảm gia đình mà em biết. Bước 2: Hs nêu tên văn bản, chỉ ra sự kì lạ về nguồn gốc loài người. Bước 3: Trình bày Bước 4: Nhận xét, bổ sung, kết luận - Từ đó GV dẫn dắt HS vào bài mới. Chốt: Trên thế giới và nước ta có nhiều nhà thơ nổi tiếng gắn bó cả cuộc đời của mình viết cho đề tài trẻ em, một trong những đề tài khó khăn và	

thứ vị bậc nhất. Xuân Quỳnh là một trong những tác giả như thế.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Giới thiệu chung:

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, đọc văn bản. Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp hiểu biết cá nhân kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu chung	
<u>- Chuyển giao nhiệm vụ</u> (1) Đọc và giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> ? (2) Các nhân vật sự việc được kể trong bài thơ? (3) Nhân vật chính trong VB là ai? (4) Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không? (5) GV yêu cầu HS xác định bố cục của VB? - GV cho HS 2 phút chuẩn bị - Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút. Hs trình bày hiểu biết về tác giả, tác phẩm. + GV tổ chức hoạt động cá nhân kết hợp với hình thức hoạt động cặp đôi. Trước hết, HS làm việc cá nhân, đọc đoạn văn và giới thiệu hai câu về tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ theo ý hiểu và cách diễn đạt của cá nhân. Sau đó, HS làm việc cặp đôi, đọc câu trả lời, nhận xét và sửa lỗi cho nhau (lỗi diễn đạt, lỗi nội dung). <u>- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</u> - Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút HS trả lời nhanh . <u>- Báo cáo kết quả hoạt động</u> - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <u>- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</u> - GV nhận xét, bổ sung: - GV khuyến khích những cách diễn đạt khác nhau của HS. GV bổ sung:	1. Tác giả - Nguyễn Thị Xuân Quỳnh(1942 – 1988), quê Hà Nội. - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi tràn đầy tình yêu thương, trìu mến, giản dị, phù hợp với trẻ em. 2. Tác phẩm - Xuất xứ :<i>Chuyện cổ tích về loài người</i> , tập thơ <i>Lời ru trên mặt đất</i> (1978) - Thể thơ : 5 chữ - Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo.... - Nhân vật chính: trẻ em - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời; + Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời <i>Khổ 2:</i> Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra; <i>Khổ 3:</i> Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru <i>Khổ 4:</i> Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ

- GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB. - Chú thích từ (tích hợp quan sát tranh, nghe hát ru) +Thiên nhiên:khái niệm rộng chỉ toàn bộ thực vật và động vật, đất đai,sông ngòi có sẵn trong tự nhiên(chim,sông, biển,đám mây,con đường). +Lời ru: Những câu hát ru của mẹ, bà ru các em bé ngủ. - Trong quá trình đọc, các HS khác hình dung và theo dõi theo hệ thống câu hỏi SGK	<i>Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới</i> <i>Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp , thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức.</i>

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS nắm được chủ đề văn bản: *Chuyện cổ tích về loài người.*

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

- Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân, kiến thức thực tế để khám phá văn bản

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS,kết quả phiếu thảo luận nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: <u>- Chuyện giao nhiệm vụ</u> - GV tổ chức HĐ nhóm 4: 5’ - Nêu yêu cầu, hướng dẫn các nhóm. (1). Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra? (2) Trong tưởng tượng của nhà thơ, thế giới đã biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời? Gợi ý: Kể tên những câu chuyện có sự thay đổi từ bóng tối sang ánh sáng khi có sự xuất hiện của trẻ em. (3) Vì trẻ em mà thế giới thay đổi, vậy trẻ em có ý nghĩa gì? <u>- HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</u> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời - Trời được sinh ra đầu tiên, lúc này thế giới chưa có gì, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc, tất cả là màu đen. 2. Thế giới sau khi trẻ con ra đời. <u>a.Sự biến đổi:</u> + Thiên nhiên: Mặt trời bắt đầu nhô cao - ánh sáng xuất hiện - bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài: ▪ Màu sắc: màu xanh của cỏ cây, màu đỏ của hoa ▪ Loài vật: chim hót ▪ Sự vật: gió, sông, biển, đám mây, con đường => Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.

- <u>Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</u> - GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân biệt được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa trong tác phẩm thơ văn.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (Câu hỏi) HS thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<u>Chuyển giao nhiệm vụ</u> HS hoạt động nhóm cặp đôi, 5' <i>BT1. Câu chuyện về nguồn gốc của loài người qua lời thơ của tác giả Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện nguồn gốc loài người mà em biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào?</i>	IV. Luyện tập Bài tập 1. - Giống: + Điều giải thích nguồn gốc của loài người + Có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo - Điểm khác biệt: + Không phải người lớn được sinh ra trước mà là trẻ con và chính là trung tâm của vũ trụ cần được nâng niu, hướng dẫn; vạn vật trên trái đất được sinh ra là vì trẻ em; những người thân như ông bà, bố mẹ được sinh ra là để che chở, yêu thương, nuôi dạy trẻ em khôn lớn thành người. - Thông điệp nhà thơ: + Tới trẻ em: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình bởi họ đã dành cho các em những tình cảm tốt đẹp nhất. + Tới các bậc làm cha mẹ: Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất bởi các em chính là tương lai của gia đình, đất nước.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng viết đoạn văn.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ

(1)Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về hai câu thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

HS vận dụng kiến thức đã học và sự cảm thụ của bản thân viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một đoạn thơ yêu thích trong bài thơ

- Học sinh viết được đoạn văn , nói lên được suy nghĩ của các em về hình ảnh người mẹ nói chung.

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

- Nghe và làm bt

- GV hướng dẫn HS về nhà làm.

* **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Chuẩn bị các nội dung còn lại của bài thơ “ Chuyện cổ tích về loài người”: Sự xuất hiện của mẹ, bà, bố, ...
- Sưu tầm các hình ảnh về trẻ em được yêu thương, bảo vệ.

TUẦN 5:

NGÀY SOẠN: 30/9/2023

TIẾT 17, 18: ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI”

TIẾT 19: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 20: MÂY VÀ SÓNG

TIẾT 17, 18: ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI” (XUÂN QUỲNH)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.
- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Tì vi, bảng phụ, kế hoạch bài dạy, sgk, sgv, tài liệu tham khảo.
- Phiếu bài tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Nội dung:** HS kể tên một số truyện kể về nguồn gốc loài người, đọc một đoạn thơ viết về tình cảm gia đình từ đó dẫn vào chủ đề bài học
- Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV chuyển giao nhiệm vụ:

(1) Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ?

(2) Đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ viết về tình cảm gia đình mà em biết?

- **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời

- **Hs báo cáo, chia sẻ:** HS chia sẻ theo hình thức cá nhân. Nêu tên truyện kể về nguồn gốc và nói về sự ra đời kỳ lạ của loài người trong truyện kể đó. Hs đọc một số bài thơ mà em biết

- **Nhận xét, đánh giá:** GV mời một HS nhận xét, bổ sung, GV nhận xét

- Sản phẩm dự kiến:

(GV có thể gợi ý một số truyện như chuyện về Lạc Long Quân – Âu Cơ, Bàn Cổ khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người, truyện trong Kinh Thánh – Jehova sáng tạo ra con người, v.v...)

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta ai cũng được cha mẹ sinh ra. Cha mẹ chúng ta cũng vậy, đều được ông bà của ta sinh ra. Đến lượt ông bà và bậc tổ tiên của ta cũng đều như vậy. Con người từ đời này sang đời khác tạo thành những dòng chảy, truyền thống. Vì thế, khi sống hôm nay, ta phải biết được về nguồn cội của bản thân mình. Mình là ai, mình từ đâu đến, mình được sinh ra từ đâu, v.v... Lý giải những câu hỏi đó bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*. Hôm nay thầy/cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về nguồn gốc của loài người qua văn bản thơ này.

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung:

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, đọc văn bản. Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp hiểu biết cá nhân kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu chung:	
Nhiệm vụ 1: - Chuyển giao nhiệm vụ (1) Đọc, hướng dẫn hs đọc bài thơ với giọng điệu thủ thỉ, tâm tình. GV đọc mẫu và mời HS đọc tiếp theo. Trong quá trình đọc, các HS khác hình dung và theo dõi theo hệ thống câu hỏi SGK - Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - Báo cáo kết quả hoạt động: HS đọc nối tiếp.	1. Đọc: 2. Tác giả, tác phẩm: a. Tác giả:

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đánh giá, nhận xét phần đọc của HS.

Nhiệm vụ 2:

- Giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* ?

(2) Các nhân vật sự việc được kể trong bài thơ?

(3) Nhân vật chính trong văn bản là ai?

(4) Phương thức biểu đạt của văn bản là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?

(5) GV yêu cầu HS xác định bố cục của văn bản?

- GV cho HS 2 phút chuẩn bị

- Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút. HS trình bày hiểu biết về tác giả, tác phẩm.

+ GV tổ chức hoạt động cá nhân kết hợp với hình thức hoạt động cặp đôi. Trước hết, HS làm việc cá nhân, đọc đoạn văn và giới thiệu hai câu về tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ theo ý hiểu và cách diễn đạt của cá nhân. Sau đó, HS làm việc cặp đôi, đọc câu trả lời, nhận xét và sửa lỗi cho nhau (lỗi diễn đạt, lỗi nội dung).

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút HS trả lời nhanh .

- Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung:

- GV khuyến khích những cách diễn đạt khác nhau của HS.

GV bổ sung:

- *Xuân Quỳnh có thơ đăng báo năm 19 tuổi, trở thành nhà thơ chuyên nghiệp sau khi qua lớp bồi dưỡng những người viết văn trẻ khóa đầu tiên của hội nhà văn Việt Nam (1962-1964).*

- *Xuân Quỳnh được xem là nhà thơ nữ hàng đầu, cuối thế kỉ 20.*

- *Chủ đề XQ viết: kỉ niệm tuổi thơ, tình yêu gia đình.*

-> *Thơ bà là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.*

- Trong quá trình đọc, các HS khác hình dung và theo

- Nguyễn Thị Xuân Quỳnh(1942 – 1988), quê Hà Nội.

- Truyện và thơ viết cho thiếu nhi tràn đầy tình yêu thương, trù mên, giản dị, phù hợp với trẻ em.

b. Tác phẩm

- Xuất xứ :*Chuyện cổ tích về loài người* , tập thơ *Lời ru trên mặt đất* (1978)

- Thể thơ: 5 chữ

- Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo....

- Nhân vật chính: trẻ em

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời;

+ Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời
Khổ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra;

Khổ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru

Khổ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ

Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới

Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp , thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức.

Hoạt động 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS nắm được chủ đề văn bản: *Chuyện cổ tích về loài người*.

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

- Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân, kiến thức thực tế để khám phá văn bản

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS, kết quả phiếu thảo luận nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: - Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức HĐ nhóm 4: 5' - Nêu yêu cầu, hướng dẫn các nhóm. (1). Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra? (2) Trong tưởng tượng của nhà thơ, thế giới đã biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời? Gợi ý: Kể tên những câu chuyện có sự thay đổi từ bóng tối sang ánh sáng khi có sự xuất hiện của trẻ em. (3) Vì trẻ em mà thế giới thay đổi, vậy trẻ em có ý nghĩa gì? - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận: HS trình bày sản phẩm thảo luận; - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức. * Nhiệm vụ 2: - Chuyển giao nhiệm vụ: - Sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép - HS thảo luận nhóm 4 HS, trong 7', hoàn thành phiếu học tập số 1,2 (4) Trong VB, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ? (5) Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì? (6) Điều bố dành cho trẻ có gì khác so với điều bà và mẹ dành cho trẻ?	1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời - Trời được sinh ra đầu tiên, lúc này thế giới chưa có gì, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc, tất cả là màu đen. 2. Thế giới sau khi trẻ con ra đời. a. Sự biến đổi: => Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn. b. Vai trò của sự xuất hiện các thành viên trong gia đình đối với trẻ em (Sự ra đời của gia đình) => <i>Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung,... Đó chính là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.</i> - Những câu chuyện bà kể cho trẻ : => <i>Những câu chuyện cổ tích đó mang đến cho trẻ thơ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiền gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.</i> - Bố đại diện cho lí trí, bố cho sự hiểu biết...Bố vừa nghiêm khắc lại vừa yêu thương.

(7) Mỗi thành viên trong gia đình cho trẻ những điều khác nhau. Từ đây, em rút ra được điều gì?

(8) Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?

- HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ
- HS trao đổi thảo luận,
- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- HS thảo luận và đại diện trả lời từng câu hỏi
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.

* **Nhiệm vụ 3:**

- Chuyển giao nhiệm vụ:
- HS chia sẻ trong nhóm quan điểm cá nhân với những lí giải cụ thể ; từ đó lựa chọn và tổng hợp thành ý kiến của nhóm.

(9) Em hãy nêu những căn cứ để xác định Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ:

* Gợi ý:

- Về nghệ thuật
- + Phương thức biểu đạt:
- + Số lượng tiếng trong một dòng:
- + Vần, Nhịp, Biện pháp tu từ
- Nội dung:

(10) Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.

- HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ
- HS trao đổi thảo luận cặp đôi
- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- HS thảo luận và đại diện trả lời từng câu hỏi
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.

=> Tất cả luôn yêu thương, quan tâm đến trẻ... Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.

c. Hình ảnh trường lớp và thầy giáo: (sự ra đời của xã hội)

=> Những hình ảnh thân thương, bình dị nhưng đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp, v.v... giúp trẻ trưởng thành.

3. Căn cứ để xác định đây là một bài thơ:

- Nghệ thuật:
 - + Thể loại: thơ 5 tiếng; gieo vần, ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3.
 - + Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức biểu cảm kết hợp tự sự;
 - Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo.
 - + Biện pháp tu từ: Điệp cấu trúc (Màu xanh bắt đầu bằng...; Tiếng hát... song... biển...; Từ chuyện... bố bảo...; rồi có...) , liệt kê: (Trường từ vựng về thiên nhiên, trường từ vựng về những bài hát ru, câu chuyện cổ tích, về trường, lớp)
 - Về nội dung: tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ.

III. Tổng kết

1. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ 5 chữ, thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo.
- Âm điệu nhịp nhàng như thủ thỉ, tâm tình, gần gũi với trẻ em:
- + Biện pháp tu từ: Điệp cấu trúc, liệt kê:

2. Nội dung

Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân biệt được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa trong tác phẩm thơ văn.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (Câu hỏi) HS thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ

HS hoạt động nhóm cặp đôi, 5'
BT 2. Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người gợi cho em suy nghĩ gì? Tại sao một bài thơ lại có nhan đề là chuyện cổ tích? Điều này có gì mâu thuẫn hay đặc biệt không?

- HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ.

- HS trao đổi thảo luận cặp đôi

- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- HS thảo luận và đại diện trả lời từng câu hỏi

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.

IV. Luyện tập

Bài tập 2. Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng viết đoạn văn.

c. Sản phẩm học tập: bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ**

(1)Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

(2) Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ qua VB của Xuân Quỳnh.

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

HS vận dụng kiến thức đã học và sự cảm thụ của bản thân viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một đoạn thơ yêu thích trong bài thơ

-Học sinh viết được đoạn văn , nói lên được suy nghĩ của các em về hình ảnh người mẹ nói chung.

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

- Nghe và làm bài tập

- GV hướng dẫn HS về nhà làm.

GV gợi ý:

- **Bước 1:** Lựa chọn một trong các đoạn thơ.

- **Bước 2:** Sau khi tìm đoạn thơ yêu thích; xác định nội dung chính, những yếu tố nghệ thuật nổi bật và cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.

- **Bước 3:** Tiến hành viết đoạn văn:

+ Câu mở đầu cần giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung của em về đoạn thơ.

+ Các câu tiếp theo thể hiện cảm xúc đối với các khía cạnh nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.

+ Câu kết đoạn: Nêu cảm nghĩ chung về đoạn thơ

Chuẩn bị bài theo bảng KWLH

H: Hãy điền những điều em đã biết và muốn biết vào cột K và W

K	W	L	H
Điều em đã biết về so sánh, nhân hóa, điệp ngữ	Điều em muốn biết về so sánh, nhân hóa, điệp ngữ	Điều em đã học được so sánh, nhân hóa, điệp ngữ	Em sẽ tiếp tục tìm hiểu về so sánh, nhân hóa, điệp ngữ bằng cách:

CÁC PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1:

Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào?			
Sự ra đời của gia đình	Mẹ		
	Bà		
	Bố		-

Phiếu học tập số 2:

Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?			
Sự ra đời của xã hội			

TIẾT 19: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ;
- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.
- Nhận diện và phân tích các phép tu từ từ vựng so sánh, nhân hóa, điệp ngữ. Vận dụng được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ trong đọc, hiểu văn bản và trong tạo lập văn bản.
- Viết được đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ đã học.
- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động, tự giác trong học tập.
- Trách nhiệm: Biết hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ với bạn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, sgk, sgv, tài liệu tham khảo.
- Phiếu bài tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, phân biệt được ngôn ngữ thơ và đời thường, trình bày được hiểu biết về biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (câu hỏi; bảng KWLH)

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị bảng KWLH; câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

HS trình bày kết quả đã chuẩn bị bảng KWLH- HSNX- GV đánh giá công tác chuẩn bị bài của HS

GV dẫn dắt vào bài học mới: Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chất lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC .

a. Mục tiêu: Nhận diện được khái niệm và tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ (Câu hỏi)

HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
I. Khái niệm	
Nhiệm vụ 1: GV củng cố kiến thức đã học. Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: <i>Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm: + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng. + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm.	1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. Nhân hóa - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho

+ Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người. + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa. Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: <i>Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt? GV có thể đưa ra gợi ý: Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?</i> + VD1: <i>Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.</i> (Hồ Chí Minh) + VD2: <i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i> (Trích Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm) + VD3: <i>Nhớ sao lớp học i tờ Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan Nhớ sao ngày tháng cơ quan Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều Chày đêm nện cối đều đều suối xa</i> (Trích Việt Bắc – Tố Hữu) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ: + Từ ngữ trong các ví dụ có sự lặp đi lặp lại. Có khi lặp lại toàn bộ, nối tiếp; có khi lặp mang tính chuyển tiếp, có khi lặp cách quãng. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận;	những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt. 3. Điệp ngữ: - <i>Điệp ngữ</i> là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. - Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. - GV chuẩn kiến thức.	

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhận biết và nêu được tác dụng của BPTT qua bài tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (Bài tập); HS sử dụng SGK, kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả làm bài tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK trang 44; - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB <i>Chuyện cổ tích về loài người</i>; hoàn thành bài tập - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4, hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44; - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ <i>Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng</i>; - GV yêu cầu HS tự làm bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	II. Luyện tập Bài tập 3 SGK trang 44 - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh: + <i>Cây cao bằng gang tay, Lá cỏ bằng sợi tóc, Cái hoa bằng cái cúc, Tiếng hót trong bằng nước, Tiếng hót cao bằng mây.</i> <i>Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót</i> (về A) được so sánh với <i>gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây</i> (về B). - Tác dụng: Hình ảnh thiên nhiên (về A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gần với thế giới con người (về B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim. Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ. Bài tập 4 SGK trang 44 - Biện pháp tu từ: <i>nhân hóa</i>; - Tác dụng: + <i>Thơ ngây</i> – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió - Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ. Bài tập 5 SGK trang 44 - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng Nhiệm vụ 3: Bài tập 1, 2 SGK trang 43 – 44; Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44 ; - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận ; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	+ “rất” + “Từ cái...”, “Từ...” - Tác dụng: + “rất” → Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ; + “Từ cái...”, “Từ...” => liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc. Bài tập 1 SGK trang 43 – 44: a. Nghĩa của từ <i>nhô</i> - <i>nhô</i> (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh - Mặt trời <i>nhô</i> cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối. b. Không thể thay thế từ <i>nhô</i> bằng từ <i>lên</i> vì <i>lên</i> chỉ là một nét nghĩa có trong từ <i>nhô</i>. <i>Nhô</i> có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tình nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ. Bài tập 2 SGK trang 44 - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bé bỏng, mệnh mệnh, ... - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu, ...

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học

b. Nội dung: Học sinh vận dụng kiến thức viết đoạn văn đảm bảo hình thức, nội dung.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

1. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.

2. Sưu tầm 5 ví dụ có sử dụng các biện pháp tu từ đã học trong các văn bản hoặc trên sách báo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà thực hiện

Phiếu học tập

Biện pháp tu từ	Khái niệm	Ví dụ minh họa

<i>So sánh</i>		
<i>Nhân hóa</i>		
<i>Diệp ngữ</i>		

TIẾT 20: MÂY VÀ SÓNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Hiểu được những nét độc đáo một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Hiểu được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về cuộc đời thoải mái của em với những người sống trên “mây và sóng”.
- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.
- Nét chính về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của bài thơ.
- Nhân ái: Yêu gia đình, hiểu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.
- Trung thực: Thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ tình cảm của mình. Tôn trọng lẽ phải. Biết nhận khuyết điểm của bản thân để khắc phục.
- Trách nhiệm: Xây dựng vun đắp những tình cảm đẹp, bảo vệ yêu thương gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Tài liệu, kế hoạch bài dạy, sgk, sgv, tài liệu tham khảo.
- Phiếu học tập.

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

1. Chúng ta ai cũng đều được bố mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc, bảo ban. Chúng ta ai cũng muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, nghe lời bố mẹ và thầy cô. Vậy em có tự thấy mình là một người con ngoan không? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?

2. GV tổ chức học sinh chơi trò chơi “Quả bóng kì diệu”, học sinh lựa chọn, nghe nhạc và tìm chủ đề của bài hát.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;

GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới : Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điều ta cho là hấp dẫn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, chờ đợi, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ *Mây và sóng* của Tago đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go và tác phẩm “Mây và sóng”.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.
- HS đọc, quan sát SGK, tranh ảnh và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Tìm hiểu chung	
* NV 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ với giọng đọc nhịp nhàng, mạch lạc, nhưng vẫn thể hiện tình cảm. GV đọc mẫu và gọi HS đọc nối tiếp. Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận và hoạt động cá nhân Báo cáo kết quả hoạt động: HS đọc nối tiếp. Đánh giá kết quả thực hiện: Nhận xét, bổ sung. * NV 2: - Chuyển giao nhiệm vụ: Giới thiệu về tác giả và xuất xứ tác phẩm; - HS thực hiện nhiệm vụ: HS HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức * NV 2 Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS xác định bố cục và thể loại của VB: Thực hiện nhiệm vụ HS: Đọc văn bản, Làm việc cá nhân 3 phút GV: Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày , Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS. Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục tìm hiểu chi tiết.	1. Tìm hiểu chung 1. Tác giả, tác phẩm: a. Tác giả: - Ra-bin-đơ-ra-nat Ta-go(1861 – 1941); Quê quán: Ấn Độ b. Tác phẩm - Xuất xứ: <i>Mây và sóng</i> được in trong tập <i>Trăng non</i>. - Thể thơ văn xuôi (thơ tự do) - PTBD: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả; - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu... <i>và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm</i>: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”; + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”.

2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những nét độc đáo một bài thơ văn xuôi

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Hiểu được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thi chân tình của em bé với mẹ về cuộc đời thoải mái tưởng tượng của em với những người sống trên “mây và sóng”.
- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả. Nét chính về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của bài thơ.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ (Câu hỏi, phiếu bài tập). GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
* NV1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn? - Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Đọc thầm văn bản - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3 phút + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.	2.1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng” → Hình ảnh thiên nhiên rực rỡ sắc màu, lung linh, kì ảo, vui vẻ, hạnh phúc: Lời mời gọi của một thế giới kì diệu, hấp dẫn với cách đến đơn giản. → Thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn bao điều thú vị, thật khó có thể từ chối.
NV2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ? + Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?	2.2. Lời từ chối của em bé => Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ. => Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	=> Được ở bên mẹ là niềm hạnh phúc không gì sánh được.
* NV3: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Phát phiếu học tập số 1 - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ Câu 1: Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi nào? Có gì đặc biệt ? Câu 2: Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy? Câu 3: Nêu suy nghĩ của em về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 3' (đọc SGK, tìm chi tiết) - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau	2.3. Trò chơi của em bé => Tình cảm mẹ con sâu sắc: <i>a. Tình cảm em bé dành cho mẹ</i> - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ; quẩn quýt bên mẹ <i>b. Tình cảm mẹ dành cho em bé</i> - Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào => Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông. => Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.
NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB. Nêu ý nghĩa của VB? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	3. Tổng kết 3.1. Nghệ thuật - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	- Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển; - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. 3.2. Nội dung: Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. 3.3. Ý nghĩa Bài thơ ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện tưởng tượng
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): *Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.*

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức của bài thơ để giải quyết tình huống.

b. Nội dung: GV nêu tình huống, HS trao đổi, giải quyết tình huống.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

- *GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?

Tình huống 3: Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và định hướng xử lý tình huống HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và xử lý tình huống

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày quan điểm cá nhân. HS khác nhận xét, bổ sung

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Học thuộc bài thơ, nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật
- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt
- + Tìm hiểu biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp ngữ
- + Đại từ xưng hô

Nội dung	Khái niệm/tác dụng	Ví dụ minh họa
Ẩn dụ		
Tác dụng của dấu câu		
Dấu ngoặc kép		
Đại từ		

Phiếu học tập số 2.

Câu hỏi	Nội dung
Câu 1: Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi nào? Có gì đặc biệt ?	
Câu 2: Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?	
Câu 3: Nêu suy nghĩ của em về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?	

TUẦN 6

NGÀY SOẠN: 7/10/2023, LỚP 6/1, 6/5

BÀI 2: GỖ CỬA TRÁI TIM

TIẾT 21: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 22, 23: ĐỌC VĂN BẢN “BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI”

TIẾT 24: VIẾT BÀI VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ.

TIẾT 21: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các trường hợp cụ thể;
- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.
- Có kĩ năng trình bày trước nhóm, trước lớp.
- Nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- + Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.
- Yêu nước: Giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt
- Chăm chỉ: Hs ôn tập lại kiến thức về từ loại đã học ở lớp dưới (đọc kĩ bài học, lấy vd)
- Trách nhiệm: Có ý thức vận dụng các biện pháp tu từ và dấu câu, đại từ vào trong nói (viết).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Kế hoạch bài dạy
 - Phiếu bài tập, máy chiếu
 - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ: 1. GV tổ chức trò chơi giải ô chữ, tìm từ khóa, HS tham gia trò chơi. Bộ câu hỏi: Câu 1: Tác giả của bài thơ <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là ai? Câu 2: Rabindranath Tagore là nhà thơ của nước nào? Câu 3: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau: <i>Trời sinh ra trước nhất</i> <i>Chỉ toàn là trẻ con</i> <i>Trên trái đất trụi trần</i> <i>Không [...] ngọn cỏ</i> Câu 4: Bài thơ <i>Mây và sóng</i> của Tagore ngợi ca tình cảm đẹp đẽ nào của con người? Thực hiện nhiệm vụ: GV lần lượt mở các gói câu hỏi HS làm việc độc lập, suy nghĩ tìm câu trả lời Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả GV đánh giá, kết nối bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học. Ở tiết học trước, các em đã làm quen với biện pháp so sánh. Trong tiếng Việt, có một biện pháp tu từ khác rất gần với biện pháp tu từ so sánh, đó là biện pháp ẩn dụ. Nếu không đề ý kỹ, chúng ta rất dễ nhầm lẫn hai biện pháp tu từ này. Vậy ẩn dụ là gì, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.	Câu trả lời cho các câu hỏi của HS: Câu 1: Xuân Quỳnh Câu 2: Ấn Độ Câu 3: Dáng cây Câu 4: Tình mẫu tử Từ khóa: ẨN DỤ

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** Hiểu được các khái niệm và tác dụng của BPTT ẩn dụ.
- b. Nội dung:** Giáo viên sử dụng kỹ thuật giao câu hỏi, khăn trải bàn phiếu bài tập; HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức, hợp tác để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Lý thuyết	
Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phát phiếu học tập số 1 và yêu cầu: Đọc những dòng thơ sau và chú ý các từ được in đậm: + <i>Cha lại dắt con đi trên cát mịn</i> <i>Ánh nắng cháy đầy vai.</i> (Hoàng Trung Thông, <i>Những cánh bướm</i>) + <i>Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng</i> <i>Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.</i> (Viễn Phương, <i>Viếng lăng Bác</i>) ?Em hãy cho biết các từ in đậm trên có gì đặc biệt? ? Từ <i>cháy</i> vốn là từ chỉ trạng thái vận động của sự vật nào, ở đây được dùng để chỉ sự vận động của sự vật nào? ? Từ <i>mặt trời</i> trong câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai không chỉ cùng một đối tượng, theo em, từ <i>mặt trời</i> trong câu nào không chỉ mặt trời thực – ngôi sao trung tâm của Hệ Mặt Trời? Vậy từ <i>mặt trời</i> ấy chỉ đối tượng nào? Thực hiện nhiệm vụ : - HS tiếp nhận , trao đổi thảo luận, hoàn thành phiếu học tập trong 4' Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thảo luận và đại diện trả lời từng câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.	1. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phiếu học tập số 2 và sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn: ?: <i>Đọc đoạn văn bản dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Hãy sửa lại sao cho các câu trở nên có nghĩa là có lý:</i> <i>Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lắm tám mồ hôi.</i> ?: <i>Qua đó cho thấy dấu câu có tác dụng gì trong tạo lập văn bản?</i> Thực hiện nhiệm vụ : - HS tiếp nhận , trao đổi cặp đôi, hoàn thành bài tập trong 4' Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	2. Dấu câu và dấu ngoặc kép a. Dấu câu - Dấu câu chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu. - Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết. - Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm. => Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc

- HS thảo luận và đại diện trả lời từng câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức. GV có thể bổ sung thêm: - Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “”. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho ví dụ, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trong bài thơ <i>Mây và sóng</i> có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Em hãy cho biết dấu câu nào được dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp đó. - HS trao đổi thảo luận cặp đôi: 3’ - Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: <i>Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết và hay sử dụng.</i> - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. - HS hoạt động cá nhân: 3’ - Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS nhận xét - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức	về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc. b. Dấu ngoặc kép - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu; - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lời trực tiếp; - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt; - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm. 3. Đại từ nhân xưng - Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta,...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào,...); - Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi: + Ngôi 1 ▪ Số ít: tôi/tao/tớ/ta ▪ Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ + Ngôi 2 ▪ Số ít: mày/mi/ngươi/bạn ▪ Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay + Ngôi 3 ▪ Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy ▪ Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Biết sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ. Nhận biết được đại từ trong câu.

b) Nội dung: Thực hiện làm các bài tập SGK

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
II. Luyện tập	
Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp và đặt câu hỏi: + Thế nào là ẩn dụ? + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2, 3 SGK 47 Thực hiện nhiệm vụ HS: - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. GV: hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang phần dấu câu. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 4 SGK trang 47; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Báo cáo kết quả và thảo luận - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 5,6 SGK/52 B2: Thực hiện nhiệm vụ	Bài tập 1: - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn. - “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí. - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cảm dỗ ở đời. Bài tập 2 - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vàng trắng bạc”: ẩn dụ; - Tác dụng: + “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng à gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian. + “Vàng trắng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vàng trắng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc. → Những hình ảnh ẩn dụ đã mở ra một không gian thiên nhiên, rực rỡ, lấp lánh ánh sáng, sắc màu vô cùng quyến rũ, khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống. Bài tập 3: <i>Con là sóng và mẹ là bến bờ kì lạ</i> <i>Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan</i> <i>vào lòng mẹ.</i> à Điệp ngữ: <i>lăn</i> è Tác dụng: <i>Vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỡ vào bờ cát. Từ đó gợi lên hình ảnh em bé vô tư, hồn nhiên, tình nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.</i> Bài tập 4 SGK trang 47 - Xác định lời trực tiếp của các nhân vật trong bài thơ: + Lời của người “trên mây”: + Lời của người “trong sóng”: + Lời của em bé đối đáp với người “trên mây” và người “trong sóng”. à Dấu câu được dùng để đánh dấu những lời trực tiếp là dấu ngoặc kép.

HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập SGK GV hướng dẫn HS cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 5 - <i>Bạn tớ</i> là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều. - <i>Bạn tớ</i> trong những lời nói trực tiếp ở bài <i>Mây và sóng</i> dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”. Bài tập 6 - <i>Chúng ta, bọn mình</i>: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe. - <i>Chúng tôi, bọn mình, chúng tôi</i>: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói. - <i>Bạn tớ</i>: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói à Có thể chọn những từ <i>bọn mình, chúng tôi</i> thay cho <i>bạn tớ</i>. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Viết được đoạn văn có sử dụng dấu câu, đại từ, biện pháp tu từ phù hợp. Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Tưởng tượng em là em bé trong bài Mây và sóng. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn, viết đoạn văn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình, cách nộp sản phẩm.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Tìm đoạn thơ, văn có sử dụng dấu câu, đại từ, biện pháp tu từ phù hợp. Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: HS sưu tầm.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Tìm một số câu ca dao, tục ngữ, có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ và phân tích ý nghĩa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn, viết đoạn văn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

Học thuộc khái niệm ẩn dụ, đại từ; nêu tác dụng của dấu câu, lấy ví dụ cho từng trường hợp.

- Chuẩn bị bài mới: Bức tranh của em gái tôi

+ Khái quát về tác giả, văn bản.

+ Đọc, kể tóm tắt văn bản, xác định nhân vật

+ Nhân vật Kiều Phương được miêu tả như thế nào qua văn bản (ngoại hình, cử chỉ hành động, tài năng, thái độ...)

+ Tìm chi tiết thể hiện diễn biến tâm trạng người anh.

CÁC PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1

Đọc những dòng thơ sau và chú ý các từ được in đậm 1. Em hãy cho biết các từ in đậm trên có gì đặc biệt? 2. Từ <i>chảy</i> vốn là từ chỉ trạng thái vận động của sự vật nào, ở đây được dùng để chỉ sự vận động của sự vật nào? 3. Từ <i>mặt trời</i> trong câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai không chỉ cùng một đối tượng, theo em, từ <i>mặt trời</i> trong câu nào không chỉ mặt trời thực – ngôi sao trung tâm của Hệ Mặt Trời? Vậy từ <i>mặt trời</i> ấy chỉ đối tượng nào?	
+ <i>Cha lại dắt con đi trên cát mịn</i> <i>Ánh nắng chảy đầy vai.</i> (Hoàng Trung Thông, <i>Những cánh buồm</i>)	+ Ngày ngày <i>mặt trời</i> đi qua trên lăng <i>Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.</i> (Viễn Phương, <i>Viếng lăng Bác</i>)

Phiếu học tập số 2

1. Đọc đoạn văn bản dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Hãy sửa lại sao cho các câu trở nên có nghĩa là có lý: <i>Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lắm tấm mồ hôi.</i>

2. Qua đó cho thấy dấu câu có tác dụng gì trong tạo lập văn bản?

TIẾT 22, 23: ĐỌC VĂN BẢN “BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nét chính về tác giả, văn bản.
- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất. Đặc điểm, diễn biến tâm lý của hai nhân vật em gái và người anh; ý nghĩa của văn bản.
- Nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật.
- Đọc trôi chảy, diễn cảm, đọc hiểu văn bản truyện. Viết được đoạn văn nêu suy nghĩ về tình cảm gia đình.
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân
- Đọc-hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.
- Tóm tắt văn bản trong một đoạn văn ngắn.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ý nghĩ, hành động.
- Nhân ái, yêu gia đình, vị tha trước lỗi lầm của người khác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về nhà văn Tạ Duy Anh và văn bản “Bức tranh của em gái tôi”
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung:** GV yêu cầu HS trình bày ý kiến về cách ứng xử của bản thân trước tình huống mà GV đưa ra
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập
- Tổ chức thực hiện:**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

1. Khi một người thân thiết hoặc bạn cùng lớp đạt được một thành tích xuất sắc em có cảm xúc gì?

A. Vui mừng B. Buồn bã C. Khó chịu D. Khác:.....

2. Khi một ai đó ghen ghét, đố kỵ với một thành quả tốt đẹp nào đó mà em đạt được, em sẽ phản ứng như thế nào?

.....

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi trong phiếu, GV mời một vài HS trình bày trước lớp

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được nét chính về nhà văn Tạ Duy Anh . Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...)

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS xem phần chú thích , đọc văn bản, làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
I. Tìm hiểu chung:	
Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - <i>GV hướng dẫn cách đọc.</i> GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - <i>GV lưu ý:</i> Phân biệt rõ giữa lời kể, các đối thoại diễn biến tâm lí của nhân vật người anh. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân. B3: Báo cáo kết quả thực hiện: HS đọc – nhận xét – đánh giá B4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá. Nhiệm vụ 2: - Yêu cầu HS đọc SGK: ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tạ Duy Anh? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát chú thích SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức	I. Tìm hiểu chung: 1. Đọc và giải nghĩa từ: 1. Tác giả - Tạ Duy Anh (1959), Quê Hà Tây (nay là Hà Nội); - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - <i>GV hướng dẫn cách đọc.</i> GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - <i>GV lưu ý:</i> Phân biệt rõ giữa lời kể, các đối thoại diễn	2. Tác phẩm : + Xuất xứ: In trong “Con dế ma”(1999) - <i>Bức tranh của em gái tôi</i> đạt giải nhì trong cuộc thi viết <i>Tương lai vậy gọi</i> của báo Thiếu niên Tiền Phong 1998

biến tâm lí của nhân vật người anh. - HS đọc – nhận xét – đánh giá - GV nhận xét, đánh giá bằng - GV yêu cầu HS giải nghĩa từ khó: Mừng quýnh, thăm định, xét nét, thôi miên. ? Cho biết xuất xứ của văn bản ? ? Văn bản “Bức tranh của em gái tôi” thuộc thể loại nào? Xác định ngôi kể của văn bản? Nhân vật chính ? ? Chỉ ra các sự việc chính trong văn bản? ? Em hãy xác định bố cục của văn bản ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3’ + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả GV: - Chính cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: Nhận xét cách đọc của HS. Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kiến thức	+ Thể loại: truyện ngắn + Ngôi kể: thứ nhất (người kể chuyện: anh trai Kiều Phương) + Nhân vật chính :Kiều Phương + Tóm tắt cốt truyện: + Bố cục: 3 phần: - Đoạn 1: Từ đầu đến “có vẻ vui lắm”: giới thiệu về em gái Kiều Phương – Mèo. - Đoạn 2: Tiếp đến “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”: Tài năng người em được phát hiện và khẳng định. - Đoạn 3: còn lại: TT người anh khi đứng trước bức tranh của em gái.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về biệt danh, ngoại hình, cử chỉ, tài năng và thái độ của Kiều Phương. Đưa ra nhận xét về đặc điểm đáng mến ở Kiều Phương
- Tìm được chi tiết về cảm xúc, thái độ, hành động của nhân vật người anh
- Nhận ra được sự thay đổi về thái độ của người anh trước và sau khi xem bức tranh đạt giải của em gái

b) Nội dung: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm theo yêu cầu riêng hoàn thành phiếu học tập số

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, phần trình bày, Kết quả thảo luận của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
I. Khám phá văn bản	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	1. Nhân vật Kiều Phương

HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1 GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Điểm nào ở Kiều Phương khiến em thích nhất? Vì sao? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm sau đó hoạt động cá nhân GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Yêu cầu một vài cá nhân HS trả lời câu hỏi HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - HS trả lời cá nhân B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kết thúc	<table border="1"> <tr> <th colspan="2">Kiều Phương</th></tr> <tr> <td>Biệt danh</td><td>Mèo</td></tr> <tr> <td>Ngoại hình</td><td>Luôn bị bôi bẩn</td></tr> <tr> <td>Cử chỉ Hành động</td><td>Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai</td></tr> <tr> <td>Tài năng</td><td>Vẽ rất đẹp</td></tr> <tr> <td>Thái độ</td><td>Không giận dỗi, vui vẻ</td></tr> <tr> <td colspan="2">Nhận xét: Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu</td></tr> </table>	Kiều Phương		Biệt danh	Mèo	Ngoại hình	Luôn bị bôi bẩn	Cử chỉ Hành động	Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai	Tài năng	Vẽ rất đẹp	Thái độ	Không giận dỗi, vui vẻ	Nhận xét: Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu	
Kiều Phương															
Biệt danh	Mèo														
Ngoại hình	Luôn bị bôi bẩn														
Cử chỉ Hành động	Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai														
Tài năng	Vẽ rất đẹp														
Thái độ	Không giận dỗi, vui vẻ														
Nhận xét: Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu															
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện nhiệm vụ thảo luận: <i>Nhóm 1,2,3: Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình</i> <i>Nhóm 4,5,6: Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc của nhân vật người anh sau khi được xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình</i> GV đặt câu hỏi: <i>? Sau khi xem bức tranh đạt giải nhất của em gái, người anh đã có sự thay đổi liên tục về cảm xúc. Em hãy lí giải nguyên nhân của mỗi sắc thái cảm xúc ấy?</i> <i>? Tại sao bức tranh lại có giá trị thức tỉnh như vậy?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Hoạt động nhóm trong 5p sau đó hoạt động cá nhân GV: theo dõi, quan sát, định hướng B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận.	2. Nhân vật người anh trai - Trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình - Sau khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình + Ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ, ân hận - Người anh có sự thay đổi thái độ bởi đã nhận ra lỗi lầm của mình (ích kỉ, ghen tị tầm thường) và tấm lòng thánh thiện của em gái. - Bức tranh là tác phẩm nghệ thuật chân chính được sáng tạo bằng tài năng và tình cảm trong sáng của người em gái.														

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét, chốt kiến thức Bổ sung thêm : Những từ ngữ tả thái độ và tâm trạng của người anh: + Giật sững: Bám lấy tay mẹ... đây là từ ghép: Giật mình và sững sờ. + Thôi miên: là từ chỉ trạng thái con người bị chế ngự mê man, vô thức không điều khiển được lí trí, bị thu hút cả tâm trí vào bức tranh. + Ngạc nhiên: vì hoàn toàn không ngờ em gái Mèo vẽ bức tranh đẹp quá, ngoài sức tưởng tượng của người anh. + Hãnh diện: tự hào cũng rất đúng và tự nhiên vì hoá ra mình đẹp đẽ nhường ấy. Đây chính là niềm tự hào trẻ thơ chính đáng của người anh. + Xấu hổ: vì mình đã xa lánh và ghen tị với em gái, tâm thường hơn em gái.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Nội dung chính của văn bản “Bức tranh của em gái tôi”? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:Suy nghĩ cá nhân GV hướng theo dõi, quan sát HS B3: Báo cáo, thảo luận HS: trình bày cá nhân, GV: lắng nghe, gợi ý B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét, chốt kết thúc	III. Tổng kết 1. Nội dung: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình. 2. Nghệ thuật - Kể chuyện theo ngôi thứ nhất - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

?Từ các văn bản Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi, em nhận thấy điều quan trọng nhất để gắn kết các thành viên trong gia đình?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động thảo luận nhóm

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ, HS viết đoạn văn theo yêu cầu của GV

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết đoạn văn thuật lại tâm trạng của người anh trong truyện khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

HS trao đổi theo cặp

B3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ bài viết

B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét, GV đánh giá bài làm của HS

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhân vật Kiều Phương	
Biệt danh	
Ngoại hình	
Cử chỉ Hành động	
Tài năng	
Thái độ	
Nhận xét:	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Diễn biến tâm trạng người anh		
Trước tài năng hội họa của Kiều Phương được phát hiện	Khi tài năng hội họa của bé Mèo được phát hiện	Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ

TIẾT 24: VIẾT BÀI VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo hình thức và nội dung theo quy định.
- Biết viết đoạn văn theo đầy đủ các bước: chuẩn bị trước khi viết, tìm ý, lập ý, viết đoạn văn, chỉnh sửa bài viết.
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; thảo luận, tranh luận phù hợp; thể hiện được chủ kiến, cá tính. Hiểu được ý kiến người khác; biết phản hồi và bảo vệ ý kiến.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo hình thức và nội dung theo quy định
- Cảm nhận được đặc sắc, độc đáo của các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ đã chọn.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo hình thức và nội dung theo quy định
- Chăm chỉ: Tự giác, tích cực chuẩn bị và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp (phiếu học tập).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:
 - + Trong hai VB **Chuyện cổ tích về loài người** và **Mây và sóng**, các tác giả đã đề cập đến vấn đề gì? Việc sử dụng hình thức thơ để thể hiện điều đó có tác dụng như thế nào?
 - + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm của nhà thơ?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động
- Dự kiến sản phẩm:
 - + Hai VB **Chuyện cổ tích về loài người** và **Mây và sóng** đề cập đến tình yêu gia đình, thiên nhiên và cuộc sống. Việc sử dụng hình thức thơ giúp nhà thơ thể hiện điều đó tốt hơn vì thơ là thể loại trữ tình, phù hợp với việc bộc lộ tình cảm.
 - + Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB cho phép câu chuyện được tự kể, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết, mang dụng ý của tác giả mà tác giả không nhất thiết phải thể hiện một cách trực tiếp.
- GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV –HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS: + Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì? - GV gợi ý: + Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì? Có cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả hay không? + Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân B3: Báo cáo, thảo luận - HS nêu ý kiến cá nhân - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau	I. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a) Mục tiêu:

- Bài viết tham khảo kể nêu cảm xúc khi đọc bài thơ “Mây và song” của Ta-go

- Biết cách phân tích các yếu tố của bài thơ, nêu cảm xúc cá nhân

b) Nội dung:

- HS đọc SGK

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi 1.Nhận xét về hình thức của đoạn văn mẫu? 2.Chỉ ra những câu văn giới thiệu khái quát về bài thơ (nhan đề, tên tác giả)? 3.Cảm xúc về bài thơ “Mây và sóng” của Ta-go đã được tác giả thể hiện lần lượt qua những ý nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2’ câu 1,2 - Làm việc nhóm 5’ để trả lời câu hỏi 3 GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: Trả lời câu hỏi của GV, Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo - Hình thức: - Nội dung: + Giới thiệu nhan đề, tên tác giả: nằm ở vị trí mở đầu + Nêu cảm xúc lần lượt: cảm xúc chung – đánh giá ý nghĩa các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài – chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ – khái quát cảm xúc chung

Hoạt động 3: Thực hành viết

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nắm được cách viết đoạn văn
- Trình bày cảm xúc của bản thân về bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

b) Nội dung:

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV –HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn bài thơ, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập số 1(máy chiếu)	III. Thực hành viết theo các bước 1.Trước khi viết - Bước 1: Lựa chọn đề tài - Bước 2:Tìm ý

Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả
 Gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB Chuyện cổ tích về loài người và Mây và sóng, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.

Bài thơ đó có tên là gì?	
Tác giả là ai?	
Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ?	
Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ	
Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ	
Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu bài tập

HS:

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.
- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.
- Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.
- Sửa lại bài sau khi viết.

B3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS: Đọc sản phẩm của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV) (máy chiếu)

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.

- Bước 3: Lập dàn ý

2. Viết bài

3. Chỉnh sửa bài viết

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS(máy chiếu)

Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc yêu cầu, thực hành viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc bài thơ “Những cánh buồm” – Hoàng Trung Thông

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hoàn thành bài viết theo các yêu cầu đã học

- Chuẩn bị bài: Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả; đánh giá và sửa bài

Phiếu học tập số 1

Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai?	
Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ?	
Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ ?	
Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ ?	
Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ ?	

TUẦN 7

NGÀY SOẠN: 15/10/2023

TIẾT 25: THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ; ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

TIẾT 26: NÓI VÀ NGHE : TRÌNH BÀY MỘT Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH.

TIẾT 27, 28: BÀI 3-YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “ CÔ BÉ BÁN DIÊM”
(An-đéc-xen)

TIẾT 25: THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ; ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Viết được đoạn thơ đảm bảo yêu cầu.
- Xác định yếu tố chính là ghi lại cảm xúc khi làm bài.
- Yêu ngôn ngữ tiếng việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- SGK, SGV, đề bài kiểm tra.
- Phiếu bài tập
- Kế hoạch bài dạy
- Ti vi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về Thực hành viết đoạn văn TLV

c. Sản phẩm: Bài làm của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Ở bậc tiểu học, ta đã được làm quen với việc xây dựng văn bản. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về 1 bài thơ.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao NV: GV dẫn dắt yêu cầu của tiết học, yêu cầu cho tiết Thực hành viết đoạn văn nêu cảm xúc về 1 bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả. Thực hiện nhiệm vụ: HS nêu những yêu cầu chuẩn bị làm bài Báo cáo, thảo luận: HS trả lời Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Yêu cầu bài viết:

- Mục tiêu: Hiểu yêu cầu đề, viết được yêu cầu.
- Nội dung hoạt động: HS thực hiện viết bài thực hành.
- Sản phẩm: Bài làm của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
- Chuyển giao nv: GV chiếu đề bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả. - Thực hiện nhiệm vụ: HS làm bài. - Báo cáo: HS làm bài. - Kết luận, nhận định: GV thu bài, nhận xét tiết làm bài	I. Yêu cầu bài viết:

II. Thực hành viết

- Mục tiêu: Hiểu kiểu làm một đoạn văn ghi lại cảm xúc.
- Nội dung hoạt động: Câu trả lời của HS
- Sản phẩm: Bài làm của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Khái quát yêu cầu cần chú ý khi làm đoạn văn nêu cảm xúc. Bước 2: HS trả lời Bước 3: HS trình bày câu hỏi. Bước 4: Kết luận, nhận định	II. Thực hành:

III. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Mục tiêu: HS nắm bắt lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết), trả bài cho HS.
- Nội dung: chốt lại kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 *Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn chia sẻ một cảm xúc. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận	III. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. * Kiểm tra, điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV. Nhiệm vụ 2 - Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát bài, yêu cầu HS xem lại bài kiểm tra, phát hiện những ưu và nhược điểm của bài làm. - Thực hiện nhiệm vụ: Hs xem bài viết tìm ưu, nhược điểm của bài. - Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. - Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận.	- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Luyện tập, hệ thống yêu cầu bài.
- Nội dung hoạt động: Câu trả lời của HS
- Sản phẩm: Bài làm của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chỉ ra những điều cần lưu ý khi xây dựng đoạn văn ghi lại cảm xúc Bước 2: HS trả lời Bước 3: HS trình bày câu hỏi. Bước 4: Kết luận, nhận định	III. Luyện tập

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Vận dụng nội dung bài học.
- Nội dung hoạt động: Câu trả lời của HS
- Sản phẩm: Bài làm của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Khi xây dựng đoạn văn ghi lại cảm xúc của bài thơ <i>Mây và sóng</i>, em sẽ trình bày những cảm xúc gì ứng với nội dung của bài thơ. Bước 2: HS trả lời Bước 3: HS trình bày câu hỏi. Bước 4: Kết luận, nhận định	IV. Vận dụng

* Hướng dẫn tự học:

- Nắm yêu cầu cần đạt của cách đoạn văn nêu cảm nhận của em về một bài thơ.
- Đọc và chuẩn bị bài: Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

TIẾT 26: NÓI VÀ NGHE : TRÌNH BÀY MỘT Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Ngồi kể và người kể chuyện
- Một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ
- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một vấn đề trong đời sống gia đình khiến em quan tâm và suy nghĩ
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài
- Nhân ái, yêu gia đình

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Ti vi, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Đoạn video kể về mối quan hệ nào trong gia đình? Nội dung của câu chuyện đó là gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TRƯỚC KHI NÓI	
a) Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói b) Nội dung: - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý đề lên ý tưởng, nội dung bài nói B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV - HS hoàn thành phiếu tìm ý B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. 2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

TRÌNH BÀY NÓI
a) Mục tiêu: - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông.

b) Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý phiếu tìm ý & nhận xét HĐ nói của bạn. c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của phiếu tìm ý - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của phiếu tìm ý - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b) Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá	

B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật người anh trong truyện “Bức tranh của em gái tôi”, kể lại cảm xúc của nhân vật sau khi từ buổi lễ nhận giải trở về nhà.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đóng vai nhân vật, kể lại những suy nghĩ và cảm xúc của mình

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- củng cố kiến thức nội dung của bài học

b) Nội dung:

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài Gõ cửa trái tim

Nhan đề bài thơ	Nội dung chính	Đặc điểm nghệ thuật		
		Hình ảnh	Biện pháp tu từ	Yếu tố tự sự miêu tả

Bài tập 2: Hãy chuyển thể nội dung bài thơ “Mây và sóng” thành kịch bản hoạt cảnh

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc hoạt động cá nhân điền bảng mẫu
- HS thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản, phân vai, luyện tập diễn hoạt cảnh

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thành bảng mẫu
- HS trình diễn hoạt cảnh

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức

*** Hướng dẫn tự học: (2')**

- Nắm lại các vấn đề thuộc phạm vi của bài.
- Tập xây dựng thêm 1 số bài viết.
- Đọc và chuẩn bị chủ đề 3: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn, Đọc văn bản “Cô bé bán diêm”

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.

2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nói **Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình**

Gợi ý: Đề nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Xác định đề tài em định nói (việc chăm sóc, lắng nghe của cha mẹ với con cái; thái độ cư xử của con cái với cha mẹ...)	

TIẾT 27, 28: BÀI 3: YÊU THƯƠNG CHIA SẺ

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “CÔ BÉ BÁN DIÊM”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

- Tri thức ngữ văn (cốt truyện, nhân vật trong truyện: Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm).
- Tác hại của sự vô cảm, Sức mạnh của giá trị nhân văn, tình yêu thương, chia sẻ từ 3 văn bản .
- Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các nhân vật trong các văn bản.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được tác hại của sự vô cảm, giá trị của tình yêu thương và sự chia sẻ.- Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu..
- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.
- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, đồng cảm; yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ, những người thiệt thòi, bất hạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu về phần giới thiệu bài học, nắm được chủ đề bài học, phạm vi tìm hiểu của chủ đề

2. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Tìm hiểu truyện và truyện đồng thoại

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1: Giới thiệu bài học *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS đọc phần giới thiệu bài học - Hướng dẫn trao đổi, theo hình thức cặp đôi chia sẻ. Yêu cầu đại diện cặp đôi trình bày cách hiểu về phần giới thiệu bài học: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là những nội dung gì? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn đặc điểm chính của truyện. Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. *Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS trình bày. * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, kết luận. NV2: Khám phá tri thức ngữ văn *Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	1. Giới thiệu bài học - Nội dung 1: Giới thiệu chủ đề bài học. Các văn bản được học đều xoay quanh chủ đề Yêu thương và chia sẻ. - Nội dung 2: Nắm được các yếu tố chính của truyện. - Nội dung 3: Nắm được thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. 2. Tri thức ngữ văn

GV yêu cầu HS đọc phân tích thức ngữ văn trước lớp. Hướng dẫn HS suy nghĩ tìm ra một số đặc điểm cơ bản của truyện như: cốt truyện, nhân vật trong truyện: Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm. Thành phần chính của câu, các cụm từ, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn giới thiệu thể loại truyện. * Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gợi ý HS để nhận biết được các yếu tố cơ bản của bài và trình bày * Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	

B. ĐỌC VĂN BẢN “CÔ BÉ BÁN DIÊM” (An-đéc-xen)

1. MỤC TIÊU

- + Biết đọc - hiểu văn bản truyện. Biết kể tóm tắt văn bản. Biết viết đoạn văn.
- + Nhận biết và bước đầu nhận xét, phân tích được tác dụng của một số yếu nghệ thuật trong truyện khi người kể chuyện kể ở ngôi thứ ba.
- + Nhận biết được chủ đề và ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho bản thân.
- + Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- + Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về văn bản và tác động của văn bản đối với bản thân.
- Nhân ái: Biết yêu thương, đồng cảm, chia sẻ và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.
- Trách nhiệm: Phê phán, lên án những việc làm thờ ơ, vô cảm, không biết quan tâm, yêu thương người khác.

2. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú để kết nối vào bài học, tạo tâm thế cuốn hút HS nhập cuộc “động não” về tình huống được đặt ra, dẫn dắt học sinh tham gia vào các hoạt động học tiếp theo

b. Nội dung: Học sinh lắng nghe, cảm nhận.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho HS quan sát tranh ảnh, nêu vấn đề

? Quan sát các hình ảnh sau và cho biết: Tình yêu thương, sự sẻ chia có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. (Dự kiến sản phẩm: tình yêu thương, sự sẻ chia trong cuộc sống)

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Như cỏ cây cần ánh nắng, con người cần tình yêu thương để nuôi dưỡng, sưởi ấm tâm hồn. Điều kì diệu nhất của yêu thương là càng

chia sẻ lại càng giàu có; là cùng lúc mang đến niềm vui, hạnh phúc cho cả người được đón nhận và người trao tặng

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

GIỚI THIỆU CHUNG

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm, biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...).

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và GV sử dụng KT đặt câu hỏi, trò chơi “Bạn có biết” để tạo KK sôi nổi.

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin, trình bày 1 phút, HS thảo luận cặp đôi để tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn giọng đọc, cách đọc. - GV đọc mẫu đoạn đầu văn bản. Yêu cầu HS đọc thầm theo GV. Thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân Báo cáo kết quả thực hiện: Học sinh đọc to, rõ ràng văn bản. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, bổ sung. Nhiệm vụ 2: B 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi để HS nêu hiểu biết về tác giả kết hợp chiếu tranh minh họa B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả - HS trình bày kết quả của cá nhân; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chiếu một số tác phẩm của ông. - GV mở rộng thêm : An-đéc-xen sinh ra trong một gia đình nghèo, bố là thợ giày. Năm 11 tuổi, mồ côi cha, mẹ tái giá, tự mình kiếm sống. Ông rất cảm thông và thương yêu những trẻ mồ côi. Tác phẩm của ông rất quen thuộc với bạn đọc khắp năm châu, các tác phẩm đều toát lên lòng thương yêu con	I. Giới thiệu chung: 1. Đọc: 2. Tác giả - Han Cri-xti-an An-đéc-xen (1805 – 1875) 2. Tác phẩm - <i>Cô bé bán diêm</i> là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của An-đéc-xen.

người và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian. - Năm 30 tuổi tài năng nghệ thuật của ông nở rộ với nhiều tác phẩm nổi tiếng: <i>Truyện kể cho các em, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Nàng công chúa và hạt đậu ...</i> Kho tàng truyện cổ tích của ông giàu chất nhân văn, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, ngộ nghĩnh và thông minh đáng yêu. Truyện <i>Cô bé bán diêm</i> đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn giọng đọc, cách đọc. - GV đọc mẫu đoạn đầu văn bản.HS đọc thầm theo GV. 3 học sinh đọc to, rõ ràng văn bản. GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các câu hỏi: ? Xác định thể loại ? Nhân vật chính trong VB là ai? ? Phương thức biểu đạt của VB là gì? ? Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc nhóm + 4 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 1 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cặp đôi. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. (máy chiếu)	- Thể loại: truyện ngắn - Nhân vật chính: Cô bé bán diêm - Ngôi kể: thứ ba - PTBD: tự sự - Bố cục : 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến ... <i>cứng đờ ra</i>: Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. + Phần 2: Tiếp đó đến....Họ đã về chầu <i>Thượng đế</i>: Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng. + Phần 3: Còn lại: Cái chết thương tâm của cô bé

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động của cô bé. Nhận xét được hoàn cảnh đáng thương của em.
- Tìm, thống kê được những lần quẹt diêm và những hình ảnh em bé thấy
- Nhận xét được lý do, ý nghĩa, trình tự của những hình ảnh ấy.

- Cảm nhận được sự bất hạnh của em bé. Thấy được tấm lòng nhân đạo và sự lên án XH vô cảm của tác giả
- Biết đồng cảm, chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn trải bàn, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS HĐ nhóm.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).
- Liên hệ thực tế, Giáo dục KNS cho HS

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (máy chiếu) - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút) - Phát phiếu B2: Thực hiện nhiệm vụ - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung. GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm- & mở rộng, chuyển dẫn nội dung tiếp theo: Đêm giao thừa: mọi người mặc đồ ấm, ở nhà ấm áp, sung túc; em bé bán diêm chỉ có một mình, ngồi ở xó tường lạnh-> Miêu tả tương phản khắc sâu sự đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của những người xung quanh.	II. Khám phá văn bản 1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm: - Nghệ thuật: chi tiết hình ảnh chân thực, gần gũi, đối lập, tương phản. -> Nghèo khổ, bất hạnh, đáng thương.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức về văn bản. Học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học để làm bài tập (viết đoạn văn)

b. Nội dung: HS làm bài tập trong SGK dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

c. Sản phẩm: Đoạn văn học sinh tạo lập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”. - GV gợi ý: Nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm” cho thấy hình thức đoạn văn là một bức thư. Bức thư này là bức thư nói lên suy nghĩ của em sau khi đọc xong truyện “Cô bé bán diêm”. Em có thể viết về niềm thương cảm của em dành cho cô bé bán diêm, có thể viết về sự đồng tình của em với suy nghĩ của nhà văn, hay em cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình về cái kết không có hậu giống như trong truyện cổ tích.	* Viết được đoạn văn đúng yêu cầu: - Hình thức: + Viết đoạn văn 5 – 7 câu. + Kể theo ngôi thứ nhất – xưng “tôi”. + Đoạn văn là một bức thư. - Nội dung: Những suy nghĩ của em về văn bản “Cô bé bán diêm”.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:

a) Mục tiêu: HS tóm tắt lại VB.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS tóm tắt Vb theo tranh, HS tóm tắt.

c) Sản phẩm: Bài tóm tắt của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Cách 1: Chiếu tranh, yêu cầu HS dựa theo tranh và những KT đã học tóm tắt lại VB?

Cách 2: Cho HS làm câu hỏi trắc nghiệm củng cố kiến thức

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận: HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)

B4: Kết luận, nhận định (GV): Chú ý giọng điệu, cách biểu cảm và trình tự VB. Đánh giá, lồng ghép giáo dục HS

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc diễn cảm đoạn trích. Tóm tắt truyện bằng lời văn của mình

- Hoàn thành viết đoạn văn

- Tìm một tác phẩm cùng chủ đề với truyện “Cô bé bán diêm” và chỉ ra các yếu tố: ngôi kể, nhân vật, cốt truyện, nội dung, ý nghĩa.

- Chuẩn bị bài mới: **Cô bé bán diêm (tt)**

+ HS đọc nội dung bài học, chú ý các lần quẹt diêm và cái chết của cô bé.

? Xác định thể loại ? Nhân vật chính trong VB là ai?.....

? Phương thức biểu đạt của VB là gì?.....

? Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?.....

? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?.....

TUẦN 8

NGÀY SOẠN: 22/10/2023

TIẾT 29: CÔ BÉ BÁN DIÊM

TIẾT 30: CON CHÀO MÀO

TIẾT 31: ÔN TẬP GIỮA KÌ I

TIẾT 32: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM.

TIẾT 29: CÔ BÉ BÁN DIÊM

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết đọc - hiểu văn bản truyện. Biết kể tóm tắt văn bản. Biết viết đoạn văn.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét, phân tích được tác dụng của một số yếu nghệ thuật trong truyện khi người kể chuyện kể ở ngôi thứ ba.
- Nhận biết được chủ đề và ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho bản thân.
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về văn bản và tác động của văn bản đối với bản thân.
- Nhân ái: Biết yêu thương, đồng cảm, chia sẻ và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.
- Trách nhiệm: Phê phán, lên án những việc làm thờ ơ, vô cảm, không biết quan tâm, yêu thương người khác.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, ti vi, phiếu học tập.
- Tranh minh họa, phim hoạt hình cô bé bán diêm, video bài hát: *Đứa bé, Cô bé bán diêm*.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú để kết nối vào bài học, tạo tâm thế cuốn hút HS nhập cuộc “động não” về tình huống được đặt ra, dẫn dắt học sinh tham gia vào các hoạt động học tiếp theo

b. Nội dung: Học sinh lắng nghe, cảm nhận.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *Chuyển giao nhiệm vụ : GV cho HS quan sát video, nêu những gì em cảm nhận thấy từ em bé.*

? Quan sát các hình ảnh sau và cho biết: Em đói, rét, dò dẫm trong đêm giao thừa, ...

Tác giả để cho em thực hiện giấc mơ bằng cách nào

- *HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ. (Dự kiến sản phẩm: tình yêu thương, sự sẻ chia trong cuộc sống)*

- *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động của cô bé. Nhận xét được hoàn cảnh đáng thương của em.
- Tìm, thống kê được những lần quẹt diêm và những hình ảnh em bé thấy
- Nhận xét được lý do, ý nghĩa, trình tự của những hình ảnh ấy.
- Cảm nhận được sự bất hạnh của em bé. Thấy được tấm lòng nhân đạo và sự lên án XH vô cảm của tác giả

- Biết đồng cảm, chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS HĐ nhóm.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).
- Liên hệ thực tế.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) <i>? Em hãy đọc VB và cho biết có mấy lần em bé quẹt diêm?</i> - HS quan sát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. Tuyên truyền về quyền trẻ em Em bé Quẹt diêm 5 lần(4 lần đầu: mỗi lần 1 que; Lần cuối: cả bao) Mỗi lần quẹt diêm có các hình ảnh lần lượt hiện ra tương ứng với những ước mơ của em bé. Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý sau mỗi lần quẹt diêm: Khi diêm tắt, em bé trở về với thực tế phũ phàng. Thực tế cuộc sống chỉ là buồn đau, đói rét đối với người nghèo.	2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng: - Nghệ thuật: đối lập, tương phản, cách miêu tả hiện thực và mộng tưởng đan xen. Trình tự sắp xếp các sự việc phù hợp với việc miêu tả tâm lí nhân vật. -> Em bé bán diêm nghèo khổ, bất hạnh, luôn ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc, đầy tình thương yêu.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	3. Cái chết của em bé bán diêm

- Tổ chức cho HS quan sát tranh, HĐ chung cả lớp trả lời các câu hỏi:

? Hình ảnh em bé vào sáng mừng 1 hiện lên như thế nào?

? Chi tiết nào khi tác giả miêu tả hình dáng của em không phù hợp với thực tế? (hoặc khiến em ấn tượng?)

? Qua cách miêu tả này em có nhận xét gì về thái độ, tình cảm của tác giả dành cho em bé?

? Tìm những chi tiết tác giả miêu tả thái độ của mọi người qua đường khi chứng kiến sự việc? Có ai có hành động nào thể hiện lòng thương dành cho em bé không?

? Em có nhận xét gì về thái độ của họ?

? Em sẽ làm gì nếu chứng kiến một tình huống như trong câu chuyện? Vì sao em lại có cách ứng xử như vậy?

- Cho HS xem tranh và giáo dục

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin

- Suy nghĩ, trả lời, chia sẻ cảm nghĩ, cảm xúc, bổ sung cho bạn (Nếu cần)

- Xem tranh, chia sẻ cảm xúc

GV

- Theo dõi, hỗ trợ HS.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Mời các HS chia sẻ ý kiến

HS:

- Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về lòng nhân ái và sự lên án của tác giả.

- Liên hệ thực tế, giáo dục KNS

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Cho HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi số 8/ SGK trang 66

- Những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?

- Nội dung của văn bản?

- Thông qua câu chuyện nhà văn đã gửi đến mọi người bức thông điệp gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc văn bản, tìm hiểu thông tin

- Làm việc cá nhân

+, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

GV:

+ Em bé chết vì giá rét, ở một xó tường, giữa những bao diêm

→ Một cái chết thương tâm.

+ Đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười

→ tình yêu thương của tác giả dành cho em bé (Giá trị nhân đạo)

+ Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”

→ Phê phán, lên án sự thờ ơ, vô cảm của XH đối với trẻ thơ (Giá trị hiện thực)

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

+ Tương phản, đối lập

+ Cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa thực tại và mộng ảo

2. Nội dung

- Số phận đáng thương, bất hạnh của em bé bán diêm.

- Niềm cảm thương sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.

3. Ý nghĩa

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày

HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

Thể hiện tâm lòng nhân ái của tác giả đối với những số phận, cảnh đời nghèo khó, bất hạnh, đối với trẻ em. Đồng thời, nhà văn muốn gửi một thông điệp tới người đọc về tình yêu thương giữa con người với con người trong cuộc sống.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố, khắc sâu kiến thức về văn bản. Học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học để làm bài tập (viết đoạn văn)

b. Nội dung: HS làm bài tập trong SGK dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

c. Sản phẩm: Đoạn văn học sinh tạo lập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi lời ước nguyện của em đến trẻ em thế giới.	* Viết được đoạn văn đúng yêu cầu: - Hình thức: + Viết đoạn văn 5 – 7 câu. + Kể theo ngôi thứ nhất – xưng “tôi”. + Đoạn văn là một bức thư. - Nội dung: Lời ước nguyện của em.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a) Mục tiêu: HS tóm tắt lại VB.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS tóm tắt Vb theo tranh, HS tóm tắt.

c) Sản phẩm: Bài tóm tắt của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Cách 1: Chiếu tranh, yêu cầu HS dựa theo tranh và những KT đã học tóm tắt lại VB?

Cách 2: Cho HS làm câu hỏi trắc nghiệm củng cố kiến thức

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận: HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (Nếu chưa ổn)

B4: Kết luận, nhận định (GV): Chú ý giọng điệu, cách biểu cảm và trình tự VB. Đánh giá, lòng ghép giáo dục HS

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc diễn cảm đoạn trích. Tóm tắt truyện bằng lời văn của mình

- Hoàn thành viết đoạn văn

- Tìm một tác phẩm cùng chủ đề với truyện “Cô bé bán diêm” và chỉ ra các yếu tố: ngôi kể, nhân vật, cốt truyện, nội dung, ý nghĩa.

- Chuẩn bị bài mới: **Con chào mào.**

- + HS đọc nội dung bài học.
- + GV xây dựng kế hoạch dạy học, làm phiếu học tập.
- * RÚT KINH NGHIỆM:

CÁC PHỤ LỤC

+ Phiếu học tập số 2:

a) Lần quét diêm thứ 1 - Hình ảnh: - Mong ước:	c) Lần quét diêm thứ 3 - Hình ảnh: - Mong ước:
b) Lần quét diêm thứ 2 - Hình ảnh: - Mong ước:	d) Lần quét diêm thứ 4 - Hình ảnh: - Mong ước:

Tiết 50: CON CHÀO MÀO

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết đọc – hiểu một tác phẩm thơ.
- Nhận biết được chủ đề, ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho HS.
- Nhân ái: Biết yêu thương chia sẻ, biết trân trọng cái đẹp của thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy, sgk, sgv.
- Phiếu bài tập; máy tính
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Con chào mào*;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Em hãy kể tên một số loài vật mà em biết? Hãy bày tỏ tình cảm của mình đối với một con vật mà em yêu thích?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của mình.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với các loài vật. Tiết học hôm nay, cô trò

ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phan.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho hướng dẫn đọc bài thơ, chú ý cách ngắt nhịp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc nối tiếp. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. NV 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát tranh, kết hợp SGK, yêu cầu HS: giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chỉ định một vài HS đọc thành tiếng bài thơ. - GV yêu cầu HS dựa vào VB vừa đọc, trả lời các câu hỏi: + Giải thích một số từ khó + Phương thức biểu đạt? Thể loại của VB là gì? + Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS) HS:	I. Tìm hiểu chung: 2. Tác giả, tác phẩm: a. Tác giả: - Tên: Mai Văn Phan b. Tác phẩm - Xuất xứ: Bài thơ <i>Con chào mào</i> được trích trong <i>Bầu trời không mái che</i>, NXB Hội nhà văn, 2010. - Thể thơ, phương thức biểu đạt + Thể thơ: Tự do + Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm. - Bố cục: 3 phần + Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào; + Phần 2: Khổ 2, 3, 4,5: Con chào mào trong suy, nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” + Phần 3: Còn lại: Con chào mào trong ký ức của nhân vật “tôi”

- Đọc văn bản, Giải thích nghĩa của từ - Hoạt động cá nhân GV: Theo dõi, quan sát HS hoạt động - Hướng dẫn HS, Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS) GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HS: Trả lời câu hỏi . Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

1. Mục tiêu: HS hiểu được nội dung và nghệ thuật bài thơ.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Khám phá văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi: ? Em có thể tưởng tượng, hình dung những hình ảnh gì khi đọc ba dòng thơ đầu? (Hình ảnh gì xuất hiện? ngoài hình ảnh còn có âm thanh gì?) ? Em hình dung ra một khung cảnh như thế nào? ? Câu thơ “triu... ụt... huyết... tu hùu...” gợi điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi: + Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”. + Phiếu học tập	1. Hình ảnh và tiếng hót của chim chào mào → Tiếng hót dài, trong trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên =>Khung cảnh thanh bình, không gian cao rộng, tràn ngập màu sắc và âm thanh. 2. Khổ 2,3,4,5: Con chào mào trong suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” → Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh. -> Con chim chào mào sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên.... - > Ước muốn tận hưởng và hòa nhập với thiên nhiên

Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và “hồi hải đảo theo” con chim để làm gì?	Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?	- > Từ đó, nhà thơ bộc lộ tình yêu thiên nhiên thực sự và trọn vẹn của mình.
		3. Khổ 6: Con chào mào trong kí ức của nhân “tôi”
+ Dòng thơ nào trong bài được lặp lại ? Tác dụng ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung <i>Tác giả đã cho những thanh âm của thiên nhiên điệp khúc, vang lên lần nữa ở cuối bài thơ. Chuỗi âm thanh được nhắc lại trọn vẹn như từng cất lên lần đầu, nhưng bạn đọc lại cảm nhận “con chào mào” đã đi qua một hành trình, từ đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lẽo, chói gắt đến phối bè, vang vọng.</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi: + Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi” “sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”? + Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “rất rõ” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ		→ Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên → Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Qua bài thơ, em rút ra thông điệp gì ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS ,hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: báo cáo kết quả ,HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc; - Sử dụng phép điệp ngữ . 2. Nội dung Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. 3. Ý nghĩa Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tổ chức cuộc thi kể lại VB thơ vừa được học.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (35')

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện cá nhân.

- HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC: 2'

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Bài thơ “Con chào mào”, nắm được đặc điểm nội dung, nghệ thuật chính của văn bản.

- Hoàn thiện bài viết: Viết một đoạn văn từ 5-7 câu miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

- Chuẩn bị cho tiết Ôn tập giữa học kì I

Phiếu học tập 1

- Đọc thầm khổ thơ thứ nhất và hoàn thành yêu cầu sau:	
1. Con chim chào mào hiện lên ở khổ thơ đầu thông qua những hình ảnh nào? Màu sắc:..... Âm thanh:..... Vị trí:.....	
2. Em có nhận xét gì khung cảnh thiên nhiên qua những hình ảnh ấy?	

Phiếu học tập 2

Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và “hồi hã đuổi theo” con chim để làm gì?	Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?

TIẾT 31: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học. Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.
- Một số VB đọc mới thuộc thể loại truyện đồng thoại (hiện đại), thơ liên quan đến chủ đề của các bài học.
- Phim ngắn, tranh ảnh minh họa phù hợp với các chủ đề được học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Nhắc lại những chủ đề và thể loại chính mà em đã học trong chương trình ngữ văn 6	- Bài 1: Chủ đề: Tình bạn Thể loại chính: Truyện đồng thoại.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	- Bài 2:

HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và dẫn vào bài.	Chủ đề: Tình cảm gia đình. Thể loại chính: Thơ - Bài 3: Chủ đề: Yêu thương và chia sẻ Thể loại chính: Thơ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hệ thống kiến thức đã học

- Mục tiêu:** Nhắc lại các kiến thức đã học và vận dụng nó để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Trong nửa đầu học kỳ I, em đã học các bài: <i>Tôi và các bạn</i>, <i>Gỗ cửa trái tim</i>, <i>Yêu thương và chia sẻ</i>, <i>Quê hương yêu dấu</i> Hãy chọn một bài văn mà em cho là tiêu biểu và lập theo phiếu học tập số 1. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	I. Phần văn. (Phiếu học tập số 1- Bảng 1)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Nhắc lại những đơn vị kiến thức đã học trong ba bài mà em đã học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	II. Phần Tiếng Việt - Từ đơn, từ ghép, từ láy. - Nghĩa của từ. - So sánh. - Nhân hóa. - Ẩn dụ. - Điệp ngữ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS: Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:	III. Phần Tập làm văn - Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em. - Mở bài: Giới thiệu câu chuyện - Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện - Kết bài: Kết thúc của câu chuyện và cảm xúc của người viết

a.Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài. b.Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	2. Viết đoạn văn biểu cảm về một bài thơ, đoạn thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Mở đoạn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết. - Thân đoạn: Bài thơ gợi lên câu chuyện gì? Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật? Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao? - Kết đoạn: Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về 3 phân môn: Văn học, tiếng Việt, Tập làm văn.
b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Cho HS làm tham khảo 1 đề kiểm tra giữa kì văn lớp 6. (phiếu học tập số 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** - Giúp HS vận dụng kiến thức trong nửa đầu học kì I để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cs.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- Chia sẻ những khó khăn, thắc mắc của em trong quá trình học bộ môn ngữ văn.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV đánh giá và mở rộng kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Nắm toàn bộ nội dung kiến thức văn bản đọc, thực hành tiếng Việt
- Luyện tập nói, viết kể lại một trải nghiệm của em
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập toàn bộ kiến thức, chuẩn bị kiểm tra giữa học kì I

Phiếu học tập số 1

Bài	Văn bản	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
			Nghệ thuật	Nội dung

Đọc văn bản sau:

CHIẾC LÁ

Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!
- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.
- Bạn đừng có giấu! Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ rất biết ơn bạn?
- Thật mà! Cuộc đời tôi rất bình thường. Ngày nhỏ, tôi là một búp non. Tôi lớn dần lên thành một chiếc lá và cứ là chiếc lá như thế cho đến bây giờ.
- Thật như thế sao? Đã có lần nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vàng mặt trời đem lại niềm vui cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác gió thường rì rầm kể suốt đêm ngày chưa?
- Chưa. Chưa một lần nào tôi biến thành một thứ gì khác tôi cả. Suốt đời, tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường.
- Thế thì chán thật! Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng. Hoa ơi, bạn chỉ khéo bịa chuyện.
- Tôi không bịa chút nào đâu. Mỗi khi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi – những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.

(Theo *Những truyện hay viết cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương*, NXB

Kim Đồng, năm 2019)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích B. Truyền thuyết C. Truyện đồng thoại D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

- A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.
B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.
C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.
D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Câu 3. Văn bản trên sử dụng ngôi kể nào?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ba phương án

Câu 4. Em hiểu nghĩa của từ “*nhỏ nhoi*” trong câu “*Suốt đời, tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường.*” là gì?

- A. nhỏ và trông cân đối, dễ thương
- B. có kích thước ngắn
- C. không có gì khác thường, đặc biệt
- D. nhỏ bé, ít ỏi, mong manh

Câu 5. Tại sao chim sâu cho rằng “*Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng*”?

- A. Vì chim sâu tưởng rằng, hoa biết ơn chiếc lá thì lá phải làm được điều gì đó phi thường, kì diệu; nhưng khi hỏi lá, chim sâu thấy lá rất nhỏ nhoi, bình thường.
- B. Vì chim sâu nghĩ bông hoa đã hiểu sai về chiếc lá, hoa tưởng chiếc lá có thể biến thành quả, thành sao, thành vàng mặt trời đem lại nhiều niềm vui cho mọi người.
- C. Vì chim sâu không được bông hoa kính trọng và biết ơn như chiếc lá.
- D. Vì chim sâu nghĩ rằng bông hoa đã cố giấu mình rất nhiều điều thú vị về chiếc lá.

Câu 6. Vì sao bông hoa trong câu chuyện trên lại khẳng định: “*Mãi mãi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế.*”?

- A. Vì chiếc lá có thể biến thành một ngôi sao, thành vàng mặt trời đem lại niềm vui cho hoa và mọi người.
- B. Vì một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường nhưng suốt đời chiếc lá chưa một lần nào biến thành một thứ gì khác.
- C. Vì chính nhờ sự tồn tại của những chiếc lá bình thường như vậy mới có sự sống, sự sinh sôi, phát triển của cây.
- D. Vì bác gió thường rì rầm kể câu chuyện về cuộc đời chiếc lá suốt đêm ngày cho hoa và mọi người nghe.

Câu 7. Từ nào dưới đây không phải là từ ghép?

- A. Chiếc lá
- B. Rì rầm
- C. Bông hoa
- D. Chim sâu

Câu 8. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào qua những từ được gạch chân trong câu văn sau? *Đã có lần nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vàng mặt trời đem lại niềm vui cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác gió thường rì rầm kể suốt đêm ngày chưa?*

- A. Điệp ngữ
- B. So sánh
- C. Nhân hóa
- D. Ẩn dụ

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Từ văn bản trên, em rút ra cho mình những bài học gì trong cuộc sống?

Câu 10. Trong cuộc sống, có những người rất bình dị nhưng đóng góp của họ cho xã hội thật đáng trân trọng. Em hãy ghi lại những đóng góp tốt đẹp cho cuộc đời của những con người như vậy.

TIẾT 32: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết viết bài văn tự sự kể lại trải nghiệm của bản thân, bày tỏ cảm xúc trong khi kể.
- Hiểu được đặc điểm của bài văn tự sự và biết vận dụng kiến thức vào viết bài.
- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch BD, máy tính, tranh ảnh
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát tranh, đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: *Bức tranh minh họa cho sự việc gì trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”*

+ Hoàn thành phiếu học tập:

Dế Mèn kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào ?	
Em học được kinh nghiệm nào của Dế Mèn từ câu chuyện ?	
Ai là người kể chuyện ? Kể như vậy là sử dụng ngôi kể nào ?	

+ *Em có trải nghiệm nào đáng nhớ không ? Hãy chia sẻ trải nghiệm của em một cách ngắn gọn ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, sự sợ hãi hoặc tiếc nuối, v.v... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở bài **Tôi và các bạn**, các em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Trong bài số 1, các em đã rèn kỹ năng viết bài văn kể về một trải nghiệm. Vậy theo em, một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ theo ngôi thứ nhất cần có những yêu cầu gì?</i>	I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất; - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ; - Tập trung vào sự việc đã xảy ra;

+Yêu cầu mới cũng là yêu cầu cao hơn cho bài văn kể về một trải nghiệm ở tiết học này là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý; - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện; - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: <i>Bài viết tham khảo kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu nhầm trong tình bạn. Bài viết có cả bài học mà người viết rút ra từ câu chuyện đó.</i> - GV yêu cầu HS: Đọc bài viết tham khảo và hoàn thành nhiệm vụ + <i>Vì sao em biết câu chuyện này được kể theo ngôi thứ nhất?</i> + <i>Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?</i> + <i>Bài viết kể về trải nghiệm gì?</i> + <i>Những từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo trật tự thời gian và quan hệ nhân quả?</i> + <i>Những chi tiết nào miêu tả cụ thể thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?</i> + <i>Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?</i>	- Tóm tắt lại câu chuyện: - Trả lời các câu hỏi: + Người kể chuyện xưng “tôi”: <i>Tôi có nhiều trải nghiệm... Nhưng tôi vẫn muốn kể lại...</i> + Đoạn mở bài đã giới thiệu đây là một trải nghiệm buồn có ý nghĩa với người viết. + Trật tự thời gian: <i>Sáng thứ Hai, đúng lúc ấy, lúc quay vào, khi cô chủ nhiệm vào lớp, về nhà...; quan hệ nhân quả: thoáng nhìn thấy Duy nghĩ là Duy đã vẽ; hiểu lầm Duy ân hận, v.v...</i> + <i>Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngờ ngác như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ;...</i> + <i>Xấu hổ, ân hận, buồn, sợ hãi, v.v...</i> + Đoạn cuối: <i>Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân...</i>

+ Dòng, đoạn nào chỉ ra lý do đây là trải nghiệm có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ và hành động? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Nắm được dàn bài chung và cách viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân.

- Hoàn thiện bài văn sau khi đã được góp ý.

- Chuẩn bị bài mới: Nói và nghe kể về một trải nghiệm của em.

+ Yêu cầu hs lập dàn ý cho đề bài trên và tập nói trước gương.

* Phiếu học tập số 1

Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?	
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?	
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?	
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?	

Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?	

TUẦN 9 NGÀY SOẠN: 29/10/2023 TIẾT 33: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI TRẢI NGHIỆM CỦA EM (TT) TIẾT 34: ĐÁNH GIÁ VÀ CHỈNH SỬA BÀI VIẾT TIẾT 35+36: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

TIẾT 33: THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM (TT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết viết bài văn tự sự kể lại trải nghiệm của bản thân, bày tỏ cảm xúc trong khi kể.
- Hiểu được đặc điểm của bài văn tự sự và biết vận dụng kiến thức vào viết bài.
- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, máy tính, ti vi.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát tranh, đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: *Bức tranh minh họa cho sự việc gì trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”*

+ Hoàn thành phiếu học tập:

Dế Mèn kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào ?	
Em học được kinh nghiệm nào của Dế Mèn từ câu chuyện ?	
Ai là người kể chuyện ? Kể như vậy là sử dụng ngôi kể nào ?	

+ Em có trải nghiệm nào đáng nhớ không ? Hãy chia sẻ trải nghiệm của em một cách ngắn gọn ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, sự sợ hãi hoặc tiếc nuối, v.v... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở bài **Tôi và các bạn**, các em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. ? Liệt kê những sự việc đáng nhớ trong cuộc đời theo trình tự thời gian? Sự việc nào để lại cho ấn tượng sâu sắc và có ý nghĩa ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.(Phiếu số 1) HS:	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table><tr><td>Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?</td><td>.....</td></tr><tr><td>Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?</td><td>.....</td></tr><tr><td>Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?</td><td>.....</td></tr><tr><td>Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?</td><td>.....</td></tr></table>	Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?		Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?		Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?		Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?	
Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?									
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?									
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?									
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?									

- Xác định mục đích viết bài, người đọc? - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? 	
	Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em? 	
	c) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: Giới thiệu câu chuyện. - <u>Thân bài</u>: Kể diễn biến câu chuyện. + Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những người có liên quan. + Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lý: (Thời gian, không gian, nguyên nhân kết quả, mức độ quan trọng của sự việc....) * Sự việc 1 * Sự việc 2 * Sự việc 3 * ... - <u>Kết bài</u>: Nêu cảm xúc của người viết và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân. 2. Viết bài - Kể theo dàn ý - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng những yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật...	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành phiếu bài tập số 2

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong bài làm.

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Nắm được dàn bài chung và cách viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân.
- Hoàn thiện bài văn sau khi đã được góp ý.
- Chuẩn bị: Đánh giá và chỉnh sửa bài viết.

TIẾT 34: ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Trình bày đúng bố cục của một bài văn kể lại trải nghiệm của em.
- HS xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Hiểu được câu chuyện cần kể.
- Kể theo trình tự nhất định.
- Có thể hiện cảm xúc khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại.
- Có lòng nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Kế hoạch bài dạy; SGK, SGV
- Phiếu học tập, bảng phụ.
- Ti vi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HĐ 1: Khởi động:

a) Mục tiêu:

- a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về tiết Đánh giá và sửa bài.
- c. Sản phẩm: Bài làm của HS và phần giới thiệu của GV
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Chuyển giao nhiệm vụ: GV dẫn dắt yêu cầu của tiết học. Để bài làm hoàn chỉnh hơn, khắc phục những điểm chưa đạt, phát huy thế mạnh của bản thân. Thực hiện nhiệm vụ: HS nêu vai trò của tiết học. Báo cáo, thảo luận: HS trả lời Kết luận, nhận định: Nhận xét, bổ sung, kết luận. GV dẫn dắt bài mới.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Đánh giá và chỉnh sửa bài viết

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.
- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

b) Nội dung:

- GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.
- HS đọc bài viết, làm việc nhóm.

c) Sản phẩm: Bài đã sửa của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc và hoàn thành phiếu nhận xét B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm cặp B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập (Phiếu số 2) - HS trình bày sản phẩm, học sinh khác theo dõi, nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.	3. Đánh giá và sửa bài: Bài viết đã được sửa của HS

- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.

HD 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn mở hoặc kết hoặc 1 ý thân bài.

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HD 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:**

- HS xây dựng đoạn văn kể lại trải nghiệm đáng nhớ của em về lỗi lầm của mình.

b) **Nội dung:**

- HS làm bài.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xây dựng đoạn văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân em cùng người thân. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Bài viết của HS

* **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Xem lại các kiến thức liên quan đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Kiểm tra giữa học kì I.

Phiếu học tập số 2

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ và tên người chỉnh sửa:..... Họ và tên tác giả bài viết:

Đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau

1. Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm chưa?

.....

2. Nội dung bài viết được sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa?

.....

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có hãy viết rõ ý cần bổ sung)
.....
5. Có nên lược bỏ câu, đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có hãy viết rõ câu, đoạn cần lược bỏ).....
6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?
.....

TIẾT 35+36: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

- I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
 - Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ học kì I đến giữa kì I.
 - + Văn bản: Hệ thống các kiến thức về thể loại Truyện đồng thoại, thơ, truyện ngắn.
 - + Tiếng việt: Từ đơn, phức; nghĩa của từ, các biện pháp tu từ.
 - + Làm văn: Văn tự sự
 - Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
 - Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình
- II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN**

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề bài, đáp án, biểu điểm, giấy thi, bút, ...

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỎI TẬP KÈM THEO)
- III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN**
 - Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
 - Thời gian: 90 phút

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức								Tổng % số điểm
1			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	Đọc hiểu	Văn bản thơ									
	Số câu		4	0	3	1	0	1	0	1	10
	Tỉ lệ		20		15	10		10		5	60

2	Viết	Kể lại một trải nghiệm		1*		1*		1*		1*	
	Số câu		0	1	0	1	0	1	0	1	1
	Tỉ lệ			10		15		10		5	40
Tỉ lệ % các mức độ			70				30				100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: Nhận biết được thể thơ, số tiếng, phương thức biểu đạt của bài thơ lục bát. Thông hiểu: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ; -Nêu được biện pháp tu từ, nghĩa của từ Vận dụng: - Trình bày được thông điệp, về cách nghĩ gợi ra từ văn bản.	4TN	3TN 1TL	1TL	1TL
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Nhận biết: viết đúng thể loại văn tự sự. Bố cục rõ ràng. Thông hiểu: Biết sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lý. Vận dụng: biết huy động vốn trải nghiệm của bản thân để làm bài. Biết rút ra bài học ý nghĩa từ trải nghiệm. Vận dụng cao: cách kể linh hoạt, biết thể hiện	1*	1*	1*	1TL*

			cảm xúc chân thành, trải nghiệm có ý nghĩa sâu sắc.				
Tổng				4TN-1TL	3TN-2TL	2TL	2TL
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH Trường THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2022-2023 Môn: Ngữ văn – Lớp 6 <u>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)</u>

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu (từ câu 1 đến câu 7) bằng cách lựa chọn đáp án đúng nhất.

MẸ

Lặng rồi cả tiếng con ve,
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
 Nhà em vẫn tiếng ả òi,
 Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru,
 Lời ru có gió mùa thu,
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về,
 Những ngôi sao thức ngoài kia,
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con,
 Đêm nay con ngủ giấc tròn,
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh, theo *Thơ chọn với lời bình*, NXB GD, 2002, tr 28-29)

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát
 B. Thơ tám chữ
 C. Thơ tự do
 D. Thơ sáu chữ

Câu 2 (0,5 điểm). Trong bài thơ, những âm thanh nào được tác giả nhắc đến?

- A. Tiếng gió, tiếng quạt, tiếng ve
 B. Tiếng ve, tiếng ru ả òi, tiếng văng
 C. Tiếng ve, tiếng gió, tiếng văng
 D. Tiếng ve, tiếng gió, tiếng ả òi.

Câu 3 (0,5 điểm). Mỗi cặp câu trong bài thơ trên có mấy tiếng?

- A. 6 – 6 tiếng
 C. 6 – 8 tiếng

B. 7 – 8 tiếng

D. 8 – 8 tiếng

Câu 4. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là:

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Nghị luận

D. Miêu tả

Câu 5 (0,5 điểm). Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu thơ sau?

“Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.”

A. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

B. So sánh

D. Hoán dụ

Câu 6 (0,5 điểm). Dòng nào nêu đúng nội dung của bài thơ trên?

A. Thời tiết nắng nóng khiến cho những chú ve cũng cảm thấy mệt mỏi.

B. Bàn tay mẹ nuôi nấng con.

C. Nỗi vất vả cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu vô bờ bến mẹ dành cho con.

D. Bài thơ nói về việc mẹ hát ru và quạt cho con ngủ.

Câu 7. (0,5 điểm) Theo em từ “giấc tròn” trong bài thơ có nghĩa là gì?

A. Giấc ngủ trọn vẹn, ngon lành.

B. Con ngủ mơ thấy trái đất tròn.

C. Không chỉ là giấc ngủ mà còn là cả cuộc đời con.

D. Con ngủ chưa ngon giấc.

***Trả lời câu hỏi sau:**

Câu 8 (1.0 điểm). Bài thơ thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ?

Câu 9 (1,0 điểm). Em hãy kể ra những việc làm thể hiện tình cảm của em dành cho cha mẹ của mình.

Câu 10 (0,5 điểm): Cảm nhận của em về câu thơ: “*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*”

Trình bày từ 3 đến 5 câu.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ nhất của em.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

* ĐỀ

Phần I: Nội dung đọc hiểu

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7	
Phương án trả lời	A	B	C	B	B	C	A	
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	

2. Trắc nghiệm tự luận

Câu 8: (1 điểm)

Mức 1 (1 đ)	Mức 2 (0,5 đ)	Mức 3 (0đ)
- Yêu cầu: HS có thể nêu được các ý sau đây: Tình yêu thương của người con với mẹ Tình yêu thương, lòng biết ơn, kính trọng mẹ.	- HS nêu được 1 ý	Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 9: (1 điểm)

Mức 1 (1 đ)	Mức 2 (0,5 đ)	Mức 3 (0đ)
- Yêu cầu: HS có thể nêu được các ý chung hoặc cụ thể một số việc, sau đây là 1 số gợi ý: -Giúp cha mẹ làm việc nhà; -Chăm sóc cha mẹ ốm, chia sẻ, động viên mẹ; -Chăm chỉ học tập; - Biết ơn, vâng lời, lễ phép; - Nói lời yêu thương; - Sống tốt, không tham gia vào tệ nạn xã hội; - Chăm chỉ học hành; HS nêu ít nhất 4 việc làm – 1,0	- HS nêu được từ 2 đến 3 việc làm(0,5 đ) - Học sinh nêu được 1 việc làm 0,25 điểm:	Trả lời sai hoặc không trả lời.

Nếu HS chỉ nêu 1 ý thì chấm 0,5 điểm, 2 ý chấm 0,75 điểm. Từ 3 ý trở lên cho 1 điểm.		

Câu 10 (0.5 điểm)

Mức 1 (0,5 đ)	Mức 2 (0,25 đ)	Mức 3 (0đ)
HS có thể nêu cảm nhận như sau: - Nghệ thuật: Câu thơ “Mẹ là ngọn gió của con suốt đời” sử dụng phép so sánh. - Nhịp điệu câu thơ nhẹ nhàng, êm ái. - Tác dụng: Câu thơ khẳng định một cách thấm thía tình mẹ bao la, vĩnh hằng nhất. <i>Lưu ý: HS có thể trình bày cách khác nhưng hợp lí vẫn tính điểm. Giáo viên nên linh hoạt ghi điểm cho học sinh ở câu này, nên trân trọng những bài có cách trả lời hay, sáng tạo.</i>	Học sinh nêu được nghệ thuật	Trả lời nhưng không chính xác, không liên quan đến câu hỏi, hoặc không trả lời.

Phần II: VIẾT (4 điểm)

PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (4,0 ĐIỂM)

A. BẢNG ĐIỂM CHUNG CHO TOÀN BÀI:

Tiêu chí	Điểm
1. Cấu trúc bài văn	05
2. Nội dung	2.0
3. Trình bày, diễn đạt	1.0
4. Sáng tạo	0.5

B. BẢNG CHẤM ĐIỂM CỤ THỂ CHO TỪNG TIÊU CHÍ

1.Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.5 điểm)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú

0.5	Bài viết đủ 3 phần: Phần mở bài, thân bài, kết bài; phần thân bài: biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau .	- Mở bài: Giới thiệu kỉ niệm đáng nhớ mà em định kể.
0.25	Bài viết đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có một đoạn	- Thân bài: kể chi tiết từ đầu đến cuối kỉ niệm.
0.0	Chưa tổ chức bài văn gồm 3 phần(thiếu phần mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn	- Kết bài: Cảm nghĩ của em về kỉ niệm.

2. Tiêu chí 2: Nội dung (2.0 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
2.0 điểm	HS có thể kể kỉ niệm đáng nhớ theo các cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	Bài văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được các nội dung sau: - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện. - Diễn biến câu chuyện.
0.5 điểm	a. Giới thiệu chung	
	Hoàn cảnh: Kỉ niệm xảy ra vào thời gian nào? Ở đâu?	
1,5 điểm	b. Diễn biến	
	- Kể lại kỉ niệm theo một trình tự cụ thể (nguyên nhân, diễn biến, kết thúc) - Suy nghĩ, cảm nhận của em về kỉ niệm: Trân trọng, ghi nhớ... - Bài học rút ra cho bản thân	
1.0- 1.5	- HS kể đúng về kỉ niệm đáng nhớ nhưng chưa kể đúng trình tự hoặc thiếu hoàn cảnh diễn ra sự việc.	
0.5	- HS kể đúng về kỉ niệm đáng nhớ nhưng diễn biến thiếu ý, không rút ra được bài học cho bản thân	
0.0	Bài làm quá sơ sài hoặc không làm bài	

3. Tiêu chí 3: Diễn đạt, trình bày (1.0 điểm)

Điểm	Mô tả tiêu chí

0.75 – 1.0	- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa
0.5	- Mặc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, trình bày chưa sạch sẽ...
5. Tiêu chí 4: Sáng tạo (0.5 điểm)	
Điểm	Mô tả tiêu chí
0.5	Có sáng tạo trong cách kể, trình tự kể
0.25	Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét
0.0	Chưa có sáng tạo

.....**Hết**.....

TUẦN 10

NGÀY SOẠN: 5/11/2023

TIẾT 37: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 38: TRẢ BÀI KIỂM TRA

TIẾT 39, 40: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (THẠCH LAM)

TIẾT 37: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết sử dụng cụm danh từ để mở rộng thành phần câu, viết đoạn văn.
- Trình bày dễ hiểu, tự tin các ý tưởng liên quan đến bài học; biết cách phản hồi ý kiến một cách hiệu quả.

- Năng lực văn học: Hiểu được và phân tích được tác dụng của việc sử dụng cụm danh từ khi mở rộng thành phần câu.
- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, máy tính
- Phiếu bài tập
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV tổ chức trò chơi ôn lại kiến thức* : trong vòng 1p hãy tìm các danh từ xuất hiện trong phạm vi học tập của em.
- *GV Sử dụng PP vấn đáp:* Lấy 1 danh từ mà học sinh vừa tìm được yêu cầu: Hãy tìm các từ có thể kết hợp phía trước, phía sau danh từ đó?
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày sản phẩm.*
- *GV đánh giá công bố kết quả, kết nối bài học:* Khi kết hợp các từ ngữ cùng với danh từ sẽ tạo thành cụm danh từ. Vậy, cụm danh từ là gì? Cấu tạo ra sao? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong tiết thực hành tiếng việt ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Giúp học sinh:

- Nhận biết được cụm danh từ.
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ;

b. Nội dung: Học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để hiểu hiểu được đặc điểm của cụm danh từ và tác dụng của việc sử dụng cụm danh từ để mở rộng câu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: Ngữ liệu 1- nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: ? Xác định CN, VN trong 2 VD trên.	I. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ 1. Xét VD: (a) Tuyết rơi. (b) Tuyết trắng rơi đầy trên đường.

? So sánh hai câu, nhận xét sự khác nhau về cấu tạo của thành phần chính? Dùng cụm từ bổ sung thông tin gì cho câu? (1) Tuyết/ rơi. CN VN (2) Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường. CN VN - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày sản phẩm - Dự kiến sản phẩm: + Câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ; + Câu (2), mỗi thành phần chính của câu là một cụm từ; + Chủ ngữ <i>tuyết trắng</i> cụ thể hơn <i>tuyết</i> vì có thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết; + Vị ngữ <i>rơi đầy trên đường</i> cụ thể hơn <i>rơi</i> vì có thông tin về mức độ và địa điểm rơi của tuyết. - GV đánh giá * Nhiệm vụ 2: Cấu tạo cụm danh từ Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm cụm danh từ trong câu cho trước - Điền vào mô hình cấu tạo của CDT - HS tiếp nhận nhiệm vụ trình bày vào bảng phụ HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ độc lập Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động bằng thuyết trình - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	2. Kết luận: - Thành phần chính của câu có thể là từ và có thể là một cụm từ. - Dùng cụm từ là thành phần chính của câu cung cấp nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. I. Cụm danh từ 1. Tìm cụm danh từ trong câu: Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời. 2. Kết luận : - CDT có cấu tạo 3 phần...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về cụm danh từ để làm các bài tập nhằm củng cố kiến thức đã học

b) **Nội dung:** GV tổ chức các hoạt động dạy học để hướng dẫn học sinh hoàn thành các bài tập

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của các bài tập 1,2,3,4

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 - 4 SGK trang 66; - GV yêu cầu HS + HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1,2 Tr 66.	II. Bài tập Bài tập 1 SGK trang 66 Cụm danh từ trong các câu là: a. – <i>khách qua đường</i> (<i>khách</i>: danh từ trung tâm; <i>qua đường</i>: phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm);

+ HS thảo luận nhóm và hoàn thành 4 bài tập tr 66.67. - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. - GV quan sát, giúp đỡ HS nếu cần. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau. - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. Gv hỏi bổ sung: <i>Cụm danh từ thường giữ chức vụ gì trong câu?</i>	- <i>lời chào hàng của em</i> (<i>lời</i>: danh từ trung tâm; <i>chào hàng, của em</i>: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm); b. – <i>tất cả các ngọn nến</i> (<i>ngọn nến</i>: danh từ trung tâm; <i>tất cả các</i>: phần phụ trước, bổ sung ý nghĩa chỉ tổng thể sự vật (<i>tất cả</i>) và chỉ số lượng (<i>các</i>)); - <i>những ngôi sao trên trời</i> (<i>ngôi sao</i>: danh từ trung tâm; <i>những</i>: phần phụ trước, chỉ số lượng; <i>trên trời</i>: phần phụ sau, miêu tả, hạn định danh từ trung tâm). Bài tập 2 SGK trang 66 - Chỉ ra cụm danh từ đó nằm trong câu nào, đoạn nào của VB: đoạn cuối của VB; - Cụm danh từ: <i>Tất cả những que diêm còn lại trong bao</i> Danh từ trung tâm: <i>que diêm</i> Tạo ra ba cụm danh từ khác: + <i>Những que diêm cháy sáng lấp lánh;</i> + <i>Một que diêm bị ngấm nước;</i> + <i>Rất nhiều que diêm trong hộp diêm ấy.</i> - Cụm danh từ: <i>buổi sáng lạnh lẽo ấy</i> Danh từ trung tâm: <i>buổi sáng</i> Tạo ra ba cụm danh từ khác: + <i>Buổi sáng hôm nay;</i> + <i>Những buổi sáng nắng đẹp;</i> + <i>Một buổi sáng ấm áp.</i> - Cụm danh từ: <i>một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười</i> Danh từ trung tâm: <i>em gái</i> Tạo ra ba cụm danh từ khác: + <i>Em gái tôi;</i> + <i>Em gái có mái tóc dài đen óng;</i> + <i>Hai em gái có cặp sách màu hồng.</i> Bài tập 3 SGK trang 66 a. – <i>Em bé vẫn lang thang trên đường.</i> (Chủ ngữ là danh từ <i>em bé</i>). - <i>Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.</i> (Chủ ngữ là cụm danh từ <i>em bé đáng thương, bụng đói rét</i>). b. – <i>Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.</i> (Chủ ngữ là danh từ <i>em gái</i>).

* Bài 5: Bài tập về nhà - GV yêu cầu HS đọc và tự hoàn thành bài tập 4 và SGK trang 67 vào vở bài tập. phần bài tập này sẽ giao về nhà - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	- Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối. (Chủ ngữ là cụm danh từ <i>một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất</i>). - Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp nhiều thông tin hơn chủ ngữ là danh từ. - Hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ : + Cung cấp thông tin về chủ thể của hành động (<i>em bé</i>) + Cho thấy ý nghĩa về số lượng (một) và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em (<i>đáng thương, bụng đói rét; nhỏ, đầu trần, chân đi đất</i>). -> Những câu văn có chủ ngữ là cụm danh từ còn cho thấy thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm. Bài tập 4 SGK trang 67 a. <i>Gió vẫn thổi rít vào trong nhà</i> - Chủ ngữ: Gió; - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: <i>những cơn gió lạnh</i>. b. <i>Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng</i> - Chủ ngữ: Lửa ; - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: <i>Ngọn lửa hồng</i>.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

d. **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn khoảng 5-7 câu về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà trên thiên đường, trong đó có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

GV có thể gợi ý: Khi gặp lại người bà của mình, khung cảnh lúc đó như thế nào? Trông bà của cô bé bán diêm như thế nào? Có ai khác ngoài hai bà cháu không? Bà đã hỏi cô bé bán diêm những gì và cô bé bán diêm đã kể với bà điều gì?, v.v...

HS đưa ra một số chi tiết tưởng tượng hợp lý, hấp dẫn.

B3: Thực hiện nhiệm vụ :

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà

B4: Kết luận, nhận định: GV cho HS quan sát đoạn văn mẫu

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: toàn bộ nội dung kiến thức về cụm danh từ
- Chuẩn bị bài mới: Trả bài kiểm tra giữa kì I

CÁC PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP

- **Thành viên:**

- **Nhiệm vụ:** Tìm cụm danh từ, viết vào bảng cấu tạo

a. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

=> Bảng cấu tạo cụm danh từ:

Phần phụ trước	Danh từ trung tâm	Phần phụ sau

TIẾT 38: TRẢ BÀI KIỂM TRA

I- Mục tiêu cần đạt : Giúp HS :

1- Về kiến thức :

- Đánh giá được những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết của mình về phương diện: nội dung kiến thức ở cả ba phân môn.

2- Về năng lực:

- Đánh giá lại các kĩ năng làm bài cơ bản về văn bản, TV, TLV, đặc biệt là TLV.

3- Về phẩm chất:

- Phẩm chất: trách nhiệm với bài viết của mình.

II- Thiết bị và học liệu:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục, bài kiểm tra giữa kì I.

III- Tổ chức các hoạt động dạy và học

Hoạt động 1: Khởi động. (5')

a- *Mục tiêu:* Giúp Hs nắm yêu cầu của tiết trả bài

b- *Nội dung:* Tiết trả bài.

a- *Sản phẩm:* Trả lời của HS

b- *Tổ chức thực hiện:*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Gv nêu yêu cầu. Theo em tiết trả bài có vai trò như thế nào đối với môn Ngữ văn. B2: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nhận xét, dẫn dắt yêu cầu bài	

Hoạt động 2: Tổ chức trả bài (28')

a- *Mục tiêu:* Giúp Hs nắm lại yêu cầu đề bài; lập dàn ý cho đề bài.

b- *Nội dung:* Bài kiểm tra giữa kì.

c- *Sản phẩm:* Bài viết của HS.

d- *Tổ chức thực hiện:*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV I	I- Tìm hiểu những yêu cầu của đề

<i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - GV chiếu lại đề bài, yêu cầu HS đọc lại đề bài. - GV yêu cầu HS phân tích đề: chỉ ra các yêu cầu về nội dung và hình thức từng câu trong đề bài. <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chỉ ra yêu cầu về nội dung và hình thức của từng câu trong đề. <i>Báo cáo, thảo luận:</i> HS trình bày cá nhân yêu cầu. <i>Nhận xét, kết luận:</i> Nhận xét, bổ sung, kết luận. NV 2 B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chiếu từng bài của HS, nhận xét, trả bài cho Hs. B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem bài B3: Báo cáo, thảo luận: HS nêu nhận xét. B4: Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, bổ sung phần trả lời của HS và kết luận và trả bài cho HS. NV 3: B1: GV cho HS tự nhận xét bài viết của mình (ưu, nhược điểm) từ việc đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu vừa nêu. B2: HS tự nhận xét B3: HS trình bày cá nhân B4: GV nêu nhận xét của mình về bài viết của HS : NV 4: B1: GV thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi. - GV lưu ý giúp HS nắm kỹ những hạn chế của bài kiểm tra, phát huy ưu điểm của bài. + Ưu điểm: Chữ viết của 1 số bạn rõ ràng, đẹp, có ý tưởng cho bài làm.	1- Đề bài. 2- Chữa bài (theo HDC đề kiểm tra giữa kì I) II- Trả bài III- Nhận xét 1- Hs đọc và tự nhận xét 2- Gv nhận xét chung a- Ưu điểm: - Phần Đọc- hiểu. - Phần Tập làm văn: b- Tồn tại: - Phần TLV IV- Chữa lỗi điển hình - Chính tả. - Chấm câu. - Diễn đạt. V- Đọc, bình các bài viết tốt và bài viết yếu - Bài tốt: - Bài nhiều hạn chế:

+ Hạn chế: Rất nhiều bạn chưa nắm rõ cách làm văn, bài làm sơ sài, chưa biết tạo cho bài kể trở nên lôi cuốn, hấp dẫn người đọc; lỗi chính tả, ngữ pháp còn nhiều, .. B2: HS theo dõi B3: HS nêu những lỗi đã mắc ở bài làm. B4: GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. NV 5: B1: GV chọn một bài viết tốt cho HS đọc, bình để học tập. GV cho học sinh đọc bài viết tốt và bài viết yếu kém. B2: HS chuẩn bị nội dung bài đọc. B3: HS đọc B4: Nhận xét, tuyên dương.	

Hoạt động 3: Vận dụng. (5')

a- Mục tiêu: Vận dụng nội dung trả bài

b- Nội dung: Xây dựng đoạn văn tự sự

c- Sản phẩm: Bài làm của HS

d- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Áp dụng phần rút kinh nghiệm để chữa lỗi trong bài. Viết lại đoạn văn hoàn chỉnh sau khi đã sửa chữa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HĐ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo.

+ HS khác nhận xét bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định:

Hoạt động 4: Tìm tòi mở rộng (5')

- Học, nắm chắc lại kiểu bài tự sự.

- Đọc thêm một số bài văn tự sự có vận dụng các yếu tố.... trong sách tham khảo.

*** Hướng dẫn tự học: (2')**

- Kiểm tra lại bài làm.

- Rút kinh nghiệm, học hỏi những các bài làm tốt.

- Chuẩn bị bài: Gió lạnh đầu mùa.

TIẾT 39, 40: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (THẠCH LAM)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết đọc - hiểu văn bản truyện.

- Biết kể tóm tắt văn bản.

- Biết so sánh những điểm giống và khác nhau của hai văn bản (nhân vật,...)
- Biết viết đoạn văn.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét, phân tích được tác dụng của một số yếu nghệ thuật trong truyện khi người kể chuyện kể ở ngôi thứ ba.
- Nhận biết được chủ đề và ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho bản thân.
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về văn bản và tác động của văn bản đối với bản thân.
- Nhân ái: Cảm thông, yêu thương, chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.
- Trung thực: Thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình. Biết nhận khuyết điểm của bản thân để sửa chữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, máy chiếu, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Gió lạnh đầu mùa*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ *Hãy kể một sự giúp đỡ mà em đã từng dành cho ai đó, hoặc em đã từng được đón nhận?*

B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ cá nhân.

B3. Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

B4. Kết luận, nhận định: *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong cuộc sống tình yêu thương và chia sẻ là điều vô cùng quý giá. Như cây cần ánh sáng, con người cần tình yêu thương để nuôi dưỡng tâm hồn. Điều kì diệu nhất của tình yêu thương là càng chia sẻ lại càng giàu có; là cùng mang đến niềm vui và hạnh phúc cho cả người đón nhận và người trao tặng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Đọc văn bản	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:

?Hãy đọc SGK trang 73 , giới thiệu những hiểu biết của em về nhà văn Thạch Lam, tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” ? Em kể tên truyện của tác giả?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức : **Một số tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Thạch Lam:**Tác phẩm tiêu biểu: *Gió lạnh đầu mùa, Cô hàng xén, Nhà mẹ Lê, Hà Nội ba mươi sáu phố phường...*Các tác phẩm của ông ẩn chứa niềm tin yêu, trân trọng đối với thiên nhiên và con người.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:

+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?

+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.

+ Hãy nêu tóm tắt những sự việc chính của câu chuyện?

+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

1. Tác giả:

- Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh (1910 – 1942)

- Quê gốc Hà Nội, thuở nhỏ sống ở quê ngoại Hải Dương.

- Ông là nhà văn thành công với thể loại truyện ngắn; cách viết văn bình dị, giàu cảm xúc và đậm chất thơ.

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: “Gió lạnh đầu mùa” là truyện ngắn đặc sắc rút ra từ tập truyện cùng tên của Thạch Lam, năm 1937

- PTBD: tự sự

? Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?

-Ngôi kể : Thứ ba

-Thể loại: truyện ngắn;

- Sự việc chính

- Bố cục:

+ Đoạn 1: Từ đầu... Sơn thấy mẹ hơi rom róm nước mắt: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh;

+ Đoạn 2: Tiếp... trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;

+ Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS, phiếu học tập, sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

II. Khám phá văn bản

NV1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV lần lượt yêu cầu HS:

? *Tìm những chi tiết miêu tả những đổi thay của đất trời khi mùa đông đến ?*

+ *Sau khi đọc VB **Gió lạnh đầu mùa**, em thấy gia đình Sơn có điều kiện như thế nào? Dựa vào đâu em có nhận định đó?*

+ *Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩa của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

+ *Dưới sự quan sát, cảm nhận của Sơn, hình ảnh những người bạn xóm chợ hiện lên như thế nào khi mùa đông đến ? Đặc biệt, người bạn nhỏ nào được chú ý hơn cả, vì sao?*

+ *Điều đó cho thấy sự khác biệt như thế nào giữa cuộc sống của chị em Sơn và các bạn của mình?*

+ *Tìm những chi tiết thể hiện thái độ, hành động của Chị em Sơn với các bạn nhỏ của mình, đặc biệt với Hiên? Thái độ, hành động ấy thể hiện điều gì?*

+ *Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?*

+ *Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao? Nếu là Sơn, em sẽ làm gì?*

Phiếu học tập

Câu 1	Câu 2

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Nhân vật Sơn và Lan:

a. Buổi sáng khi ở trong nhà

-> Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật

=> Sơn là một cậu bé giàu tình cảm, biết yêu thương quan tâm người thân.

b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ

- Thái độ hòa đồng, quan tâm thật lòng, thương những đứa trẻ nghèo, vui vì cảm thấy mình đã làm được việc ý nghĩa.

c. Thái độ, hành động của chị em Sơn sau khi vú già biết chuyện cho áo bạn:

-> Lối miêu tả chân thực, tự nhiên, phù hợp với tâm lý trẻ thơ.

=> Làm nổi bật sự lo lắng, sợ hãi rất trẻ con của nhân vật.

2. Tấm lòng của những người mẹ

a. Mẹ của Hiên

Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ

b. Mẹ của Sơn

- Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.

? Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên ?	? Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào?	
? Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật Sơn ?		
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Không gian xung quanh khi Sơn và chị Lan đi chơi được miêu tả trong cái lạnh và nghèo, bẩn; + Hiên và những đứa trẻ khác ăn mặc phong phanh, rách rưới, vá vúi, không đủ ấm. Chúng rất thích chơi với Sơn và Lan nhưng chúng không dám thái quá. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức NV 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS + <i>Em có nhận xét gì về thái độ, hành động, cách cư xử giữa 2 nhân vật mẹ của Sơn và mẹ của Hiên?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ: - Dự kiến sản phẩm: * Mẹ của Hiên: - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con - Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo: + Khép nép, nói tránh, tự trọng. * Mẹ của Sơn: - Cách cư xử nhân hậu, tế nhị. - Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.		- Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Miêu tả tinh tế 2. Nội dung Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.

NV4:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- *GV yêu cầu HS:* Viết một đoạn văn 5 đến 7 câu, nêu cảm nhận của em về 1 chi tiết em thấy thích trong truyện “*Gió lạnh đầu mùa*”

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, trả lời.

B3. Báo cáo, thảo luận: Hs khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu câu trả lời chưa chính xác)

B4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi tự luận*

HS nêu nhận xét về giọng văn Thạch Lam.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Viết hoàn chỉnh đoạn văn

- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt

- Đọc kĩ VB và trả lời các câu hỏi trong SGK

Phiếu học tập

Câu 1

Câu 2

? Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên ?

? Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào?

TUẦN 11

NGÀY SOẠN: 11/11/2023

TIẾT 41: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 42: NÓI VÀ NGHE: KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

TIẾT 43: ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 44: BÀI 4

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “ CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC”

TIẾT 41: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Biết sử dụng cụm động từ để mở rộng thành phần câu, viết đoạn văn.
- Trình bày dễ hiểu, tự tin các ý tưởng liên quan đến bài học; biết cách phản hồi ý kiến một cách hiệu quả.
- Hiểu được và phân tích được tác dụng của việc sử dụng cụm động từ khi mở rộng thành phần câu.
- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học, máy tính, tranh ảnh
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ Em hãy nhắc lại nội dung của cụm danh từ trong bài học trước ?

+ Trò chơi :đuổi hình bắt chữ (quan sát tranh)

Bước 1: Tìm tính từ, động từ được gợi ý từ các hình ảnh minh họa?

Bước 2: Từ các động từ, tính từ vừa tìm được, hãy thêm vào phía trước/ phía sau chúng những từ ngữ phụ thuộc để tạo thành cụm từ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- Dự kiến sản phẩm:

+ Động từ: tặng, cảm ơn, nhìn, bước, cười....

+ Cụm động từ: đã tặng, cảm ơn lòng tốt của bạn, đang nhìn, sắp bước, cười rất tươi....

+ Tính từ: vui vẻ, đẹp, rét, ...

+ Cụm tính từ: rất vui vẻ, đẹp quá, quá rét...

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a. Mục tiêu: Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và phân tích được tác dụng của nó trong việc mở rộng thành phần chính của câu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Tìm CĐT trong câu + Hoàn thành phiếu học tập số 1 + Với cụm động từ vừa tìm được, từ động từ trung tâm, em hãy tạo ba cụm động từ khác? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	I. Cụm động từ 1. Ví dụ: Nó không mặc áo rét + CĐT : không <u>mặc</u> áo rét PT ĐT PS + 3 cụm động từ khác với động từ trung tâm “mặc”: đã mặc áo bông, sẽ mặc áo mới khi đi học, mặc áo mưa... 2. Cụm động từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: động từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về thời gian, khẳng định/phủ định, tiếp diễn

NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS + <i>Tìm CTT trong câu</i> + <i>Hoàn thành phiếu học tập số 1</i> + <i>Với cụm tính từ vừa tìm được, từ tính từ trung tâm, em hãy tạo ba cụm tính từ khác?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về đối tượng, địa điểm, thời gian. I. Cụm tính từ 1. Tìm cụm tính từ trong những câu sau: Ví dụ: Trời vẫn rét quá. + CTT: vẫn <u>rét</u> quá PT TT PS + Ba cụm tính từ khác với tính từ trung tâm “rét”: còn rét sâu, chưa rét quá, rét như cắt da cắt thịt. 2. Cụm tính từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: tính từ + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,... + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: cụm động từ, cụm tính từ.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 1, 2, 3 SGK trang 74;	II. Bài tập 1. Bài tập 1 SGK trang 74 - Tìm một cụm động từ trong VB <i>Gió lạnh đầu mùa</i>. Ví dụ: <i>chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng</i>;

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức Ghi lên bảng.	- Xác định động từ trung tâm: động từ <i>chơi</i>; - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác: + <i>đang chơi ở ngoài sân</i>; + <i>đang chơi kéo co</i>; + <i>chơi trốn tìm</i>. 2. Bài tập 2 SGK trang 74 <table><tr><th></th><th>Cụm động từ</th><th>Động từ trung tâm</th><th>Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung</th></tr><tr><td>a.</td><td>- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng</td><td>- Nhìn - Thấy</td><td>- Hướng, địa điểm của hành động <i>nhìn</i>; - Đối tượng của hành động <i>thấy</i>.</td></tr><tr><td>b.</td><td>- Lật cái ví buồm; - Lục đồng quần áo rét.</td><td>Lật; - Lục.</td><td>Đối tượng của hành động <i>lật, lục</i>.</td></tr><tr><td>c.</td><td>Hăm hờ chạy về nhà lấy quần áo</td><td>Chạy</td><td>Cách thức, hướng, địa điểm của hành động <i>chạy</i>.</td></tr></table> 3. Bài tập 3 SGK trang 74 Tìm thêm trong VB <i>Gió lạnh đầu mùa</i> hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ: (1) Chị Sơn và mẹ Sơn <i>đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống</i>. (2) Mẹ Sơn <i>lật cái ví buồm, lục đồng quần áo rét</i>. (3) Sơn <i>lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van</i>. Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3:		Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung	a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động <i>nhìn</i> ; - Đối tượng của hành động <i>thấy</i> .	b.	- Lật cái ví buồm; - Lục đồng quần áo rét.	Lật; - Lục.	Đối tượng của hành động <i>lật, lục</i> .	c.	Hăm hờ chạy về nhà lấy quần áo	Chạy	Cách thức, hướng, địa điểm của hành động <i>chạy</i> .
	Cụm động từ	Động từ trung tâm	Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung														
a.	- Nhìn ra ngoài sân - Thấy đất khô trắng	- Nhìn - Thấy	- Hướng, địa điểm của hành động <i>nhìn</i> ; - Đối tượng của hành động <i>thấy</i> .														
b.	- Lật cái ví buồm; - Lục đồng quần áo rét.	Lật; - Lục.	Đối tượng của hành động <i>lật, lục</i> .														
c.	Hăm hờ chạy về nhà lấy quần áo	Chạy	Cách thức, hướng, địa điểm của hành động <i>chạy</i> .														

NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lần lượt đọc bài tập 4, 5, 6 SGK trang 74 – 75; - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	trạng thái <i>lo quá</i> ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả <i>sắp ăn, bỏ bữa đứng dậy, van</i>. 4. Bài tập 4 SGK trang 74 - Tìm một cụm tính từ trong truyện <i>Gió lạnh đầu mùa: đã cũ</i>. - Xác định tính từ trung tâm: <i>cũ</i>. - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm: + <i>chưa cũ</i>; + <i>cũ lắm</i>; + <i>rất cũ</i>. 5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75 <table><tr><td></td><td>Cụm tính từ</td><td>Tính từ trung tâm</td><td>Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung</td></tr><tr><td>a.</td><td>Trong hơn mọi hôm</td><td>Trong</td><td>Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh</td></tr><tr><td>b.</td><td>Rất nghèo</td><td>Nghèo</td><td>Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ</td></tr></table> 6. Bài tập 6 SGK trang 75 Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ: a. Trời rét Trời rét hơn mọi hôm; b. Tòa nhà cao Tòa nhà cao quá; c. Cô ấy đẹp Cô ấy đẹp vô cùng.		Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung	a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh	b.	Rất nghèo	Nghèo	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ
	Cụm tính từ	Tính từ trung tâm	Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung										
a.	Trong hơn mọi hôm	Trong	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh										
b.	Rất nghèo	Nghèo	Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ										

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Em hãy tưởng tượng mình là một trong các nhân vật: Sơn, Lan, mẹ Sơn, Hiền, mẹ Hiền và viết đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của nhân vật đó về hành động đem áo cho Hiền của Sơn, trong đoạn văn có ít nhất một cụm động từ, một cụm tính từ.

- *GV gợi ý:* Nếu là Hiền, em có thể nêu cảm xúc của Hiền khi nhận được chiếc áo. Nếu là Sơn, Lan, em có thể nêu cảm xúc khi cho Hiền chiếc áo. Tương tự như vậy với mẹ Sơn và mẹ Hiền.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc và nắm được đặc điểm của cụm động từ, cụm tính từ

- Lấy ví dụ về động từ rồi phát triển thành cụm động từ, cụm tính từ và đặt câu

- Chuẩn bị bài mới: Nói và nghe Kể về một trải nghiệm của em.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 42: NÓI VÀ NGHE: KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Học sinh có ý thức chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học

- Học sinh tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến trong quá trình học tập. Trình bày 1 cách tự tin ý kiến của mình.

- Biết phá thiện, phân tích, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học.

- Biết nói về trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. Trình bày dễ hiểu, tự tin các ý tưởng liên quan đến bài học; biết cách phản hồi ý kiến một cách hiệu quả.

- Năng lực văn học: Hiểu được đặc điểm của bài văn tự sự.

- Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch BD, máy tính

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video và trả lời câu hỏi của GV.

c) **Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nghe và xem một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện.

? Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	1. <u>Trước khi nói</u> a. <u>Chuẩn bị nội dung nói</u>

- GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói ? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút ? - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: Dựa vào bài viết trong tiết trước, em hãy xem lại, chuẩn bị - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học; - Các nhóm luyện nói. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	Bước 1: Mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói (trình bày). Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói - Xác định đề tài: - Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp: + Nêu vấn đề: + Nêu tác dụng của vấn đề với các thành viên trong gia đình. + Trình bày mong muốn của em và cách giải quyết vấn đề. <u>b. Tập luyện</u> Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân) Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày.

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	2. Trình bày bài nói - Sử dụng mảnh giấy nhỏ ghi chú nội dung quan trọng - Sử dụng phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn video...) giúp bài nói thú vị

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

- a. Mục tiêu:** Hiểu được cách đánh giá bài nói/trình bày.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. - Cho HS theo dõi bảng tự kiểm tra bài nói - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV điều phối: + HS trình bày sản phẩm thảo luận; + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	3. Sau khi nói

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
- b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao
- c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.
- d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Tổ chức cuộc thi “Thuyết trình viên tài năng”

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tự tập luyện kể lại trải nghiệm trong 3 phút

- GV hướng dẫn HS nếu gặp khó khăn

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, đánh giá cho bài của bạn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS hoàn thành bài nói

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tiếp tục tập luyện ở nhà trước bạn bè, người thân

- HS quay vi deo nộp GV, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Xem lại nội dung toàn bộ bài đã học

- Trên cơ sở dàn ý bài nói đã xây dựng ở lớp, hs tự luyện nói ở nhà (Nói trước gương, nói cho mọi người trong gia đình nghe.

- Hoàn chỉnh bài tập 2/83 (sgk).

- Chuẩn bị bài mới: Đọc mở rộng

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

- + GV yêu cầu học sinh tìm các câu chuyện, bài thơ, câu thơ có cùng chủ đề với bài 1,2,3
- + GV chuẩn bị phiếu bài tập.

Bảng tự kiểm tra bài nói.

Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt
Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
Em đã trình bày lần lượt: Biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề	
Các ý trong bài viết có	
Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ.	
Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện.	
Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể.	
Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói.	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt(1 điểm)	Tốt(2 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lắp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

	chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

TIẾT 43: ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Học sinh có ý thức chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến trong quá trình học tập. Trình bày 1 cách tự tin ý kiến của mình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phát hiện, phân tích, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ: Đọc - hiểu 1 tác phẩm thơ hoặc truyện.
- Năng lực văn học: Nhận biết được chủ đề, ý nghĩa của văn bản, rút ra bài học cho HS.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Biết yêu thương, đồng cảm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người.
- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch BD, máy tính, vi deo, tranh ảnh
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS quan sát tranh, nêu tên văn bản

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV cho HS quan sát tranh, nêu tên VB tương ứng

+ Các em yêu thích VB nào? Vì sao ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- GV nhận xét, đánh giá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

b. Nội dung: HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1. *Tôi và các bạn*, bài 2. *Gỗ của Trái tim*, bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: <i>Mỗi HS chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc và lưu ý một số vấn đề .</i> - GV gợi ý: + Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật; + Người kể chuyện trong VB là ai? + Cốt truyện? (Nêu các sự kiện chính trong câu chuyện)	1. Văn bản truyện - Ngôi kể: Thứ I, III - Cốt truyện: (Sự kiện chính trong câu chuyện) - Nhân vật: gồm + Nhân vật chính: + Nhân vật phụ: + Phân biệt lời người kể chuyện với lời của nhân vật. 2. Văn bản thơ

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung chia sẻ của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung: GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ :
 - +Tìm một số tục ngữ, ca dao nói về lòng nhân ái, khoan dung, tình cảm gia đình.
 - + HS làm Bài 1/83
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, chia sẻ nhóm đôi.
- Học sinh trình bày, nhận xét.
- GV nhận xét.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Xem lại toàn bộ bài nội dung bài học.

- Hoàn thiện các bài tập
- Suy tầm thêm một số văn bản truyện hoặc thơ về chủ đề tình bạn, lòng nhân ái, khoan dung và tình cảm gia đình.
- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về tình bạn (hay lòng nhân ái, khoan dung)
- Chuẩn bị bài mới: Quê hương yêu dấu

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

+ Đọc phân tri thức Ngữ văn

+ Đọc và trả lời câu hỏi Bài 4: Quê hương yêu dấu Phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn.

Bài tập 1: Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về 2 văn bản Cô bé bán diêm và Gió lạnh đầu mùa?

Văn bản	Cô bé bán diêm	Gió lạnh đầu mùa
Đặc điểm		
Thể loại		
Nhân vật		
Người kể chuyện		

TIẾT 44: BÀI 4 QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU
GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức.

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Năng lực.

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...
- Biết và phân tích được một số đặc điểm nghệ thuật của thơ lục bát, cảm nhận được cảm xúc và thông điệp của người viết thông qua ngôn ngữ VB.

3. Phẩm chất.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, kế hoạch bài dạy.
- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp, bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

b) Nội dung: Chia sẻ kinh nghiệm bản thân

c) Sản phẩm:

- Những suy nghĩ chia sẻ của HS
- Cảm xúc cá nhân của HS.
- Tri thức ngữ văn: Thơ lục bát, lục bát biến thể, số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:</i> ? Em hãy đọc đoạn VB thơ sau đây kết hợp với phần giới thiệu bài cho biết thể thơ được sử dụng và chủ đề của bài học ở đây là gì? HS đọc bài thơ, suy nghĩ và trả lời. “Việt Nam đất nước ta ơi Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn Cánh cò bay lả rập rờn Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều” (Việt Nam quê hương ta – Nguyễn Đình Thi) B2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Giới thiệu bài học: - Thể loại: Thơ lục bát - Chủ đề: Tình yêu quê hương, đất nước.

- HS hoạt động cá nhân. B3: Báo cáo kết quả thực hiện HS trình bày suy nghĩ cá nhân. B4: Đánh giá kết quả thực hiện <i>Từ chia sẻ của HS, GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới:</i> Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Chiếu Slide, yêu cầu HS đọc và đặt câu hỏi: ? Cho biết nội dung của bài thơ? Bài thơ gợi cho em cảm xúc gì? 2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK. 3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ: ? Bài thơ có mấy dòng? Đếm số tiếng của từng dòng để nhận diện dòng sáu tiếng, dòng tám tiếng? ? Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám? ? Xác định thanh điệu của các tiếng 4 –6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 4 –6 – 8 trong dòng tám tiếng? ? Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó? ? Giới thiệu ngắn gọn về thơ lục bát và chỉ ra những “dấu hiệu” của thể lục bát trong bài thơ đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ(GV+ HS) 1. HS đọc bài thơ, và suy nghĩ cá nhân. GV hướng dẫn HS đọc. 2. HS đọc phân tri thức Ngữ văn 3. HS làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’ + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. B3: báo cáo kết quả thực hiện: HS trình bày câu trả lời. B4: Đánh giá kết quả thực hiện: Nhận xét bổ sung	II. Tri thức ngữ văn

B. ĐỌC VĂN BẢN ”CHÙM CAO DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC”

1. Mục tiêu cần đạt:

- Biết đọc - hiểu về thơ lục bát
- Đọc trôi chảy, đọc – hiểu về ca dao.
- Viết được đoạn văn về chủ đề tình yêu quê hương đất nước
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân
- Nhận diện được thể loại ca dao

- Cảm nhận, suy nghĩ về chùm ca dao về quê hương đất nước; về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Yêu nước: Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.
- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp quê hương đến bạn bè. Ý thức giữ gìn và bảo vệ các di tích danh lam thắng cảnh.
- Chăm chỉ: Tìm tòi, sưu tầm các bài viết cùng chủ đề.

2. Tiến trình dạy học:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát tranh và yêu cầu HS:

+ *Bốn bức tranh này giống nhau ở điểm nào ? Nêu cảm nhận của em ?*

+ *Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?*

+ *Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;

- GV dẫn dắt: *Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người. Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, ... Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu quê hương Việt Nam qua **Chùm ca dao về quê hương đất nước**.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Đọc văn bản

a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản, tìm hiểu từ ngữ khó

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát VB, yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: +GV đọc mẫu một lần, hướng dẫn ngữ điệu phù hợp với nội dung từng bài ca dao; + Gọi một vài HS lần lượt đọc thành tiếng VB. + HS quan sát tranh, kết hợp SGK: Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? Ở mỗi bài, địa danh được nhắc đến là ở đâu, em hãy giải nghĩa cụ thể địa danh đó? + Nêu cách hiểu của em về ca dao? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Đọc văn bản 1. Tìm hiểu từ ngữ khó - Các địa danh ở Hà Nội: 2. Khái niệm về ca dao 2. Thể loại : lục bát

- GV cho HS quan sát VB, yêu cầu HS đọc diễn cảm VB: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi + Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát? + Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2. + So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS đọc diễn cảm VB; - GV gọi HS khác nhận xét, góp ý về cách đọc, câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.	

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ, kết hợp xem tranh - GV yêu cầu HS: + Vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long được gọi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào? Chỉ ra nét đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ? + Trong cụm từ <i>mặt gương Tây Hồ</i>, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ + Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì? Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ đó. - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	II. Khám phá văn bản 1. Bài ca dao (1) - Hình ảnh: “cảnh trúc la đà” “mịt mù khói tỏa ngàn sương” - Âm thanh “Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương” - Biện pháp tu từ: + Ấn dụ : <i>mặt gương Tây Hồ</i> về đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm) Về đẹp nên thơ vào sáng sớm. =>Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. -Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

a) Mục tiêu: Nêu cách hiểu của em về bài ca dao “ Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ”

b) Nội dung: Hs nêu cách hiểu của bài ca dao

c) Sản phẩm: Ca ngợi vẻ đẹp cảnh đẹp của xứ Nghệ

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày.

GV cùng HS nhận xét

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận, GV bổ sung.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn (Khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn , GV cùng HS nhận xét (GV chiếu tham khảo đoạn văn sau)

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận: GV bổ sung.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Sưu tầm thêm một số bài ca dao nói về quê hương đất nước (các bài ca dao nói về địa phương em)

- Chuẩn bị bài mới: Chùm ca dao về quê hương, đất nước.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

Phiếu học tập số 1

Đọc các bài ca dao 1 và hoàn thiện bảng sau:

Câu hỏi	Trả lời
Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây.	

TUẦN 12**NGÀY SOẠN: 19/11/2023****BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU****TIẾT 45, 46: ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC”****TIẾT 47: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT****TIẾT 48: ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH” (LÂM THỊ MỸ DẠ)****TIẾT 45, 46: ĐỌC VĂN BẢN “CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC”****I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Biết đọc - hiểu về thơ lục bát
- Đọc trôi chảy, đọc – hiểu về ca dao.
- Viết được đoạn văn về chủ đề tình yêu quê hương đất nước
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân
- Nhận diện được thể loại ca dao
- Cảm nhận, suy nghĩ về chùm ca dao về quê hương đất nước; về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Yêu nước: Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước.
- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp quê hương đến bạn bè. Ý thức giữ gìn và bảo vệ các di tích danh lam thắng cảnh.
- Chăm chỉ: Tìm tòi, sưu tầm các bài viết cùng chủ đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Ti vi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS nghe và hát bài hát ” Quê tôi”. Nêu cảm xúc của em khi hát và nghe ca khúc.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung;

- GV dẫn dắt.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của các văn bản trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. + Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i> . Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ <i>ai</i> hoặc có lời nhắn <i>Ai ơi...</i>	II. Khám phá văn bản 2. Bài ca dao (2) - Lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i> Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.

+Vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của con người mà em tưởng tượng được qua mỗi bài ca dao ? + Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Câu trả lời của HS; + Một số câu ca dao có sử dụng từ <i>ai</i> hoặc có lời nhắn <i>Ai ơi...</i> Ai ơi chơi lấy kéo già Măng mọc có lúa người ta có thì Chơi xuân kéo hết xuân đi Cái già sòng sọc nó thì theo sau Cày đồng đang buổi ban trưa Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày Ai ơi bưng bát cơm đầy Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	->Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt,mênh mông và nên thơ của xứ Lạng - Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ, kết hợp xem tranh - GV yêu cầu HS: + Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? + Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây? (gợi ý: Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao. Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh gợi cho em ấn tượng gì? Từ “lờ đờ” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trăng chênh, tiếng hò xa vọng, v.v...). + Qua bài ca dao, tác giả gửi gắm cảm xúc gì ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng	3. Bài ca dao (3) + Liệt kê các địa danh (chợ đông ba, đập đá, thôn vĩ dạ, ngã ba sinh) + Hình ảnh, âm thanh : con đò, bóng trăng, tiếng hò, nước non. - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người. - Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Nêu những đặc sắc nghệ thuật của những bài ca dao mà em được học trong văn bản? + Nội dung, ý nghĩa chung của những bài ca dao ấy? - GV gợi ý: Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước. 2. Nội dung - Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước. 3. Ý nghĩa: nhắc nhở mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:

a) Mục tiêu: Nêu cách hiểu của em về bài ca dao

Gió đưa cành trúc la đà/ Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

b) Nội dung: Hs nêu cách hiểu của bài ca dao

c) Sản phẩm: Ca ngợi vẻ đẹp cảnh đẹp của Hồ Tây.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn , GV cùng HS nhận xét (GV chiếu tham khảo đoạn văn sau)

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận: GV bổ sung.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn (Khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

b) Nội dung: Hs viết đoạn văn theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn , GV cùng HS nhận xét (GV chiếu tham khảo đoạn văn sau)

B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận: GV bổ sung.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Sưu tầm thêm một số bài ca dao nói về quê hương đất nước (các bài ca dao nói về địa phương em)

- Chuẩn bị bài mới: “ Chuyện cổ tích về loài người”

+ Sưu tầm và giới thiệu tên một số câu chuyện cổ tích bằng tranh”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

Phiếu học tập số 1

Đọc các bài ca dao 1, 2 và hoàn thiện bảng sau:

Câu hỏi	Trả lời
Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây.	

Em hãy nhận xét về cách sử dụng thể lục bát trong bài ca dao thứ 3? Tác dụng của cách dùng lục bát biến thể như thế nào? Cảm xúc, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài ca là gì?	

TIẾT 47: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận diện và hiểu được từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- Đặt câu, viết đoạn văn sử dụng từ đồng âm, từ đa nghĩa.
- Chăm chỉ: Tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp.
- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch BD, máy tính. Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Em hãy chú ý các từ được in đậm dưới đây có gì đặc biệt?

+ Mẹ tôi ngâm **đỗ** (1) để nấu chè;

+ Tôi sung sướng vì đã **đỗ** (2) đầu trong kỳ thi học sinh giỏi.

Vd2:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong các ví dụ trên, chúng ta thấy các từ có thể đồng âm nhưng khác nhau về nghĩa, chúng ta cũng thấy một từ có thể có nhiều nghĩa và các nghĩa đó có sự liên quan với nhau. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ đồng âm và từ đa nghĩa.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Trình bày được thế nào là từ đồng âm, từ đa nghĩa.

- Phân biệt từ đồng âm, từ đa nghĩa.

b) Nội dung: HS thảo luận theo nhóm

c) Sản phẩm: Phiếu học tập. Kết quả các bài tập trong sgk.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? + Em hãy giải thích nghĩa của từ ăn (1) và nghĩa của từ ăn (2). Các nghĩa đó có liên quan với nhau không? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: + Nghĩa của từ đỗ (1): là một loại thực vật; nghĩa của từ đỗ (2): chỉ trạng thái thi cử đã đạt được kết quả tốt như mong muốn, khả quan, trúng tuyển. Nghĩa của từ đỗ (1) và đỗ (2) không liên quan đến nhau + Từ ăn trong câu (1) nghĩa là “tự cho vào cơ thể thức nuôi sống”. + Từ ăn trong câu (2) có nghĩa là “tiếp nhận cái cần thiết cho hoạt động”. - Hai nghĩa này có liên quan đến nhau. Ở đây có một từ ăn được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp từ đa nghĩa với những từ khác trong câu, người đọc (người nghe) mới có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. - Qua 2 VD trên, em thấy từ đồng âm và từ đa nghĩa khác nhau như thế nào? HSThảo luận theo nhóm bàn. - Đại diện HS trình bày kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, bổ sung	I. Từ đồng âm - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau II. Từ đa nghĩa - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau. Phân biệt từ đồng âm với từ đa nghĩa <table> <tr> <th>Từ đồng âm</th><th>Từ đa nghĩa</th></tr> <tr> <td>Phát âm giống nhau những nghĩa khác nhau</td><td>Các nét nghĩa có sự liên quan với nhau</td></tr> </table>	Từ đồng âm	Từ đa nghĩa	Phát âm giống nhau những nghĩa khác nhau	Các nét nghĩa có sự liên quan với nhau
Từ đồng âm	Từ đa nghĩa				
Phát âm giống nhau những nghĩa khác nhau	Các nét nghĩa có sự liên quan với nhau				

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành lần lượt các bài tập trong SGK. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	II. Luyện tập Bài tập 1 SGK trang 92 a. Lò đờ bóng ngả trắng chênh bóng: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có; b. Bóng đã lăn ra khỏi đường biên dọc bóng: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nảy, dùng làm đồ chơi thể thao; c. Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng bóng: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương. Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau từ đồng âm. Bài tập 2 SGK trang 92 – 93 a. - Đường lên xứ Lạng bao xa đường: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác; - Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm đường đường: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm; b. – Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt; - Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng đồng: đơn vị tiền tệ Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau từ đồng âm. Bài tập 3 SGK trang 93 a. Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều trái b. Bố vừa mua cho em một trái bóng c. Cách một trái núi với ba quăng đồng Trái trong ba ví dụ đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu Từ đa nghĩa. Bài tập 4 SGK trang 93 a. Con cò có cái cổ cao Cổ: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân; b. Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao cổ Cổ: chỗ eo ở gần phần đầu của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ Từ đa nghĩa.

	c. Phố cổ tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội Cổ: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ cổ trong hai câu a. và b. Từ đồng âm. Bài tập 5 SGK trang 93 - <i>Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non</i> Nặng: tính chất, mức độ nhiều tình cảm. - Một số ví dụ có từ nặng được dùng với nghĩa khác: + Túi hoa quả này nặng quá ; + Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS:* Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ:

- Đọc và xem lại kiến thức lí thuyết và hoàn thành các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài mới: văn bản. *Chuyện cổ nước mình*

+ Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản.

* **RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 48: ĐỌC VĂN BẢN “CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH” (LÂM THỊ MỸ DẠ)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nhận diện được thể thơ

- Cảm nhận về bài thơ, giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

2. Năng lực:

- Tự chủ, tự học.

- Thu thập và xử lí thông tin

- Cảm thụ thẩm mĩ.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Yêu mến, tự hào về truyền thống văn hoá, giá trị văn hoá của dân tộc được thể hiện ở kho truyện cổ đặc sắc và đầy tính nhân văn. Kính trọng, biết ơn thế hệ cha ông.

- Nhân ái: Qua việc tìm hiểu về bài thơ và các câu chuyện cổ, học sinh được bồi dưỡng lòng nhân ái, độ lượng, yêu thương con người, tin vào quan niệm của cha ông “Ở hiền gặp lành”

- Trách nhiệm: Có ý thức tìm tòi, gìn giữ bảo tồn và phát huy giá trị của những câu chuyện cổ nói riêng và giá trị văn hoá tinh thần của dân tộc nói chung.
- Chăm chỉ: Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập, tìm tòi các câu chuyện cổ và ý nghĩa của những câu chuyện đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, ti vi.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có nội dung liên quan đến VB *Chuyện cổ nước mình*, giới thiệu về các câu chuyện cổ,...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: GV chiếu một số hình ảnh về các câu chuyện cổ có xuất hiện/được nhắc đến trong VB *Chuyện cổ nước mình*, yêu cầu HS trả lời các hình ảnh đó đang nhắc đến chuyện cổ nào.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta ai cũng thuộc một vài câu chuyện cổ với những kết thúc có hậu. Vẫn nhắc về những câu chuyện cổ với kết thúc có hậu ấy, nhưng Lâm Thị Mỹ Dạ lại thể hiện nó qua thể thơ lục bát – thể thơ mà chúng ta mới cùng tìm hiểu trong những tiết học trước. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ *Chuyện cổ nước mình* của Lâm Thị Mỹ Dạ để thấy được những câu chuyện cổ đã được tái hiện như thế nào và tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Đọc văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát tranh, kết hợp SGK, yêu cầu HS: giới thiệu về tác giả và tác phẩm; - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, suy nghĩ, thảo luận để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức chơi trò Ai nhanh nhất: Dựa vào từ ngữ và các chi tiết được gọi nhắc trong bài thơ, các đội hãy nêu tên những câu chuyện cổ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Khám phá văn bản: 2.1. Những câu chuyện cổ được gọi ra từ bài thơ - Tấm Cám (<i>Thị thơm thì giầu người thơm/ Chăm làm thì được áo com cửa nhà</i>) - Đẽo cày giữa đường (<i>Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i>) - Sự tích trầu cau (<i>Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người</i>)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Những câu chuyện cổ đã cho nhà thơ thấy những điều gì về vẻ đẹp tình người ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng? Tác dụng của nó ? + Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ được thể hiện như thế nào qua những dòng thơ sau Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	2. 2.Về đẹp chuyện cổ nước mình <u>a. Những vẻ đẹp tình người</u> - Nghệ thuật : Điệp ngữ, liệt kê - Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,... Tôi yêu chuyện cổ nước tôi vì <i>vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa, vì rất công bằng, rất thông minh, vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.</i> <u>b. Sự tiếp nối, lưu truyền truyền thống, lời căn dặn từ ông cha đến con cháu</u> - “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” -Nghệ thuật : So sánh, hoán dụ

- GV quan sát B3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. Chốt kiến thức lên bảng	- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đậm sâu, nhưng đầy tự hào. 2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

b) Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Đồi cha ông với đồi tôi
 Như con sông với chân trời đã xa
 Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
 Cho tôi nhận mặt ông cha của mình

- GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng chủ đề của bài thơ để thực hiện bài tập.

b) Nội dung: HS nêu cách hiểu của bản thân về truyện cổ.

c) Sản phẩm: Phần trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- B1: GV nêu những điều được gợi gắm qua các câu chuyện cổ tích.

- B2: HS thực hiện cá nhân

- B3: HS trình bày.

- B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc bài thơ, giá trị nội dung, nghệ thuật

- Hoàn thiện nhiệm vụ được giao ở phần vận dụng

- Chuẩn bị bài mới: Cây tre Việt Nam

+ Đọc kĩ văn bản

+ Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào?

+ Tìm các chi tiết, hình ảnh khẳng định “ Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam”

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
Phiếu học tập số 1: Qua lời thơ, em nhận thấy bóng dáng của những câu chuyện cổ nào?

STT	Lời thơ	Chuyện cổ
1	Thị thơm thì giấu người thơm...	Tấm Cám
2		
3		

Phiếu học tập số 2: Qua lời thơ, em thấy những câu chuyện cổ đã thể hiện những điều gì về vẻ đẹp tình người?

STT	Lời thơ	Vẻ đẹp tình người
1	Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa	Nhân hậu
2		
3		

TUẦN 13

NGÀY SOẠN: 25/11/2023

TIẾT 49, 50: CÂY TRE VIỆT NAM (THÉP MỚI)

TIẾT 51: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 52: TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT

TIẾT 49, 50: CÂY TRE VIỆT NAM (THÉP MỚI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Đọc trôi chảy, đọc – hiểu về truyện kí.
- Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân.
- Viết được đoạn văn theo yêu cầu.
- Cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, hiểu được văn bản kí hiện đại có yếu tố miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, bình luận.
- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về cây tre.
- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.

Lòng ghép Quốc phòng an ninh:

- Sự sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch BD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh, các đoạn phim ngắn giới thiệu về cây tre Việt Nam.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5')

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

+ Em biết những sáng tác nghệ thuật nào có hình ảnh cây tre (bài hát, tranh vẽ, thơ, truyện, v.v...)? Hãy kể tên các vật dụng được làm bằng tre mà em biết.

+ GV chiếu một đoạn phim ngắn về chủ đề *Cây tre Việt Nam*;

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và chia sẻ về anh/chị/em của mình.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Cây tre là hình ảnh gắn gũi với đời sống của người dân Việt Nam. “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”. Trong tiết học hôm nay, vẫn tiếp tục với chủ đề ***Quê hương yêu dấu***, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu VB *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. Đọc văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ & xem tranh - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về nhà văn Thép Mới và VB <i>Cây tre Việt Nam</i>. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	1. Tác giả - Họ tên: Hà Văn Lộc; - Năm sinh – năm mất: 1925 – 1991; - Quê quán: Nam Định - Là nhà văn, nhà báo nổi tiếng chuyên viết về đề tài Chiến tranh Đông Dương và Chiến tranh Việt Nam. 2. Tác phẩm - VB <i>Cây tre Việt Nam</i> là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Dựa vào VB vừa đọc, em hãy nêu thể loại, phương thức biểu đạt và bố cục của VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng	- Thể loại: bút ký chính luận trữ tình, giới thiệu phim tài liệu; - Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm; - Bố cục: 3 phần: + <i>Từ đầu....chỉ khi như người</i>: Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam. + <i>Tiếp...của trúc, của tre</i>: Sự gắn bó của tre và người trong mọi hoàn cảnh. + <i>Còn lại</i>: Vị trí của tre trong tương lai

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Tìm được những chi tiết miêu tả hình ảnh cây tre; Đánh giá vẻ đẹp của cây tre là vẻ đẹp của con người Việt Nam.

- Thấy được vẻ đẹp của cây tre đối với con người Việt Nam trong đời sống hàng ngày, trong lao động; trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; trong đời sống tinh thần; Hiểu được vị trí cây tre trong tương lai; Tình yêu đối với thiên nhiên, quê hương đất nước;

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động nhóm cho HS;

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu có).

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. Khám phá văn bản	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả cụ thể qua những chi tiết, hình ảnh nào?	1. Vẻ đẹp của cây tre - Hình ảnh bên ngoài liên tưởng đến phẩm chất của con người: + <i>dáng vươn mọc mạc và thanh cao; mầm măng non mọc thẳng; Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng</i> từ măng đến tre đều mọc thẳng, dáng

+ Vì sao tác giả có thể khẳng định: “Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam”? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. Tiết 2 NV3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống vật chất của con người Việt Nam; + Em hãy chỉ ra những hình ảnh cho thấy tre gắn bó với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Khi nói về cây tre, tác giả đồng thời nói đến khung cảnh, cuộc sống, văn hóa của Việt Nam. Hãy chỉ ra những chi tiết đó trong bài. + Bên cạnh việc chỉ ra những yếu tố về nội dung, em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật (lối viết giàu nhạc tính, nhịp điệu) đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	gầy, cao được nhân hóa, so sánh với phẩm cách của con người; + <i>màu tre tươi nhũn nhặn</i> màu xanh bình dị, vừa phải, dễ chịu, không thái quá, rực rỡ hay gay gắt tính cách khiêm tốn, nhún nhường; + <i>có thể mọc xanh tốt ở mọi nơi, vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt</i> dễ thích nghi, không kén chọn; Đức tính của người hiền (hiền tài): thanh cao, giản dị, ngay thẳng. 2. Ý nghĩa của tre đối với nông dân, người dân Việt Nam <u>a. Tre gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam</u> - Đời sống vật chất: <i>giúp người hàng nghìn công việc khác nhau:</i> + cối xay tre + tre làm nhà + giang chẻ lạt, cho bóng mát + Từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay: chiếc nôi tre nằm trên giường tre. - Đời sống tinh thần: + giang chẻ lạt, cho bóng mát nghĩ đến tình cảm lứa đôi: <i>Lạt này gói bánh chưng xanh/ Cho mai lầy trúc, cho anh lầy nàng...</i> + Nguồn vui duy nhất của tuổi thơ: <i>mấy que đánh chắt bằng tre;</i> + Khúc nhạc đồng quê: sáo tre, sáo trúc ; điệu lá tre <u>Chú ý lối viết:</u> “Điều bay, điều lá tre bay lưng trời.../ Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời” Lối viết

- HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. NV4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy chỉ ra các chi tiết cho thấy tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam; + Phân tích câu văn: <i>Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí</i>; + Chọn những câu văn tương tự để phân tích tác dụng của cách sử dụng từ ngữ và lối viết giàu nhịp điệu. + Trong buổi đầu chống giặc ngoại xâm, em hãy cho ví dụ một số vật dụng được sử dụng làm vũ khí để phục vụ cho công cuộc kháng chiến của dân tộc? + Trong công cuộc kháng chiến, để tạo nên vành đai cho trận địa, bảo vệ cho làng. Tre được sử dụng làm gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	sóng đôi, tạo nhịp điệu ; “vang lưng trời” âm thanh vang xa, rộng khắp một vùng, một không gian bạt ngàn hình ảnh đẹp, lãng mạn, kỳ vĩ; + Văn hóa: <i>Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời; tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp</i> “nền văn hóa”: không phải một vài tập tục riêng rẽ, mà là cả một nền văn hóa từ ngàn xưa đến hiện tại, mang tính truyền thống, tính lịch sử (“lâu đời”); + Khi dân tộc Việt Nam giành chiến thắng: <i>điều mùa sạ có từ ngày chiến thắng Điện Biên.</i> <u>b. Tre gắn bó với kháng chiến của nhân dân Việt Nam</u> <u>Phân tích câu văn:</u> <i>Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí:</i> + Câu văn giàu nhịp điệu: có 4 đoạn ngắt, mỗi đoạn ngắt được kết thúc lần lượt bằng các thanh B – T (bằng – trắc) tạo nên nhịp điệu; + Sử dụng các từ ngữ giàu tính biểu cảm: “tất cả”. “Tất cả”: cuộc sống, gia đình, văn hóa, v.v... Tre là vũ khí bảo vệ <i>Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.</i> Câu văn có sử dụng nhịp điệu kết hợp với từ ngữ khẳng định giá trị của tre và cho thấy cảm xúc của người viết, khơi lên cảm xúc nơi người đọc. Tre là: + vũ khí + đồng chí chiến đấu + cái chông tre sông Hồng + chống lại sắt thép quân thù (<u>chú ý</u>: tre: vật liệu tự nhiên, thô sơ >< sắt thép: những vật liệu để làm vũ khí cao cấp hơn)

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. NV5: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy chỉ ra những hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai; + Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	+ tre xung phong vào xe tăng; + tre hi sinh để bảo vệ con người; + gậy tầm vông dựng Thành đồng Tổ quốc + anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu. <u>c. Vị trí của tre trong tương lai</u> - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ Hình ảnh của tre là thân thuộc Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau; Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: <i>uống nước nhớ nguồn</i>. + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được; + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn- Phát phiếu học tập số 5 - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Cây tre Việt Nam”? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết. 2. Nội dung Văn bản thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam;

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

b. Nội dung: Em hãy tìm một bài ca dao, thơ về cây tre mà em biết

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

? Hãy tìm một số bài ca dao hoặc bài thơ về cây tre mà em biết?

- HS làm bài, báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về cây tre.

- HS làm bài, báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Suu tầm các tranh ảnh về cho thấy sự sáng tạo của quân, dân Việt Nam trong công cuộc chống giặc ngoại xâm..

b. Nội dung: Các tranh ảnh.

c. Sản phẩm học tập: Các tranh ảnh được suu tầm.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ: **Cho HS chuẩn bị các sản phẩm đã suu tầm ở nhà về sự sáng tạo của dân tộc ta trong công cuộc kháng chiến.**

- HS báo cáo kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại nội dung bài đã học.

- Tìm đọc thêm bài thơ: “Tre VN” của Nguyễn Duy; bài “Cây tre bạn đường” của Nguyễn Tuân.

- Chuẩn bị bài mới : Thực hành Tiếng việt.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

Phiếu số 1: Về đẹp của cây tre được thể hiện như thế nào? Thể hiện phẩm chất gì của con người Việt Nam?

Hình dáng	Màu sắc	Môi trường

Phiếu số 2: Hình ảnh cây tre gắn bó với con người Việt Nam được thể hiện ở những phương diện nào?

Trong đời sống sinh hoạt, lao động	Trong chiến đấu	Trong đời sống tinh thần

Các tranh ảnh thể hiện sự sáng tạo của dân tộc Việt Nam được làm từ tre.



Kiếm tre



Tre làm cán xẻng để đào hầm trú.

TIẾT 51: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Năng lực nhận diện biện pháp tu từ hoán dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ. Bước đầu sử dụng hoán dụ trong việc viết đoạn văn, bài văn.
- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Tài liệu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động:

a) Mục tiêu:

- Giúp hs ôn lại các biện pháp tu từ đã học.

b) Nội dung:

- HS xem video “Con chim vành khuyên”. GV yêu cầu hs chỉ ra biện pháp tu từ có trong bài hát. HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

+ GV chuyển giao nhiệm vụ:

- GV cho học sinh cùng xem video bài hát “Con chim vành khuyên”
- GV nêu yêu cầu: chỉ ra các biện pháp tu từ mà em đã học có trong lời bài hát?
- HS tiếp nhận nghe và thực hiện nhiệm vụ
- HS báo cáo
- *GV dẫn dắt vào bài học mới:* Các em ạ, trong bài hát, tác giả có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa và so sánh, khiến hình ảnh chú chim vành khuyên hiện lên thật đáng yêu với bộ lông mượt như tơ óng, và có nét đáng yêu, lễ phép, ngoan ngoãn giống như các bạn nhỏ. Các biện pháp nghệ thuật này các em đã học ở những lớp dưới, và hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu rõ hơn về một biện pháp tu từ đó là biện pháp tu từ hoán dụ.

B. Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: BIỆN PHÁP TU TỪ HOÁN DỤ

a) Mục tiêu:

- HS tìm hiểu về biện pháp tu từ hoán dụ, nhận biết hoán dụ, hiểu tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

b) Nội dung:

- Học sinh đọc thông tin trong SGK, hs tìm hiểu khái niệm hoán dụ, GV phát phiếu học tập cho học sinh tiến hành thảo luận 4 nhóm -> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về các kiểu hoán dụ và tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

c) Sản phẩm: - Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV –HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về hoán dụ; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	I. Hoán dụ - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp: + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể; + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng; + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật; + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

Hoạt động 2: NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khái niệm biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

b) Nội dung: sử dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm; GV hỏi, HS trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK trang 99 – 100 và nêu hiểu biết về thành ngữ - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả;	II. Thành Ngữ: là cụm từ cố định, khó thay đổi, thường hiểu theo nghĩa bóng.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi bảng.	

C. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu:

- củng cố, khắc sâu kiến thức về hoán dụ, các kiểu hoán dụ, tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.
- Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập.

b) Nội dung:

- HS quan sát và đọc đề bài, hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu của GV

c) Sản phẩm:

- Bài làm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Hoàn thành trước các bài tập 1, bài tập 3 SGK trang 99 – 100; - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	II. Bài tập Bài tập 1 SGK trang 99 – 100 a. <i>Nhắm mắt xuôi tay</i> nói đến cái chết. b. <i>Mái nhà tranh, đồng lúa chín</i> thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung. c. <i>Áo com cửa nhà</i> nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. Bài tập 2 SGK trang 100 a. - Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa <i>Đời cha ông với đời tôi</i> cũng xa như <i>con sông với chân trời</i>.

NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc các bài tập 2 SGK trang 100 và hoàn thành bài tập trên lớp/ ở nhà. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gợi ý; - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách. b. - Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre chống lại sắt thép quân thù; Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người. Bài tập 3 SGK trang 100 <i>Đẽo cày theo ý người ta</i> <i>Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì</i> Liên tưởng đến thành ngữ: Đẽo cày giữa đường; Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả.

D. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Tre già măng mọc là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy viết một đoạn văn (5 – 7 dòng) nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Trình bày vào tiết phụ đạo.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) miêu tả vẻ đẹp quê hương em, trong đoạn văn có sử dụng phép hoán dụ.

- Nắm khái niệm hoán dụ, nhận biết được tác dụng của hoán dụ.

- Chuẩn bị bài mới: Tập làm một bài thơ lục bát.

+ Tìm hiểu trước về thể thơ lục bát (số câu, số chữ, cách gieo vần).

+ Suu tầm một số bài thơ lục bát ngắn.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
a	<i>Suốt một đời người từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay nằm trên chiếc giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.</i> - Ý nghĩa:.....
B	<i>Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.</i> - Ý nghĩa:
c	<i>Thị thơm thị giầu người thơm</i> <i>Chăm làm thì được áo com cửa nhà.</i> - Ý nghĩa:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
a	<i>Đời cha ông với đời tôi</i> <i>Như con sông với chân trời đã xa.</i> - Biện pháp: - Tác dụng:
b	<i>Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.</i> - Biện pháp: -Tác dụng:

TIẾT 52: TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Phân tích một số yêu cầu đối với một bài thơ lục bát, các bước làm bài thơ lục bát.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Tự hào và yêu quý thể thơ dân tộc, từ đó làm sâu sắc tình yêu quê hương đất nước.
- Làm thế giới tình cảm thêm sâu sắc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Ti vi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: GV hỏi:

? Bài ca dao số 1 và 2 thuộc “ Chùm ca dao về quê hương đất nước” thuộc thể thơ nào?

Đọc phần Tri thức Ngữ văn, nêu hiểu biết về thể thơ đó(Thể thơ, Đặc điểm, Số tiếng, Vần, Thanh điệu, Nhịp.)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Quan sát hai bài ca dao và phân Tri thức Ngữ văn.
- Suy nghĩ cá nhân.
- HS chỉ rõ đặc điểm thể thơ lục bát.

GV:

- Chiếu lên màn hình hai bài ca dao và đặc điểm thể thơ lục bát.

- Dự kiến những khó khăn học sinh có thể gặp phải để giúp các em tìm ra đáp án chính xác.

VD: Giải thích hệ thống thanh điệu tiếng Việt: gồm 6 thanh: sắc, hỏi ngã, nặng, ngang, huyền

Thanh bằng: huyền và ngang.

Thanh trắc: còn lại.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

- HS trả lời
- B4: Kết luận, nhận định
- GV nhận xét câu trả lời của HS
- Kết nối với mục “Tập làm một bài thơ lục bát”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát

- Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.
- Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Theo em, yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát là gì? - GV gợi ý: + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không? + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.	1. Yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát - Đúng luật của thơ lục bát; - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành; - Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm.

Hoạt động 2: Thực hành tập làm một bài thơ lục bát theo các bước

- a. Mục tiêu: Nắm được cách làm một bài thơ lục bát.
- b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: GV gọi học sinh đọc phần Khởi động viết. 1. Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm để hoàn thiện hai khổ thơ: Tiếng chim vách núi nhỏ dần Rì rào tiếng suối khi khi xa Ngoài thềm rơi chiếc lá Tiếng rơi rất mỏng như rơi nghiêng. (Trần Đăng Khoa) Tre già yếu lầy măng Chất chiu như mẹ yêu tháng ngày Mai sau con lớn hơn thầy Các con ôm cả đất tròn. (Tố Hữu) 2. Quan sát bức tranh sau, xác định chủ đề của bài thơ. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc hai khổ thơ trong sgk – 109, 110. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. - HS đọc phần Thực hành viết. - Tiến hành thảo luận 7’ để tạo câu thơ đầu tiên. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) (yêu cầu 1,2 - Các nhóm thi đua làm thơ theo tổ. + GV lựa chọn câu lục hay nhất. + Nhóm tiếp theo đến lượt làm câu bát.	<u>1. Khởi động viết</u> a. Tập gieo vần; 1. Bài thơ của Trần Đăng Khoa: - Gần. - Đa. - Là. Đoạn thơ của Tố Hữu: Non. Con. Non sông b.Xác định đề tài. Chủ đề bức tranh: đất nước Việt Nam / Việt Nam tươi đẹp <u>3.Thực hành viết</u> Bài thơ: Việt Nam tươi đẹp. <u>4. Chỉnh sửa</u>

Mỗi nhóm có 5' để suy nghĩ tạo câu thơ. Nếu sau 5' không làm được sẽ bị mất quyền, Quyền chơi thuộc về nhóm tiếp theo.

Lần lượt các nhóm sẽ bàn bạc để tạo câu thơ phù hợp cả về nội dung và hình thức.

Nhóm nào làm được nhiều câu sẽ thắng cuộc.

- Cuối cùng GV tổ chức cho học sinh thi đặt nhan đề cho bài thơ.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS, công bố nhóm thắng cuộc và phần thưởng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Dựa vào phiếu chỉnh sửa, hãy chỉnh sửa lại bài thơ của em cho hoàn chỉnh.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

- Cho HS quan sát máy chiếu một bài thơ lục bát, đọc và phân tích đặc điểm....

- HS tìm một số văn bản thuộc thể thơ lục bát mà em biết? Giải thích tại sao em xác định đó là thể thơ lục bát.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân- HS nhận xét, giáo viên đánh giá, bổ sung.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học Các yêu cầu và các bước tiến hành làm một bài thơ lục bát.

- Chuẩn bị bài mới: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

+ Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 14

NGÀY SOẠN: 3/12/2013

TIẾT 53: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT.

TIẾT 54: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT. ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

TIẾT 55: TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

TIẾT 56: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “CÔ TÔ”(NGUYỄN TUÂN)

TIẾT 53 : VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết.
- Biết viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống (thể thơ dân tộc).
- Chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu nhiều bài thơ lục bát hay.
- Trách nhiệm: Giữ gìn, lưu truyền thể thơ của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà. - Tì vi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY

HỌC A. HOẠT ĐỘNG

KHỞI ĐỘNG:

- a) Mục tiêu: HS nhớ lại những câu thơ lục bát đã học từ tiết trước.
- b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi điền khuyết. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức trò chơi: Điền khuyết

GV chia lớp làm 4 đội, chiếu những câu thơ lục bát đã học ở những tiết trước còn khuyết một số từ, hs hoàn thiện những câu lục bát bằng việc bấm chuông. Đội nào có nhiều câu trả lời đúng dành chiến thắng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta đã được học và được đọc rất nhiều bài thơ lục bát, những hình ảnh, ngôn từ và nhạc điệu của mỗi bài thơ khiến chúng ta xao xuyến, rung động. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ ghi lại cảm nhận của mình về một bài thơ lục bát mà chúng ta yêu thích.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động

1: a) Mục

tiêu:

- HS tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát - HS xác định đề tài, tìm ý và lập dàn ý.
- HS viết bài dựa trên dàn ý đã lập, chỉnh sửa bài viết đảm bảo.

b) Nội dung:

Học sinh đọc thông tin trong SGK, trả lời câu hỏi của GV, GV *GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm thảo luận hoàn thành các yêu cầu trong phiếu học tập số 1* -> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

Học sinh tham khảo bài viết trong SGK, phát phiếu học tập cho học sinh tiến tìm ý và lập dàn ý

-> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để xác định đề tài, tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SGK.

+ Làm việc nhóm đôi, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài cho nhau theo mẫu phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi cho HS: + Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? * HS tiếp nhận nhiệm vụ. - HS làm việc cá nhân. - HS báo cáo kết quả. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng. - GV chuyển giao nhiệm vụ: + GV yêu cầu HS đọc văn bản trong SGK. <i>GV sử dụng ti vi: Cho HS quan sát nhiệm vụ trên màn hình. Phát phiếu học tập.</i> <i>GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm thảo luận hoàn thành các yêu cầu trong phiếu học tập số 1</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. + HS trao đổi, thảo luận nhóm. + HS báo cáo kết quả thảo luận.	I. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát - Giới thiệu được bài thơ, tác giả (nếu có). - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ. - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. ? Trình bày những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát? - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao nào? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Đoạn văn gồm mấy câu, hình thức đoạn như thế nào? 2. Những câu nào giới thiệu tác giả bài ca dao. 3. Những câu nào nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao. Em hãy tái hiện lại nội dung ấy. 4. Những câu nào nêu cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật của bài ca dao. Chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật ấy. GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm. B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm	II. Phân tích bài viết tham khảo - Đoạn văn nêu cảm nhận về bài ca dao: “Anh đi anh nhớ quê nhà” - Đoạn văn gồm 7 câu. Hình thức tính từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng. - Câu 1: Giới thiệu tác giả. - Câu 2: Cảm nhận về nội dung. - Câu 3,4,5,6,7: cảm nhận về hình ảnh, ngôn từ, biện pháp nghệ thuật.
- Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chiếu bài ca dao lên bảng. Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Phát phiếu tìm ý số 2 Gọi HS đọc bài ca dao ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý. ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của theo bảng đánh giá rubic. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	III. Thực hành viết 1. Trước khi viết - Lựa chọn bài ca dao - Tìm ý <table border="1" data-bbox="938 331 1534 735"> <tr> <td>Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?</td> <td></td> </tr> </table> - Lập dàn ý <u>Mở đoạn</u> giới thiệu bài ca dao. <u>Thân đoạn</u>: Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao. + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao. + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao. + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.... <u>Kết đoạn</u>: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao. 2. Viết bài - Viết đoạn văn theo dàn ý. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa.	Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?		Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?		Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?		Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?	
Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?									
Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?									
Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?									
Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?									

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết của mình cho phù hợp, hay.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh. c) Sản phẩm:

- Bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện: -

GV chuyển giao nhiệm

vụ:

+ GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh. - HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV gọi một số học sinh đọc bài viết, GV nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Rèn kĩ năng viết đoạn văn cho học sinh.

b) Nội dung: Em hãy viết một đoạn văn (7-10 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao

c) Sản phẩm: Đoạn văn mà HS đã viết.

d) Tổ chức thực hiện: - GV chuyển giao nhiệm vụ:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Em hãy viết một đoạn văn (7-10 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao trên. - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Trình bày trước lớp.

- HS nhận xét.
- Giáo viên đánh giá, bổ sung (sử dụng công cụ rubrics).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình. - Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. + Suru tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.
- Chuẩn bị bài Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; Đánh giá và sửa bài.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
 ...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Văn bản trong SGK viết về bài cao dao nào? Bài ca	
..... dao ấy được	viết theo thể thơ nào?
.....	
Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung	
..... từng	phần?
.....	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ và tên:..... Lớp:

Nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát bằng cách trả lời (vào cột phải) các câu hỏi gợi ý (ở cột trái).

Nhan đề bài thơ là gì? Tác giả là ai?

Em có cảm xúc gì khi đọc bài thơ? Nội dung của bài thơ có gì đặc biệt?

Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu được bài thơ (câu thơ, bài ca dao) chưa?

.....

2. Bài viết có nêu được cảm xúc của người viết đối với bài thơ (câu thơ, ca dao,...) chưa?

.....

3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

.....
.....
.....

4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

.....
.....
.....

5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).

.....
.....

HỒ SƠ DẠY HỌC

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Phiếu học tập	

TIẾT 54 : VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT. ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết.
- Biết viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Yêu nước: Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống (thể thơ dân tộc).
- Chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu nhiều bài thơ lục bát hay.
- Trách nhiệm: Giữ gìn, lưu truyền thể thơ của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Ti vi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY

HỌC A. HOẠT ĐỘNG

KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu: HS nhắc lại bố cục của một đoạn văn ghi lại cảm xúc của một bài thơ lục bát.
- Nội dung: GV cho HS chọn đáp án đúng. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức thực hiện bài tập nhanh:

GV trình chiếu các bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (19')

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chiếu bài ca dao lên bảng. Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Phát phiếu tìm ý số 1 Gọi HS đọc bài ca dao ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài ca dao trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý. ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của theo phiếu học tập số 2. B4: Kết luận, nhận định (GV)	III. Thực hành viết 1. Trước khi viết a) Lựa chọn bài ca dao b) Tìm ý <table border="1" data-bbox="943 472 1536 873"> <tr> <td>Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?</td><td></td></tr> <tr> <td>Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - <u>Mở đoạn</u> giới thiệu bài ca dao. - <u>Thân đoạn</u>: Trình bày cảm xúc về bài thơ / ca dao. + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ/ ca dao. + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ/ca dao. + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.... - <u>Kết đoạn</u>: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ hoặc bài ca dao. 2. Viết bài - Viết đoạn văn theo dàn ý. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa.	Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?		Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?		Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?		Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?	
Cảm xúc của em khi đọc / nghe bài ca dao?									
Bài ca dao trên miêu tả hình ảnh gì?									
Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến điều gì?									
Những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nổi bật nào được sử dụng trong bài ca dao?									
- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.									

C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết của mình cho phù hợp, hay.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh. c) Sản phẩm:

- Bài viết của học sinh.
- d) Tổ chức thực hiện: - GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu HS dựa vào phiếu chỉnh sửa đã làm ở trên, hãy chỉnh sửa lại đoạn văn của em cho hoàn chỉnh. - HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV gọi một số học sinh đọc bài viết, GV nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Rèn kĩ năng viết đoạn văn cho học sinh.
- Nội dung: Em hãy viết một đoạn văn (10-12 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao
- Sản phẩm: Đoạn văn mà HS đã viết.
- Tổ chức thực hiện: - GV chuyển giao nhiệm vụ:

“Nhiều điều phũ phàng giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng” ”
Em hãy viết một đoạn văn (10-12 câu) thể hiện cảm xúc của em về câu ca dao trên. - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Trình bày trước lớp.

- HS nhận xét.
- Giáo viên đánh giá, bổ sung (sử dụng công cụ rubrics).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình. - Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. + Suu tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.
- Hoàn thành phần củng cố, mở rộng / SGK – 106
- Chuẩn bị bài Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; Đánh giá và sửa bài.
- HS chuẩn bị: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Họ và tên:..... Lớp:	
Nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát bằng cách trả lời (vào cột phải) các câu hỏi gợi ý (ở cột trái).	
Nhan đề bài thơ là gì? Tác giả là ai?	
Em có cảm xúc gì khi đọc bài thơ?	
Nội dung của bài thơ có gì đặc biệt?	
Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Họ và tên người chỉnh sửa:.....	

Họ và tên tác giả bài viết:.....	
Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:	
1.	Bài viết đã giới thiệu được bài thơ (câu thơ, bài ca dao) chưa?
.....	
2.	Bài viết có nêu được cảm xúc của người viết đối với bài thơ (câu thơ, ca dao,...) chưa?
.....	
3.	Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).
.....	
.....	
4.	Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).
.....	
.....	
5.	Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).
.....	
.....	

TIẾT 55: TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Với tư cách là người nói, HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương sao cho hấp dẫn và thuyết phục.
- Với tư cách là người nghe, HS biết cách lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tư tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.
- Yêu quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Kế hoạch bài dạy, bảng phụ, ti vi, ...

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG:

- a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện**
 - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?
 - HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

Dự kiến câu trả lời: HS có thể ấn tượng với:

- Phong cảnh thiên nhiên quê hương
- Món ăn truyền thống của quê hương
- Lời ăn tiếng nói của con người quê hương
-

GV dẫn dắt vào bài: Tình cảm của mỗi con người với quê hương- nơi chôn nhau cắt dón là tình cảm thiêng liêng. Nhưng để cất lên thành lời để bày tỏ cho mọi người thì không phải ai cũng làm được. Có người dấu nếm trong tim, để đôi lúc rung rung thổn thức...Tình yêu quê hương là tình cảm tha thiết, sâu lắng và luôn tràn đầy trong tim mỗi người. Hôm nay, chúng ta sẽ tập nói và nghe những suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương nhé!

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Chuẩn bị bài nói

Trước khi nói: Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.

- a. **Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kỹ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. **Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.
- c. **Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai? - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình: - Em sẽ lựa chọn đề tài nào trong các đề tài sau:	1. Chuẩn bị nội dung nói Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày). Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói - Xác định đề tài: - Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:				
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Em hãy tự tập luyện bằng cách: - Đứng trước gương để tập trình bày ý kiến về một vấn đề - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt.... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói. - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.	+ Nêu vấn đề: <i>Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương</i> (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người) + <i>Các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với quê hương</i> (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...) + Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...) Bước 3: Luyện tập và trình bày. + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân) + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày. Bước 4: Trao đổi, đánh giá. * Bảng tự kiểm tra bài nói. <table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="852 1669 1339 1753">Nội dung kiểm tra</th> <th data-bbox="1339 1669 1624 1753">Đạt/ chưa đạt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="852 1753 1339 1890">- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phân kết thúc bài nói chưa.</td> <td data-bbox="1339 1753 1624 1890"></td> </tr> </tbody> </table>	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt	- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phân kết thúc bài nói chưa.	
Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt				
- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phân kết thúc bài nói chưa.					

	- Mớ bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ.	
	- Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề	
	- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn.	
	- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn.	
	Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói.	

2. Trình bày bài nói

- a. **Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. **Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.
- c. **Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. - Giới thiệu rõ vấn đề định nói. - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những ý chính cần trình bày trong bài như: Biểu hiện, tác dụng, mong muốn của bản thân về vấn đề được nói. - Lấy những dẫn chứng về biểu hiện của tình cảm với quê hương làm minh chứng điều mình nói. - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói). - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc. - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày). - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp. - Tương tác cùng người nghe.	2. Trình bày bài nói

3. Trao đổi về bài nói

- Mục tiêu:** HS được rèn kỹ năng đánh giá bài nói, kỹ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói trước tập thể
- Nội dung:** HS **chất lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi.**
- Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .
- Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gọi một số	3. Đánh giá bài nói

- HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công *Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	- Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm; giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn; trao đổi với bạn về những ý kiến khác biệt. - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục. - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ			
NHÓM.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa	Chưa có vấn đề để nói	Có vấn đề để nói nhưng chưa hay	Có vấn đề để nói ấn tượng
2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề	Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề.	Nội dung vấn đề hay phong phú, hấp dẫn
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

*** Phiếu học tập:**

Văn bản Đặc điểm	<i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>	<i>Chuyện cổ nước mình</i>	<i>Chuyện cổ nước mình</i>
<i>Bí ẩn pháp tu từ nội bật</i>			
<i>Tình cảm, cảm xúc của tác giả</i>			

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hoàn chỉnh bài nói khi ở nhà.
- Chuẩn bị cho chủ đề tiếp theo: Những nẻo đường xứ sở.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TIẾT 56: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “CÔ TÔ”(NGUYỄN TUÂN)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).
- Du ngoạn qua những vùng đất mới được thể hiện qua 3 văn bản đọc.
- Công dụng của dấu ngoặc kép.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;
- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt);
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt;
- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC

LIỆU - SGK, SGV.

- Bản đồ Việt Nam, các đoạn phim ngắn giới thiệu về Cô Tô - Ti vi
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo tình huống/ vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

b. Nội dung hoạt động:

- GV phát phiếu, HS điền tên địa danh mình muốn trải nghiệm, khám phá

c. Sản phẩm: phiếu đã được HS điền tên địa danh mình muốn trải nghiệm, khám phá cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học. **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV phát cho mỗi HS một tờ giấy nhỏ (nhiều màu càng tốt) và yêu cầu:

Em hãy viết ra tờ giấy này tên một địa danh (một vùng quê, một vùng đất, một hòn đảo, hoặc bất cứ một nơi nào) em muốn đến, muốn tìm hiểu, khám phá.

Sau đó, cho các em gấp thành hình máy bay.

GV đếm 1,2,3. Đến số thứ 3 thì tất cả lớp cùng phi chiếc máy bay của mình đến bất cứ chỗ bạn nào mà em muốn nói điều đó, hoặc phi tự do trong lớp.

GV yêu cầu mỗi em nhặt chiếc máy bay gần mình nhất, và đọc tên vùng đất bạn em muốn đến.

GV yêu cầu 5-7 HS được đọc, còn lại, GV sẽ thu lại về đọc sau (không để giấy ra lớp học)

Từ những địa danh HS đọc lên, GV kết nối vào bài học: Thế giới thật rộng lớn nhưng những bước chân của con người lại nhỏ bé. Nhưng con người lại luôn có ước mơ khám phá, tìm hiểu những nẻo đường, những chân trời mới, và không phải ai cũng thực hiện ngay được. Văn học sẽ giúp chúng ta khám phá những chân trời mới, mở rộng tầm nhìn, để mỗi con người được hòa nhập mình với thế giới rộng lớn. Cô hi vọng với các VB ở bài 5, các em sẽ được đến, khám phá những nẻo đường mới mẻ của đất nước, để các em biết rằng đất nước Việt Nam của chúng ta rộng lớn và xinh đẹp như thế nào nhé!

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu:

- HS nắm được chủ đề, nội dung của bài học.
- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí; chức năng của dấu ngoặc kép.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thể kí, du kí; hiểu chức năng của dấu ngoặc kép.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về kí

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. GV giao nhiệm vụ: HS tự đọc phần giới thiệu bài học. Trình bày cách hiểu của em về phần bài học số 5: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là nội dung nào? - Qua phần đọc các VB trong bài, em hiểu được những nẻo đường xứ sở nhằm hướng tới nội dung gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo bàn. Trình bày trong nhóm bàn, rồi đứng lên trình bày trước lớp Bước 3. Đánh giá kết quả. Bước 4. Chuẩn kiến thức. Bước 1. GV giao nhiệm vụ yêu cầu HS đọc phần Tri thức đọc hiểu trong SGK trang 104 - Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng điều gì? Các tác phẩm kí thường viết để làm gì? - Trong kí, người kể chuyện thường ở ngôi thứ mấy? Người kể chuyện có vai trò gì? - Trình tự kể của các VB kí thường sắp xếp các sự việc theo trình tự nào?	I. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn 1. Giới thiệu bài học: - Chủ đề bài học hướng tới: Những nẻo đường xứ sở + Nội dung chủ đề gồm các VB viết về những nẻo đường, những xứ sở mới. Từ đó, bài học giúp chúng ta tạo niềm hứng khởi khám phá những nẻo đường xứ sở, tìm hiểu những chân trời mới qua các tác phẩm văn học. - Thể kí văn học: là thể loại chính được học trong bài. Chúng ta sẽ được du ngoạn, khám phá vẻ đẹp của những miền đất mới nhờ vào những trang ghi chép của các tác giả. 2. Tri thức ngữ văn 2.1. Kí - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực. - Trong kí có + kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết.
- Vậy em đã từng viết một văn bản nào thuộc thể kí chưa, hãy chia sẻ. - Nêu chức năng của dấu ngoặc kép. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS đọc thơ, trao đổi để nhận biết những yếu tố cơ bản của thể kí Bước 3. Đánh giá kết quả. Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV có thể gợi mở những hình thức quen thuộc của thể kí: như nhật kí	+ Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc; - Ngôi kể thư nhất: với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. - Trình tự kể: theo trình tự thời gian. - Kí có nhiều loại: kí sự, phóng sự, du kí, hồi kí... 2. 2. Du kí - Du kí là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình. 2.3. Dấu ngoặc kép:

II. ĐỌC VĂN BẢN “CÔ TÔ”

1. Mục tiêu:

- HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, Tự tin trao đổi về các vấn đề trong bài học.
- Năng lực văn học: có khả năng tưởng tượng và liên tưởng, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, biết viết đoạn văn liên quan đến văn bản.
- Yêu nước: Tự hào về vẻ đẹp của vùng biển đảo thân yêu của Tổ quốc.
- Nhân ái: Biết yêu mến và bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên.
- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học để nâng cao nhận thức...
- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp của quê hương đất nước tới bạn bè và mọi người xung quanh

(Tích hợp bảo vệ biển đảo)

Hình ảnh về công tác xây dựng và bảo vệ biển đảo quê hương

2. Tiến trình dạy học:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu hình ảnh của đảo Cô Tô.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:
 - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Kể tên những nơi em từng được đến tham quan. Chia sẻ một số điều mà em quan sát được từ những chuyến đi đó?

+ Chiếu bản đồ Việt Nam. Học sinh quan sát và tìm quần đảo Cô Tô trên bản đồ.

+ Chiếu một số hình ảnh về đảo Cô Tô. Hãy giới thiệu về vị trí, đặc điểm của Cô Tô?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ và trả lời câu hỏi.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản Cô Tô (Nguyễn Tuân).

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về nhà văn Nguyễn Tuân . Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...) **b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.
 - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Tuân? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: - Nguyễn Tuân (1910 – 1987) - Quê: Hà Nội - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: <i>Vang bóng một thời</i> (tập truyện ngắn), <i>Sông Đà</i> (tùy bút),...

2. Tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn và yêu cầu HS: + Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang; + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bão biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo,...); + Dựa vào phần tri thức ngữ văn đã học, em hãy nêu thể loại và phương thức biểu đạt của VB; + Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì? Gợi ý: Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi;	- <i>Cô Tô</i> được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập <i>Kí</i>, xuất bản lần đầu năm 1976. - Thể loại: Kí; - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả; - Bố cục: 4 phần + Từ đầu... <i>quỷ khóc thần linh</i>: Con bão biển Cô Tô; + <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... lớn lên theo mùa sóng ở đây</i>: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô); + <i>Mặt trời... nhịp cánh</i>: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo); + Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá văn

bản a. Mục tiêu:

- Liệt kê được những địa danh, nhân vật xuất hiện trong đoạn trích; thấy được cái nhìn rất độc đáo của tác giả về cơn bão biển.
- Vẻ đẹp của Cô Tô sau khi cơn bão đi qua, khi mặt trời lên , Cuộc sống của người dân trên đảo Cô Tô và tình yêu của tác giả với thiên nhiên và con người nơi đây.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ở ngôi kể thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích, các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ cá nhân, HS tiếp thu kiến thức để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. **d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Sự dữ dội của trận bão	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy kể tên những địa danh, nhân vật được xuất hiện trong đoạn trích? + Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả có chủ ý miêu tả trận bão giống như một trận chiến? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. GV có thể bổ sung thêm: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, miêu tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ Hán Việt tinh	- Những địa danh: Tô Trung, Tô Bắc, Tô Nam, Thanh Luân, đồn Khố xanh Nhân vật: anh hùng Châu Hòa Mãn, chị Châu Hòa Mãn. - Các danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận; - Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lia, trời đất trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn; - Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước -> không gian rộng, bao la -> cho thấy sức gió mạnh, đẩy con người ra đi rất xa; - Các từ, cụm từ Hán Việt: hỏa lực, thủy tộc, quỷ khốc thần linh -> tăng màu sắc kì quái cho cơn bão. - Biện pháp so sánh: + mỗi viên cát như viên đạn mũi kim -> bắn vào má; + gió như người bắn: chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn; + sóng như vua thủy; + gió rú rít như quỷ khốc thần linh => so sánh làm nổi bật sự kì quái, rùng rợn của những trận gió. - Thủ pháp tăng tiến: <i>Gác đảo nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn [...] như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh:</i>
anh (liên hệ với VB <i>Người lái đò sông Đà</i>).	+ Từ vây => dồn => bung hết, ép => vỡ tung => Thủ pháp tăng tiến miêu tả sức mạnh và hành động của cơn gió, làm cho hình ảnh sống động như thật; + “càng”: cấp độ được tăng thêm => Từ miêu tả những cửa kính bị vỡ => miêu tả tiếng gió “ghê rợn” => so sánh với hình ảnh kì quái, sử dụng từ Hán Việt: “quỷ khốc thần linh”. => Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận => diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão => Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão. => Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

C. LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Trong Cô Tô, cảnh cơn bão Cô Tô được miêu tả ra sao? - HS:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống

b. Nội dung: **Vẽ tranh, làm thơ, sưu tầm các bài văn viết về công tác bảo vệ biển đảo quê hương**

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: - GV giao nhiệm vụ:

Lựa chọn và hoàn thành nhiệm vụ sau:

+ **Sáng tác bài thơ ngắn về bình minh việc làm bảo vệ biển đảo quê em.**

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm vào giờ học sau.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Ghi nhớ các nội dung chính của bài. Hoàn thành phiếu học tập số 1 bài Cô Tô.

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

* RÚT KINH NGHIỆM:

Phiếu học tập số 1

Nội dung	Đặc điểm chính
1. Sự dữ dội của trận bão.	

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	Quan sát	Câu hỏi	
	Vấn đáp	Bài tập	
	Sản phẩm học tập	Rubric	
	Hồ sơ học tập		

Rubric (đánh giá đoạn văn phần luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 - 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 - 5 điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung kết, nêu được tác dụng của hình ảnh so sánh	(7 – 8 điểm) - Đã xác định được nội dung kết, nêu được tác dụng của hình ảnh so sánh. Bài viết có sự liên tưởng, tưởng tượng...
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Nắm kĩ các kiến thức về tri thức ngữ văn.
- Đọc và chuẩn bị bài Đọc văn bản “Cô Tô”

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 15

NGÀY SOẠN: 10/12/2023

TIẾT 57, 58: ĐỌC VĂN BẢN “CÔ TÔ” (NGUYỄN TUÂN)

TIẾT 59: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TIẾT 60: ĐỌC VĂN BẢN “HANG ÉN”

TIẾT 57, 58: ĐỌC VĂN BẢN “CÔ TÔ” (NGUYỄN TUÂN)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, Tự tin trao đổi về các vấn đề trong bài học.
- Năng lực văn học: có khả năng tưởng tượng và liên tưởng, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, biết viết đoạn văn liên quan đến văn bản.
- Yêu nước: Tự hào về vẻ đẹp của vùng biển đảo thân yêu của Tổ quốc.
- Nhân ái: Biết yêu mến và bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên.
- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học để nâng cao nhận thức...
- Trách nhiệm: Giới thiệu vẻ đẹp của quê hương đất nước tới bạn bè và mọi người xung quanh

Tích hợp bảo vệ biển đảo

II. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU:

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Tuân và văn bản “Cô Tô”
- Ti vi, kế hoạch bài dạy - Giấy A1 để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY

HỌC A. HOẠT ĐỘNG

KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:
 - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

+ Tiết trước chúng ta được biết về Cô Tô qua cơn bão biển. Tiết học hôm nay, theo các em chúng ta sẽ tìm hiểu thêm những gì về Cô Tô?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ và trả lời câu hỏi.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động : Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Vẻ đẹp của Cô Tô sau khi cơn bão đi qua, khi mặt trời lên , Cuộc sống của người dân trên đảo Cô Tô và tình yêu của tác giả với thiên nhiên và con người nơi đây.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ở ngôi kể thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích, các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ cá nhân, HS tiếp thu kiến thức để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão yên ả, tinh khôi	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS: + Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)? + Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh trong kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc? + Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô...theo mùa sóng ở đây</i>.	- Cụm tính từ, động từ - Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng >< cảnh bão trời – trắng mù mù - Núi đảo, nước biển – Xanh mượt, lam biếc đậm đà - Cát – vàng giòn - Cá – trong bão: biệt tăm biệt tích, bão tan: lười càng thêm nặng nề cá già đôi => tài nguyên phong phú => Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các hình ảnh giàu màu sắc, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô.
+ Nếu được sinh ra ở đây, em sẽ làm gì để góp phần giữ gìn cảnh đảo thiên nhiên Cô Tô? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Cảm xúc của tác giả: cách dùng từ gần gũi với dân chài: <i>động bão, mẻ cá già đôi, mùa sóng</i>; => Kể bằng hình ảnh trong kí có tác động lớn đến cảm nhận của người đọc.
3. Cảnh mặt trời mọc trên biển, đảo Cô Tô	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển? Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy? - Theo em để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả;	- Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ: + Khi mặt trời chưa nhú lên: chân trời trong, sạch như tấm kính => độ trong, sạch và sáng + Khi mặt trời bắt đầu nhú lên: + mặt trời như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thăm thẳm => kết hợp từ mới lạ: hồng hào: chỉ màu sắc, thăm thẳm: chỉ độ sâu; + bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hừng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh => hình ảnh nên thơ, tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa; => Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ => Tài quan sát, tưởng tượng => Bức tranh cực kỳ rực rỡ, lộng lẫy về cảnh mặt trời mọc trên biển;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi nhìn mặt trời lên => Cách đón nhận công phu và trang trọng => Thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên. - Để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở: + Cảnh và người đc nhìn từ trên cao: nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo (bờ đá đầu su) + Nhìn từ nhiều vị trí khác nhau: toàn cảnh (bốn phương tám hướng), cận cảnh (giếng nước ngọt)=> vừa toát lên vẻ đẹp bao la, hùng vĩ, vừa làm bật lên vẻ đẹp đời thường sôi động mà bình dị của Cô Tô. + Thời gian dịch chuyển theo sự quan sát của nhà văn: bao lúc chiều, lúc đêm; trước bão, trong bão, sau bão, ngày thứ tư, thứ 5, thứ 6, lúc mặt trời chưa mọc, mặt trời mọc, mặt trời cao bằng con sào,... => cách kể theo trình tự thời gian của kí.

4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?

+ Kết thúc bài Kí *Cô Tô* là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hòa Mãn: “Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó địu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào?

+ Em hãy nêu cảm nhận của mình về những con người trên đảo? Là một công dân Việt

- Cái giếng nước ngọt giữa đảo;

- Rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang, gôm, các thuyền chờ mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để ra khơi đánh cá;

- Nước ngọt chỉ để uống, vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt → Nước ngọt rất quý

=> Nguồn nước ngọt sinh hoạt chính của người dân Cô Tô;

=> Chi tiết không thể thiếu khi miêu tả Cô Tô

- Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:

+ Biển cả – người mẹ hiền

+ Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con

+ Người dân trên đảo – lũ con lành của biển

=> Kết thúc bằng tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo

Nam, em sẽ làm gì để góp phần bảo vệ biển đảo quê hương?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ;
- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Cô Tô”? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả tinh tế chính xác, giàu hình ảnh, cảm xúc. 2. Nội dung - Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. - Bài văn cho ta thấy được tình cảm của tác giả, những hiểu biết về một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.
B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Trong *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cảnh miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).

- HS: hình dung hình ảnh mặt trời lúc mới mọc, từ đó thấy được mối liên hệ giữa sự vật so sánh và sự vật được so sánh.

+ HS lí giải tại sao tác giả lại so sánh như vậy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống

b. Nội dung: Vẽ tranh, làm thơ, sưu tầm các bài văn viết về cảnh bình minh trên biển.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Lựa chọn và hoàn thành một trong các nhiệm vụ sau:

- + Em hãy tưởng tượng và vẽ tranh về cảnh mặt trời mọc trên biển?
- + Sưu tầm các bài văn, thơ viết về cảnh bình minh trên biển.
- + Sáng tác bài thơ ngắn về bình minh trên biển.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm vào giờ học sau.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Ghi nhớ các nội dung chính của bài. Hoàn thành phiếu học tập số 1 bài Cô Tô.
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

Phiếu học tập số 1

Nội dung	Đặc điểm chính
1. Sự dữ dội của trận bão.	
2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão	
3. Cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô	
4. Cảnh sinh hoạt của con ngưòi trên đảo Cô Tô	

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	<i>Ghi chú</i>
Đánh giá thường xuyên	Quan sát	Câu hỏi	
	Vấn đáp	Bài tập	
	Sản phẩm học tập	Rubric	
	Hồ sơ học tập		

Rubric (đánh giá đoạn văn phân luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn

2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 - 2điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 - 5điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung kết, nêu được tác dụng của hình ảnh so sánh	(7 – 8 điểm) - Đã xác định được nội dung kết, nêu được tác dụng của hình ảnh so sánh. Baid viết có sự liên tưởng, tưởng tượng...
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

TIẾT 59: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Học sinh phát huy năng lực sáng tạo trong việc cảm nhận vẻ đẹp của hình ảnh ẩn dụ, so sánh trong tạo lập văn bản.
- HS đọc rõ ràng nội dung bài học, sử dụng so sánh, ẩn dụ trong nói và viết.
- Có khả năng tưởng tượng, liên tưởng cảm nhận được giá trị của việc sử dụng ẩn dụ, so sánh.
- Chăm chỉ: Có tinh thần tự học, rèn luyện để diễn đạt đúng, hay.
- Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU:

- Giáo án; Phiếu bài tập, máy tính

III. TIẾM TRÌNH DẠY HỌC: A. KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về hiện tượng đồng âm và hiện tượng từ đa nghĩa của tiếng Việt
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- Tổ chức thực hiện:
 - Ở tiết học trước, trong phần thực hành tiếng Việt, em đã được học các biện pháp tu từ nào? Hãy kể tên.
 - Hãy nối các từ ở cột A với các khái niệm ở cột B ở cho phù hợp

A
Ẩn dụ
Hoán dụ
So sánh
Nhân hóa

B
Đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng, để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng.
Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương cận
là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt

- HS trả lời.
- GV kết nối: Như vậy ở các tiết thực hành tiếng Việt trước, các em đã làm quen các biện pháp tu từ. Hôm nay, tiết thực hành tiếng việt này, chúng ta sẽ tiếp tục củng cố và ôn luyện các kiến thức về phép tu từ nhé!

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

- Mục tiêu: HS củng cố và ôn luyện các kiến thức về phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung đã học bằng hình thức cặp đôi chia sẻ. GV gợi nhắc cho HS nhớ lại kiến thức đã học về biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ GV nêu câu hỏi. Yêu cầu HS trả lời. - Thế nào là so sánh? Lấy ví dụ minh họa. - Nhân hóa là gì? Đọc một câu thơ, câu ca dao...mà em biết sử dụng nhân hóa. - Ẩn dụ và hoán dụ có điểm gì giống và khác nhau. - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ ,trình bày cá nhân vào nháp. - Giáo viên: nghe, quan sát, gợi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	I. Nhắc lại lí thuyết. 1. So sánh. 2. Nhân hóa 3. Ẩn dụ. 4. Hoán dụ. Phân biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ: - Điểm giống: gọi tên sự vật hiện tượng này (A) bằng tên sự vật hiện tượng khác (B) - Điểm khác: <table border="1" data-bbox="1036 852 1593 1178"> <tr> <th data-bbox="1036 852 1313 930">Ẩn dụ.</th><th data-bbox="1313 852 1593 930">Hoán dụ</th></tr> <tr> <td data-bbox="1036 930 1313 1178">Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau)</td><td data-bbox="1313 930 1593 1178">Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau)</td></tr> </table>	Ẩn dụ.	Hoán dụ	Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau)	Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau)
Ẩn dụ.	Hoán dụ				
Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau)	Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau)				

C: VẬN DỤNG- LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về biện pháp tu từ thể hiện cụ thể trong VB Cô Tô.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																	
NV1: Bài 1 * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 1 Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài . a. Những từ ngữ in đậm trên các câu trên ngầm chỉ những sự vật nào? b. Trong những câu trên tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó. GV tổ chức cho HS trò chơi điền từ ngữ vào cột bên phải tương ứng với từ ngữ ở cột bên trái để chỉ ra về ẩn của biện pháp tu từ ẩn dụ <table><tr><td>.Quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ</td><td>.....</td></tr><tr><td>mâm bạc</td><td>.....</td></tr><tr><td>Mâm bễ</td><td>.....</td></tr><tr><td>Cái chắt nén bạc</td><td>.....</td></tr></table> * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời ra phiếu, trình bày - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. NV2: Bài 2	.Quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ		mâm bạc		Mâm bễ		Cái chắt nén bạc		II. Luyện tập Bài 1 SGK trang 114 a. <table><tr><td>Quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ</td><td>mặt trời</td></tr><tr><td>mâm bạc</td><td>bầu trời sáng</td></tr><tr><td>Mâm bễ</td><td>mặt biển</td></tr><tr><td>Cái chắt nén bạc</td><td>độ sáng và s</td></tr></table> b. Phép tu từ ẩn dụ Tác dụng: - Làm cho câu văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển trở nên sinh động, hấp dẫn. - cảnh mặt trời mọc trên biển tuyệt đẹp. Mặt trời mang vẻ đẹp ấm áp, tráng lệ, kì vĩ. Mặt biển bao la trong trẻo, với ánh ban mai tinh khôi. - Ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân. Bài 2 SGK trang 114 a. - Biện pháp tu từ: so sánh. - So sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mui kim bắn vào - Tác dụng:		Quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ	mặt trời	mâm bạc	bầu trời sáng	Mâm bễ	mặt biển	Cái chắt nén bạc	độ sáng và s
.Quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ																		
mâm bạc																		
Mâm bễ																		
Cái chắt nén bạc																		
Quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ	mặt trời																	
mâm bạc	bầu trời sáng																	
Mâm bễ	mặt biển																	
Cái chắt nén bạc	độ sáng và s																	

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 2 Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài - Chỉ ra biện pháp tu từ.- Tác dụng: * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét * Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá -Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. NV3: Bài 3	+ Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. + Hình ảnh so sánh giúp ta hình dung ra cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô. b. - Biện pháp tu từ : ẩn dụ “trận địa cánh cung”: sự nguy hiểm của bão biển, cát bay mạnh, rất nguy hiểm. “gió tăng thêm hỏa lực”: gió tăng tốc độ, rất mạnh Tác dụng: + Ngầm ví trận bão biển dữ dội như một trận chiến đấu thực sự. Nhấn mạnh tính chất ghê gớm, sự tàn phá của bão biển. + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 3. Yêu cầu 1:.. Trong Cô Tô, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động. Hãy tìm những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản . GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn. GV yêu cầu viết câu văn có sử dụng so sánh ra phiếu. Ai viết được nhiều, chính xác sẽ là người chiến thắng. Yêu cầu 2: Nêu tác dụng của phép so sánh trong mỗi trường hợp cụ thể. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời	Bài 3 SGK trang 114 . Những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB Cô Tô: - Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. - Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. - Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. * Tác dụng: + Khắc họa vẻ đẹp của biển Cô Tô sau trận bão.

- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

* Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá

* Bước 4. Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. NV4: Bài 4 (nếu không còn thời gian GV hướng dẫn cho HS về nhà làm) * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ , trả lời các yêu cầu cần đạt cho đoạn văn (hình thức, nội dung) - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét - HS viết * Bước 3. Báo cáo kết quả: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá * Bước 4. Đánh giá kết quả -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở.	+ Tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương của tác giả. + Câu văn sinh động, gợi hình, gợi cảm. - Trông chị Châu Hoà Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành. Bài 4 SGK trang 114 * Yêu cầu nội dung : + Thể loại: Miêu tả + Đối tượng: một cảnh đẹp thiên nhiên (dòng sông, cánh đồng, thắng cảnh mà em biết...) - Mở đoạn: Em đã giới thiệu đó là cảnh gì, ấn tượng của em về cảnh đó như thế nào - Thân đoạn: 3- 5 câu văn: + Miêu tả cảnh thiên nhiên: Có những gì nổi bật? + Hình ảnh nào hiện lên trong cảnh thiên nhiên đó. Hình ảnh đó như thế nào? (Màu sắc, đường nét, âm thanh...). Em dùng từ ngữ nào để tái hiện cảnh đẹp này? + Trình tự tả như thế nào? - Kết đoạn: Cảm nghĩ về cảnh thiên nhiên được tả *Hình thức đoạn văn: có dùng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ.

D.VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (9')

- a. Mục tiêu:** Hệ thống và nâng cao kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Giáo viên nêu yêu cầu, Học sinh sưu tầm câu thơ, ca dao, tục ngữ sử dụng biện pháp tu từ đã học.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

* GV Yêu cầu HS:

- Hãy tìm các câu thơ/ ca dao/ tục ngữ/ thành ngữ mà em đã được học/ đọc có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. HS nhận xét, giáo viên đánh

giá

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Hoàn thiện các nội dung bài tập vào vở.

* Hướng dẫn tự học:

(2') - Chuẩn bị bài mới:

Hang Én

+ HS đọc và tóm tắt văn bản.

+ GV làm phiếu học tập và yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập ở bài Hang Én

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	Quan sát	Câu hỏi	
	Vấn đáp	Bài tập	
	Sản phẩm học tập	Phiếu bài tập	
	Hồ sơ học tập		

Phiếu học tập :Điền từ ngữ ở cột phải tương ứng với các từ ngữ ở cột trái để chỉ ra các sự vật đã ngầm được nhắc đến.

A	B
Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bẻ	
Mâm bạc	
Mâm bẻ	
Cái chắt bạc nén	

TIẾT 60: ĐỌC VĂN BẢN “HANG ÉN”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*, thảo luận trình bày được quan điểm của cá nhân, tự tin nói trước nhóm về vấn đề được đưa ra bàn luận.
- Cảm nhận được giá trị dung và nghệ thuật của văn bản, trình bày suy nghĩ cảm nhận của bản thân về văn bản, phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề, nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản cụ thể: Cách dùng biện pháp nghệ thuật tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả....
- Yêu nước: HS yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các khu bảo tồn thiên nhiên nói riêng và tự nhiên nói chung.
- Chăm chỉ: Ham học, có tinh thần tự giác trong học tập, tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ, hữu ích...

Tích hợp bảo vệ môi trường

(Các hình ảnh về bảo vệ tài nguyên rừng, động thực vật quý hiếm)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Kế hoạch bài dạy; Phiếu bài tập, ti vi, tranh ảnh,Vi deo

III. Tiến trình dạy học

A. KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

GV cho HS xem một khu bảo tồn thiên nhiên – nên lấy ở địa phương mình dạy nếu có (3 phút). Em có cảm xúc gì khi xem những hình ảnh ấy (khơi gợi cảm xúc với thiên nhiên:

yêu thích, ngỡ ngàng...)

Em thử tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá các khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa từng đặt chân tới? Làm cách nào

Trong hoàn cảnh ấy, các em có nhiều cách khám phá thiên nhiên hoang sơ như :lên mạng tìm kiếm vi deo, sưu tầm kiến thức... và một trong những cách thám hiểm mà hôm nay cô bật mí cho cả lớp đó là du lịch qua cách VB kí. Vb Hang Én sẽ đưa chúng ta đến với vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng ở Quảng Bình. Hang Én có điểm gì hấp dẫn. Du lịch khám phá hang Én đem lại cho chúng ta những gì thú vị nào? (Chiếu vài hình ảnh về hang Én)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

b. Nội dung hoạt động: - HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

NV1: Đọc Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm: Đọc: - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức của người kể, chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng. - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp. - GV lưu ý một số từ khó: Tờ-réc-kinh, hồ điệp, ra ràng, thương hải tang điền... * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Đọc, từ khó 2. Tìm hiểu chung a. Xuất xứ:

HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó. *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. NV2: Tìm hiểu chung Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB(VB do ai viết, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB - Đối chiếu với đặc điểm thể kí ở phần tri thức ngữ văn thì VB Hang Én có được xếp vào thể du kí không? Vì sao? - Nhân vật tôi đã kể về hành trình khám phá Hang Én theo trình tự nào? - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần? - Đọc thầm nhan đề bài VB, nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì ? Em có biết những thông tin về lịch sử, khoa học liên quan đến hang Én không, hãy chia sẻ? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB. HS cần căn cứ vào đặc điểm của thể du kí.Ngôi kể thứ nhất: tôi- đồng thời là tác giả *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020 - Tác giả: Hà My. b. Thể loại: du kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Ngôi kể thứ nhất: “Tôi”là tác giả - Trình tự kể: + Không gian: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én. + Thời gian: từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi bóng tối chầm xuống Hang Én. c. Bố cục: 2 phần chính: - Phần 1: Từ đầu đến “lòng hang chính”: Hành trình đi đến hang Én. - Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én: + Tiếp theo đến “trần hang cao vài trăm mét”: Kích thước của hang Én. + Tiếp theo đến “đôi cánh ấy sẽ lạnh hắt”: Cuộc sống của bầy én trong hang. + Tiếp theo đến “tạo tác của tự nhiên”: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. + Tiếp theo đến “tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”: Hang Én khi trời tối.

GV dùng bổ sung một số thông tin lịch sử, khoa học về hang Én cho HS quan sát.	+ Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau.

	d. Nhan đề: - Hang có nhiều én sinh sống. - Ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản

a. Mục tiêu: - HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...
- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của tác giả.

b. Nội dung hoạt động:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm. -

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động NV1: Hành trình đến hang Én

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân - Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt? - Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/ Hấp dẫn?	II. Khám phá văn bản 1. Hành trình đến hang Én - Cách thức di chuyển vào hang Én “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông”. Đây là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực,

*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức * Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: HS làm việc theo hình thức cặp đôi chia sẻ. - Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én. - Em chỉ ra nét đặc sắc trong các chi tiết miêu tả thiên nhiên của rừng nguyên sinh (từ ngữ, biện pháp tu từ, cách bộc lộ cảm xúc của tác giả...) - Những chi tiết miêu tả thiên nhiên gợi cho em cảm giác gì về rừng nguyên sinh. Xúc cảm của tác giả được bộc lộ như thế nào trong hành trình khám phá hang Én? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/ Hấp dẫn? *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục. - Cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh: một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai; + cây cỏ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc; + con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người; + Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rậm, liêu xiêu, ...” tạo ra các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn. * Cảnh rừng nguyên sinh hiện lên sống động. Thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức, mà cũng gần gũi, bao dung và mê hoặc. - Tác giả gửi gắm cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây.

Tiết 2

NV2: Vẻ đẹp của hang Én

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Kỹ thuật mảnh ghép	2. Vẻ đẹp của hang Én a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên

Vòng chuyên sâu: (8 phút) TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 3 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm. - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ cho các nhóm Nhóm 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì? Nhóm 2: Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá ? Nhóm 3: Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người? * Vòng mảnh ghép:(8 phút) -Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới +Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu. Tại sao tác giả lại ví Hang Én như cái tổ...không khí và ánh sáng? Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ * Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS:	- Số liệu cụ thể: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; - Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng. Hang Én rất cao, rộng, dài (thứ 3 thế giới). Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn b. Sự “sống” của đá: + Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ. + Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang... + Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên. Hang Én tuyệt đẹp, đá vốn là vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất .Qua cách miêu tả, thiên nhiên trở nên có hồn, thân thiết, gần gũi với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người: + Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người. + Bồn bên dày đặc én. + Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng. + Én xuống kiếm ăn, gảy cánh: ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...

- Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.	

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm. - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần 3	- Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Ớn bố mẹ, Ớn anh chị, Ớn ra ràng, ... - Loài Ớn ở đây còn nguyên sự nguyên sơ, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá; + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên. * Cách gọi hang Ớn: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. Tác giả muốn bày tỏ thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên.

NV3: Con người với hang Ớn

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Én có dấu tích của con người? - Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Én, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào? - Kể những việc làm tiêu biểu cho công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật quý hiếm. * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả	3. Con người với hang Én - Trong lịch sử: Người A-rem ngàn năm trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thể h leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng ngón dẹt. - Đoàn người hiện tại: + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị. + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh... + Ai nẩy nhòai khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vướt nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết. => Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV chiếu một số hình ảnh về công cuộc bảo vệ tài nguyên rừng, động vật quý hiếm.



III. Tổng kết.

a. Mục tiêu:

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB Hang Én
- b. Nội dung hoạt động:
 - GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài kí Hang Én? - Qua bài kí, Hang Én mang vẻ đẹp gì, em nhận thấy cách tác giả cảm nhận cuộc sống thiên nhiên hoang dã như thế nào? * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .	1. Nghệ thuật. - Lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc - VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm. 2. Nội dung - Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng. - Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- b. Nội dung: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

* Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện một số câu hỏi. Câu 1: Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ không? Vì sao. Câu 2: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người.	III. Luyện tập Câu 1: - Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã không làm cho người đọc khiếp sợ. Nguyên nhân: Cuộc sống hoang dã được tác giả khắc họa vừa thanh bình, lại thơ mộng. Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó
* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả	đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người. Câu 2: - Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kỹ năng sinh tồn của con người - Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Em có suy nghĩ gì từ việc tìm hiểu văn bản “Hang Én”?
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

+ Yêu cầu học sinh đọc và chuẩn bị bài.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

Rubric (Đánh giá phần luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 – 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 – 5 điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung rõ ràng, cảm nhận chưa sâu sắc.	(7 – 8 điểm) - Xác định được nội dung, các câu văn diễn tả được cảm nhận sâu sắc, rõ mạch cảm xúc qua văn bản <i>Hang É</i> .
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

NGÀY SOẠN: 17/12/2023

TIẾT 61: HANG ÉN (TT)

TIẾT 62: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 63: ĐỌC VĂN BẢN “CỬU LONG GIANG TA OI”

TIẾT 64: ÔN TẬP CUỐI HKI

TIẾT 61: HANG ÉN (TT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS đọc trôi chảy và diễn cảm văn bản, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*, thảo luận trình bày được quan điểm của cá nhân, tự tin nói trước nhóm về vấn đề được đưa ra bàn luận.
- Cảm nhận được giá trị dung và nghệ thuật của văn bản, trình bày suy nghĩ cảm nhận của bản thân về văn bản, phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề, nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản cụ thể: Cách dùng biện pháp nghệ thuật tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả....
- Yêu nước: HS yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các khu bảo tồn thiên nhiên nói riêng và tự nhiên nói chung.
- Chăm chỉ: Ham học, có tinh thần tự giác trong học tập, tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ, hữu ích...

Tích hợp bảo vệ môi trường

(Các hình ảnh về bảo vệ tài nguyên rừng, động thực vật quý hiếm)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Kế hoạch bài dạy; Phiếu bài tập, ti vi, tranh ảnh,Vi deo

III. Tiến trình dạy học

A. KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

GV cho HS xem một khu bảo tồn thiên nhiên – nên lấy ở địa phương mình dạy nếu có (3 phút). Em có cảm xúc gì khi xem những hình ảnh ấy (khơi gợi cảm xúc với thiên nhiên: yêu thích, ngỡ ngàng...)

Em thử tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá các khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa từng đặt chân tới? Làm cách nào

Trong hoàn cảnh ấy, các em có nhiều cách khám phá thiên nhiên hoang sơ như :lên mạng tìm kiếm vi deo, sưu tầm kiến thức... và một trong những cách thám hiểm mà hôm nay cô bật mí cho cả lớp đó là du lịch qua cách VB kí. Vb Hang Én sẽ đưa chúng ta đến với vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng ở Quảng Bình. Hang Én có điểm gì hấp dẫn. Du lịch khám phá hang Én đem lại cho chúng ta những gì thú vị nào? (Chiếu vài hình ảnh về hang Én)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

b. Nội dung hoạt động: - HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

NV1: Đọc Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm: Đọc: - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức của người kể, chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng. - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp. - GV lưu ý một số từ khó: Tờ- rế- kinh, hồ điệp, ra ràng, thương hải tang điền... * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó. *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. NV2: Tìm hiểu chung Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB(VB do ai viết, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Đọc, từ khó 2. Tìm hiểu chung a. Xuất xứ: - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020 - Tác giả: Hà My. b. Thể loại: du kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm - Ngôi kể thứ nhất: “Tôi” là tác giả

- Đối chiếu với đặc điểm thể kí ở phần tri thức ngữ văn thì VB Hang Én có được xếp vào thể du kí không? Vì sao? - Nhân vật tôi đã kể về hành trình khám phá Hang Én theo trình tự nào? - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần? - Đọc thầm nhan đề bài VB, nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì ? Em có biết những thông tin về lịch sử, khoa học liên quan đến hang Én không, hãy chia sẻ? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB. HS cần căn cứ vào đặc điểm của thể du kí. Ngôi kể thứ nhất: tôi- đồng thời là tác giả *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV dùng bổ sung một số thông tin lịch sử, khoa học về hang Én cho HS quan sát.	- Trình tự kể: + Không gian: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én. + Thời gian: từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi bóng tối trùm xuống Hang Én. c. Bố cục: 2 phần chính: - Phần 1: Từ đầu đến “lòng hang chính”: Hành trình đi đến hang Én. - Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én: + Tiếp theo đến “trần hang cao vài trăm mét”: Kích thước của hang Én. + Tiếp theo đến “đôi cánh ấy sẽ lạnh hẳn”: Cuộc sống của bầy én trong hang. + Tiếp theo đến “tạo tác của tự nhiên”: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. + Tiếp theo đến “tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”: Hang Én khi trời tối. + Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau. d. Nhan đề: - Hang có nhiều én sinh sống. - Ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình.

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản

a. Mục tiêu: - HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của tác giả.

b. Nội dung hoạt động:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm. -

HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Tiết 2

NV2: Vẻ đẹp của hang Én

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Kĩ thuật mảnh ghép Vòng chuyên sâu: (8 phút) TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 3 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm. - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ cho các nhóm Nhóm 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì? Nhóm 2: Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá ?	2. Vẻ đẹp của hang Én a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên - Số liệu cụ thể: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; - Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng. Hang Én rất cao, rộng, dài (thứ 3 thế giới). Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn b. Sự “sống” của đá: + Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ. + Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang...

Nhóm 3: Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người? * Vòng mảnh ghép:(8 phút) -Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới +Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu. Tại sao tác giả lại ví Hang Én như cái tổ...không khí và ánh sáng? Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ * Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm. - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần 3	+ Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên. Hang Én tuyệt đẹp, đá vốn là vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất .Qua cách miêu tả, thiên nhiên trở nên có hồn, thân thiết, gần gũi với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người: + Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người. + Bốn bên dày đặc én. + Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng. + Én xuống kiếm ăn, gầy cánh: ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều... - Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, ... - Loài én ở đây còn nguyên sự nguyên sơ, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá; + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên. * Cách gọi hang Én: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. Tác giả muốn bày tỏ thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên.

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Én có dấu tích của con người? - Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Én, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào? * Hang Én là nơi còn ít chịu sự tác động của bên ngoài nên chúng ta cần có thái độ và hành động gì để bảo vệ Hang én. * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .	3. Con người với hang Én - Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt. - Đoàn người hiện tại: + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị. + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh.... + Ai nấy nhào khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vục nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết. => Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

III. Tổng kết.

a. Mục tiêu:

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB Hang Én

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi
- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài kí Hang Én? - Qua bài kí, Hang Én mang vẻ đẹp gì, em nhận thấy cách tác giả cảm nhận cuộc sống thiên nhiên hoang dã như thế nào? * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .	1. Nghệ thuật. - Lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc - VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm. 2. Nội dung - Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng. - Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tình tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

- Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- Nội dung: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.
- Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

* Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện một số câu hỏi. Câu 1: Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ không? Vì sao. Câu 2: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Ên thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người. * Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	III. Luyện tập Câu 1: - Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã không làm cho người đọc khiếp sợ. Nguyên nhân: Cuộc sống hoang dã được tác giả khắc họa vừa thanh bình, lại thơ mộng. Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người. Câu 2:
* Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * Bước 4: Đánh giá kết quả	- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kỹ năng sinh tồn của con người - Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Em có suy nghĩ gì từ việc tìm hiểu văn bản “Hang Ên”?
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

+ Yêu cầu học sinh đọc và chuẩn bị bài.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

Rubric (Đánh giá phần luyện tập)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
		dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	ngắn hơn so với yêu cầu)	
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 – 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 – 5 điểm) - Đã xác định được nội dung nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã xác định được nội dung rõ ràng, cảm nhận chưa sâu sắc.	(7 – 8 điểm) - Xác định được nội dung, các câu văn diễn tả được cảm nhận sâu sắc, rõ mạch cảm xúc qua văn bản <i>Hang Én</i>.
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

TIẾT 62: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- Nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó trong ngữ cảnh.
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lời miêu tả và xây dựng hình ảnh,...
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập và sưu tầm những đoạn văn, thơ có sử dụng các biện pháp tu từ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy; phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; ti vi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG: (5')

- Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn, gợi mở về công dụng của dấu ngoặc kép.

Yêu cầu:

Câu văn: Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.

1- Dấu ngoặc kép đánh dấu từ nào?

2- Từ “ngược dòng” hiểu theo nghĩa thông thường là gì? Trong câu văn này, nghĩa của từ “ngược dòng” có được hiểu như vậy không? Vậy hiểu là gì?

3- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng gì?

Dự kiến câu trả lời của HS

Dấu ngoặc kép đánh dấu ngược dòng

Nghĩa thông thường của từ “ngược dòng” là bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.

- Trong câu văn trên “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.

- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc

biệt.

- GV kết nối: Như vậy, mỗi một loại dấu câu được dùng khi viết đem lại hiệu quả rất lớn cho việc diễn đạt. Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nắm được công dụng của các loại dấu câu quen thuộc như dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu phẩy và cùng ôn lại các biện pháp tu từ đã học.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (23’)

I. DẤU CÂU

a. Mục tiêu: HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

NV1: Dấu ngoặc kép * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu ví dụ: a,b,c,d Đọc các ví dụ, và cho biết dấu ngoặc kép trong mỗi câu văn trên dùng để làm gì? GV cho HS chọn đáp án để nối với công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép : Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật. Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình. Từ những ví dụ đó,em rút ra dấu ngoặc kép có công dụng gì? - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi , xác định công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá NV: Dấu phẩy * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	I. Dấu câu 1. Dấu ngoặc kép. Ví dụ: a. Cộng đồng loài én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không may mắn nghĩ đến sự hiện diện của nhóm du khách. b. Văn bản “Hang Én” trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020. c. Người xưa có câu: “Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”. a.2 b.3 c.1 b. Công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép: - Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật. - Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. - Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình. 2. Dấu phẩy

GV chia lớp thành 2 nhóm: Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, em hãy nêu công dụng của dấu phẩy, dấu gạch ngang. Lấy một vài ví dụ minh họa Nhóm 1: Nêu công dụng của dấu phẩy. Nhóm 2: Nêu công dụng của dấu gạch ngang. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi , xác định công dụng thích hợp của dấu phẩy, dấu gạch ngang. * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ. - Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chủ thích của nó. - Ngăn cách các vế của một câu ghép. 3. Dấu gạch ngang - Dấu gạch ngang dùng trước trích dẫn lời nói của nhân vật - Dấu gạch ngang dùng để liệt kê - Dấu gạch ngang để nối các từ

C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (10')

a. Mục tiêu:

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang.
- HS nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

NV1: Bài 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm	II. Luyện tập 1. Dấu câu Bài 1 SGK trang 119 Dấu ngoặc kép trong câu a,b đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. a. (nt)

Thực hiện các yêu cầu ở các bài tập 1,2,3 GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của mỗi bài: Nhóm 1 – Bài 1: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì? Nhóm 2 – Bài 2a: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì? Nhóm 3 – Bài 2b: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì? Nhóm 4 – Bài 3: tìm thêm những câu văn sử dụng dấu ngoặc kép trong VB Hang Én và giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong tuongf trường hợp? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận * Bước 3. Báo cáo kết quả: Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	b. - Nghĩa thông thường của “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo. - Trong câu văn: không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ Bài tập 2 SGK trang 118 a. Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1): Ngăn cách thành phần phụ của câu với bộ phận chính. + Dấu phẩy (2) (3) Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt. - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” b. Tác dụng của: - Dấu phẩy: + Dấu phẩy (1)(3): ngăn cách thành phần chú thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ, vị ngữ của câu). + Dấu phẩy (2): ngăn cách thành phần 2 chú thích của câu. + Dấu phẩy (4) (5): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Dấu ngoặc kép: + “Sống” được để trong ngoặc kép trong .Dấu ngoặc kép đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài.

Bài tập 3 SGK trang 118

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tự ôn tập: Nhân hóa là gì? Tác dụng của phép nhân hóa. Sau đó chia sẻ với bạn. Làm BT số 4,5 :	Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB Cô Tô, Hang Én: - VB Cô Tô: + Anh quây 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, ...bằng nước biển thôi” - tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. - Vb Hang Én: + “thương hải tang điền” Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. - Tác dụng khi sử dụng ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch. 2. Biện pháp tu từ Bài 4 SGK trang 118 a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”. b. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”. → Tác dụng : làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động, quen thuộc như những người bạn. Bài tập 5 SGK trang 118 - a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”. → Tác dụng: làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động

b. - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.

Yêu cầu: Bài 4: Chỉ ra biện pháp nhân hóa trong các câu văn - tác dụng của phép nhân hóa. Bài 5: Chỉ ra biện pháp nhân hóa, so sánh trong các câu văn - tác dụng của phép nhân hóa, so sánh. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận * Bước 3. Báo cáo kết quả: Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	→ Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp. c. - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ. - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo

D. TÌM TÒI, MỞ RỘNG (5')

a. Mục tiêu: Củng cố và nâng cao kiến thức về dấu câu và biện pháp tu từ

b. Nội dung: Giáo viên nêu yêu cầu, học sinh sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV yêu cầu HS:

? Đặt 1 câu (chủ đề tự chọn) có sử dụng biện pháp so sánh hoặc nhân hóa.

? Viết đoạn văn từ 5 đến bảy dòng có sử dụng dấu ngoặc kép và biện pháp so

sánh. - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - HS nhận xét.

- Giáo viên đánh giá, bổ sung.

Hướng dẫn tự học: (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học thuộc: Khái niệm của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã được học.
- Làm bài tập 3 SGK/118
- Chuẩn bị văn bản “Cửu Long giang ta ơi” – Nguyễn Hồng.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

HỒ SƠ DẠY HỌC

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Phương pháp quan sát - Phương pháp hỏi - đáp. - Đánh giá hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập	

Phiếu học tập

+ Phiếu học tập số 1: Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:

- Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.
- Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lưng.

TIẾT 63: ĐỌC VĂN BẢN “CỬU LONG GIANG TA OI”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyên Hồng.
- Hiểu mạch cảm xúc của bài thơ.
- Hiểu vẻ đẹp của dòng Cửu Long Giang và con người Nam bộ trong cảm nhận của nhà văn, nhà thơ Nguyên Hồng.
- Niềm tự hào về quê hương, đất nước của tác giả được thể hiện qua nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh, ...
- Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long và con người Nam bộ qua nhịp thơ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận xét được tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước
- Liên hệ và so sánh Cửu Long Giang xưa kia hiện tại từ đó nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.
- Yêu nước, yêu thương con người và cuộc sống
- Trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ và xây dựng tổ quốc
- Lòng biết ơn

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Kế hoạch bài dạy
- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và Tập thơ “Trời xanh”
- Ti vi
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG: (5’)

- a) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- b) **Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS nghe một đoạn bài hát “Mùa xuân trên dòng sông Mê Kông”

“Trọn niềm tin ước mơ mùa xuân rạng rỡ đẹp

Những mùa hoa và ước mơ đã về cùng với ta

Dòng nước êm như lụa mượt mà đẹp ý thơ đẹp

Cùng sát vai xây nền độc lập

Phù sa sông nước bồi cho cây ra muôn hoa

Sông nước Mê Kông soi trời xanh bao la.

? Con sông nào được nhắc đến trong bài hát? Em biết gì về con sông đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS
- GV kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: GV chuẩn bị sẵn bản đồ địa lí để giới thiệu về sông Mê Kông, sông Cửu Long, một số thông tin lịch sử, khoa học liên quan đến sông Cửu Long và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (28')

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Nguyễn Hồng và tác phẩm “Cửu Long Giang ta ơi”.	
b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động.	
d. Tổ chức:	
Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyên Hồng? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	- Tên khai sinh: Nguyễn Nguyên Hồng (1918 – 1982) - Quê quán: Nam Định - Ông sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi kí, thơ, v.v... - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Những ngày thơ ấu</i> (hồi kí), <i>Bỉ vỏ</i> (tiểu thuyết), <i>Trời xanh</i> (thơ), <i>Cửa biển</i> (tiểu thuyết), <i>Bước đường viết văn</i> (hồi kí), v.v... - Trang viết của Xuân Hồng tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.

2. Tác phẩm
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, PTBD, bố cục, nhan đề) b) Nội dung: Thảo luận nhóm đôi - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT thảo luận nhóm đôi. c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động. d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn HS cách đọc và tìm hiểu chú thích. - HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 2p + Thể thơ + PTBD chính + Ý nghĩa nhan đề bài thơ + Bố cục của VB và nội dung từng phần B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản, chú thích - Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi GV: - Chính cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: Nhận xét cách đọc của HS. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	a) <i>Đọc và tìm hiểu chú thích</i> b) <i>Văn bản</i> - Xuất xứ: Trích trong tập thơ “Trời xanh” (1960) - Thể loại: Thơ tự do - PTBD chính: Biểu cảm Ý nghĩa nhan đề: Tiếng gọi yêu thương, tha thiết dòng Cửu Long Giang, đồng thời thể hiện ý thức sở hữu, niềm tự hào dân tộc. - Bố cục: 3 phần + Phần 1: <i>Từ đầu đến “cây số mông mênh”</i> (Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ) + Phần 2: <i>Từ “Mê Kông chảy”...đến “chia cắt”</i> (Về đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương. + Phần 3: <i>Phần còn lại</i> (Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả).

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT			
1. Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ			
a) Mục tiêu: - Cắt nghĩa một số hình ảnh đặc sắc, từ đó phân tích tâm trạng của tác giả khi được tới trường và lắng nghe bài giảng của thầy. - Nhận xét về vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua cái nhìn tác giả			
b) Nội dung: Thảo luận nhóm lớn - GV tổ chức học sinh thảo luận nhóm với những câu hỏi đã được chuẩn bị - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).			
c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động			
d) Tổ chức thực hiện:			
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)		PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
			Câu hỏi

- GV chia lớp thành 4 nhóm - Phổ biến nội quy giờ thảo luận: + Tất cả các thành viên đều tham gia thảo luận + Tuân thủ nguyên tắc thời gian + Chỉ một người nói trong nhóm tại một thời điểm - Phát phiếu thảo luận số 1 cho HS	1	Em hiểu như thế nào về những hình ảnh sau: + Tấm bản đồ rực rỡ: Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại phiếu cá nhân đã chuẩn bị trước (trong thời gian 1 phút) - HS thảo luận, thống nhất ý kiến vào phiếu lớn (5 phút) - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục sau		Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiêm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp đẽ lạ thường. + Gây thần tiên, cánh tay đạo sĩ: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò. Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc
	2	Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo? Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương

a) Mục tiêu:

- HS nhận ra và liệt kê được những chi tiết miêu tả vẻ đẹp trù phú của dòng sông Mê Kông.
- HS chỉ ra được những chi tiết thể hiện vẻ đẹp của người nông dân Nam Bộ
- HS nhận thấy được sự thay đổi trong cái nhìn và cảm nhận về dòng sông Mê Kông của tác giả so với thời ấu thơ.

b) Nội dung: Tổ chức Nhóm chuyên gia

- Nhóm chuyên gia trình bày những hiểu biết của mình về nét đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ, trao đổi, làm rõ những thắc mắc của các nhóm còn lại.
- c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV phổ biến nội quy khi thực hiện hoạt động: + HS chỉ được đặt câu hỏi sau khi Nhóm chuyên gia đã trình bày xong. + Chỉ một người nói tại một thời điểm + Thời gian dành cho phần trình bày là 5p, phần “hỏi chuyên gia” là 5 phút. - GV mời nhóm chuyên gia lên trình bày. Chú ý: GV phải phát trước bộ câu hỏi gợi ý, dẫn dắt để HS khai thác đúng hướng. * 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”.... “chân trời buồm trắng”	* 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”.... “chân trời buồm trắng” Tâm trạng của tác giả thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào, trái tim nhiệt thành dành cho quê hương đất nước. Đoạn thơ sử dụng thành công nghệ thuật nhân hoá khiến cho dòng Mê Kông như mang tâm trạng của con người, vui sướng, hứng khởi khi được hoà mình với cuộc sống của con người. * 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả” => Dòng Cửu Long chính là nguồn sống màu mỡ, đạt dào, mang lại sự ấm no cho toàn bộ cư dân ĐBSCL.

1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Ta đi...Bản đồ không nhìn nữa”? 2. Em có nhận xét gì về không khí được diễn tả trong đoạn thơ “<i>Ta đi...chân trời buồm trắng</i>” và tâm trạng của tác giả? Tâm trạng đó nói lên tình cảm gì? Nghệ thuật của đoạn thơ có gì đặc sắc? * 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả” 1. Trong đoạn thơ tiếp theo tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua những chi tiết nào? 2. Đoạn thơ có những nét nghệ thuật nào đặc sắc? * Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quặn đẽ” đến “không bao giờ chia cắt” 1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Mê Kông quặn đẽ chín nhánh sông vàng”?	Nghệ thuật tu từ liệt kê, kết hợp với các động từ mạnh, tính từ đặc tả đã cho thấy nguồn tài nguyên quý giá, vô hạn mà dòng Cửu Long Giang đã đem đến cho chúng ta. * Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quặn đẽ” đến “không bao giờ chia cắt” 1. Dòng Mê Kông tự xẻ thân mình thành 9 nhánh sông con, truyền đi nguồn sống cho một vùng đồng bằng rộng lớn. 2. Đón nhận sự ưu ái từ sông mẹ Mê Kông, người dân Nam Bộ không ngại gian nan, cực nhọc cùng bùn đất để xây dựng quê hương. Họ còn là những con người biết đoàn kết để gìn giữ đất đai, sông núi

2. Người dân Nam Bộ đã làm gì để đón nhận và phát triển, gìn giữ nguồn tài nguyên vô giá từ sông mẹ Mê Kông?

B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)

- Các nhóm hội ý trong vòng 2 phút:

+ Nhóm chuyên gia chuẩn bị thuyết trình + Các nhóm còn lại thống nhất các vấn đề cần giải đáp. B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Nhóm chuyên gia cử đại diện trình bày, các thành viên khác trong lớp lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi cần giải đáp. - Các thành viên của nhóm chuyên gia lần lượt trả lời câu hỏi của các bạn. GV: Lắng nghe, quan sát học sinh, hỗ trợ giải đáp những vấn đề nhóm chuyên gia chưa giải quyết được. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	

3. Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả a) Mục tiêu: - Phân tích được sự thay đổi trong giọng điệu thơ, thể hiện tâm trạng của tác giả. - Cắt nghĩa được những hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ b) Nội dung: Hoạt động cá nhân - GV đặt câu hỏi gợi dẫn học sinh tìm hiểu - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động d) Tổ chức thực hiện:	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Giáo viên đặt câu hỏi cho HS 1. Giọng điệu của đoạn thơ cuối có gì khác so với những phần trước? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả? 2. Em hiểu như thế nào về suy tư của tác giả qua các hình ảnh: + “<i>Ta đã lớn, Thầy giáo già đã khuất</i>” + “<i>Thước bảng to nay thành cán cò sao</i>” + “<i>Những tên làm man mác tuổi thơ xưa/ Đã thấm máu của bao hồn bất tử</i>” B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) - HS lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ trả lời B3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày ý kiến cá nhân - GV lắng nghe, gợi dẫn câu trả lời cho HS B4: Kết luận, nhận định (GV)	-. Đoạn thơ cuối là những suy tư của tác giả về quá khứ, hiện tại. Giọng điệu thơ trở nên thâm trầm, sâu lắng, buồn vui xen lẫn tự hào.
Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	

III. TỔNG KẾT
a) Mục tiêu: HS khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản b) Nội dung: GV đặt câu hỏi, các nhóm thảo luận, thống nhất và báo cáo. c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Sau vòng thảo luận chuyên gia, GV cho học sinh giữ nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập mới. - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất) GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	1. Nghệ thuật - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm, giọng điệu phong phú gợi nhiều cảm xúc cho người đọc - Sử dụng hình ảnh sinh động, giàu tính hình tượng - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, liệt kê. 2. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào vô hạn của tác giả với dòng sông Mê Kông, với quê hương, đất nước.

C.LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG (5’)

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
- Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
- Sản phẩm:** Kết quả hoạt động
- Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong toàn bài thơ. (Chính là mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ) B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”. HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện. B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định: - GV đọc và chữa bài cho 1 vài học sinh (Tuỳ thuộc thời gian). - GV chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau	

C. TÌM TÒI, MỞ RỘNG (5')

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

HS được chọn một trong 2 nhiệm vụ sau:

- Tìm đọc một vài bài thơ trong tập thơ “Trời xanh” của Nguyên Hồng, ghi chép vào sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.
- Su rầm một số bài thơ viết về thiên nhiên, đất nước cùng giai đoạn với bài “Cửu Long Giang ta ơi” của Nguyên Hồng, ghi chép và sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp lại sổ tay văn học để giáo viên kiểm tra, đánh giá.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- * Hướng dẫn tự học: (2')

- HS chuẩn bị những nội dung cần học ở nhà.

- Chuẩn bị cho tiết Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

+ Chuẩn bị bài viết, dàn ý cho bài viết tả cảnh.

- * **RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
	Câu hỏi
1	Em hiểu như thế nào về những hình ảnh sau: + Tấm bản đồ rực rỡ: + Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ:
2	Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?

TIẾT 64: TIẾT 64: ÔN TẬP CUỐI HKI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đã học, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học trong học kì I.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nghe, nói.

2. Năng lực cần hình thành

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

3. Phẩm chất

Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
 - Thiết kế bài giảng điện tử.
 - Chuẩn bị phương tiện, học liệu:
- + Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
- + Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. CUỘC THI ĐƯỜNG LÊN ĐỈNH OLIMPIA

- a) Mục tiêu: Học sinh tổng hợp kiến thức đã khám phá được qua tất cả các bài học trong học kì 1.
- b) Nội dung hoạt động: HS Tham gia cuộc thi Đường lên đỉnh Olimpia
- Tự tổng hợp kiến thức theo gợi ý và giúp đỡ của GV
- c) Sản phẩm: Đáp án từng câu, từng phần của 4 đội chơi.
- d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

CUỘC THI: ĐƯỜNG LÊN ĐỈNH OLIMPIA

I. Chia lớp làm 4 đội. Mỗi đội được phát một bảng ghi và 1 bút dạ. Thành viên các đội phải tự chuẩn bị giấy bút để thảo luận. Mỗi đội sẽ cử một đội trưởng giờ đáp án.

II. Người dẫn chương trình kiêm thư kí: giáo viên (GV có thể mời một cán bộ Văn phòng tham gia cuộc thi với tư cách là thư kí và người hỗ trợ máy móc, thiết bị dạy học (CNTT)).

Cũng có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí.

III. Tiến trình cuộc thi:

Bước 1. GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:

Cuộc thi gồm 4 phần:

- Phần 1: Khởi động gồm 10 câu hỏi chọn đáp án Đúng hoặc Sai?

Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1,0 điểm.

- Phần 2: Vượt chướng ngại vật:

Gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2,0 điểm.

- Phần 3. Tăng tốc: 10 câu hỏi điền khuyết, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 3,0 điểm.
- Phần 4. Về đích: Gồm 5 câu hỏi tự luận, mỗi câu trả lời đúng sẽ được 4,0 điểm.

Đội nào có số điểm cao nhất sẽ là đội thắng cuộc và giành được vòng nguyệt quế của cuộc thi.

* Bước 2: Các đội chính thức bước vào các phần thi.

Phần 1. KHỞI ĐỘNG.

Phần này gồm 10 câu hỏi, thí sinh chọn đáp án đúng hoặc sai. Mỗi câu có thời gian suy nghĩ và trả lời là 10 giây. Hết 10 giây, đại diện các nhóm giơ bảng có đáp án: Đúng hoặc Sai. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1,0 điểm.

Câu 1. Câu chuyện viết về những nhân vật là loài vật nhưng có nhiều đặc điểm như con người là truyện đồng thoại.

Đáp án: Đúng

Câu 2. Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.

Đáp án: Đúng

Câu 3. Tác giả của các bài ca dao có tên riêng.

Đáp án: Sai (Tác giả của ca dao là nhân dân lao động nói chung nên không có tên riêng)

Câu 4. Trong thơ lục bát, tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 8 của câu bát?

Đáp án: Sai (Tiếng thứ 6 của câu bát)

Câu 5. Thơ lục bát là thể thơ có nguồn gốc từ thơ Đường -Trung Quốc?

Đáp án: Sai (Việt Nam)

Câu 6. Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi?

Đáp án: Đúng

Câu 7. Biện pháp nghệ thuật sử dụng phổ biến trong truyện đồng thoại là biện pháp tu từ so sánh?

Đáp án: Sai (Nhân hóa)

Câu 8. Kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân, người kể chuyện sử dụng ngôi thứ 3?

Đáp án: Sai (ngôi thứ nhất)

Câu 9. Các sự việc trong hồi kí được kể theo trình tự thời gian?

Đáp án: Đúng

Câu 10. Ẩn dụ là gọi tên sự vật hiện, tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác dựa trên mối qua hệ tương cận?

Đáp án: Sai (Tương đồng)

Phần 2. VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT.

Phần này có 10 câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian suy nghĩ và trả lời là 15 giây. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 2,0 điểm.

Câu 1. Truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” là của tác giả:

- A. Tô Hoài B. Thạch Lam C. Nguyễn Tuân D. Nguyên Hồng

Đáp án: B

Câu 2. Văn bản “Cô Tô” thuộc thể loại:

- A. Truyện B. Thơ C. Kí D. Truyện đồng thoại

Đáp án: C

Câu 3. Bài thơ “Bắt nạt” thuộc chủ đề:

- A. Tôi và các bạn B. Yêu thương và chia sẻ
C. Quê hương yêu dấu D. Những nẻo đường xứ sở

Đáp án: A

Câu 4. Bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự thì phương thức biểu đạt chính là:

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Nghị luận D. Biểu cảm

Đáp án: D

Câu 5. Bài thơ “Mây và sóng” của Ta- go là lời của ai?

- A. Lời của mẹ nói với con. B. Lời của nhà thơ nói với em bé
C. Lời của mây và sóng nói với em bé D. Lời của con nói với mẹ

Đáp án: D

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của thể loại hồi kí?

- A. Kể lại những sự việc mà người viết tham dự hoặc chứng kiến.
B. Sự việc thường được kể theo trình tự thời gian.
C. Cốt truyện thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng ca tụng, tôn thờ.
D. Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong văn bản thường là hình ảnh của tác giả.

Đáp án: C

Câu 7. Trong truyện “Bức tranh của em gái tôi”, vì sao người anh thấy xấu hổ khi nhìn thấy bức tranh em gái vẽ mình?

- A. Em gái mình vẽ không đẹp B. Em gái mình vẽ đẹp hơn bình thường
C. Em gái vẽ sai về mình D. Em gái mình vẽ bằng tâm hồn trong sáng, nhân hậu

Đáp án: D

Câu 8. Thành phần trung tâm của cụm động từ “còn đang nô đùa trên bãi biển” là gì?

- A. còn đang B. nô đùa C. trên D. bãi biển

Đáp án: B

Câu 9. Tìm cụm tính từ có đầy đủ cấu trúc ba phần?

- A. Khỏe mạnh lắm B. Rất chăm chỉ làm việc
C. Còn trẻ khỏe D. Đang vui

Đáp án: B

Câu 10. Câu nào dưới đây nói về văn bản “Cây tre Việt Nam” của Thép Mới?

- A. Là truyện ngắn đạt giải nhất trong cuộc thi viết về làng quê và con người Việt Nam.
B. Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.
C. Là kí sự của tác giả viết về cây tre Việt Nam.
D. Là tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

Đáp án: B

PHẦN 3. TĂNG TỐC

Phần này gồm 10 câu hỏi điền khuyết. Thời gian suy nghĩ và đưa ra đáp án là 30 giây. Mỗi câu điền đúng (vào dấu ba chấm) sẽ được 3,0 điểm.

Câu 1. Tôi yêu chuyện cổ nước tôi

Vừa ... (1) lại tuyệt vời ... (2)

Đáp án: nhân hậu (1), sâu xa (2)

Câu 2. Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa gọi là Đáp án: Từ ghép

Câu 3. “Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ... với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Đáp án: gần gũi

Câu 4. Phần phụ trước của cụm danh từ là các từ....

Đáp án: Một, các, những, mọi...(từ chỉ số lượng)

Câu 5. “...là biện pháp tu từ gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt”

Đáp án: Ẩn dụ

Câu 6. Thành ngữ nào chỉ “những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả” gọi là ...

Đáp án: Đeo cà giữa đường

Câu 7. Hiện tượng từ đa nghĩa là xét về nghĩa khác nhau của... từ lại có liên quan đến nhau.

Đáp án: một

Câu 8. “Chao ôi, có biết đâu rằng:(1).....(2)....(3) chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dốt của mình thôi”.

ĐA: hung hăng (1), hống hách (2), láo (3).

Câu 9. Ai ơi đứng lại mà trông

Kìa núi ... (1), kìa sông ...(2)

Đáp án: Thành Lạng (1), Tam cò (2)

Câu 10. “ ...là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau”

Đáp án: Từ đồng âm

PHẦN 4. VỀ ĐÍCH

Phần thi này gồm 05 câu hỏi tự luận, các nhóm phải đưa ra đáp án trong thời gian 60 giây. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 4,0 điểm. Câu 1. Nối cột A với cột B

A Yêu cầu đối với kiểu bài	B Tác dụng
1. Giới thiệu thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.	a. Giúp cho cảnh sinh hoạt trở nên xác định hơn.
2. Tả lại cảnh sinh hoạt theo trình tự hợp lí (Từ xa đến gần, từ diện đến điểm).	b. Giúp bài viết gần gũi, gợi được sự đồng cảm với người đọc.
3. Thể hiện hoạt động của con người trong không gian, thời gian cụ thể.	c. Giúp người đọc hình dung rõ hơn về hoạt động.
4. Gợi tả quang cảnh, không khí chung và những chi tiết tiêu biểu của bức tranh sinh hoạt.	d. Giúp người đọc theo dõi hoạt động được minh bạch, dễ dàng hơn.
5. Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động.	đ. Giúp cảnh sinh hoạt hiện lên sinh động hơn.
6. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của người viết.	e. Giúp người đọc có cái nhìn bao quát vừa cụ thể.

ĐA: 1 - a, 2 - e, 3 - d, 4 - đ, 5 - c, 6 - b

Câu 2. Quy trình viết gồm mấy bước? là những bước nào?

ĐA: 4 bước, là các bước sau:

Chuẩn bị trước khi viết.Tìm ý, lập dàn ý.Viết bài.Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm Câu 3. Trong quy trình viết, bước Chuẩn bị trước khi viết gồm những nội dung nào?

ĐA:

Xác định đề tài.Mục đích.Người đọc.Thu thập tư liệu

Câu 4. Tìm các từ đơn có trong câu “Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngẩn ngẩn đến giữa lưng”?

ĐA: đã, rồi, mà, cánh, chỉ, đến, giữa, lưng.

Câu 5. Đoạn văn sau có mấy từ láy? Là những từ nào?

“Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn ngủn đến giữa lưng, hở cả hai mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu, mà mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ”.

ĐA: 6 từ, là các từ sau:

- gầy gò, lêu nghêu, ngắn ngủn, bè bè, nặng nề, ngẩn ngẩn ngơ ngơ

* Bước 3. Thư kí tổng hợp số điểm của từng đội và công bố đội có số điểm cao nhất.

* Bước 4. Khen ngợi, trao vòng nguyệt quế (có thể tự làm) và trao quà cho đội thắng cuộc. - Các đội còn lại cũng nhận quà từ GV (theo thứ tự Nhì, Ba, KK) Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

HOẠT ĐỘNG 2

a) Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì I.

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

*GV kiểm tra phần chuẩn bị các câu hỏi phần Nội dung ôn tập (Tr 131/SGK) của HS (GV đã giao làm trước ở nhà). Câu 1.

Trong học kỳ I, em đã học các bài: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở. Hãy chọn một bài văn mà em cho là tiêu biểu và lập theo bảng mẫu sau:

Bài/chủ đề	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật nội dung và nghệ thuật

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.

* Bước 4. Chuẩn kiến thức: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức cần nhớ

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

Tôi và các bạn	Bài học đường đời đầu tiên	Tô Hoài	Truyện đồng thoại	Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn. Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc. Ngôn ngữ chính xác, giàu tạo hình	- Vẽ đẹp cường tráng, Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, nổi gây ra cái chết của Choắt. Dế Mèn hối hận và ra bài học cho mình. - Bài học về lối sống ái, chan hòa; yêu thương đỡ bạn bè;
Gỗ của trái tim	Chuyện cổ tích h về loài i người	Xuân Quỳnh	Thơ 5 chữ	- Thể thơ 5 chữ, với giọng thơ tâm tình. - Dùng yếu tố tự sự, miêu tả .	- Từ những lí giải về ng gốc loài người, nhà thơ nhờ mọi người cần thương, sự chăm sóc, chổ nuôi dưỡng trẻ.
				- yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích. - Sử dụng nhiều phép tu từ .	- Bài thơ thể hiện tình thương trẻ thơ của nhà thơ
Yêu thương và chia sẻ	Cô bé bán diêm	An-đéc-xen	Truyện	- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, với các tình tiết diễn biến hợp lí - Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập	- Truyện kể về hình một cô bé bán diêm ng khổ, cô đơn, bất hạnh tr đêm giao thừa. - Qua đó tác giả m gửi gắm một thông điệp tính nhân đạo: hãy yêu thu và để trẻ thơ được sống h phúc.

Quê hương yêu dấu	Chùm ca dao về tình yêu quê hương đất nước	Nhân dân	Thơ lục bát	- Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa. - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc. - Sử dụng nhiều phép tu từ.	- Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, của cuộc sống động bình dị. - Tác giả gửi gắm tự hào, tình yêu tha thiết mình với quê hương đất nước con người. - Gọi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào vẻ đẹp của quê hương đất nước con người.
Những nẻo đường xứ sở	Cô Tô	Nguyễn Tuân	Kí	- Lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian - Ngôn ngữ miêu tả chính xác - Sử dụng phép nhân hóa, so sánh	+ Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: khô khan mà dữ dội, đa dạng khác biệt. + Ca ngợi vẻ đẹp của người Cô Tô: bền bỉ mà lễ bảm biển để lao động xuất để giữ gìn biển đảo hương. + Tình yêu thiên nhiên và người của tác giả

Câu 4: Theo em, trong sách Ngữ văn 6, tập 1 có những nội dung nào gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân em? Hãy nêu lên một văn bản và làm sáng tỏ điều đó.

Theo em, trong sách Ngữ văn 6, tập 1, nội dung em thấy gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân chính là văn bản về giờ trái đất, bởi văn bản này khuyến khích một cộng đồng toàn cầu hãy liên kết với nhau để chia sẻ những cơ hội và thách thức của việc tạo ra một thế giới phát triển bền vững. Chiến dịch Giờ Trái Đất góp phần không nhỏ vào việc tiết kiệm điện năng, giảm thiểu khí thải CO₂, giảm hiệu ứng nhà kính, chống biến đổi khí hậu.

VIẾT

Câu 2.

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây: a. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài b. Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Báo cáo sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức cần nhớ	a. Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài - Kể lại một trải nghiệm của bản thân: Đu kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất, giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ, tập trung vào sự việc đã xảy ra, thực hiện được cảm xúc của người kể trước sự việc được kể - Nêu cảm xúc về một bài thơ: Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả, thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ, nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng đối với sự thể hiện tình cảm của tác giả trong bài thơ, chỉ ra nét độc đáo của bài thơ. - Tập làm thơ lục bát: Các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng sáu của dòng tám. Trong dòng sáu dòng tám tiếng thứ sáu là thanh bằng, tiếng thứ tư là thanh trắc. Thường ngắt nhịp chẵn 2/2/,4/4. - Tả cảnh sinh hoạt: Giới thiệu được cảnh sinh hoạt, tả bao quát quang cảnh, tả hoạt động thể của con người, sử dụng những từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt, nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt. b. HS lựa chọn.

NÓI VÀ NGHE

Câu 3

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Nêu qua những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài học trong học kỳ vừa qua. Những nội dung này có liên quan thế nào với những gì em đã đọc và viết? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Báo cáo sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	Những nội dung đã thực hành nói và nghe ở bài học trong học kỳ vừa qua: - Kể lại một trải nghiệm của em. - Trình bày ý kiến về một vấn đề trong sống gia đình - Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con quê hương. - Chia sẻ về một trải nghiệm nơi em hoặc từng đến

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức cần nhớ	→ Học nói nghe sẽ giúp chúng ta rèn luyện kỹ năng tiếp thu nội dung thông tin cả về thái độ và cảm khi nghe và nói, vận dụng vào trong bài của mình và rút được bài học khi đọc hiểu văn bản

TIẾNG VIỆT

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

-Phát phiếu học tập câu 4

- Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:

Câu 4: Tóm tắt các kiến thức tiếng Việt mà em được học trong kì 1 theo mẫu:

Bài học	Kiến thức tiếng Việt
Gỗ cửa trái tim	Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Nét tương đồng giữa các sự vật dựa vào cảm nhận chủ quan của người sử dụng nó. Ví dụ: Cha lại dắt con đi trên cát mịn Ánh nắng chảy đầy vai (Những cánh bướm, Hoàng Trung Thông)

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên dùng hình thức cặp đôi chia sẻ để hướng dẫn HS hệ thống nhanh kiến thức tiếng

Việt kì I.

* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.

* Bước 4. Chuẩn kiến thức:

Bài học	Kiến thức tiếng Việt

Tôi và các bạn

1. Từ đơn, từ phức

- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.

- Từ phức là từ có hai tiếng trở lên.

+Những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép.

+Những từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) được gọi là từ láy. Ví dụ:

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
Tôi, nghe, người	Bóng mờ, ưà nhìn	Hùn hoăn, phành phạch, giòn giã, rung rinh

2. So sánh:

So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ:

	Cái chàng Đế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện
Gỗ cửa trái tim	Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Nét tương đồng giữa các sự vật dựa vào cảm nhận chủ quan của người sử dụng nó. Ví dụ: Cha lại dắt con đi trên cát mịn Ánh nắng chảy đầy vai (Những cánh bướm, Hoàng Trung Thông)

Yêu thương và chia sẻ	1. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ - Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ. - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. 2. Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. - Khái niệm: Cụm danh từ là một tổ hợp từ do một danh từ trung tâm và một số từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành. Ví dụ: tất cả những/ bài hát/ về mẹ ấy - Cụm động từ là loại tổ hợp từ do động từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Ví dụ: đang/đùa nghịch /ở sau nhà - Cụm tính từ là loại tổ hợp từ do tính từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Ví dụ: vẫn đang/trẻ /như một thanh niên
Quê hương yêu dấu	1. Từ đa nghĩa: Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau. ăn cơm, ăn Tết, tàu ăn than... 2. Từ đồng âm: Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau. Ví dụ: Cô ấy được điểm chín (chín: chỉ một con số). Cánh đồng bát ngát lúa chín (chín: lúa đến lúc thu hoạch). 3. Biện pháp tu từ hoán dụ Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Ví dụ: Tre giữ làng giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.
Những nẻo đường xứ sở	1. Dấu ngoặc kép. - Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật. - Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. - Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình. 2. Dấu phẩy

	- Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ. - Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. - Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó. - Ngăn cách các vế của một câu ghép. 3. Dấu gạch ngang - Dấu gạch ngang dùng trước trích dẫn lời nói của nhân vật - Dấu gạch ngang dùng để liệt kê - Dấu gạch ngang để nối các từ

Hoạt động 3: Vận dụng:

- Mục tiêu: Đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học vào việc đọc hiểu và viết văn bản.
- Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận cặp.
- Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS.
- Tổ chức thực hiện hoạt động: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân: GV cho HS luyện đề đọc hiểu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và làm việc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số HS trình bày ý kiến, bài viết của mình.
- HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt kiến thức cần đạt.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thành các bảng hệ thống kiến thức học kì I.
- Chuẩn bị : Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

TUẦN 17

NGÀY SOẠN: 24/12/2023

TIẾT 65, 66: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

TIẾT 65, 66: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.
- Tả bao quát quang cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.- Cảm xúc của người viết về cảnh sinh hoạt.
- Biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.
- Biết quan sát cảnh sinh hoạt quanh mình, có khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.
- Nắm được quy trình trước khi viết, khi viết.
- Có ý thức rèn luyện kỹ năng miêu tả cảnh, yêu cảnh vật, yêu con người, yêu quê hương.
- Yêu thiên nhiên, con người.
- Chăm chỉ: Tìm tư liệu trên mạng internet để mở rộng hiểu biết.
- Trung thực: đánh giá khách quan, công bằng.
- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân và mọi người xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, ti vi. - Kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập.
- Video giới thiệu về cảnh sinh hoạt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: KHỞI ĐỘNG

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
a) Mục tiêu: - Biết được kiểu bài tả về một cảnh sinh hoạt. - Nhận biết được các bước tả trong văn miêu tả. - Biết sử dụng từ ngữ phù hợp với văn miêu tả để có bài văn rõ nét, sinh động. - GV hỏi, HS trả lời. b) Nội dung: c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: ? Trong bài “Cô Tô” của Nguyễn Tuân có miêu tả cảnh sinh hoạt không? ? Em thấy người quan sát và miêu tả ở đây có tâm thế như thế nào? ? Người quan sát yêu thích cảnh đó hay tò mò muốn khám phá và bất ngờ nhận ra... ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Quan sát vb “<i>Cô Tô</i>”. - Suy nghĩ cá nhân - HS tả lại một cảnh sinh hoạt mà em đã thấy. GV: - Dự kiến KK HS gặp: không biết tả về cảnh sinh hoạt. - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: ? Cảnh sinh hoạt đó diễn ra ở đâu (nhà, trường, ...)? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả vào thời điểm nào? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả như thế nào?... B3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “<i>Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt</i>”.	Văn bản : “<i>Cô Tô</i>” của Nguyễn Tuân.

HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt: - Sử dụng phù hợp với đề bài yêu cầu. - Biết cách quan sát, nhận xét và có trí tưởng tượng. b) Nội dung: - GV chia nhóm lớp - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? ? Người viết cần phải làm như thế để có bài văn hay và có sức thuyết phục ? ? Văn tả cảnh sinh hoạt cần sử dụng ngôn từ như thế nào? ? Văn tả cảnh có cần bộc lộ cảm xúc của người viết không ? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhớ lại văn bản “Cô Tô”. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau.	- Tả cảnh sinh hoạt. - Quan sát, lựa chọn đối tượng cụ thể, những chi tiết phù hợp (Thời gian, địa điểm, không gian, quang cảnh...) - Văn tả: sử dụng ngôn từ cần rõ nét, sinh động. - Cảm xúc của bản thân...

II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a) Mục tiêu: - Bài viết tham khảo tả chợ phiên vùng cao. - Biết được cách bước tả cảnh sinh hoạt và lựa chọn hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn tả cảnh chợ phiên ở vùng cao. - Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài). b) Nội dung: - HS đọc SGK - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra. c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS. d) Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Bài viết tả cảnh sinh hoạt ở đâu? Cảnh sinh hoạt đó được tác giả miêu tả như thế nào? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định bố cục trong bài văn? (PHT SỐ 1) 2. Phần nào giới thiệu cảnh sinh hoạt? 3. Phần nào tập trung vào các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu của chợ phiên vùng cao ? Đó là những hình ảnh nổi bật nào? 4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được tả? GV yêu cầu: HS tả lại ngắn gọn cảnh chợ phiên vùng cao theo các sự việc được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2’ - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời. - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau. Nhiệm vụ 2: Bước 1: - Từ bài mẫu, yêu cầu HS rút ra bố cục của bà văn tả cảnh. Bước 2: HS chuẩn bị nội dung phần trả lời. Bước 3: HS trình bày cá nhân. Bước 4: Nhận xét, kết luận	Bài mẫu: - Tả cảnh sinh hoạt ở chợ phiên vùng cao. - Bố cục: 3 phần. - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu cảnh sinh hoạt. + Đoạn 2, 3: tả quang cảnh chung. + Đoạn 4: tả hoạt động cụ thể của con người. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc, thái độ của người viết. - Các hình ảnh, chi tiết nổi bật: + Cảnh chợ phiên thú vị nhất là họp vào buổi sáng thứ Bảy hằng tuần. + Từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ khắp nẻo đường mòn xuống chợ phiên để trao đổi hàng hóa, giao lưu, gặp gỡ lẫn nhau. + Cảnh họp chợ đông vui, náo nhiệt và đủ các sắc màu của các sắc tộc khác nhau. + Cảnh buôn bán, giao đổi hàng hóa, gia súc. + Cảnh chợ tan tằm trưa. - <u>Mở bài</u>: giới thiệu cảnh sinh hoạt. - <u>Thân bài</u>: Miêu tả cảnh sinh hoạt. + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt. + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia. + thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. - <u>Kết bài</u>: nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết.

III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
 - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
 - Tập trung vào những chi tiết cụ thể và đặc sắc.
 - Sử dụng từ ngữ miêu tả phù hợp.
- b) Nội dung:**
- GV sử dụng KT động não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.
 - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò

Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Liệt kê những chi tiết đặc sắc? ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý bằng Pht số 1 HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn bằng Pht số 2 B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table border="1" data-bbox="971 285 1549 831"> <tr> <td>Em tả cảnh gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?</td><td></td></tr> <tr> <td>Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: giới thiệu cảnh sinh hoạt. - <u>Thân bài</u>: Miêu tả cảnh sinh hoạt. + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt. + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia. + thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. - <u>Kết bài</u>: nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết. 2. Viết bài Khi viết bài em cần chú ý: + Tả những gì em đã quan sát. + Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị, ... chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để bài viết thêm sinh động.	Em tả cảnh gì?		Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?		Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?		Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?		Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?		Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	
Em tả cảnh gì?													
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?													
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?													
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?													
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?													
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?													

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn miêu tả

b. Nội dung: chốt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

c. Sản phẩm: câu trả lời học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm cho đề: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt Tết Trung thu ở lớp/ trường em. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.	

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Nắm kĩ các bước làm bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Hoàn chỉnh đề văn tả cảnh chuẩn bị đón tết ở quê em.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bố cục của bài văn tả cảnh sinh hoạt:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

PHT SỐ 2

Em tả cảnh gì?	
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?	
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?	
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?	
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?	
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	

TUẦN 18
NGÀY SOẠN: 31/12/2023
TIẾT 67+68: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ đầu học kì I đến tuần 15.
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề bài, đáp án, biểu điểm.

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỎI TẬP KÈM THEO)

III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN

- Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
- Thời gian: 90 phút

TUẦN 18B
NGÀY SOẠN: 7/1/2023
TIẾT 69: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT (ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI)
TIẾT 70: NÓI VÀ NGHE : CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN
TIẾT 71: ĐỌC MỞ RỘNG
TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HKI

TIẾT 69: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT (ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Trình bày đúng bố cục của một bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- HS xác định được phạm vi, đối tượng cần tả.
- Hiểu được trình tự tả.

- Có thể hiện cảm xúc khi câu chuyện diễn ra và khi tả lại.
- Có lòng nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Ti vi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu: HS nhắc lại bố cục của một bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Nội dung: GV cho HS chọn đáp án đúng. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức thực hiện bài tập nhanh:

GV trình chiếu các bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết), trả bài cho HS.
- Nội dung: chốt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1	I. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS <i>xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng ở Phiếu học tập số 1)	* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn mở hoặc kết hoặc 1 ý thân bài.

- *GV nhận xét, đánh giá, kết luận.*

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS xây dựng đoạn văn tả cảnh chào cờ ở trường em.

b) Nội dung:

- HS làm bài.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xây dựng đoạn văn tả lại cảnh chào cờ ở trường em.	

B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Bài viết của HS

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình.
- Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.
- + Suru tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.
- Hoàn thành phần củng cố, mở rộng / SGK – 106
- Chuẩn bị bài Nói và nghe Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
- HS chuẩn bị: Trình bày bài chia sẻ.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu cảnh cần tả chưa?

.....

2. Bài viết có nêu được phạm vi, đối tượng cần tả chưa?

.....

3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

.....

.....

4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

.....
.....
5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).
.....

TIẾT 70 : NÓI VÀ NGHE : CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nắm ngôi kể và người kể chuyện
- Biết trình bày bài nói về trải nghiệm đáng nhớ của bản thân
- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

2. Năng lực:

- Thu thập và xử lí thông tin.
- Tự chủ, tự học.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, kế hoạch bài dạy
- Ti vi, bảng phụ, phiếu bài tập, kế hoạch bài dạy
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS lắng nghe một đoạn ngữ liệu (câu chuyện) và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đọc cho HS nghe một đoạn ngữ liệu và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn văn bản? Nhân vật trong đoạn văn bản kể về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TRƯỚC KHI NÓI	
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói Nội dung: - GV hỏi và nhận xét sâu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Em sẽ nói về nội dung gì? B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b	CHUẨN BỊ BÀI NÓI a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói ? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra? ? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó. ? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì? ? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành động, lời nói như thế nào? ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em? - GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị bài nói - HS luyện nói tại chỗ B3: Thảo luận, báo cáo - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm B4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói.	b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện. <i>* HS chuẩn bị được bài nói</i> bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh. <i>* Tập luyện</i> - HS nói một mình - HS luyện nói cùng cặp đôi

TRÌNH BÀY NÓI	
Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị. - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI

Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

HĐ 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

“Kể về một chuyến du lịch của gia đình em.”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét phần nói và nghe của HS.

HĐ 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy quay lại bài nói của em về “Một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến” thành một video

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS lắng nghe và ghi chép

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành: gửi video về địa chỉ mail của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Khái quát cho HS những nội dung cần học ở nhà.

- Chuẩn bị:

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.

		ngập ngừng 1 vài câu.	
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

TIẾT 71: ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Có khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để thực hành đọc mở rộng.
- Có khả năng cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, xứ sở qua việc đọc mở rộng về VB thể bài du kí, VB thơ lục bát.
- Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện trao đổi, thảo luận.
- HS nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân sau khi được góp ý, tự định hướng và hoàn thiện bản thân.
- Học sinh phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc đọc mở rộng.
- Chăm chỉ: Chăm học, có tinh thần tự học, tích cực, tự giác sưu tầm các văn bản liên quan đến chủ đề đã học.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập tìm tòi, mở rộng kiến thức. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Giáo án; máy chiếu;
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Khởi động

- Mục tiêu: Tạo hứng thú, tiếp cận với nội dung chủ đề bài học.
- Nội dung: GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV cho HS kể tên một số bài thơ lục bát , nêu cảm nhận - HS lắng nghe, trình bày cảm nhận sau khi nghe bài thơ lục bát đó. - GV gợi dẫn vào bài	

B. Hình thành kiến thức

Mục tiêu:

- Hs tự tìm đọc được văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB vừa học; nắm được nội dung, nghệ thuật cơ bản của VB vừa đọc.

- HS có khả năng đọc diễn cảm, đọc sáng tạo văn bản

b) Nội dung: Gv nêu yêu cầu, định hướng.HS tìm đọc các văn bản theo chủ đề đã học, hoạt động theo nhóm hoàn thiện phiếu học tập

c) Sản phẩm: Bài đọc, câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí về quê hương, đất nước mà các em tự tìm đọc hoặc cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: Bài 1, bài 4. “Quê hương yêu dấu” và bài 5. “Những nẻo đường xứ sở”chắt lọc kiến thức, trình bày vào phiếu học tập 1 hoặc 2. - GV hướng dẫn, gợi ý. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ điền vào phiếu học tập 1 hoặc 2. * Báo cáo kết quả và thảo luận: - HS các nhóm báo cáo, trình bày kết quả thảo luận;	I. Thực hành đọc

- GV gọi HS ở nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng	II. Trao đổi, thảo luận

C. Luyện tập

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đọc diễn cảm.
- Nội dung: GV chuẩn bị văn bản để chiếu lên máy chiếu, hs đọc văn bản theo yêu cầu.
- Sản phẩm: Bài đọc của học sinh
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV gọi một số HS tập đọc diễn cảm trước lớp, đọc phân vai: + Đọc diễn cảm (một đoạn) + Đọc phân vai một đoạn trong văn bản truyện. - GV nhận xét và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp.	

D. Vận dụng, tìm tòi, mở rộng (3 phút)

- Mục tiêu: Khuyến khích học sinh chia sẻ và trao đổi sách, truyện để đọc
- Nội dung: Gv đưa yêu cầu, Hs thực hiện theo yêu cầu của Gv
- Sản phẩm: Hoạt động của học sinh
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng thêm nguồn tài liệu đọc.	

- GV giới thiệu và yêu cầu HS đọc tham khảo một trong số các cuốn sách như: Truyện Việt Nam - HS thực hiện.	

Hướng dẫn tự học:

- Xem lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Chuẩn bị tiết: Trả bài kiểm tra học kì I

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

V. HỒ SƠ DẠY HỌC:

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp quan sát - Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập - Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Rubric	

Rubric

PHIẾU SỐ 1: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI				
NHÓM:				Điểm
Tiêu chí	Mức độ			
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)	
1. Chọn được nội dung phù hợp	Chưa có nội dung, đề tài để kể, tả	Có đề tài, nội dung để kể, tả nhưng chưa hay	Nội dung và đề tài hay và ấn tượng	
2. Trải nghiệm phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu trải nghiệm của bạn	Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm của bạn	Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm	

			và hấp dẫn, thú vị.	
3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy	Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Giọng nói to, rõ ràng; có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy, truyền cảm.	
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn về người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.	
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có lời chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.	
Tổng điểm				

PHIẾU SỐ 2: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NGHE. NHÓM:.....		
Tiêu chí	Yêu cầu	Nhận xét (Đánh dấu X vào dòng thích hợp)
1. Tập trung chú ý	Chú ý (2đ)	
	Bình thường(1đ)	
	Chưa chú ý (0đ)	
2. Thái độ lắng nghe	Chăm chú, ghi chép lại (2đ)	
	Chú ý nghe nhưng không ghi chép (1đ)	
	Không chú ý(0đ)	
3. Phản hồi ý kiến	Khéo léo, lịch sự (2đ)	
	Bình thường (1 đ)	
	Gay gắt (0đ)	

2. Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NHÓM:.....	TRẢ LỜI
* Văn bản thể bài du kí:	
+ Hình thức ghi chép:	
+ Cách kể chuyện có gì đặc biệt?	

TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp .
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.
- Năng lực văn học: Luyện tập kĩ năng dùng từ, đặt câu và kĩ năng xây dựng văn bản.
- Giáo dục HS ý thức phê bình và tự phê bình, có ý thức vươn lên cố gắng trong các bài làm lần sau.

II. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU

- KHBD, bài kiểm tra đã chấm, tìm những lỗi của HS và chọn bài khá tốt

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. MỞ ĐẦU:

HOẠT ĐỘNG 1. Tình huống xuất phát

a. Mục tiêu: Giới thiệu bài học, tạo tâm thế hứng thú cho HS

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS quan sát và đọc một số đoạn văn, nhận xét cách diễn đạt, lỗi các loại...
- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin, trình bày 1 phút, tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
- Chuyển giao nhiệm vụ - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài kiểm tra đã làm ? Xác định yêu cầu của đề, định hướng làm bài phần đọc hiểu VB ? Xác định yêu cầu của đề ? Thể loại ? Nội dung trong phần làm văn? HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Báo cáo kết quả GV đánh giá , cung cấp đáp án GV nhận xét ưu, nhược điểm, đọc đáp án	I. Đề và đáp án (như đề kiểm tra) II. Nhận xét chung

Gv: nêu đáp án cho hs theo dõi - Phân đọc –hiểu: GV đọc đáp án - Phân làm văn đáp án (bảng phụ) ? Theo dõi dàn bài, em thấy trong bài làm của mình hôm trước đã đầy đủ ý chưa ? Gv: Nhận xét ưu – nhược điểm trong bài làm của hs <i>* Ưu điểm:</i> HS có ý thức học tập, vận dụng đọc –hiểu tốt, nhận thực được bài học từ VB, HS nắm được phương pháp làm bài văn tự sự Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy... <i>* Hạn chế:</i> - Nhiều bài diễn đạt vụng chưa hoàn chỉnh . - Bên cạnh đó vẫn còn một số bạn chưa đọc kỹ đề, còn hiểu sai đề, kiến thức chưa vững, không có sự đầu tư nên điểm thấp. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,.... HS theo dõi, lắng nghe <i>* Những bài viết có nội dung tốt:</i> Năng lực hình thành : thương thức –cảm thụ, giao tiếp, tự học	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Giúp HS

- Sửa lỗi trong bài kiểm tra, tham khảo học tập

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét cho bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS ,câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
Gv chuyển giao nhiệm vụ : Phát bài cho hs theo dõi, đối chiếu đáp án, phát hiện lỗi sai - Hướng dẫn cách sửa lỗi .Giải đáp những thắc mắc của học sinh chung quanh bài làm đã chấm điểm(nếu có) -Yêu cầu học sinh đổi bài cho nhau để nhận xét, tham khảo Gv: lấy điểm vào sổ HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Báo cáo kết quả , GV đánh giá Năng lực hình thành : Giải quyết vấn đề, hợp tác, thưởng thức cảm thụ, tự học, sáng tạo, giao tiếp	III. Trả bài, chữa lỗi

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Giúp HS

- Tham khảo học tập từ bài viết của bạn

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét cho bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS ,câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
GV chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS nghe đọc bài tham khảo từ phía HS GV giao nhiệm vụ: Viết lại phần tự luận cho bài kiểm tra - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo kết quả - GV đánh giá - HS về nhà tự thực hiện	IV. Đọc bài tham khảo

Năng lực hình thành: thưởng thức – cảm thụ, sáng tạo	

** Kết quả cụ thể:*

Lớp \ Điểm	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	>TB
61						
65						

E. HƯỚNG DẪN HỌC

- Về nhà xem lại thể loại truyện ngắn, văn kể lại trải nghiệm đáng nhớ
- Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học

Bài mới:

- + Chuẩn bị nội dung phần giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn, Thánh Gióng.
- + Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 19 NGÀY SOẠN: 14/01/2024 TIẾT 73, 74: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “THÁNH GIÓNG” TIẾT 75: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TIẾT 76: ĐỌC VĂN BẢN “SƠN TINH THỦY TINH”

TIẾT 73, 74: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “THÁNH GIÓNG”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Tri thức ngữ văn (truyền thuyết, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).
- Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.
- Công dụng của dấu chấm phẩy.
- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, chủ đề văn bản).

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp).
- Kể được một truyền thuyết.
- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Kế hoạch bài dạy - SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến nội dung bài học.
- Ti vi.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề “*Chuyện kể về những người anh hùng*” và thể loại của văn bản chính là truyền thuyết.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Trò chơi *Ai nhanh hơn?*

+ Chia lớp thành 2 đội (tương đương 2 dãy)

+ Học sinh mỗi đội sẽ lần lượt viết tên những truyện truyền thuyết mà mình đã được nghe, được đọc lên bảng.

Trong thời gian 3 phút, dãy nào viết được nhiều đáp án đúng lên bảng nhất sẽ thắng cuộc. *Vấn đáp:* Trong những truyện truyền thuyết trên em ấn tượng với câu chuyện nào? Nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện truyền thuyết mà em yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

GV dẫn dắt vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

I. Giới thiệu bài học:

a. Mục tiêu:

- Nắm được chủ đề của bài.
 - Những kiến thức cơ bản về truyền thuyết, văn bản thông tin, dấu phẩy.
- b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được các nội dung yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Nêu chủ đề của bài học. - Thể loại được học của chủ đề này là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức đọc hiểu trong SGK và nêu nội dung câu trả lời. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Trình bày cá nhân - Nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. chốt kiến thức.	I. Giới thiệu bài học: Chủ đề: Ca ngợi các vị anh hùng. Thể loại: Truyền thuyết

II. Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

Nắm được những kiến thức cơ bản về truyền thuyết, văn bản thông tin, dấu phẩy.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về truyền thuyết : khái niệm, chi tiết thần kì, đề tài, chủ đề...)

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về truyền thuyết.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần Kiến thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. ? GV chiếu hình ảnh và tên 1 số truyện thuyết, HS quan sát, chia sẻ: Em thích nhất truyện thuyết nào, em hãy kể tóm tắt truyện thuyết. * Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ (Cặp đôi chia sẻ): ? Về thể loại truyện truyền thuyết: xác định các yếu tố cơ bản của truyện thuyết đó như cốt truyện, nhân vật, lời kể? ? Chỉ ra các yếu tố hoang đường, kì ảo trong truyện thuyết mà em đề cập đến? ? Văn bản thông tin dùng để làm gì? ? Nêu công dụng của dấu chấm phẩy Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Tri thức ngữ văn: 1. Khái niệm 2. Một số yếu tố của truyện truyền thuyết: 3. Văn bản thông tin: 4. Dấu chấm phẩy:

HS đọc Tri thức đọc hiểu trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Đại diện của nhóm trình bày . - Nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức, chốt kiến thức.	

III. ĐỌC VĂN BẢN “THÁNH GIÓNG”

1. Mục tiêu:

- Xác định được chủ đề của truyện.
- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyền thuyết Thánh Gióng và những truyền thuyết khác.
- Vận dụng phương pháp học tập vào Đọc - Hiểu những truyền thuyết khác.
- Nhận biết nghệ thuật sử dụng các yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.
- Vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.
- Yêu nước:
 - + Tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.
 - + Kính trọng, biết ơn những vị anh hùng dân tộc, di sản văn hóa; tự hào về truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm; ca ngợi truyền thống sinh hoạt văn hóa và lễ hội của địa phương, của đất nước.
 - Trách nhiệm: Có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng; có ý thức bảo vệ di sản văn hóa của địa phương và của đất nước.

*** Lòng ghép Quốc phòng an ninh.**

- Ví dụ về cách sử dụng sáng tạo vũ khí tự tạo của nhân dân trong chiến tranh: gậy tre, chông tre.

2. Tiến trình dạy học

2.1. Khởi động:

- a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “ Ô cửa bí mật”, HS thực hiện chọn và mở ô cửa trả lời. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV tổ chức cho HS trò chơi “NHÌN TRANH ĐOÁN HÌNH” , 4 tranh ứng 4 câu hỏi về Văn hóa dân gian Việt Nam, có 4 vị Thánh được tôn là "Tứ bất tử". Em hãy cho biết 4 vị thánh đó là ai? Em biết gì về 4 vị Thánh này? Nếu không biết em hãy phỏng đoán vì sao họ lại được phong làm Thánh -> HS hoạt động cá nhân (1')
- GV quan sát HS hoạt động -> mời HS trả lời, chia sẻ
- HS: Hoạt động cá nhân (1') -> trả lời, chia sẻ

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2.2. Hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN

- a. Mục tiêu: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính; nắm được khái niệm, đặc điểm (các yếu tố) của thể loại truyền thuyết; ngôi kể, bố cục của văn bản...

b. Nội dung:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV

hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập, kết quả của các nhóm, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV –HS	Dự kiến sản phẩm
I. ĐỌC VĂN BẢN	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.	1. Đọc - tóm tắt a) Đọc - kể tóm tắt

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân: ? Nhân vật chính là ai? ? Sắp xếp các tranh minh họa và liệt kê sự việc chính theo tiến trình của truyện. Em hãy kể tóm tắt lại câu chuyện dựa trên các sự việc chính đó ? ? Giải thích nghĩa của từ “ tàn quân, núi Ninh Sóc, huyện Gia Bình, làng Cháy”? ? Truyện “Thánh Gióng” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó? ? Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - HS chia sẻ ý kiến cá nhân (theo phần chuẩn bị ở nhà) GV: - GV nêu câu hỏi, bổ sung (nếu cần: Đọc diễn cảm, chú ý chi tiết kì lạ cần nhấn mạnh. Cách đọc và giọng điệu của mỗi đoạn: + Đoạn TG ra đời: Giọng ngạc nhiên, hồi hộp + Lời Gióng trả lời sứ giả: Giọng đĩnh đạc, trang nghiêm + Đoạn cả làng nuôi Gióng: Giọng hào hứng, phấn khởi + Gióng đánh giặc: Giọng khản trương mạnh mẽ, nhanh mạnh, gấp	b) Giải thích từ khó/SGK 2. Văn bản a. Thể loại - Truyền thuyết. - Sử dụng ngôi kể thứ 3. - PTBD chính : tự sự b. Bố cục (4 phần) - <u>Phần 1</u>: Từ đầu đến “...đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng) - <u>Phần 2</u>: Tiếp đến “...cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng) - <u>Phần 3</u>: Tiếp đến “...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời) - <u>Phần 4</u>: Còn lại (các dấu tích còn lại)

+ Gióng về trời: Giọng chậm, nhẹ, thanh thản, xa vời huyền thoại)

- Đọc đoạn Gióng ra đời.

- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

HS: 1, 2 kể -> nhận xét

B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu truyện; Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng.

- Hiểu được, phân tích, cảm nhận được ý nghĩa chi tiết về sự lớn lên của Thánh Gióng.

- Hiểu được, phân tích, cảm nhận được ý nghĩa chi tiết về việc Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời.

- Tìm được những chi tiết về những dấu tích còn lại và hiểu được ý nghĩa. b. Nội dung:

- GV sử dụng KT mảnh ghép, KT đặt câu hỏi qua phiếu bài tập cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c.

Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập, kết quả của các nhóm, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

1. Sự ra đời của gióng

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Nêu câu hỏi và giao nhiệm vụ: (CH 1, 2/SGK/Trang 9) ? Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu truyện?	-> Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường

? Thánh Gióng đã ra đời kì lạ như thế nào? ? Sự ra đời kì lạ đó báo hiệu hiệu điều gì? - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ: B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2' (đọc SGK, tìm chi tiết) - Làm việc nhóm cặp 3' (trao đổi, chia sẻ và thống nhất nội dung trả lời). - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV)	

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	

2. Sự lớn lên của Thánh Gióng

NV 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:	Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết	
		-> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn...	

? Từ những chi tiết sau: + Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc + Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt + Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng ? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ ở câu hỏi (2) bằng cách gợi dẫn. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. NV 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ. Từ xa xưa khi vũ khí là roi sắt bị gãy, Gióng đã nhổ tre để đánh giặc thì nay từ trong các cuộc kháng	Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	+ Nguyên vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.	
	Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	-> Vũ khí hiện đại.	
	Bà con góp gạo nuôi Gióng	-> Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.	

chiến, nhân dân ta đã có những sự sáng tạo nên những loại vũ khí để tiếp tục chiến đấu với giặc? B2: Thực hiện nhiệm vụ. HS theo dõi, phân công nhiệm vụ thảo luận. B3: Báo cáo, thảo luận. Các nhóm trao đổi, thảo luận. B4: Kết luận, nhận định. Nhận xét, bổ sung, tuyên dương.									
3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời									
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: ? Từ những chi tiết sau: + Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ. + Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc. + Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời. ? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó? ? + Khi vũ khí gãy, Gióng đã nhổ tre ven đường để đánh giặc. Điều đó cho em biết thêm gì về vai trò của tre? B2: Thực hiện nhiệm vụ. HS: - 2 phút làm việc cá nhân; 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Câu hỏi số 2 - Tháo gỡ ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ gợi dẫn (nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó?). B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ. Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).	<table border="1"> <tr> <th data-bbox="917 667 1096 800">Chi tiết</th><th data-bbox="1096 667 1427 800">Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết</th></tr> <tr> <td data-bbox="917 800 1096 1024">Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ</td><td data-bbox="1096 800 1427 1024">-> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.</td></tr> <tr> <td data-bbox="917 1024 1096 1331">Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc</td><td data-bbox="1096 1024 1427 1331">-> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.</td></tr> <tr> <td data-bbox="917 1331 1096 1703">Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời</td><td data-bbox="1096 1331 1427 1703">-> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. - Sự ra đi phi thường là ước muốn bắt từ hoá Thánh Gióng</td></tr> </table>	Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết	Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	-> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.	Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc	-> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.	Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời	-> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. - Sự ra đi phi thường là ước muốn bắt từ hoá Thánh Gióng
Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết								
Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	-> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.								
Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc	-> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.								
Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời	-> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. - Sự ra đi phi thường là ước muốn bắt từ hoá Thánh Gióng								

HS: - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.	
4. Những dấu tích còn lại	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hoạt động chung cả lớp - Nêu câu hỏi và giao nhiệm vụ: (CH 6/SGK/Trang 9) ? Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân. GV: Dự kiến: - Tháo gỡ ở câu hỏi (2) bằng cách gợi ý (Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?) B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ. - Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần). HS - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung.... B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	- Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn. Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Chủ đề? Nội dung chính của văn bản? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy; Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: Đại diện lên báo cáo, chia sẻ kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường) 2. Nội dung – Ý nghĩa - <i>Nội dung:</i> Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta. - <i>Ý nghĩa:</i> Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Lời kể là lời của nhân vật.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của Thánh Gióng đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Khuyến khích sự sáng tạo của học sinh về các mặt: văn, trí, mỹ.

b. Nội dung: HS Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Tranh vẽ, bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:

- GV nêu yêu cầu: (chọn 1 trong 2 nhiệm vụ sau)

+ Vẽ tranh về hình tượng Gióng.

+ Viết một kết thúc mới cho truyện. Giải thích vì sao em lại có kết thúc ấy.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Khái niệm truyện truyền thuyết, ý nghĩa chi tiết, nội dung- nghệ thuật của văn bản.

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng việt.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

.....

HỒ SƠ DẠY HỌC

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp	- Quan sát.	- Phiếu học tập.	
- Thuyết trình sản phẩm. - Đánh giá thường xuyên	- Vấn đáp. - Sản phẩm học tập. - Hồ sơ học tập.	- Hệ thống câu hỏi và bài tập. - Chủ thể đánh giá: Giáo viên.	

2. PHIẾU HỌC TẬP

* Phiếu học tập số 1: Các chi tiết sau đây trong văn bản “Thánh Gióng” có ý nghĩa như thế nào?

Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết
Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	
Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	
Bà con góp gạo nuôi Gióng	

Phiếu học tập số 2

Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết
Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	
Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc	
Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa sắt rồi bay về trời	



CHÔNG TRE



GÂY TRE

TIẾT 75: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:;

- Năng lực nhận diện từ ghép, từ láy, cụm động từ, cụm tính từ, các biện pháp tu từ, các từ Hán Việt và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.
- Hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ đơn, từ phức, và biện pháp tu từ
- Yêu nước: Tự hào về tiếng nói của dân tộc
- Trách nhiệm, chăm chỉ: Có ý thức học bài và chuẩn bị bài, có ý thức sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản
- Trung thực; thẳng thắn bày tỏ quan điểm, ý kiến của cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, ti vi
- Phiếu bài tập phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

- b. Nội dung: GV trình bày vấn đề

- c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

- d. Tổ chức thực hiện:

B1: chuyển giao nhiệm vụ

GV giới thiệu bài học: *Ở Tiểu học, các em đã học về các từ loại. Hãy kể tên các từ loại em đã học.*

B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối bài học

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm từ và cụm từ

a. Mục tiêu: Nắm được các khái niệm từ và cụm từ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: <i>Ai nhanh hơn</i> Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp: <table border="1" data-bbox="186 415 893 989"> <thead> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cụm từ</td><td>Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.</td></tr> <tr> <td>Tính từ</td><td>Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.</td></tr> <tr> <td>Động từ</td><td>Nhóm, tập hợp nhiều từ</td></tr> <tr> <td>Từ Hán Việt</td><td>Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,</td></tr> </tbody> </table> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Vuốt – nhọn hoắt Cánh – hùn hoãn Người – rung rinh, bóng mờ Răng – đen nhánh, ngoàm ngoạp Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy.	A	B	Cụm từ	Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.	Tính từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.	Động từ	Nhóm, tập hợp nhiều từ	Từ Hán Việt	Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,	I. Từ và cụm từ - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,
A	B										
Cụm từ	Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.										
Tính từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.										
Động từ	Nhóm, tập hợp nhiều từ										
Từ Hán Việt	Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt,										
+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy.											

Hoạt động 2: Nhắc lại biện pháp tu từ so sánh

- a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.
- b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM								
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm: So sánh là gì? Tác dụng của so sánh? - GV yêu cầu HS rút ra kết luận về so sánh - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV nhắc lại mô hình so sánh: <table><tr><td>Vế A</td><td>Phương diện ss</td><td>Từ ss</td><td>Vế B</td></tr><tr><td>Trẻ em</td><td></td><td>như</td><td>Búp trên cành</td></tr></table>	Vế A	Phương diện ss	Từ ss	Vế B	Trẻ em		như	Búp trên cành	II. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.
Vế A	Phương diện ss	Từ ss	Vế B						
Trẻ em		như	Búp trên cành						

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu: Củng cố khắc sâu các đơn vị kiến thức về từ ghép, từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ so sánh. Nhận diện được từ ghép, từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ so sánh.
- Vận dụng kiến thức đã ôn tập để làm các dạng bài tập

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ đưa ra hệ thống câu hỏi, phiếu học tập HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp & giao nhiệm vụ: Bài tập 1/SGK/trang 9. - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. - Chia nhóm bàn & đặt câu hỏi: Bài tập 2/SGK/Trang 10 - Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân chia sẻ ? Xác định từ ghép và từ láy trong những câu sau: Mặt mũi, xâm phạm, lo sợ, tài giỏi, vội vàng, gom góp, hoảng hốt, đền đáp. Cho biết cơ sở để xác định như vậy? - Chia nhóm bàn & đặt câu hỏi: Bài tập 3/SGK/Trang 10 - Giao nhiệm vụ: HĐ cặp đôi chia sẻ ? Chỉ ra cụm động từ và tính từ trong những cụm từ sau: Chăm làm ăn, xâm phạm bờ cõi, cất tiếng nói, lớn nhanh như thổi, chạy nhòe, oai phong lẫm liệt. Chọn một cụm động từ, một cụm tính từ và đặt câu với mỗi cụm từ được chọn. - Chia nhóm bàn & đặt câu hỏi: Bài tập 4/SGK/Trang 10 - Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân chia sẻ	III. Luyện tập Bài tập 1 <table><tr><th>STT</th><th>Yếu tố HV A</th><th>Từ HV A + giả</th><th>Nghĩa của từ</th></tr><tr><td>1</td><td>tác</td><td>Tác giả</td><td>Người tạo ra tác phẩm, bài thơ</td></tr><tr><td>2</td><td>Độc</td><td>Độc giả</td><td>Người đọc</td></tr><tr><td></td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table> Bài tập 2 <table><tr><th>Từ láy</th><th>Từ ghép</th></tr><tr><td>Vội vàng, hoảng hốt</td><td>Xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp</td></tr></table> Bài tập 3 - Cụm động từ: xâm phạm/ bờ cõi, cất/ tiếng nói, lớn/ nhanh như thổi, chạy/ nhòe. - Cụm tính từ: chăm/ làm ăn. - Đặt câu:	STT	Yếu tố HV A	Từ HV A + giả	Nghĩa của từ	1	tác	Tác giả	Người tạo ra tác phẩm, bài thơ	2	Độc	Độc giả	Người đọc					Từ láy	Từ ghép	Vội vàng, hoảng hốt	Xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp
STT	Yếu tố HV A	Từ HV A + giả	Nghĩa của từ																		
1	tác	Tác giả	Người tạo ra tác phẩm, bài thơ																		
2	Độc	Độc giả	Người đọc																		
																					
Từ láy	Từ ghép																				
Vội vàng, hoảng hốt	Xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp																				

? Nêu biện pháp tu từ được dùng trong những cụm từ sau: Lớn nhanh như thổi, chết như ngã rạ. Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kể trong truyện Thánh Gióng? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức	Ví dụ: Giặc Ân đã <u>xâm phạm bờ cõi</u> nước ta. Bài tập 4 - Cấu trúc của phép so sánh trong cụm từ: lớn nhanh như thổi, chết như ngã rạ là “A như B”. - Vận dụng: + Giặc Ân chết như ngã rạ. + Thánh Gióng lớn nhanh như thổi - Giặc Ân chết như ngã rạ.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:
 - GV chuyển giao nhiệm vụ: viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.
 - HS thực hiện nhiệm vụ độc lập
 - HS báo cáo trước lớp- GV nhận xét, đánh giá

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC: (2')

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học nắm được các đơn vị kiến thức
- Chuẩn bị bài mới: Sơn Tinh, Thủy Tinh

+ HS đọc và tóm tắt văn bản

+ Trả lời câu hỏi trong SGK

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

HỒ SƠ DẠY HỌC

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập 	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric -....	

Rubric (đánh giá đoạn văn phần vận dụng)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5 điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn

2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 - 2 điểm) - Làm lạc đề hoặc không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 - 5 điểm) - Đã viết được nội dung đoạn văn nhưng chưa giới thiệu cụ thể về nhân vật Đế Mèn.	(5,5 – 6,5 điểm) - Đã viết được đoạn văn có sử dụng từ láy, từ ghép, phép so sánh giới thiệu về nhân vật. Sự liên tưởng chưa phong phú	(7 – 8 điểm) - Đã viết được đoạn văn, có sử dụng từ láy, từ ghép và phép so sánh giới thiệu về nhân vật Đế Mèn. Bài viết có
				sự liên tưởng, sáng tạo.
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

TIẾT 76: ĐỌC VĂN BẢN “SƠN TINH, THỦY TINH”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- Tìm được những chi tiết kể về hai vị thần và nhận xét về hai vị thần.
- Chỉ ra được phép tu từ điệp ngữ và nêu công dụng của nó trong văn cảnh cụ thể.
- Vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc.
- Yêu nước: Kính trọng, biết ơn, tự hào về vị thần giúp dân bảo vệ đất nước lúc đất nước gặp thiên tai.
- Nhân ái: Thái độ yêu ghét rõ ràng trước cái tốt và cái xấu.

- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Trung thực: Thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ tình cảm của mình về các nhân vật trong văn bản.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường thể hiện trong việc trồng và bảo vệ cây xanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Ti vi, kế hoạch bài dạy
- Tranh ảnh về văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”, vi deo về lũ lụt
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI

ĐỘNG:

a.Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b.Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

c.Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d.Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu hình ảnh video về lũ lụt và đặt câu hỏi:

? Nội dung của video? Cảm xúc của em khi xem xong video?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, PTBĐ, bố cục, nhân vật,... giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh thuộc thể loại nào trong truyện dân gian? Được viết trong thời đại nào?</i> - GV hướng dẫn cách đọc:	I. Đọc văn bản 1. Thể loại - Truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> thuộc thể loại truyện thuyết thời đại Hùng Vương thứ 18. 2. Văn bản - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Giọng đọc giọng chậm rãi ở hai đoạn đầu; đoạn giữa sôi nổi, nhanh, gấp ở cuộc giao tranh; đoạn cuối bình tĩnh... GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, kén rể, lễ vật, lạc hầu, hồng mao, nao núng</i>. - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + Tóm tắt văn bản ST, TT. Yêu cầu HS nhận biết được các chi tiết trọng tâm kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân – kết quả. + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> <i>? Liệt kê các sự việc chính? Dựa vào những sự kiện này em hãy kể tóm tắt văn bản ?</i> + <i>GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung	- Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự - Các sự việc: 1. Vua Hùng kén rể. 2. Sơn Tinh-Thuỷ Tinh đến cầu hôn. 3. Vua Hùng ra điều kiện chọn rể. 4. Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương. 5. Thuỷ Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh. 6. Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thuỷ Tinh thua. 7. Hàng năm, Thuỷ Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh. - Bố cục: 3 phần + P₁: Từ đầu -> <i>mỗi thứ một đôi</i>: Vua Hùng 18 kén rể. + P₂: Tiếp theo -> <i>Thần nước đành rút lui</i>: Sơn Tinh đến trước và cuộc giao tranh xảy ra. + P₃: Còn lại: Chiến thắng của Sơn Tinh và sự trả thù hàng năm về sau của Thuỷ Tinh.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu:

- HS nhận biết hoàn cảnh, mục đích, hình thức của việc vua Hùng kén rể.
- Tìm được chi tiết tái hiện lại cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.
- Nhận xét được ý nghĩa của từng nhân vật.

+ Sơn Tinh đại diện cho sức mạnh của nhân dân và thể hiện khát vọng chiến thắng thiên tai, lũ lụt.

+ Thủy Tinh đại diện cho sức mạnh của lũ lụt, tàn phá mùa màng và đời sống của dân.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT khăn phủ bàn, KT đặt câu hỏi tổ chức hoạt động nhóm cho HS. cho HS thảo luận.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

1. Vua Hùng kén rể			
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (1) Đặt câu hỏi: ? Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hình thức kén rể? Kết quả ra sao? ? Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những điều khiến cho họ được coi là những vị thần. (2) Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ: - Hoàn thành phiếu học tập		a. Hoàn cảnh của việc kén rể - Vua có một người con gái tên là Mị Nương. - Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. - Vua Hùng rất mực yêu con. b. Mục đích: Muốn chọn cho con một người chồng thật xứng đáng. → Việc chọn dâu, kén rể là mô tuýp mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích. c. Hệ quả: Hai chàng trai đến cầu hôn	
		P/điện ss	Sơn Tinh
		Thủy Tinh	
		P/điện ss	Sơn Tinh
		Thủy Tinh	

			Nguồn gốc - Chúa vùng non cao. -	Chú a vùng nước thăm.

? Vua Hùng đưa ra giải pháp gì? Qua giải pháp đó, em thấy thái độ của Vua Hùng nghiêng về ai? Vì sao em lại có nhận xét như vậy? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của cá nhân và các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	Tài năng - Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi. - Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.	- Gọi gió đến. - Hô mưa, mưa về.
	Nhận xét → Ngang tài ngang sức. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).	d) Giải pháp: Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn. * Lễ vật : “100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng,voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”. ⑦ Giải pháp kén rể có lợi cho Sơn Tinh. Đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh quản. ⑦ Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh , nhận ra sức tàn phá của Thủy Tinh. Đồng thời ng tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

2. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh			
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ, kết hợp quan sát tranh: ? Nguyên nhân của cuộc giao chiến?		Cuộc giao chiến	
	Nguyên nhân	Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.	
		Thủy Tinh	Sơn Tinh

? Cuộc giao chiến giữa hai chàng diễn ra như thế nào? Tìm những chi tiết kể về cuộc giao chiến? ? Em có nhận xét gì về hành động của Sơn Tinh và Thủy Tinh? ? Theo em Sơn Tinh và Thủy Tinh đại diện cho lực lượng nào? ? Kết quả của cuộc chiến thể hiện ước mơ gì của nhân dân? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp kể hay tả để tái hiện trận chiến giữa ST, TT)	Diễn biến	- Hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, rung chuyển cả đất trời. - Dâng nước đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, thành Phong Châu nổi lên bênh trên biển nước.	- Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất ngăn chặn dòng nước lũ . - Nước dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.

B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	Nhận xét	=> Sức mạnh và sự tàn phá ghê gớm. Thế gian ngập nước, không còn sự sống con người. - Thủy Tinh tượng trưng cho sức mạnh của thiên tai bão lụt, sự đe dọa thường xuyên của thiên tai với cuộc sống con người .	=> Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh là hành động tự bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhà cửa, đất đai và cuộc sống muôn loài trên mặt đất. - Sơn Tinh có nhiều sức mạnh hơn: Chàng có sức mạnh tinh thần của vua Hùng; có sức mạnh vật chất: trận địa, đồi núi cao hơn, vững chắc hơn; có tinh thần bền bỉ. - Sơn Tinh tượng trưng sức mạnh chế ngự thiên tai
			,bão lụt của nhân dân.
	Kết quả	Cuối cùng Thủy Tinh đã mệt mà Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đành rút quân về. Hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.	
	Nhận xét	=> Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta.	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc lại nội dung trong vở ghi. - Ghi kết quả ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Trình bày sản phẩm cá nhân - HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	III. Tổng kết 1- Nghệ thuật Truyện được xây dựng bằng trí tưởng tượng hồn nhiên với những yếu tố hoang đường kì lạ ,có sức hấp dẫn để giải thích hiện tượng tự nhiên. 2- Nội dung -Truyện nhằm giải thích hiện tượng mưa gió bão lụt hàng năm vẫn diễn ra ở vùng sông Hồng ,đồng thời thể hiện ước mơ chiến thắng thiên tai bão lụt của người Việt cổ. - Ca ngợi công lao trị thủy dựng nước của cha ông ta. → Dân gian tạo dựng 2 hình tượng kì vĩ mang tính tượng trưng cho sức mạnh ghê gớm của thiên tai và sức mạnh trị thủy thắng lợi của con người. Điều đó rất gần với cuộc sống hôm nay.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Lời kể là lời của nhân vật.

b.Nội dung: Hs viết đoạn văn

c.Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d.Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp từng viết về Sơn Tinh và Thủy Tinh như sau:

“Sơn Tinh có một mắt ở trán

Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì

Một thần phi bạch hổ trên càn

Một thần cười lưng rộng uy nghi”

Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta đều có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh theo cách riêng. Hãy viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) ghi lại sự tưởng tượng của em về hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần)

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

- Đóng vai một trong các nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh, vua Hùng, Mị Nương để kể lại câu chuyện?
- Thử tưởng tượng em là Thủy Tinh và nêu suy nghĩ, cảm xúc nhân vật sau khi bị thua cuộc.

- HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo

- GV nhận xét, đánh giá.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Hoàn thiện đoạn văn.
- Từ văn bản Sơn Tinh, Thủy Tinh, em hãy chuyển thể phần đầu của văn bản (**Vua Hùng kén rể**) thành một kịch bản sân khấu. - Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng việt

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Đánh giá Sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Hồ sơ học tập	

Phiếu học tập:

Phiếu học tập số 1

P/điện ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh
Nguồn gốc		
Tài năng		
Nhận xét		

Phiếu học tập số 2

	Cuộc giao chiến	
Nguyên nhân	Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.	
Diễn biến	Thủy Tinh	Sơn Tinh
Nhận xét		
Kết quả		
Nhận xét		

TUẦN 20

NGÀY SOẠN: 20/1/2024

TIẾT 77: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 78: ĐỌC VĂN BẢN “AI ƠI MÔNG THÁNG 4”

TIẾT 79, 80: VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (Một sinh hoạt văn hóa hoặc một lễ hội dân gian)

TIẾT 77: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Hiểu các phép tu từ và tác dụng của chúng.
- Nhận biết và sử dụng dấu chấm phẩy trong viết câu, đoạn văn.
- Nhận biết từ Hán Việt, nhận biết phép tu từ điệp ngữ.
- Biết đặt câu, viết được đoạn văn có sử dụng dấu chấm phẩy, từ Hán Việt hoặc biện pháp tu từ điệp ngữ.
- Hiểu giá trị của các biện pháp tu từ điệp ngữ trong văn bản văn học.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, ti vi
- Phiếu bài tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung: GV giao nhiệm vụ (đưa câu hỏi). HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- Sản phẩm: câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi: *Khi đọc một văn bản, em thường thấy có những dấu câu nào? Hãy kể tên và nêu tác dụng của những dấu câu đó?*

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV dẫn dắt: Các dấu câu có vai trò quan trọng trong tạo lập văn bản. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về dấu chấm phẩy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ

- Mục tiêu: Nắm được các khái niệm về dấu chấm phẩy, phép tu từ điệp ngữ
- Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Em hãy nêu hiểu biết của mình về dấu chấm phẩy?</i> - GV đưa ra bài tập mẫu: Tìm dấu chấm phẩy trong câu sau và nêu tác dụng <i>a) Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.</i> (Thạch Lam) - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của câu ghép. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Có thể thay bằng dấu phẩy và nội dung của câu không bị thay đổi.	I. Dấu chấm phẩy - Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê. - Vị trí: đặt ở cuối dòng có tính liệt kê.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng loại dấu này.

- HS làm quen với cấu tạo mô hình từ Hán – Việt là *thủy* + A

đồng thời phát triển vốn từ có trên mô hình trên và biết được các yếu tố Hán – Việt mới.

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp điệp ngữ

b. Nội dung:

GV hỏi, chia nhóm cặp đôi

HS làm việc cá nhân 2', thảo luận 3' và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi. - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập. Bài tập 1: Tìm và cho biết công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn?	II. LUYỆN TẬP Bài tập 1 - Dấu chấm phẩy được dùng để ranh giới giữa 2 vế trong câu ghép Bài tập 2: Đoạn văn của HS có sử dụng dấu chấm phẩy phù hợp.

Bài tập 2: Viết đoạn văn có dùng dấu chấm phẩy.

- GV yêu cầu HS tìm và nêu cấu tạo từ HV bài 3

Bài tập 4: Gv yêu cầu HS dựa vào VB đọc có chứa các từ ngữ liên quan đến các thành ngữ để hiểu ý nghĩa của chúng.

Bài tập 5: Tìm câu văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh” và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?

? Từ đó rút ra phép tu từ điệp ngữ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1,2
- Phát hiện ra dấu chấm phẩy trong đoạn văn.

- Phân tích cấu trúc ngữ pháp trong câu để rút ra nhận xét về công dụng của dấu chấm phẩy.

Dự kiến KK: HS gặp khó khăn ở bài tập 2 GV gợi ý:

Em định viết đoạn văn về chủ đề gì?

Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào? Câu nào?

- HS đọc bài tập 3,4 trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.

- HS đọc bài tập 5 trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài, làm việc nhóm.

- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả

- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV: Yêu cầu

- HS lên chữa bài tập

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình trình bày sản phẩm

- Nhận xét và bổ sung cho bạn/cặp/nhóm của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Bài tập 3

STT	Yếu tố HV A	Từ HV thủy+A	Nghĩa của từ
1	Cư	Thủy cư	Sống ở trong nước
2	quái	Thủy quái	Quái vật sống dưới nước
3	Điện	Thủy điện	điện do thủy năng (năng lượng của nước) sinh ra

Bài tập 4

Hồ mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn

Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được. Thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự đó là: Góp gió thành bão, đội trời đạp đất, dãi nắng dầm mưa, chân cứng đá mềm, chém to kho măn.

Bài tập 5

- Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng, nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. [...] Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về: liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.

- Nước ngập ruộng đồng nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước: liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh.

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

1. GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) sử dụng phép tu từ điệp ngữ.

2. Đóng vai nhân vật Sơn Tinh kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hỗ trợ HS liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện / Gợi ý HS viết đoạn văn theo yêu cầu

HS:

- Liệt kê các sự việc và kể lại câu chuyện theo chuỗi sự việc đã liệt kê.

- Viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC: (2')

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Hoàn thiện đoạn văn.

- Đọc và chuẩn bị VB : Ai ơi mùng 9 tháng 4

+ Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric -....	

2. Phiếu học tập số :

STT	Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (A+ giả)	Nghĩa của từ Hán Việt
1	Cư	Thủy cư	Sống ở dưới nước

3. Rubric (đánh giá đoạn văn phân vận dụng)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức và dung lượng của đoạn văn (1 điểm)	(0 điểm) - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	(0,25 điểm) - Tương đối đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(0,5điểm) - Đảm bảo hình thức hoặc dung lượng của đoạn văn (đoạn văn có thể dài hoặc ngắn hơn so với yêu cầu)	(1 điểm) - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn
2. Nội dung của đoạn văn (8 điểm)	(0 - 2điểm) - không làm bài. - Nội dung chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được vấn đề	(2,5 - 5điểm) - Viết được đoạn văn nhưng chưa thật rõ ràng	(5,5 – 6,5 điểm) - Viết được đoạn văn có sử dụng dấu phẩy.	(7 – 8 điểm) - Viết được đoạn văn có sử dụng dấu phẩy.có sự liên tưởng, tưởng tượng...
3. Diễn đạt (1 điểm)	(0 điểm) Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25 điểm) Không hoặc chỉ mắc một, hai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,5điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	(1 điểm) Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Diễn đạt lưu loát, sáng tạo.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TIẾT 78: ĐỌC VĂN BẢN “AI OI MÔNG 9 THÁNG 4”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Biết đọc hiểu, tóm tắt văn bản thông tin.
- Tự tin trình bày rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục.
- Hiểu được ý kiến người khác; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các cuộc thảo luận.
- Năng lực văn học: nêu cảm nhận về các sự kiện được ghi trong văn bản.
- Yêu nước: Yêu mến và tự hào về các sự kiện văn hóa, lễ hội dân gian của dân tộc (Hội Gióng).

- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ di sản văn hóa của địa phương và của đất nước.
- Trung thực: Trung thực trong cách trình bày hiểu biết về các thông tin thu thập được văn hóa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, ti vi.
- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: bước đầu nêu cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về lễ hội Gióng qua video giáo viên trình chiếu. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học
- Nội dung: GV giao nhiệm vụ (Quan sát video hoặc hình ảnh). HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV. HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân
- Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS quan sát video về lễ hội Gióng và đặt câu hỏi: <i>Lễ hội trên gợi nhắc em đến văn bản nào đã học?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt: Từ truyền thuyết Thánh Gióng, nhân dân ta tổ chức hội Gióng nhằm nhớ ơn công lao của Gióng và cũng để nhắc nhở con cháu mai sau về truyền thống đấu tranh hào hùng, tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. ĐỌC VĂN BẢN	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Giới thiệu về tác giả ? Nêu những hiểu biết về văn bản và thể loại ? GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu 1 đoạn sau đó hs thay nhau đọc GV yêu cầu hs giải nghĩa những từ khó : <i>phổng, phù giá, xà cạp, túi dết...</i> GV yêu cầu HS xác định PTBD và PTBD chính ? Bố cục của VB ? - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức trên máy chiếu	1. Tác giả Tác giả : Anh Thơ 2. Văn bản - Xuất xứ : Theo báo điện tử Hà Nội mới - Thể loại : Văn bản thông tin - PTBD: thuyết minh, tự sự, miêu tả (chính là thuyết minh) - Bố cục : 3 phần : + P₁: Từ đầu -> <i>đồng bằng Bắc Bộ</i>: giới thiệu về hội Gióng + P₂: Tiếp theo -> <i>viên hầu cận</i>: Tiến trình hội Gióng. + P₃: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a) Mục tiêu:

Nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó và nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian.

b) Nội dung:

Học sinh đọc SGK thực hiện hoạt động thảo luận nhóm, trò chơi -> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về văn bản thuyết minh thuật lại sự kiện, mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó và biết được cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian.

c) Sản phẩm:

- Đặc điểm, nội dung, ý nghĩa của văn bản thông tin.
- Câu trả lời, phiếu học tập của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: 1. <i>Văn bản này thuật lại sự kiện gì?</i> 2. <i>Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:	1. Giới thiệu hội Gióng - Tên: lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng. - Thời gian: 9/4 âm lịch - Địa điểm: xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội

1. VB này thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9/4 âm lịch tại xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội 2. Đoạn mở đầu của VB cho biết các thông tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa, mưa dông), tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong hững lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng BB). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Nhiệm vụ 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt tiếp câu hỏi: + <i>Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào?</i> + <i>Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết TG?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Một số địa danh diễn ra hội Gióng như Cổ Viên, Miếu Ban, Đền Mẫu, Đền Thương. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: cho HS xem thêm một số tranh ảnh về các di tích này với học sinh.	- Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn.
Nhiệm vụ 4: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu bài tập để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội. (phiếu bài tập phần hồ sơ dạy học). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:	2. Tiến trình của hội Gióng - Thời gian chuẩn bị: 1/4-5/4 - Lễ hội bắt đầu + Mùng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng + Mùng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân

HS nêu được thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Nhiệm vụ 5 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: + <i>Hãy tìm một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS liệt kê các hình ảnh, hoạt động: Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội đã được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng như: Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, ngày mùng 8: tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc; Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc; 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù; 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta; Dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng; Cảnh chia nhau những đồ tể lễ tượng trưng cho việc xin lộc Thánh để được may mắn trong cả năm; Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho việc báo tin thắng trận với trời đất, thiên hạ hưởng thái bình. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Chiếu một vài hình ảnh về hội Gióng	+ Mùng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận. → Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động. - Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc.
Nhiệm vụ 6:	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Theo em, hội Gióng có ý nghĩa gì ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Lễ Hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế... Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy để giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời. Nhiệm vụ 7: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	3. Ý nghĩa của hội Gióng - Di sản văn hoá vô giá của dân tộc. → cần được bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của muôn đời. III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: - Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện được nét đẹp văn hoá tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc. 2. Nghệ thuật - Sử dụng các phương thức thuyết minh, ngắn gọn, súc tích.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:
 - *GV yêu cầu HS:* Em hãy lập sơ đồ tư duy và thuyết minh ngắn gọn về lễ hội Gióng ở nước ta.
 - *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Nắm được nội dung và nghệ thuật của VB

- Chuẩn bị bài mới: Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện

+ HS đọc bài viết tham khảo “Hội chợ xuân ở trường tôi” và thực hiện phiếu học tập giáo viên đã thiết kế.

+ Giáo viên: Thiết kế phiếu học tập.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Đánh giá sản phẩm học tập	- Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập	

TIẾT 79, 80: VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (Một sinh hoạt văn hóa hoặc một lễ hội dân gian)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Biết đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống: Trước một sự kiện cần biết giới thiệu, tường thuật về sự kiện đó như thế nào.

- Biết đọc hiểu văn bản thông tin.

- Viết được bài văn thuyết minh kể lại một sự kiện, viết bảo đảm các bước;

- Trình bày bài viết trước lớp một cách rõ ràng, mạch lạc; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục.

- Hiểu được ý kiến người khác; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các cuộc thảo luận.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân trước một sự kiện.

- Yêu nước: Yêu di sản văn hóa, tự hào về sinh hoạt văn hóa và lễ hội của địa phương, của đất nước.

- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ di sản văn hóa của địa phương và của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, tivi

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS: nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

GV dẫn dắt vài bài: Các em vừa đọc xong một Vb tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Các em cũng đã đọc lời dẫn trong sách. Bây giờ các em đã sẵn sàng để viết một bài văn tương tự chưa? Chúng ta sẽ cùng nhau tiến hành công việc này ngay bây giờ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh lại một sự kiện

- a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh lại một sự kiện.
- b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì?</i> + <i>HS lấy dẫn chứng từ VB Ai ơi mừng 9 tháng 4 để minh hoạ cho những yêu cầu đó.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp. - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian). - Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí. - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh
- Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo kể về một hội chợ xuân được tổ chức ở trường học mà người viết từng tham gia, trải nghiệm. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về sự kiện, kèm theo cả những nhận xét, đánh giá, cảm nghĩ của người viết về sự kiện. - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau: + <i>Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất?</i> + <i>Phần nào đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện?</i> + <i>Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?</i> + <i>Bài viết tường thuật theo trình tự nào?</i> + <i>Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật?</i> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Người thuyết minh xưng “tôi”: <i>trường tôi, tôi được tham gia, tôi được thấy lần đầu tiên,...</i> + Phần mở đầu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân. + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; không gian: trong sân trường; diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi,...	2. Phân tích bài viết tham khảo

+ Trật tự thời gian: 8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều; trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc + ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi;... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	

Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng

- Mục tiêu: Nắm được cách làm đoạn văn ghi lại sự kiện
- Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ: GV cho HS xây dựng đoạn mở bài, kết bài cho đề văn viết về sự kiện chào mừng ngày nhà giáo VN ở trường em, HS thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ cá nhân Báo cáo thảo luận: Kết quả học tập của HS Nhận xét, kết luận: Nhận xét, bổ sung.	

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống kiến thức về làm văn bản thông tin.
 - Học bài, chuẩn bị cho tiết: Thực hành viết văn thuyết minh về một sự kiện.
- Chuẩn bài làm văn.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

TUẦN 21

NGÀY SOẠN: 28/1/2024

TIẾT 81+82: THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ KIỆN

TIẾT 83+ 84: NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT

TIẾT 81+82: THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ KIỆN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực ngôn ngữ:
 - + Biết đọc hiểu văn bản thông tin.
 - + Viết được bài văn thuyết minh kể lại một sự kiện, viết bảo đảm các bước;
 - + Trình bày bài viết trước lớp một cách rõ ràng, mạch lạc; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục.
 - + Hiểu được ý kiến người khác; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các cuộc thảo luận.
- Năng lực văn học: Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân trước một sự kiện.
- Yêu nước: Yêu di sản văn hóa, tự hào về sinh hoạt văn hóa và lễ hội của địa phương, của đất nước.
- Chăm chỉ: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ di sản văn hóa của địa phương và của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:
 - a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
 - b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
 - c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
 - d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: Trình bày dàn ý của đề văn thuyết minh về một sự kiện. HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	

GV dẫn dắt vài bài: Các em vừa đọc xong một Vb tường thuật lại lễ hội Gióng, phân tích bài mẫu Hội chợ trường tôi. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục tiến tục tìm hiểu tiết thực hành viết bài văn thuyết minh về sự kiện.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Thực hành viết theo các bước

- Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn
- Nội dung: Học sinh đọc SGK thực hiện hoạt động nhóm lớn, nhóm đôi-> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về các bước khi viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.
- Sản phẩm học tập:
 - Các bước khi thực hiện viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.
 - Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập; phiếu học tập.
- Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ cho HS trước khi viết - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý, cho bài viết theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh lại một sự kiện Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một sinh hoạt văn hoá) PHIẾU TÌM Ý <table border="1"> <tr> <td>Sự kiện gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?</td><td>.....</td></tr> </table> - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý. - HS viết bài tại lớp. - HS đánh giá và chỉnh sửa bài viết - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	Sự kiện gì?		Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?		Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?		Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?		Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?		Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?		2. THỰC HÀNH VIẾT <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>
Sự kiện gì?													
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?													
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?													
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?													
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?													
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?													

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn mở hoặc kết hoặc 1 ý thân bài.
 - GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:**
- HS xây dựng đoạn văn giới thiệu bối cảnh diễn ra sự kiện quyên góp ủng hộ trẻ em vùng khó khăn.
- b) Nội dung:**
- HS làm bài.
- c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.
- d) Tổ chức thực hiện**

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xây dựng đoạn văn B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Bài viết của HS

- * HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**
- Xem lại các kiến thức liên quan đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Nói và nghe kể lại một truyền thuyết

Yêu cầu: Xây dựng dàn ý chi tiết cho bài.

PHIẾU TÌM Ý

Sự kiện gì?	
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?	
Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu?	
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?	
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?	
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?	

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu được sự kiện cần thuyết minh chưa?

.....

2. Nội dung bài thuyết minh có đảm bảo các ý của dàn ý không, đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa? (Nếu chưa, hãy thay đổi như thế nào cho hợp lý).

.....

3. Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.....

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

.....

5. Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

.....

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

.....

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 83+ 84: NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ ba.
- Biết cách nói và nghe phù hợp tường thuật theo lời kể chuyện thông thường.
- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, vi deo/ tranh ảnh
- Ti vi.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là kể lại một truyền thuyết

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Em học được điều gì khi kể chuyện qua đoạn video trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung theo dõi video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TRƯỚC KHI NÓI

a) Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b) Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? ? Em cần chuẩn bị những gì cho bài nói của mình? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết; lập bảng tóm tắt những sự việc chính, xác định giọng kể. 2. Tập luyện - Tập nói một mình. - Luyện nói theo nhóm cặp. - Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ...

TRÌNH BÀY NÓI

a) Mục tiêu:

- Luyện kỹ năng nói cho HS
- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông.

b) Nội dung: GV yêu cầu:

- HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết & nhận xét HĐ nói của bạn. c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết). + Nội dung nói đảm bảo các sự việc chính theo trình tự nhất định, có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b) Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.	

- Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
- Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao
- Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.
- Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai một trong các nhân vật Thánh Gióng, Sơn tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng...kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.
- GV hướng dẫn HS: Liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

- b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Suu tầm một số bản kể của các truyền thuyết đã học.

Bài tập 2: Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Học thuộc: Khái niệm truyện truyền thuyết; hoàn thiện bài nói thành bài văn viết kể về một truyền thuyết.
- Chuẩn bị bài mới: *Thế giới cổ tích*
 - + *Nắm được khái niệm truyện cổ tích*
 - + *Đặc điểm truyện cổ tích: nhân vật, chi tiết, sự việc, lời kể*
 - + Đọc và tóm tắt văn bản Thạch Sanh

+ GV làm phiếu học tập cho đặc điểm truyện cổ tích

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá: phiếu đánh giá theo tiêu chí

* Nội dung đánh giá: kể lại một câu chuyện truyền thuyết mà em thích

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI

Phiếu số 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	<i>Chưa đạt</i> (Dưới 5đ)	<i>Đạt</i> (Từ 5-7 điểm)	<i>Tốt</i> (Từ 8-10 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyền thuyết .	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

Phiếu số 2

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

TUẦN 22

NGÀY SOẠN: 18/2/2024

TIẾT 87: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 88+89: ĐỌC VĂN BẢN “CÂY KHẾ”

TIẾT 90: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 87: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Hiểu được ý kiến người khác; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các cuộc thảo luận.
- Nhận diện được nghĩa của một số yếu tố tạo nên từ và nghĩa của những từ có yếu tố đó, tích cực hoá vốn từ.
- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ, trong đọc, viết, nói và nghe.
- Có ý thức vận dụng kiến thức về từ và thành ngữ vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (đưa câu hỏi); HS thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV đặt câu hỏi chất vấn*: Khi đọc một VB, các em có gặp những từ ngữ khó hiểu không? Các em đã làm thế nào để hiểu được các từ ngữ đó? Cho ví dụ.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*.

- *Dự kiến sản phẩm*: Dự kiến sản phẩm: Tra từ điển, đoán nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện.

- *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Trong vốn tiếng việt phong phú và đa dạng, có nhiều từ ngữ đa nghĩa. Vậy để hiểu được nghĩa của từ có những cách nào, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nghĩa của từ ngữ

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các cách để giải nghĩa từ ngữ

b. Nội dung:

- Học sinh đọc VD, thực hiện hoạt động nhóm đôi-> thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về nghĩa của từ

c. Sản phẩm

- Rút ra được các cách giải nghĩa từ

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* GV chuyển giao nhiệm vụ. * GV: Chiếu ví dụ yêu cầu học sinh giải nghĩa các từ ngữ đã cho ở Vd a và từ ngữ gạch chân ở vd b cho biết em đã dùng cách nào để giải nghĩa từ	I. Nghĩa của từ

VD:

a. *Trăn tinh, thủ cấp, thủy phủ*

b. *Thạch Sanh là người thật thà nhưng lý Thông lại vô cùng xảo trá.*

- HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

Dự kiến sản phẩm:

a.

+ *Trăn tinh*: con trăn sống lâu năm thành yêu quái

+ *thủ cấp*: đầu bị cắt lìa khỏi thân

+ *thủy phủ*: dinh thự ở dưới nước, nơi ở của thủy thần

b. *xảo trá là không thật thà nghĩa là gian dối lừa lọc một cách khéo léo tinh vi*

- HS trình bày kết quả thảo luận.

- HS nhận xét, góp ý câu trả lời của bạn

- GV nhận xét, bổ sung, đánh giá chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.

Để giải nghĩa từ.

+ tra từ điển

+ Có thể dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo nên nó như trong ví dụ a để suy đoán nghĩa của nó.

+ Có thể dựa vào những từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của nó như trong ví dụ b

- GV yêu cầu HS rút ra các cách để giải nghĩa từ

Để giải nghĩa từ có các cách sau:

+ tra từ điển,

+ Dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo nên nó

+ Dựa vào những từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của nó

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về các cách giải nghĩa từ

- Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập theo yêu cầu của GV.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: kết quả bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến Sản phẩm																														
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2,3 (SGK tr.36,37). (1) GV cho HS được làm quen với một mô hình cấu tạo từ Hán Việt là <i>gia</i> +A, phát triển vốn từ có mô hình trên đồng thời biết được các yếu tố Hán Việt mới, giúp HS hình dung một thao tác rất quan trọng để suy đoán nghĩa của từ là dựa vào cấu tạo, ý nghĩa của các thành tố tạo nên từ đó. - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 1: <table><tr><th>Stt</th><th>Yếu tố Hán Việt A</th><th>Nghĩa của yếu tố Hán Việt A</th><th>Từ Hán Việt (<i>gia</i>+A)</th><th>Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i>+A)</th></tr><tr><td>1</td><td>tiên</td><td></td><td>gia tiên</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>truyền</td><td></td><td>gia truyền</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>cảnh</td><td></td><td>gia cảnh</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>sản</td><td></td><td>gia sản</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>súc</td><td></td><td>gia súc</td><td></td></tr></table> cung cấp cho HS nghĩa của những yếu tố Hán Việt Việt + GV có thể cho HS huy động vốn từ có sẵn của các em để suy đoán nghĩa. + Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng thêm các từ Hán Việt khác có cùng cấu tạo, như: <i>gia quy gia pháp, gia phả, gia bảo</i>,... (2) Trước hết, GV cần giải thích để HS hiểu ví dụ được đưa ra trong bài tập 2 (về nghĩa của từ khéo léo), rút ra cách suy đoán (giải thích bằng cách đưa ra từ đồng nghĩa với từ cần giải thích); sau đó, tiến hành suy đoán nghĩa của từng từ in đậm. HS cần hiểu rõ: để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển; nhưng để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh. GV có thể hướng dẫn HS lập bảng theo	Stt	Yếu tố Hán Việt A	Nghĩa của yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	1	tiên		gia tiên		2	truyền		gia truyền		3	cảnh		gia cảnh		4	sản		gia sản		5	súc		gia súc		Bài tập 1: Hoàn thiện phiếu học tập số 1 - Gia cảnh: Gia là nhà, cảnh là cảnh ngộ, hoàn cảnh. Gia cảnh là hoàn cảnh khó khăn của gia đình. - Gia bảo: Gia là nhà, bảo là bảo vật, bảo bối -> Gia bảo là báu vật của gia đình. - Gia chủ: Gia là nhà, chủ là người đứng đầu. Gia chủ là chủ nhà. - Gia dụng: Gia là nhà, dụng là vật dụng, đồ dùng. Gia dụng là đồ dùng vật trong gia đình. - Gia đạo: Gia là nhà, đạo là đạo lý. Gia đạo là lễ lối, phép tắc trong gia đình. - Gia sản: Gia là nhà, sản là tài sản. Gia sản là tài sản của gia đình.
Stt	Yếu tố Hán Việt A	Nghĩa của yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)																											
1	tiên		gia tiên																												
2	truyền		gia truyền																												
3	cảnh		gia cảnh																												
4	sản		gia sản																												
5	súc		gia súc																												

mẫu sau (phiếu học tập số 2):

Đoạn trích	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
a. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng.	hiện nguyên hình	
b. Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quăng ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.	vu vạ	
c. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha thứ cho chúng về quê làm ăn.	rộng lượng	
d. Thạch Sanh xin nhà vua dừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước bủn rụn tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa.	bủn rụn	

(3)

- GV yêu cầu HS làm phiếu học tập số 3.

Stt	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
a	- khoé như voi: - lân la: - gạ:	
b	Hí hửng:	
c	Khôi ngô tuấn tú:	
d	- bất hạnh:	

Bài tập 2:

Đoạn trích	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
a	hiện nguyên hình	Trở về hình dạng vốn có
b	vu vạ	Đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm)
c	rộng lượng	Tâm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những tội lỗi, sai lầm, ... của người khác
d	bủn rụn	Không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra

	- buồn rười rượi:	
(4)		
- GV yêu cầu HS căn cứ vào đoạn kể trong truyện Thạch Sanh (từ Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm đến ăn hết lại đầy) để suy đoán được nghĩa của thành ngữ. - Yêu cầu HS tìm thêm thành ngữ trong các truyện cổ tích: Tấm Cám (<i>hiền như cô Tấm</i>), Thạch Sùng (<i>Thạch Sùng còn thiếu mẹ kho</i>) và giải thích nghĩa của các thành ngữ ấy căn cứ vào nội dung câu chuyện. B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - HS thảo luận nhóm cặp đôi theo kỹ thuật lều bống chuyên phiếu học tập số 2,3. - HS làm việc cá nhân phiếu học tập số 1,4. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.		
Bài tập 3:		
Stt	Từ ngữ	Nghĩa của từ
a	- khoẻ như voi: - lân la: - ga:	- rất khoẻ, khoẻ khác thường. - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó. - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó
b	Hí hửng:	vui mừng thái quá
c	Khôi ngô tuấn tú:	diện mạo đẹp đẽ, sáng láng
d	- bất hạnh: - buồn rười rượi:	- không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. rất buồn, buồn lặng lẽ
Bài tập 4:		
- <i>Niêu cơm Thạch Sanh</i>: niêu cơm ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn.		

	- <i>Hiện như cô Tấm</i>: rất hiền. - <i>Thạch Sùng còn thiếu mẹ kho</i>: Trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về nghĩa của từ để viết đoạn văn, củng cố kiến thức. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong truyện “Thạch Sanh” để giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống.

b. Nội dung: HS Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: kết quả làm bài của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- *GV yêu cầu HS*: viết đoạn văn (5 - 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Thạch Sanh hoặc nhân vật lý Thông trong VB Thạch sanh có sử dụng ít nhất hai từ chỉ đặc điểm của nhân vật yêu cầu giải nghĩa được từ ngữ đó

(HS tổ 1 và 2 viết về TS, tổ 3 và 4 viết về Lý Thông)

- HS hoạt động cá nhân

- HS trình bày, HS khác nhận xét

- *GV nhận xét, đánh giá*

-Nhiệm vụ về nhà: Suy nghĩ và tìm câu trả lời về vấn đề: “Hình tượng Thạch Sanh gợi cho em những suy nghĩ gì về biểu hiện của tình yêu thương con người của người Việt Nam trong bối cảnh nước ta đang đối mặt với đại dịch Covid-19 hiện nay?”.

- GV giao NV về nhà cho HS như mục Nội dung và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tới.

- HS thực hiện NV ở nhà.

- GV khuyến khích sự xung phong/hoặc chỉ định 1-2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).

- GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS, bình luận về bài học và kết luận.

Hướng dẫn tự học:

- Xem lại toàn bộ nội dung bài đã học

- Học thuộc: các cách giải nghĩa từ

- Chuẩn bị bài mới: Cây khế

- + HS đọc và chuẩn bị các kiến thức về bài học.
- + Sưu tầm một số câu chuyện cổ tích về chủ đề Tham thì thâm.
- + Làm phiếu bài tập

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
– Đánh giá thường xuyên	- Vấn đáp - sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Phiếu học tập số 1

Stt	Yếu tố Hán Việt A	Nghĩa của yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)
1	tiên		gia tiên	
2	truyền		gia truyền	
3	cảnh		gia cảnh	
4	sản		gia sản	
5	súc		gia súc	

Phiếu học tập số 2

Stt	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
a	- khoẻ như voi: - lân la: - gạ:	
b	Hí hửng:	

c	Khôi ngô tuần tú:	
d	- bất hạnh: - buồn rười rượi:	

TIẾT 88+89: ĐỌC VĂN BẢN “CÂY KHẾ”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, đồ vật kì ảo; lời kể chuyện, ngôi kể, cốt truyện...
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cây khế*.
- Tìm chi tiết giới thiệu nhân vật, bước đầu nhận xét được tính cách nhân vật
- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, rút ra bài học cho bản thân
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về truyện để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.
- Tình yêu thương con người, lòng nhân hậu, không tham lam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh, video về truyện “Cây khế”
- Kế hoạch bài dạy, ti vi
- Giấy A4, giấy note hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5')

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- HS tự chuẩn bị trước về nội dung được nêu trong SHS: tưởng tượng về chuyến phiêu lưu đến hòn đảo kì diệu Hoặc cho HS xem video về truyện cây khế. GV yêu cầu một số HS trình bày trước lớp./.

1. *Thể loại, phương thức biểu đạt*

2. *Nhân vật, Ngôi kể*

Câu hỏi gợi dẫn :

? Văn bản “*Cây khế*” thuộc thể loại nào trong truyện dân gian?

Xác định phương thức biểu đạt của truyện?

? *Trong truyện có những nhân vật nào ?*

Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó?

- HS hoạt động cá nhân, tiếp nhận nhiệm vụ

- GV sử dụng hình ảnh, yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi (trong 1 phút) *Trình bày lại chuỗi sự việc trên theo trí tưởng tượng của em (Tóm tắt văn bản *Cây khế*?)*

? *Chi tiết nào trong truyện khiến em thích thú nhất? Vì sao?*

- HS hoạt động cặp đôi, tiếp nhận nhiệm vụ

? *Văn bản *Cây khế* có thể chia làm mấy phần? Mỗi phần giới hạn thế nào? Nêu nội dung chính của từng phần?*

- GV đặt vấn đề gợi dẫn: “Cái đẹp là ở trong kích thước và trật tự”-, một cốt truyện hay như *Cây khế* phải được xây dựng theo trật tự thời gian và không gian hợp lí.

? *Em hãy tìm những từ ngữ chỉ thời gian và không gian trong truyện?*

? *Thời gian và không gian có được xác định cụ thể không? Vì sao?*

- HS hoạt động cá nhân, tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc văn bản, tìm hiểu một số từ khó.

- Làm việc cá nhân, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân, chia sẻ cặp đôi.

GV:

- Chính cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cá nhân, nhóm

- Thể loại truyện cổ tích

- PTBD: tự sự, miêu tả

2. Nhân vật, ngôi kể

- Nhân vật: Vợ chồng người em, vợ chồng người anh, chim thần

- Ngôi kể: thứ ba.

3. Tóm tắt sự việc chính:

- Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.

- Cây khế có quả, chim đến ăn, người anh phàn nàn, chim hẹn trả ơn.

- Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ đó người em trở nên giàu có.

- Người anh biết chuyện, đòi gia tài lấy cây khế, người em bằng lòng.

- Chim lại đến ăn, rồi lại chở người anh ra đảo.

- Người anh may túi quá to nên chim không bay nổi, người anh bị rơi xuống biển chết.

4. Bố cục: 3 phần

+ P₁: Từ đầu ->*không đi lại với em nữa*: Giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài.

+ P₂: Tiếp theo ->*đâm bổ xuống biển*: Cuộc sống của hai anh em thay đổi sau khi chia tài sản

B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS, mở rộng kiến thức.	+ P₃: Còn lại: Người anh phải trả giá 5. Ý nghĩa của cách mở đầu truyện - Thời gian : ngày xưa, ngày xưa (thuở rất xa xưa; lâu lắm rồi không biết nữa) → quá khứ. - Không gian: ở một nhà kia (ở một làng nọ, ở một huyện nọ)→ không xác định. - >Ý nghĩa: không gian – thời gian phiếm chỉ, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản (11')

a. Mục tiêu:

- Tìm được chi tiết giới thiệu về hai anh em,
- Nhận xét về đặc điểm của hai anh em.
- Nhận xét về đặc điểm của hai anh em.
- Hiểu được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện nói riêng và trong truyện cổ tích nói chung.
- Nhận xét được ý nghĩa của cách kết thúc truyện. Rút ra bài học cho bản thân từ truyện.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)
- GV gọi đại diện HS trình bày kết quả để tìm hiểu truyện Cây khế

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến sản phẩm

*** GV chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

? Hoàn cảnh của hai anh em trong truyện có gì đặc biệt?

? Em thấy được những tính cách tốt đẹp nào của hai anh em?

- HS hoạt động cá nhân: tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc thầm văn bản, tìm kiếm thông tin
- Làm việc cá nhân, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

GV: Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS: Trình bày sản phẩm. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

GV: Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS, lồng ghép giáo dục HS về tình anh em.

II. Khám phá văn bản

1. Giới thiệu về hai anh em:

- Hoàn cảnh: cha mẹ mất sớm
 - Tính cách: chăm chỉ làm lụng.
- Bất hạnh nhưng đáng khâm phục.

2. Hai nhân vật :

Nhân vật	Người anh	Người em
Hành động	- Chiếm hết tài sản. - Nịnh nọt người em đổi hết tài sản lấy cây khế. - May túi 12 gang. - Cố vợ vét hết vàng trên đảo.	- Thương anh, biết phận mình nên không đòi hỏi. - Chăm sóc cây khế. - May túi ba gang, lấy vàng trên đảo. - Sẵn sàng chia sẻ cây khế với anh.
Kết cục	Bị rơi xuống biển, “tham thì thâm”	Sống sung túc, “ở hiền gặp lành”
Nhận xét	Ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có	Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa

		tình nghĩa.	
	b. Bài học: - Không tham lam, biết vừa đủ. - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa. - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau. - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính.		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kì ảo không? Vì sao? ? Từ đó suy ra vai trò của nhân vật kì ảo trong truyện nói riêng và trong truyện cổ tích nói chung là gì? ? Tìm câu nói có dáng dấp ca dao, tục ngữ trong truyện, nhân vật nào đã nói câu nói đó? Tác dụng của cách nói như vậy là gì? ? Đảo xa nơi con chim đưa người em đến có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó? Từ đó em hãy suy ra vai trò của không gian kì ảo trong truyện cổ tích! B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS: + Làm việc cá nhân (4p). + Thảo luận nhóm đôi và ghi kết quả vào vở (4p) GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận: GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS:	b. Bài học: - Không tham lam, biết vừa đủ. - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa. - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau. - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính. 2. Ý nghĩa chi tiết kì ảo: - Chim thần: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải. → Con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích; xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu. - Câu nói của con chim lớn: <i>Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng</i> → Câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết		

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra

những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2

quả tốt đẹp.

- Không gian kì ảo (đảo xa):

→ Nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cùng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo.
- Sử dụng chi tiết thần kì.
- Kết thúc có hậu.

2. Ý nghĩa:

Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học về đền ơn đáp nghĩa, niềm tin ở hiền sẽ gặp lành và may mắn đối với tất cả mọi người.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Nhóm lẻ: Liệt kê các đặc sắc về nghệ thuật của truyện.
- Nhóm chẵn: Kết cục của truyện đã gửi gắm đến chúng ta bài học gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS 1 phút viết ý kiến ra góc, 1 phút thống nhất trong

nhóm và trình bày trước lớp thông tin. GV hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: trình bày. GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Cùng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:*

1. Đóng vai một trong các nhân vật người em hoặc người anh để kể lại câu chuyện?

2. Hiện tượng anh em trong gia đình tranh giành tài sản có còn trong xã hội không? Em có suy nghĩ gì về điều này?

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) về một kết thúc khác cho truyện Cây khế.

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thể giới cổ tích.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

* Hướng dẫn tự học: (2')

- Hệ thống lại các kiến thức về nhân vật, các chi tiết kì ảo và ý nghĩa.
- Đặc điểm của các nhân vật.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

PHIẾU HỌC TẬP

(1) Hoàn thành các ô trong bảng sau (nêu những hành động tiêu biểu nhất):

Nhân vật	Người anh	Người em
Hành động		
Kết cục		
Nhận xét		

(2) Qua kết cục của người anh và người em trong truyện, các tác giả dân gian muốn gửi gắm đến chúng ta bài học gì? Từ truyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?

TIẾT 90: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- + Biết giải thích nghĩa của từ; nhận biết và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ ngắn gọn, rõ ràng, khoa học.
- + Tự tin, nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng, thông tin, thể hiện được quan điểm, chủ kiến, thái độ; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục,

- + Hiểu được ý kiến người khác; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các cuộc thảo luận.
- + Biết giải thích nghĩa của động từ, cụm động từ.
- + Thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.
- + Viết và nói được câu văn, đoạn văn có sử dụng động từ, cụm động từ, điệp ngữ.
- + Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Luôn có ý thức tự học để trau dồi vốn từ ngữ, làm giàu và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện Nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (Cho câu văn, yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ).. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ <i>Cho câu văn:</i> <i>Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh mơn mớn, quả lúc lỉu sát đất, trể lên ba cũng với tay được</i> Em hãy tìm những từ ngữ có thể thay thế cho các từ in đậm trong câu văn trên và hãy cho biết vì sao em lại chọn các từ ngữ đó? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ HS quan sát câu văn và huy động kiến thức đã có về các xác định nghĩa của từ để thực hiện yêu cầu câu hỏi.	- Thay thế từ mơn mớn bằng từ xanh non - Thay từ lúc lỉu bằng từ chúc chích - Có thể thay thế được như trên bởi vì các từ ngữ thay thế cho nhau có nghĩa tương tự nhau.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. GV nhận xét, dẫn vào bài mới Bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục thực hành về xác định nghĩa của từ trong văn bản và thực hành phân tích tác dụng của phép điệp ngữ.	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Củng cố khái niệm động từ, cụm động từ, điệp ngữ

b. Nội dung: Học sinh nhớ lại kiến thức, thực hiện hoạt động nhóm lớn, thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu khái niệm động từ, cụm động từ, điệp ngữ.

c. Sản phẩm:

- Khái niệm động từ, cụm động từ, điệp ngữ

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập: Lấy ví dụ, đặt câu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu hs nhắc lại khái niệm, đặc điểm, cấu tạo, nguồn gốc của các kiến thức: động từ cụm động từ, biện pháp tu từ điệp ngữ Lấy ví dụ về động từ, cụm động từ? Đặt câu có sử dụng phép tu từ điệp ngữ? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ HS quan sát câu văn và huy động kiến thức đã có để thực hiện yêu cầu câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.	I. Củng cố kiến thức 1) <i>Động từ</i> là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật. 2) <i>Cụm động từ</i> là loại tổ hợp từ do động từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

GV nhận xét

Cấu tạo gồm 3 phần: Phần trước, phần trung tâm, phần sau.

3) *Điệp ngữ* là biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.

A. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Hiểu được nghĩa của các từ dùng trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng.

- Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp điệp ngữ

b. Nội dung: HS quan sát phiếu bài tập, SGK, thực hiện các yêu cầu của GV theo cá nhân, cặp, nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của cặp, nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV -HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																					
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của bài tập - Thảo luận theo bàn & Gv giao nhiệm vụ: ? Em hiểu gì về nghĩa các từ được in đậm trong bài tập 1/41? ? Hãy kẻ bảng theo mẫu sau để hoàn thành bài tập 1? <table><tr><th>Từ ngữ</th><th>Ý nghĩa</th><th>Từ thay thế</th></tr><tr><td>(xanh) môn môn</td><td></td><td></td></tr><tr><td>lúc lử:</td><td></td><td></td></tr><tr><td>ròng rã</td><td></td><td></td></tr><tr><td>vội hăn</td><td></td><td></td></tr></table>	Từ ngữ	Ý nghĩa	Từ thay thế	(xanh) môn môn			lúc lử:			ròng rã			vội hăn			Bài tập 1/41 <table><tr><th>Từ ngữ</th><th>Ý nghĩa</th><th>Từ thay thế</th></tr><tr><td>(xanh) môn môn</td><td>xanh non và tươi tốt.</td><td>Non tươi</td></tr></table>	Từ ngữ	Ý nghĩa	Từ thay thế	(xanh) môn môn	xanh non và tươi tốt.	Non tươi
Từ ngữ	Ý nghĩa	Từ thay thế																				
(xanh) môn môn																						
lúc lử:																						
ròng rã																						
vội hăn																						
Từ ngữ	Ý nghĩa	Từ thay thế																				
(xanh) môn môn	xanh non và tươi tốt.	Non tươi																				

? Qua các bài tập em thấy để tìm được từ thay thế trong văn bản ta làm thế nào? Phải hiểu được nghĩa của từ đó trong văn bản (dựa vào vốn hiểu biết từ, từ điển, phân tích từ và nhất là phải đặt từ đó trong hoàn cảnh để hiểu) rồi từ mới tìm một từ có ý nghĩa và sắc thái tương đồng. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc yêu cầu bài tập. - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận - Kẻ bảng và hoàn thiện bảng. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận - Trình bày kết quả làm việc nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc bài tập 2 và bài tập 3 xác định yêu cầu của bài tập - GV phát phiếu học tập cho học sinh và hướng dẫn học sinh hoàn thành bài tập Gv yêu cầu chia nhóm Gv có thể gợi ý cho học sinh tra cứu, suy nghĩa và giải thích những động từ cụm động từ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc yêu cầu bài tập. - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận	lúc lửu	(trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành	Trữu trĩt
	ròng rã	(thời gian) kéo dài liên tục	Đằng đẵng
	vội hẫ	Giảm đi (bớt đi) đáng kể	Ít hẫ , bớt hẫ, giảm hẫ
	Bài tập 2,3/41,42		

- Kẻ bảng và hoàn thiện bảng. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). - GV Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. Sắc thái ý nghĩa của từ ngữ có ý nghĩa quan trọng việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng - Chuyển dẫn sang nội dung 2.		Vợ chồng người em		Vợ chồng người anh	
	Sự kiện	Động từ Cụm động từ	Đặc điểm	Động từ Cụm động từ	Đặc điểm
	Khi thấy chim đến ăn khế	đội (cho chim ăn xong), đứng đợi (chim ăn)	Từ tốn, cẩn thận	ăn và chờ (ngày chim đến), hót hải chạy, tru tréo	Tham lam, nôn nóng, tính toán
	Chuẩn bị theo chim ra đảo	may một túi (theo đúng lời chim)	Từ tốn, biết điểm dừng	Cuống quýt bàn cãi (về việc may túi, định may nhiều túi)	Tham lam, nôn nóng
	Lên lưng chim ra đảo	trèo lên lưng	Ôn tồn, bình tĩnh	(chồng) tốt lên, (vợ) vái lấy vái để	vội vàng, sốt sắng, thô lỗ
	Lấy	Không dám	Cẩn trọng,	hoa mắt vì	Tham lam

	vàng bạc trên đảo vào, chỉ dám nhặt ít từ tốn, không tham lam của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy thêm, có nhặt, lê mãi vô độ, mất hết lí trí
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của từng bài tập 4, 5/42 - GV chuyển giao nhiệm vụ yêu cầu học sinh suy nghĩ cá nhân sau đó trao đổi với bạn bên cạnh (thảo luận theo từng cặp) ? Em có nhận xét gì về điểm nổi bật của từ ngữ trong hai câu trên? Việc dùng từ ngữ một cách đặc biệt như có tác dụng gì? ? Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ như bài tập 4? GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - Thảo luận với bạn về kết quả làm được B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.	Bài tập 3/42 a) <u>ăn mãi, ăn mãi</u> - Biện pháp tu từ: điệp từ. - Tác dụng: nhấn mạnh hành động “ăn”, “ăn mãi, ăn mãi” là ăn rất lâu, rất nhiều những không bao giờ hết bên cạnh đó biện pháp còn góp phần nhấn mạnh sự thần kì và ý nghĩa tượng trưng của niêu cơm thần. b) bay mãi, bay mãi; hết...đến..., hết...đến.. - Biện pháp tu từ: điệp ngữ. - Tác dụng: nhấn mạnh hành động “bay”, “bay mãi, bay mãi” là bay rất lâu rất xa; ý “rất xa” còn được nhấn mạnh thêm ở điệp ngữ “hết ...đến ..., hết ... đến ...” thể hiện sự bao la, rộng lớn với những nơi mà chim thần bay qua. Bài 5: - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai → GV giúp HS sửa lại).

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a.Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng sáng tạo trong học tập.

b.Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy viết một đoạn văn ghi lại suy nghĩ của em về nhân vật người em trong câu chuyện “Cây khế” và trong đoạn văn đó sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ?

Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp, hoặc nộp vở trong tiết học sau.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Hoàn thiện đoạn văn.

- Đọc và chuẩn bị bài “ *Vua chích chòe*”

+ Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ:

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Chấm bài làm của HS	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

*** Phiếu học tập :**

Sự kiện	Vợ chồng	Người em	Vợ chồng	Người anh
	ĐT, CĐT	Đặc điểm	ĐT, CĐT	Đặc điểm
Chuẩn bị theo chim ra đảo				
Lên lưng chim để ra đảo				
Lấy vàng bạc trên đảo				

TUẦN 23

NGÀY SOẠN: 25/02/2024

TIẾT 91 + 92: ĐỌC VĂN BẢN “VUA CHÍCH CHÒE”

TIẾT 93+ 94: VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT CHUYỆN CỔ TÍCH

TIẾT 91 + 92: ĐỌC VĂN BẢN “VUA CHÍCH CHÒE”

I. MỤC TIÊU

- Học sinh xác định được chủ đề của truyện.
- Học sinh nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật, công thức mở đầu, kết thúc truyện...

- Học sinh biết nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm.

- Khiêm tốn, chăm chỉ, biết sai và sửa lỗi, bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về Anh em nhà Grimm, Jacob và Wilhelm và văn bản “Vua chích chòe”

- Ti vi, kế hoạch bài dạy.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS nghe, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV trao đổi với HS:

Đã bao giờ em bị người khác chê bai về nét ngoại hình của mình chưa? Hay em đã khi nào buông lời chê bai người khác về nét ngoại hình đặc biệt của họ chưa? Những lúc đó em cảm thấy thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

- HS chia sẻ về cảm xúc của mình khi bị người khác chê bai, hoặc đánh giá về ngoại hình của mình.

- HS trong cương vị là người từng chê bai ngoại hình người khác. Sau hành động ấy có thể HS bày tỏ thái độ ân hận, ăn năn...

(Chấp nhận mọi câu trả lời của 3,4 HS)

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dẫn vào bài: Các em biết không, trong cuộc sống, có những lúc chúng ta có cách cư xử chưa đúng mực, có hành vi chê bai những nét ngoại hình đặc biệt của người khác, tự kiêu căng cho mình là hoàn hảo. Nhưng các em có biết, sự hoàn hảo về tâm hồn mới thực sự nâng cao giá trị con người. Câu chuyện Vua chích chòe cũng kể về một nàng công chúa có

tính chê bai người khác như trên. Liệu cô ấy sẽ phải trải qua thử thách gì mới nhận ra sai lầm và sửa chữa nó. VB Vua chích chòe sẽ giúp cô và các em tìm hiểu giá trị đẹp ấy.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

I. Giới thiệu chung

a. Mục tiêu:

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính; nắm được khái niệm, đặc điểm của thể loại truyện cổ Gờ- rim, và tác phẩm Vua chích chòe.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm theo bàn.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Hãy kể tên một số truyện cổ Gờ- rim mà em đã học, đã đọc? Kể tóm tắt 1 câu chuyện mà em thích của Gờ- rim? GV giới thiệu đôi nét về hai anh em nhà Gờ- rim và tập truyện cổ Gờ- rim. Tượng đài anh em Grimm tại chợ ở Hanau. (Hessen, Đức) (1) GV hướng dẫn cách đọc:	I. Giới thiệu chung 1. Truyện cổ Gờ- rim Là truyện kể gia đình cho trẻ em là một tập hợp các truyện cổ tích tiếng Đức lần đầu tiên được xuất bản năm 1812 bởi Anh em nhà Grimm, Jacob và Wilhelm. - UNESCO chính thức công nhận Truyện cổ Grimm là di sản văn hóa thế giới. 2. Tác phẩm: Vua chích chòe - Đọc, - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK a. Xuất xứ: trích tập truyện cổ Gờ- rim. b. Thể loại: Truyện cổ tích. - PTBD chính: Tự sự. - Ngôi kể: thứ ba c. Cốt truyện: - Nhân vật: nàng công chúa, Vua chích chòe, ...

Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở chi tiết kể về lời nhân vật: công chúa, nhà vua...- GV đọc mẫu một vài đoạn. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. - Tìm hiểu chú thích SGK: <i>Thịnh nộ, thùng tôn nô, hiệp sĩ, thượng vàng hạ cám, độn thổ...</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV- nhận xét cách đọc của HS. (2) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: + Văn bản có xuất xứ như thế nào? Giới thiệu nét chính về văn bản như: thể loại, phương thức biểu đạt chính, ngôi kể? + Chuyện kể về ai? Về điều gì? Em hãy kể tóm tắt truyện? + Nêu bố cục của văn bản. Có thể chia theo cách khác? CẬP ĐÔI CHIA SẺ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: +Tổ chức cho HS thảo luận. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	- Sự việc chính + <i>Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng.</i> + <i>Vua cha mở buổi yến tiệc, để tìm phò mã.</i> + <i>Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận hứa sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến diện kiến.</i> + <i>Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà.</i> + <i>Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp.</i> + <i>Vua chính chøre giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua.</i> + <i>Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau.</i> c. Bố cục : <i>câu chuyện chia làm 3 phần</i> + Phần 1: Từ đầu đến “<i>có tên là Vua chính chøre</i>”: giới thiệu nhân vật và tính huống truyện + Phần 2: Tiếp đến “<i>nhưng nàng sợ hãi giật tay lại</i>”: các thử thách của nhân vật + Phần 3 (Còn lại): Kết thúc có hậu

+ Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, hiểu được đặc điểm của nhân vật nàng công chúa, hiểu được ý nghĩa của sự trừng phạt và những thử thách đối với công chúa; hiểu công thức mở đầu, diễn biến của truyện cổ tích

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, trao đổi, kĩ thuật mảnh ghép.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân, hoạt động nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP NV1: HS hoạt động cá nhân (ý a) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: <i>(1) GV hướng dẫn HS theo dõi phần 1 VB: Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giấu cợt mọi người ra sao? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?</i> <i>Câu chuyện đặt ra tình huống gì? Em có nhận xét gì về cách mở đầu truyện?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS theo dõi VB phần 1, tìm thông tin + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi + HS nhận xét lẫn nhau.	1. Nhân vật công chúa a. Đặc điểm tính cách của công chúa - Tình huống truyện: Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giấu cợt, nhạo báng và chê bai tất cả mọi người, chẳng tha một ai. + Người thì nàng cho là quá mập, đặt tên là “thùng tô-nô” + Người mảnh khảnh thì nàng nói “mảnh khảnh thế thì gió thổi bay”. + Người lùn thì nàng chê “lùn lại mập thì vụng về lắm”. + Người xanh xao bị nàng đặt tên là “nhọt nhạt như chết đuối”. + Người mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ. + Người đứng dáng hơi cong, nàng chê “cây non sẩy lò cong cớn”.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV- nhận xét cách đọc của HS. - Tình huống: vua mở tiệc rên rở cho công chúa xinh đẹp, không gian cung điện. Đây là mô típ quen thuộc trong nhiều câu chuyện cổ, là cách mở đầu của nhiều câu chuyện cổ tích. NV2: HS hoạt động thảo luận nhóm (ý b) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thực hiện thảo luận nhóm. <i>Nhà vua đã dùng hình phạt nào cho công chúa? Hình phạt này đã dẫn đến sự thay đổi gì trong cuộc đời công chúa?</i> <i>Đặt vào hoàn cảnh của nhà vua, em sẽ làm gì? Việc nhà vua trừng phạt nàng công chúa có ý nghĩa gì với nàng?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận, chia nhiệm vụ cùng thực hiện. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục	+ <i>Người có cái cảm hơi cong chẳng khác gì chim chích chòe, nàng khiến người đó bị gọi là Vua chích chòe.</i> - Đặc điểm nhân vật công chúa: + Kiêu ngạo, chảnh chọe, hay trêu ghẹo và coi thường người khác. + Có vẻ tình nghịch, láu lỉnh của một người quen được nuông chiều. b. Sự trừng phạt và những thử thách đối với công chúa * Sự trừng phạt: Nhà vua nổi cơn thịnh nộ và ban truyền sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung. - Đây là một hình phạt rất nặng nề dành cho một cô công chúa, bởi vì ngay sau khi được gả đi, theo lệ, công chúa phải theo chồng ra khỏi cung. * Thử thách công chúa phải trải qua: Người hát rong đã yêu cầu công chúa: + Trở thành thường dân ra khỏi cung. + Sống trong một căn lều nhỏ không có người hầu hạ. + Dậy sớm nhóm bếp, nấu ăn, đan sọt, dệt sọt, bán sành sứ, phụ bếp * Ý nghĩa của sự trừng phạt và những thử thách: + Trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng + Thể hiện tình yêu, + Giúp công chúa nhận ra những điều sai trái của mình mà biết sửa sai. + Mô típ quen thuộc trong truyện cổ tích

Tiết 2

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, hiểu được vai trò, chức năng của nhân vật Vua chích chòe.

- Nhận biết được mô típ nhân vật hấp dẫn trong truyện cổ tích: người đóng vai, người giả mạo...

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi,

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Kỹ thuật đặt câu hỏi. Hình thức cá nhân. <i>Ai là người hát rong? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những việc yêu cầu đó?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: +HS suy nghĩ, trả lời + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trình bày suy nghĩ + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận	2. Nhân vật Vua chích chòe: - Trong câu chuyện này, nhân vật Vua chích chòe đã đóng giả là người hát rong, với mục đích chính là đưa ra các thử thách cho nàng công chúa, dạy cho nàng một bài học và uốn nắn tính kiêu ngạo của nàng. - Vì là nhân vật chức năng nên chỉ khi hoàn thành nhiệm vụ, nhân vật mới cởi bỏ lột hóa trang và trở lại với thân phận thật của mình. Đây là mô típ nhân vật hấp dẫn trong truyện cổ tích: <i>người đóng vai, người giả mạo...</i>

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, hiểu được cách kết thúc truyện, chủ đề của câu chuyện
- Rút ra những bài học cho bản thân

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi,

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
(4) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: <i>? Câu chuyện kết thúc như thế nào?</i> <i>? Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ"</i>	3. Kết thúc và bài học rút ra a. Kết thúc: Công chúa nhận ra sai lầm của mình và biết sửa lỗi và kết hôn với vua chích chòe -> Kết thúc có hậu

<i>cưới". Theo em, điều này có hợp lý không? Vì sao?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS suy nghĩ, trả lời + GV quan sát, khích lệ HS.(Câu hỏi tháo gỡ kk: “Tôi” là ai? “Bạn” chỉ ai? Ai đang đối thoại với ai? Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trình bày suy nghĩ + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Thảo luận theo nhóm, - <i>Trong nhiều truyện kể, chủ đề chính của truyện chính là bài học cuộc sống mà nhân vật nhận ra từ câu chuyện của cuộc đời mình. Theo em chủ đề của truyện này là gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhanh Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).	- Câu “ tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.”-> lời nói bông đùa, cho thấy đây chỉ là một câu chuyện hư cấu. => Công thức kết truyện quen thuộc trong truyện cổ tích nước ngoài. b. Bài học rút ra: - Mỗi người sinh ra đều là một cá thể riêng, bình đẳng, độc lập, có những đặc điểm riêng của mình. - Không ai có quyền coi thường, nhạo báng đặc điểm riêng đó. - Nếu chỉ chăm chăm vào chê bai người khác, sẽ có ngày bị gặp quả báo. - Bài học về bao dung, tình yêu thương đối với những người biết sửa đổi, biết trân trọng người khác và biết trân trọng bản thân mình.

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b.Nội dung- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi: <i>Căn cứ vào đặc điểm nghệ thuật nào để em khẳng định Vua chích chòe là câu chuyện cổ tích?</i> <i>Truyện giúp em nhận ra những bài học đáng quý nào?</i> <i>Bài học nào có ý nghĩa với em?</i> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4. Chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Truyện cổ tích cùng những chi tiết hoang đường, kì ảo và biện pháp điệp cấu trúc. - Mô típ của truyện cổ tích: mở đầu, kết thúc... 2. Nội dung, ý nghĩa: - Truyện khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. - Thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
 - b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi trắc nghiệm về bài học.
 - c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
 - d. Tổ chức thực hiện:**
- Bước 4: Kết luận, nhận định**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm của HS
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Câu 1. Qua 3 VB truyện cổ tích được học <i>Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe</i>, em thấy mỗi chuyện có nhân vật có điểm xấu khác nhau, họ là ai, điểm xấu là gì? Kết cục của họ như thế nào? Câu 2: Qua 3 VB: <i>Thạch Sanh, Cây khế, Vua chích chòe</i>, em có nhận xét gì về đặc điểm lời	Câu 1: VB truyện cổ tích được học <i>Thạch sanh, Cây khế, Vua chích chòe</i>, em thấy mỗi chuyện có nhân vật có điểm xấu: - Lý Thông (<i>Thạch sanh</i>): lừa bịp, xảo quyệt, cướp công người khác. - Người anh (<i>Cây khế</i>): tham lam, gian xảo. - Nàng công chúa (<i>Vua chích chòe</i>): kèn kiêu, hay trêu ghẹo, coi thường người khác. Kết cục: cả ba nhân vật đều bị trừng phạt thích đáng. Riêng công chúa được Vua chích chòe giúp

Đặc điểm lời kể trong truyện cổ tích

Đặc điểm lời kể trong truyện cổ tích		
<i>Thạch Sanh</i>	<i>Cây khế</i>	<i>Vua chích chòe</i>
.....		
.....		

HS thảo luận nhanh câu 1, 2

- HS bày tỏ quan điểm
- HS khác nghe, bổ sung nếu cần

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

đờ đã nhận ra lỗi lầm và biết sống một cuộc sống có ích nên cuối cùng được hưởng hạnh phúc.

Câu 2: Đặc điểm lời kể trong truyện cổ tích

Đặc điểm lời kể trong truyện cổ tích		
Thạch Sanh	Cây khế	Vua chích chòe
Lời kể đôi khi có mục đích lí giải về con vật, phong tục...	Lời kể thương xen vào những câu có dáng dấp tục ngữ, ca dao, vè, dễ thuộc, dễ nhớ	Lời kể hàm chứa câu chuyện là một sản phẩm hư cấu, sáng tạo của tác giả dân gian.

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối VB với cảm xúc của HS.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm của HS
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV thực hiện kĩ thuật trình bày 1 phút. Qua việc học VB truyện cổ tích, em thấy thế giới truyện cổ tích đã mang lại cho em những điều gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhanh, có 1 phút để trình bày quan điểm, bộc lộ cảm xúc, tình cảm, nhận thức của mình về truyện cổ tích? Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS bày tỏ quan điểm Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần).	Câu 3: Thế giới cổ tích mang lại cho em: - Tinh thần sống lạc quan, yêu đời, biết vượt qua khó khăn thử thách của cuộc sống, có niềm tin vào tương lai tươi sáng. - Biết lên án cái xấu, cái ác - Biết mơ ước, tin vào điều tốt đẹp

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Suưu tầm một số truyện cổ Grim

b. Nội dung: HS sưu tầm.

c. Sản phẩm: Giới thiệu truyện cổ.

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ: Các nhóm giới thiệu truyện cổ. HS thực hiện: Các nhóm chuẩn bị sản phẩm. Báo cáo: Đại diện giới thiệu tóm tắt. GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương.	

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hướng dẫn HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.
- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Đọc và chuẩn bị bài “ *Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một chuyện cổ tích*”

+ Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ:

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

PHIẾU HỌC TẬP

1. Đặc điểm lời kể trong truyện cổ tích		
<i>Thạch Sanh</i>	<i>Cây khế</i>	<i>Vua chích chòe</i>
.....		
.....		

2. Qua việc học VB truyện cổ tích, em thấy thế giới truyện cổ tích đã mang lại cho em những điều gì?

TIẾT 93+ 94: VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT CHUYỆN CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS biết viết và tạo lập văn bản đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích đã biết bằng ngôi kể thứ nhất.

- HS biết viết bài văn kể lại câu chuyện một cách sáng tạo phát huy trí tưởng tượng trong đó có ngôn ngữ trần thuật và một số yếu tố miêu tả, biểu cảm.
- Nhân ái: Thể hiện được thái độ yêu, ghét trước cái thiện, cái ác qua bài viết.
- Trung thực: không sao chép bài của người khác. Kể lại một cách trung thực khách quan không làm sai lệch nội dung của truyện gốc
- Yêu nước: Tự hào về nền văn học nước nhà qua các câu chuyện cổ tích.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo án, SGK, ti vi, kế hoạch bài dạy.
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp. Phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu: Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.
- Nội dung: GV tổ chức hoạt động cá nhân, HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm: Kết quả câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

*** B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm trả lời cho câu hỏi yêu cầu khi viết văn bản thuyết minh tường thuật lại 1 sự kiện.

*** B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chuẩn bị câu trả lời.

*** B3: Báo cáo, thảo luận.**

*** B4: GV nhận xét, bổ sung dẫn dắt bài tiết thực hành.**

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Ôn tập viết theo các bước:

- Mục đích:** Nắm được cách viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi phần thi “Về đích”.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại các bước đóng vai nhân vật kể lại 1 truyện cổ tích bằng phiếu học tập. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng.	Ôn tập viết theo các bước: 1. Trước khi viết 2. Viết bài

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (25')

a. Mục tiêu: Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b. Nội dung: Sử dụng phiếu học tập đã làm ở hoạt động viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV – HS	Sản phẩm
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn thân bài theo dàn ý. - HS: Tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hành viết đoạn văn đóng vai.	

- GV quan sát, hỗ trợ. * Báo cáo kết quả - HS trình bày cá nhân. - GV nghe HS trình bày. * Đánh giá kết quả + HS tự đánh giá + HS đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá.	

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (8')

- Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.
- Nội dung: GV tổ chức cho HS viết đoạn văn kể lại một câu chuyện cổ tích bằng lời của nhân vật đã được đọc.
- Sản phẩm : Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện

<i>Tổ chức thực hiện</i>	<i>Sản phẩm</i>
<i>HDHS</i> <i>* Chuyển giao nhiệm vụ:</i> - GV yêu cầu HS: + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu: - HS: Tiếp nhận <i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i> - HS tiến hành đổi bài cho bạn để đọc và sửa lỗi bằng cách ghi ra phiếu nhận xét và dùng bút chì gạch chân lỗi sai. - GV quan sát, hỗ trợ. <i>* Báo cáo kết quả</i>	

- HS trình bày cá nhân về phần sửa lỗi cho bạn. - GV nghe Hs trình bày. - Dự kiến sản phẩm: * <i>Đánh giá kết quả</i> + HS tự đánh giá + Hs đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá.	

*** Hướng dẫn tự học:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Nắm chắc các yêu cầu đóng vai nhân vật kể lại một câu truyện cổ tích.
- Chuẩn bị bài mới: Đánh giá và sửa bài.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

Phiếu học tập:

Các yêu cầu khi xây dựng bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 24-BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH

NGÀY SOẠN: 3/3/2024

TIẾT 95, 96: VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH

TIẾT 97: NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI CỦA NHÂN VẬT

TIẾT 98: BÀI 8

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGỮ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “XEM NGƯỜI TA KÌA”

TIẾT 95+96: VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

- HS biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- HS hiểu được khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lệch nội dung vốn có của truyện.
- HS biết sắp xếp hợp lý các chi tiết và bảo đảm sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- HS biết bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.
- HS biết viết và tạo lập văn bản đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích đã biết bằng ngôi kể thứ nhất.
- Năng lực văn học: HS biết viết bài văn kể lại câu chuyện một cách sáng tạo phát huy trí tưởng tượng trong đó có ngôn ngữ trần thuật và một số yếu tố miêu tả, biểu cảm.
- Nhân ái: Thể hiện được thái độ yêu, ghét trước cái thiện, cái ác qua bài viết.
- Trung thực: không sao chép bài của người khác. Kể lại một cách trung thực khách quan không làm sai lệch nội dung của truyện gốc
- Yêu nước: Tự hào về nền văn học nước nhà qua các câu chuyện cổ tích.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, ti vi, phiếu bài tập
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp. Phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu: Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.
- Nội dung: GV tổ chức hoạt động này thành phần thi khởi động cho cuộc đua “Đường lên đỉnh Olympia”. HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm: Kết quả câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: Chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu HS hoạt động nhóm tìm câu trả lời cho các câu hỏi trắc nghiệm sau trong vòng 1 phút.

* *Luật chơi*: GV đọc nhanh các câu hỏi và các đáp án trắc nghiệm để HS theo dõi trong vòng 1 phút. HS làm việc nhóm, ghi lại kết quả của nhóm mình vào bảng phụ nhóm. Sau khi GV đọc xong đề nghị HS đưa ngay bảng của nhóm lên. Mỗi câu trả lời đúng được cộng 10 điểm. Điểm tối đa là 50 điểm.

<i>Hệ thống câu hỏi</i>			
Câu 1: Các em đã học những văn bản truyện cổ tích nào trong chương trình Ngữ văn 6 tập 2?			
A. Thạch Sanh	B. Cây khế	C. Tấm cám	D. Cả hai đáp án A,B
Câu 2: Các truyện cổ tích vừa học được kể theo ngôi kể thứ mấy?			
A. Ngôi thứ nhất	B. Ngôi thứ 2	C. Ngôi thứ 3	D. Ngôi thứ 4

Câu 3: Theo em nhân vật trong truyện cổ tích có thể tự kể về cuộc đời, sự kiện trong đời mình không? A. Có B. Không		
Câu 4: Em thấy kiểu kể chuyện trên có gì độc đáo, thú vị? A. Nhân vật trực tiếp kể lại và bộc lộ cảm xúc của mình qua các sự việc, làm cho câu chuyện trở lên sinh động, hấp dẫn hơn. B. Người kể giấu mình, giấu đi cảm xúc của mình. C. Người kể đóng vai trò người chứng kiến kể lại câu chuyện nhưng bản thân thì giấu mình.		
Câu 5: Nếu được chọn, em sẽ chọn văn bản nào để đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích? A. Thạch Sanh B. Cây khế C. Văn bản khác		

- HS: Tiếp nhận nhiệm vụ

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV đọc câu hỏi

- HS suy nghĩ tìm câu trả lời và ghi lên bảng nhanh.

***B3: Báo cáo kết quả**

- HS đưa phần đáp án trên bảng phụ nhóm.

- GV nghe HS trình bày và đưa đáp án để HS tự so sánh kết quả.

- Dự kiến sản phẩm: D, C, A, A,

***B4: Đánh giá kết quả**

+ HS tự đánh giá. HS đánh giá lẫn nhau.

+ Giáo viên nhận xét đánh giá

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Thực hành viết theo các bước

a.Mục đích: Nắm được cách viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.

b.Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi phân thi “Về đích”.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em	3. Các bước tiến hành 3. 1. Trước khi viết <i>a. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng:</i> - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất. - Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể. <i>b. Chọn lời kể phù hợp:</i> - Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp. - Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể. <i>c. Ghi những nội dung chính của câu chuyện</i>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu: Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.
- b. Nội dung: GV tổ chức cho HS chỉnh sửa bài viết của bạn.
- c. Sản phẩm : Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện

<i>Tổ chức thực hiện</i>	<i>Sản phẩm</i>
HDHS * Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS: + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu: - HS: Tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ: - HS tiến hành đổi bài cho bạn để đọc và sửa lỗi bằng cách ghi ra phiếu nhận xét và dùng bút chì gạch chân lỗi sai. - GV quan sát, hỗ trợ. * Báo cáo kết quả - HS trình bày cá nhân về phần sửa lỗi cho bạn. - GV nghe HS trình bày. - Dự kiến sản phẩm: * Đánh giá kết quả + HS tự đánh giá + HS đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá.	3.3. Chỉnh sửa bài viết - Ngôi kể thứ nhất - Người kể chuyện đóng vai nhân vật. - Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm không thoát li khỏi truyện. - Có sắp xếp hợp lí các chi tiết và đảm bảo có sự kết nối giữa các phần. - Có bổ sung thêm các yếu tố miêu tả, thể hiện cảm xúc của nhân vật. - Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.

Hướng dẫn tự học

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
 - Nhớ chắc các yêu cầu đóng vai nhân vật kể lại một câu truyện cổ tích.
 - Chuẩn bị bài mới: Nói và nghe: Kể lại một truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật.
- + Yêu cầu HS đọc kỹ bài viết của mình và tập luyện nói một mình trước khi kể trên lớp trong tiết học sau.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp	- Phương pháp quan sát, vấn đáp - Đánh giá qua hồ sơ học tập. - Đánh giá qua sự quan sát hoạt động học tập nhóm và kết quả làm việc của học sinh.	- Phiếu đánh giá - Hệ thống câu hỏi và bài tập tương tác.	
Hình thức viết bài văn hoàn chỉnh.	- Phương pháp Kiểm tra viết - Đánh giá qua hồ sơ học tập - Đánh giá qua sự quan sát hoạt động học tập và kết quả làm bài của học sinh.	- Phiếu đánh giá - Rubric	

1. Phiếu đánh giá:

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ tên người chỉnh sửa:

Họ tên tác giả bài viết:

Nhiệm vụ: *Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:*

1. Bài viết đã đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích chưa? (Nếu chưa, hãy ghi rõ căn cứ xác định.)
.....

2. Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự hợp lý chưa (Nếu chưa, hãy nêu rõ ý nào chưa hợp lý.)
.....

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?
.....

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)
.....

5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy ghi rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)
.....

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy ghi rõ các lỗi cần sửa.)
.....

2. Rubric

XÂY DỰNG RUBRIC TRONG ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT CỦA HS

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ				
	Mức 5 (Giỏi)	Mức 4 (Khá)	Mức 3 (Trung bình) 0.5 điểm	Mức 2 (Yếu)	Mức 1 (Kém)
Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự (1.0 điểm)	Có đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyện, kết nối mạch lạc, hấp dẫn câu chuyện. (1.0 đ)	Có đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyện, kết nối cơ bản mạch lạc, hấp dẫn câu chuyện. (0.75 đ)	Có đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyện, kết nối. Tuy nhiên chưa thực sự hấp dẫn câu chuyện. (0.5 đ)	Không đảm bảo đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS còn dẫn chuyện, kết nối rời rạc, chắp nối. (0.25 đ)	Không viết gì hoặc viết lung tung không có ý nghĩa. (0.0 điểm)
Chọn được nhân vật trong	Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Nêu, trình	Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Nêu, trình	Chọn và nêu, trình bày chính xác được nhân vật trong một	Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Hoặc xác	Diễn đạt lung tung không xác định được nhân vật cũng

truyện cổ tích để kể (1.0 điểm)	bày chính xác và có sự sáng tạo, lời cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (1.0 đ)	bày chính xác và lời cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể nhưng chưa có sự sáng tạo. (0.75 điểm)	truyện cổ tích. Tuy nhiên chưa có sự sáng tạo, diễn đạt lời cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (0.5 đ)	định được chỉ mình nhân vật mà không tên truyện. Phần trình bày chưa có sự sáng tạo, lời cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (0.25đ)	như tên truyện. (0.0 đ)
Nội dung câu chuyện (6.0 điểm)	Nội dung câu chuyện có các chi tiết phong phú, hấp dẫn người đọc (người nghe). Cách kể có bám sát truyện gốc, có sự tưởng tượng, sáng tạo theo ý riêng của mình giúp cho câu chuyện thêm sinh động, tự nhiên nhưng vẫn giữ cốt truyện ban đầu. (5.0 - 6.0 đ)	Nội dung câu chuyện có đủ chi tiết để người nghe hiểu được câu chuyện. Cách kể có bám sát truyện gốc, đôi chỗ đã có sự tưởng tượng, sáng tạo theo ý riêng của mình giúp cho câu chuyện thêm sinh động, tự nhiên. 3.25-4.75 đ)	Nội dung câu chuyện có đủ chi tiết để người nghe hiểu được câu chuyện. Cách kể có bám sát truyện gốc, Tuy nhiên chưa có sự sáng tạo, diễn đạt thuyết phục, ấn tượng người đọc, người nghe. (1.75-3.0 đ)	Có viết được một vài chi tiết về nhân vật trong truyện cổ tích. Tuy nhiên còn trình bày chưa sáng tạo, hấp dẫn, thuyết phục. (0.25-1.5 đ)	Không viết được gì. (0.0 đ)
Diễn đạt (1.0 điểm)	Đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Có cách diễn đạt mới mẻ có những phá cách trong dùng từ đặt câu. (1.0 đ)	Cơ bản đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Có mắc song rất ít lỗi diễn đạt và chính tả. (0.75 đ)	Cơ bản đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Bài viết còn mắc một số lỗi chính tả và diễn đạt nhưng không trầm trọng. (0.5 đ)	Bài viết còn mắc khá nhiều quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. (0.25 đ)	Bài viết diễn đạt lung tung, khó hiểu, chữ viết không đọc được. (0.0 đ)
Sáng tạo (1.0 điểm)	Bài viết có ý tưởng sáng tạo về cấu trúc, về nội dung,... so với truyện cổ tích có sẵn. Có	Bài viết có ý tưởng sáng tạo về một trong các phương diện như cấu trúc, về nội	Bài viết có ý tưởng sáng tạo nhưng còn vụng về, mắc lỗi trong cách diễn đạt. (0.5 đ)	Bài viết có ý tưởng sáng tạo nhưng còn vụng về, mắc lỗi trong cách diễn đạt. Vì	Bài viết hoàn toàn không có bất kì sự sáng tạo nào. (0.0 đ)

	những khám phá, suy nghĩ mới mẻ, hợp lí.(1.0 đ)	dung,... so với truyện cổ tích có sẵn. Có những khám phá, suy nghĩ mới mẻ, hợp lí.(0.75 đ)		vậy gây khó hiểu. (0.25 đ)	

TIẾT 97: NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI MỘT CHUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI MỘT NHÂN VẬT

I. MỤC TIÊU:

- HS biết đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.
- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói đóng vai nhân vật để tự kể lại câu chuyện về mình, thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.
- Chăm chỉ đọc, tìm hiểu truyện cổ tích dân gian
- Trân trọng và có trách nhiệm lưu truyền giá trị của truyện cổ tích đối với đời sống con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Khbd, sgv, ti vi, phiếu bài tập
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b. Nội dung:

- GV đặt câu hỏi, HS lắng nghe câu hỏi của GV
- HS trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là đóng vai nhân vật trong truyện kể lại một câu chuyện cổ tích được học, được đọc.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi và giao nhiệm vụ cho HS:

- ? Kể tên một số truyện cổ tích mà em được học và đã đọc?
- ? Em hiểu “đóng vai” có nghĩa là gì?
- ? Khi đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện thì em xưng như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa chú ý (nếu có)

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :

Hoạt động 1: Trước khi nói

I. TRƯỚC KHI NÓI

a. Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b. Nội dung:

- GV tổ chức cho học sinh hoạt cá nhân, hoạt động nhóm để hướng dẫn học sinh tóm tắt nội dung bài viết và thực hành nói bài trước nhóm, trước lớp ; nhận xét câu trả lời của HS
- HS trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập và phiếu học tập
- Bài nói và phản hồi về bài nói của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV -HS

Dự kiến sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Mục đích nói của bài nói là gì?

? Những người nghe là ai?

? Em sẽ nói về nội dung gì? Hãy đánh dấu vào những từ ngữ, những câu quan trọng

? Để có một bài nói tốt em cần luyện tập ở nhà như thế nào và cần lưu ý những điều gì?

GV chia nhóm đôi thực hành nói

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ câu hỏi của GV.
- HS thực hiện tập nói
- Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.
- Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.

B3: Thảo luận, báo cáo

- HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.

1. Chuẩn bị nội dung nói

- Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).
- Đọc lại (nhiều lần) bài viết. Đánh dấu những nội dung quan trọng của bài viết mà khi trình bày không thể bỏ qua.

2. Tập luyện

- Nói một mình trước gương, nói cho người thân nghe
- Tập nói trước nhóm/tổ.

Hoạt động 2: Trình bày bài nói

II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mục tiêu:

- Luyện kỹ năng nói cho HS
- Giúp HS nói đúng nội dung yêu cầu của bài và biết thể hiện một số kỹ năng nói trước đám đông.

b. Nội dung: GV yêu cầu :

- HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV -HS

Dự kiến sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết

- Yêu cầu nói:

- Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói trước lớp - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	+ Nói đúng mục đích, yêu cầu (đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích). Biết lựa chọn những sự việc, chi tiết tiêu biểu. + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Kể to, rõ ràng, truyền cảm. Giọng kể linh hoạt phù hợp. + Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể để câu chuyện được kể sinh động, hấp dẫn.

Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

III. TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. b. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - GV thực hiện chia nhóm, yêu cầu các nhóm đánh giá bài nói theo tiêu chí: GV có thể hỏi HS: ? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì trong bài nói đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	- Nhận xét dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
- Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao
- Sản phẩm: Kết quả bài nói của HS
- Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

GV yêu cầu HS lập ý ra vở nội dung cần trình bày

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 4 nhóm
- GV chiếu phiếu học tập và phát phiếu học tập cho các nhóm.
- HS đọc, tìm hiểu và hoàn thành những nội dung trong phiếu học tập
- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, nhắc lại cách đóng vai nhân vật (xung “tôi”)

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày dàn ý thảo luận trong phiếu học tập trước lớp
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho dàn ý của nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài nói của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

-GV yêu cầu HS đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại trước lớp sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

-Hãy thử phác họa “Thế giới cổ tích” như em biết bằng một đoạn văn khoảng 5- 7 câu có sử dụng biện pháp điệp ngữ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em các yêu cầu trước khi nói; GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS nghe và xác định yêu cầu nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS kể lại câu chuyện trước lớp
- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS khác

Hướng dẫn tự học

- GV chuẩn bị giao bài tập về nhà cho học sinh (phiếu học tập 2,3)
- Vẽ tranh về “Thế giới cổ tích” theo sự hình dung, tưởng tượng của em.
- Chuẩn bị bài: “Đọc mở rộng”
- + Tìm đọc các văn bản có cùng đặc điểm, thể loại (truyện thuyết, truyện cổ tích).
- + GV chuẩn bị phiếu học tập và y/c học sinh hoàn thiện.
- + Chuyển giao phiếu học tập

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi đáp - Sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Bảng kiểm	

PHIẾU TÌM Ý

Nhóm :

Nhiệm vụ: Đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Người em kể về hoàn cảnh của gia đình mình trước khi bố mẹ mất như thế nào?	
Sau khi bố mẹ mất thì hoàn cảnh của hai vợ chồng người em ra sao?	
Hàng ngày vợ chồng người em hái khế đi bán thì điều gì khiến họ bất ngờ	
Khi cây khế bị chim ăn gần hết, trước nỗi lo lắng của vợ chồng người em thì đã có sự việc gì xảy ra?	
Sự việc đó đem lại kết quả gì cho họ?	

Phiếu học tập

Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của truyện cổ tích

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

2. Bảng kiểm:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Đóng vai nhân vật kể lại nội dung câu chuyện hấp dẫn	Chưa biết đóng vai, kể lại nội dung sơ sài, chưa đầy đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Biết đóng vai kể lại câu chuyện đầy đủ sự việc chi tiết chính để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Biết đóng vai kể lại đầy đủ nội dung câu chuyện hấp dẫn và lôi cuốn.

3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, giọng điệu lời nói phù hợp với từng nhân vật	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu, giọng kể chưa linh hoạt	Nói to, rõ ràng truyền cảm, lời kể hoạt với từng nhân vật trong truyện
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.

TIẾT 98: BÀI 8

GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “XEM NGƯỜI TA KÌA”

I. MỤC TIÊU: (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng).
- Nhận biết và tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Xác định được phương thức biểu đạt chính trong văn bản “*Xem người ta kia!*”.
- Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của văn bản nghị luận.
- Rút ra bài học về lối sống, hiểu và trân trọng những cái riêng biệt ở bản thân và mọi người.
- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt. Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Ti vi
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe video “TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT- GIỐNG NHAU, KHÁC NHAU” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của video: nói về sự giống nhau và khác nhau.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của video? Video gợi cho em suy nghĩ gì?

? Em hiểu thế nào là văn nghị luận, lí lẽ trong văn nghị luận, bằng chứng trong văn nghị luận?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

1. HS quan sát video và suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát video.

2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn

3. HS làm việc cá nhân 2', nhóm 5'

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

A. Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: <i>Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</i> HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. Gv chuẩn kiến thức:	1. Giới thiệu bài học - Các văn bản trong chủ đề nhằm khẳng định trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng iệt, về mặt này mặt kia nhưng giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi. - Văn bản nghị luận: loại VB tập trung bàn bạc một vấn đề cụ thể nào đó.

B. Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuyết đã đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Văn bản nghị luận là gì? + Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận là gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Trong bài học này, chúng ta sẽ được học hai văn bản nghị luận và một văn bản truyện. Sự khác nhau giữa hai kiểu văn bản đó là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học.	Văn bản nghị luận Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận - Lí lẽ là những lời diễn giải có tí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

C. Đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
Phương thức biểu đạt chính của văn bản

- Giúp HS nêu được tên tác giả Lạc Thanh và một số nét cơ bản về văn bản “Xem người ta kìa!”.

b. Nội dung

- GV hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu chung về văn bản. Tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm đôi, làm việc cá nhân kết hợp các kỹ thuật khăn trải bàn, phiếu học tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản.

c. Sản phẩm

- Kết quả các phiếu học tập và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Trình bày sản phẩm câu hỏi đã được giao ở tiết học giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn. + Văn bản “<i>Xem người ta kìa!</i>” thuộc kiểu văn bản nào trong văn học? + Nêu hiểu biết của em về kiểu văn bản đó? - GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra. ? Dựa vào SGK em hãy giải thích các từ sau: <i>hiếu thuận, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo, thâm tâm, siêu việt, trách cứ</i>. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. Dự kiến sản phẩm: - Văn bản nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học.... Mục đích của người tạo lập văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.	1. Kiểu văn bản: Nghị luận (Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc- người nghe về một vấn đề).

- <i>Hiếu thuận</i>: có lòng kính yêu và biết nghe lời cha mẹ. - <i>Chuẩn mực</i>: Cái được chọn làm căn cứ để theo đó mà làm cho đúng. - <i>Xuất chúng</i>: nổi bật hơn hẳn mọi người, về tài năng trí tuệ. - <i>Hoàn hảo</i>: tốt đẹp về mọi mặt. - <i>Thâm tâm</i>: nơi sâu kín trong lòng. - <i>Siêu việt</i>: vượt lên hẳn so với người bình thường. - <i>Hồi ức</i>: nhớ lại điều bản thân đã trải qua. - <i>Trách cứ</i>: ra điều thể hiện sự không bằng lòng. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: + <i>Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> + <i>Xác định phương thức biểu đạt?</i> ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉn cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.	2. Văn bản - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”. - PTBD chính: Nghị luận. - Văn bản chia làm 3 phần + P1: Từ đầu ...Có người mẹ nào không ước mong điều đó? → Giới thiệu vấn đề bàn luận. + P2: tiếp đó đến “mười phân vẹn mười”: → Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác + P3: Tiếp đó đến “gạt bỏ cái riêng của từng người”. → Bằng chứng thế giới muôn màu muôn vẻ +P4: còn lại:→Kết thúc vấn đề.

B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	

Hoạt động 2 : Khám phá kiến thức

a. Mục tiêu

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận. Giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản
- Hiểu được vấn đề văn bản đặt ra: Ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- Hiểu được vì sao mẹ lại nói “Xem người ta kìa”
- Tìm được những chi tiết nói về lí do khiến mẹ muốn con giống người khác
- Tìm được chi tiết nói về sự khác biệt và gần gũi. Hiểu được bài học về sự khác biệt và gần gũi.
- Rút ra bài học cho bản thân về sự khác biệt và gần gũi trong đời sống.

b. Nội dung

Tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm 4-6, nhóm đôi, làm việc cá nhân kết hợp các kĩ thuật đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phiếu học tập để hướng dẫn học sinh khám phá văn bản.

c. Sản phẩm

- Kết quả các phiếu học tập và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) <i>* Thảo luận nhóm (5 phút)</i>	1. Mong ước của mẹ

- Chia lớp ra làm 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm có nhóm trưởng để tổ chức thảo luận và phân công người trình bày. - GV giao nhiệm vụ: Nhóm I : Khi thốt lên “Xem người ta kia!”, người mẹ muốn con làm gì? Nhóm II : Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng lời kể để giới thiệu vấn đề? Nhóm III: Chỉ ra ở văn bản đoạn văn là lời diễn giải có lí của người viết về vấn đề? Nhóm IV: Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề? Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác là gì? * Vòng 1 (8 phút) - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới và giao nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng 2? 2. Chỉ ra biện pháp NT được sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề? B2: Thực hiện nhiệm vụ * Vòng 2 HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). * Vòng 1 HS: - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.	- Mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kia” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca gì. - Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác: muốn con hoàn hảo, mười phần vẹn mười (thông minh, giỏi giang, được tin yêu, tôn trọng, thành đạt...) - NT: Dùng lời kể nêu vấn đề => tăng tính hấp dẫn, gây tò mò; dùng nhiều lí lẽ và bằng chứng=> thuyết phục cao.

- 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục 2.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nắm cách đặt vấn đề tự nhiên, gây chú ý cho người đọc.

b. Nội dung: Hs trình bày lại cách đặt vấn đề của tác giả.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d. Tổ chức thực hiện

- GV cho HS nêu yêu cầu cách đặt vấn đề ở văn nghị luận.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

HS quan sát, tìm hiểu cách đặt vấn đề của bài.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS trình bày.

B3: Báo cáo, thảo luận:

Cách đặt vấn đề bằng việc sử dụng lời kể chuyện tạo sự hứng thú và tò mò cho người đọc.

B4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: So sánh văn bản nghị luận với văn bản tự sự.

b. Nội dung

- GV tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm

- Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: GV nêu yêu cầu của câu hỏi: So sánh hai kiểu văn bản văn nghị luận và văn tự sự.

B2: HS xác định yêu cầu và chuẩn bị câu trả lời.

B3: HS trao đổi nhóm đôi.

B4: Nhận xét:

+ Văn nghị luận tập trung yếu tố lập luận bằng hệ thống lí lẽ và dẫn chứng.

+ Văn tự sự: Lấy nhân vật và chuỗi sự kiện cùng các yếu tố làm nên truyện.

* Hướng dẫn tự học:

- Đọc, nắm lại các tri thức ngữ văn.

- Thê loại văn nghị luận.

- Chuẩn bị tìm hiểu nội dung Bàn luận và kết thúc vấn đề ở tiết sau.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quán sát - Hỏi - đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric - Bảng kiểm	

TUẦN 25**NGÀY SOẠN: 10/3/2024****TIẾT 99: BÀI 8****GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “XEM NGƯỜI TA KÌA” (TT)****TIẾT 100: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT****TIẾT 101+102: ĐỌC VĂN BẢN “HAI LOẠI KHÁC BIỆT”****TIẾT 99: BÀI 8****GIỚI THIỆU BÀI HỌC, TRI THỨC NGŨ VĂN, ĐỌC VĂN BẢN “XEM NGƯỜI TA KÌA” (TT)****I. MỤC TIÊU:** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng).
- Nhận biết và tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Xác định được phương thức biểu đạt chính trong văn bản “*Xem người ta kìa!*”.
- Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của văn bản nghị luận.
- Rút ra bài học về lối sống, hiểu và trân trọng những cái riêng biệt ở bản thân và mọi người.
- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt. Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Ti vi
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tạo tâm thế vào bài mới.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS nhắc lại tri thức ngữ văn đã học, kiểu văn bản đã được học. Tên văn bản.

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- HS nhắc lại tri thức ngữ văn đã học, kiểu văn bản đã được học. Tên văn bản.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS trả lời

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

Hoạt động 2 : Khám phá kiến thức

a. Mục tiêu

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.
Giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản
- Hiểu được vấn đề văn bản đặt ra: Ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- Hiểu được vì sao mẹ lại nói “Xem người ta kia”
- Tìm được những chi tiết nói về lí do khiến mẹ muốn con giống người khác
- Tìm được chi tiết nói về sự khác biệt và gần gũi. Hiểu được bài học về sự khác biệt và gần gũi.
- Rút ra bài học cho bản thân về sự khác biệt và gần gũi trong đời sống.

b. Nội dung

Tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm 4-6, nhóm đôi, làm việc cá nhân kết hợp các kỹ thuật đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phiếu học tập để hướng dẫn học sinh khám phá văn bản.

c. Sản phẩm

- Kết quả các phiếu học tập và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ: 1. Tìm những bằng chứng chứng tỏ thế giới muôn màu muôn vẻ? 2. Vì sao tác giả lại nói “Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một vòng rất đáng quý trong mỗi con người”? 3. Nội dung văn bản nhấn mạnh ý nghĩa của sự khác nhau hay giống nhau giữa mọi người? 4. Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài nghị luận? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	2) Thế giới muôn màu muôn vẻ - Vạn vật trên rừng, dưới biển. - Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, có hình dáng, sở thích, thói quen khác nhau... 3) Biết hòa đồng, gần gũi nhưng phải giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. - Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những khác biệt vốn có. - Sự độc đáo của cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú => Chung sức đồng lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người. 4) Bài học rút ra cho bản thân - Tôn trọng sự khác biệt của bạn. - Biết hòa đồng, gần gũi nhưng phải giữ lại cái riêng của bản thân.

B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 5 - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Xem người ta kìa!”? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Nghệ thuật nghị luận đặc sắc: Dùng lời kể nêu vấn đề, dùng nhiều lí lẽ và bằng chứng=> vấn đề đưa ra có sức thuyết phục cao. 2. Nội dung - Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn nêu suy nghĩ về vấn đề mỗi người nên có cái riêng (tính cách, suy nghĩ, việc làm...) hay không? Tại sao?
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

b. Nội dung: Hs viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ về vấn đề: *Ai cũng có cái riêng của mình.*

- GV Gợi ý:

* Về hình thức: Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh rõ ràng (có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn).

* Về nội dung:

- Câu mở đoạn: Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.

- Thân đoạn: Trình bày được suy nghĩ về vấn đề: ***Mỗi người cần có cái riêng của mình.***

+ Tại sao mỗi người đều có cái riêng?

+ Cái riêng của từng người thể hiện ở những mặt nào? (tính cách, suy nghĩ, ...)

+ Dùng câu “*Ai cũng có cái riêng của mình*” làm câu chủ đề, đặt ở đầu đoạn hay cuối đoạn đều được.

- Câu kết đoạn: Khái quát, liên hệ bản thân, đưa ra bài học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận:

HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Xã hội là mối quan hệ tổng hòa của mỗi cá nhân. Để tạo nên một xã hội phong phú đa dạng sắc màu thì mỗi cá nhân lại là một sắc màu riêng góp vào trong đó. Cái riêng của từng cá nhân đã tạo nên sự khác biệt không ai giống ai, đó là phần đáng quý trong mỗi con người. Người ta thường nói gia đình là tế bào của xã hội có lẽ vì vậy mà mỗi gia đình đã tạo nên cái riêng không thể lẫn vào đâu được. Sự khác biệt đó được thể hiện qua lối sống nền nếp sinh hoạt, phong tục tập quán,... Điều đó được hình thành từ cái riêng của mỗi người.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (6')

a. Mục tiêu

- Phân biệt được đặc điểm của văn bản nghị luận với các thể loại văn bản khác.
- Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung

- GV tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, làm việc cá nhân kết hợp các kỹ thuật phòng tranh, phiếu học tập để củng cố kiến thức cho học về nội dung trong bài học.

c. Sản phẩm

- Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. *Phương thức biểu đạt chính của văn bản Xem người ta kia! là gì?*

A. Biểu cảm.

B. Tự sự.

C. Miêu tả.

D. Nghị luận.

Câu 2. *Bằng chứng mà tác giả đưa ra để làm sáng tỏ ý kiến của bản thân (mỗi người đều khác nhau) là gì?*

A. Trong một xã hội, mỗi người đều khác nhau.

B. Trong một công ty, mỗi người đều khác nhau.

C. Trong một lớp học, mỗi người đều khác nhau.

D. Trong một gia đình, mỗi người đều khác nhau.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.

- GV: gọi hs nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá.

- HS hoạt động cá nhân

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Câu 3: *Trong văn bản vừa học em tâm đắc nhất với câu văn, đoạn văn nào?*

Câu 4: *Nếu được đặt lại tên cho văn bản em sẽ đặt thế nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày ý kiến.

- GV nhận xét, gợi ý.

+ Câu 3: Câu nói "Xem người ta kìa" ở cuối bài văn chính là một lời khích lệ, động viên chính bản thân mình. Người khác đã hay, đã thú vị theo cách của họ, vậy tại sao mình không đặc biệt theo cách của chính mình.

+ Câu 4: Hòa nhập nhưng không hòa tan.

- HS hoạt động nhóm (*kỹ thuật phòng tranh*) (5 phút).

- GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi:

? Từ việc đọc hiểu văn bản Xem người ta kìa em rút ra được những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận?

- HS thảo luận nhóm, các nhóm trình bày kết quả .

- GV: Gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá.

- Dự kiến trả lời: Những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận:

+ Có hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc và thuyết phục.

+ Với mỗi luận điểm đưa ra cần dẫn chứng và ví dụ cụ thể, thuyết phục.

+ Bố cục, lời văn của văn bản nghị luận cần logic, khoa học.

+ Có thể đưa ra những luận điểm trái chiều để bác bỏ nhằm bảo vệ cho luận điểm của mình là đúng

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Thực hiện Y/c 2 trong hoạt động 4.

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng việt

+ GV chuẩn bị phiếu học tập. HS hoàn thiện các phiếu học tập theo y/c của GV.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quán sát - Hỏi - đáp	- Câu hỏi - Bài tập	

	- Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Rubric - Bảng kiểm	

Bảng kiểm đánh giá sản phẩm tóm tắt văn bản nghị luận: “Xem người ta kìa”.

STT	Tiêu chí	Có	Không
1	Bản tóm tắt, kể lại một cách ngắn gọn, khách quan những nội dung chính của văn bản(nêu được ít nhất 3 luận điểm trong 4 luận điểm của văn bản) .		
2	Bản tóm tắt đảm bảo tính ngắn gọn, súc tích. (7-10 câu văn).		
3	Các câu văn có sự liên kết với nhau bằng các từ ngữ liên kết (Ví dụ: từ liên kết: vì, tiếp theo, cuối cùng...)		
4	Từ ngữ tóm tắt chính xác, bám sát văn bản.		
5	Nói to, rõ ràng, lưu loát.		
6	Khi trình bày cần thể hiện rõ: cử chỉ, điệu bộ, cảm xúc trước nội dung được tóm tắt.		

Rubrics đánh giá phần viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề:

Ai cũng có cái riêng của mình

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

	MỨC ĐỘ			
TIÊU CHÍ	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Hình thức, nội dung đoạn văn: (6,0 điểm)	(0 điểm) - Đoạn văn chưa có bố cục. - Chưa giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.	(0,25 - 4,0 điểm) - Đoạn văn có bố cục tương đối hoàn chỉnh, chưa rõ câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận nhưng chưa rõ ràng.	(4,25-5,0 điểm) - Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh (có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn). - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. - Giải thích, khái quát được những	(5,25-6,0 điểm) - Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh, rõ ràng (có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn) - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận một cách rõ ràng.

	- Chưa giải thích, khái quát được những giá trị riêng biệt của bản thân. - Lời văn chưa logic, chưa khoa học.	- Khái quát được những giá trị riêng biệt của bản thân. - Lời văn tương đối logic, khoa học.	- giá trị riêng biệt của bản thân. - Lời văn logic, khoa học.	- Giải thích, khái quát được những giá trị riêng biệt của bản thân một cách rõ ràng, cụ thể. - Lời văn logic, khoa học, có tính thuyết phục cao.
2. Cách trình bày (3,0 điểm)	(0 điểm) - Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. - Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe.	(0,25-1,0 điểm) - Giọng nói to, rõ ràng, có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu. - Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, chưa biểu cảm.	(1,25- 2,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa truyền cảm. - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe biểu cảm khá phù hợp.	(2,25- 3,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy. - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe nét mặt biểu cảm.
3. Mở đầu và kết thúc hợp lí (1,0 điểm)	(0 điểm) - Không chào hỏi và không có lời kết thúc bài sau khi trình bày.	(0,25điểm) - Có chào hỏi nhưng chưa có lời kết thúc bài kể hoặc ngược lại.	(0,5 điểm) - Chào hỏi và kết thúc nhưng chưa thực sự ấn tượng.	(0,75- 1,0 điểm) - Chào hỏi và kết thúc tự nhiên, hấp dẫn, ấn tượng

2. Phiếu học tập

Phiếu HT số 1:

Nhóm I : Khi thốt lên “Xem người ta kia!”, người mẹ muốn con làm gì?

Nhóm II : Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng lời kể để giới thiệu vấn đề?

Nhóm III: Chỉ ra ở văn bản đoạn văn là lời diễn giải có lí của người viết về vấn đề?

Nhóm IV: Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề? Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác là gì?

Phiếu HT số 2:

1. Tìm những bằng chứng chứng tỏ thế giới muôn màu muôn vẻ?
2. Vì sao tác giả lại nói “Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một vòng rất đáng quý trong mỗi con người”?
3. Nội dung văn bản nhấn mạnh ý nghĩa của sự khác nhau hay giống nhau giữa mọi người?
4. Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài nghị luận?

TIẾT 100: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- HS sử dụng được trạng ngữ và thành ngữ một cách có hiệu quả trong khi nói và viết (đặt câu, viết đoạn văn).
- Năng lực văn học: HS cảm nhận được cái hay về nội dung và nghệ thuật khi sử dụng trạng ngữ và thành ngữ một cách chính xác và đúng mục đích.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; SGK, SGV, kế hoạch bài dạy
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a. Mục tiêu: HS nhớ lại kiến thức đã biết về trạng ngữ, tạo cơ sở để tìm hiểu hoạt động tiếp theo.
- b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (đưa câu hỏi). HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS (Đặt được câu có trạng ngữ)
- d. Tổ chức thực hiện
- d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Ở Tiểu học, các em đã được học về trạng ngữ. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về trạng ngữ? - GV y/c học sinh lấy ví dụ và xác định các thành phần của câu trong ví dụ? HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi. - VD:Hôm nay, tôi/ đi học. TN CN VN Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV dẫn dắt: Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu, giúp bổ sung đầy đủ ý nghĩa cho câu và văn bản. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về các chức năng của trạng ngữ trong câu.	- HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Cùng cố kiến thức (ôn tập lý thuyết)

a. Mục tiêu:

- HS ôn tập lại kiến thức về trạng ngữ: đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ. Nhận diện được thành ngữ, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ

b. Nội dung:

- GV tổ chức các hoạt động nhóm và hướng dẫn học sinh ôn tập lại những kiến thức về trạng ngữ, nghĩa của từ (thành ngữ).

c. Sản phẩm:

- Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* GV chuyển giao nhiệm vụ GV: Gợi dẫn ở tiết học trước tiết 98 các em đã được tìm hiểu về trạng ngữ tiết học này chúng ta ôn tập, củng cố nâng cao hơn những kiến thức về trạng ngữ. - HS hoạt động nhóm (kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi). 4 phút. - GV yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi ở phiếu học tập số 1: + <i>Đọc các ví dụ sau và xác định các trạng ngữ trong ví dụ cho biết vị trí và chức năng của trạng ngữ?</i> + VD1: Trên cành cây, chim hót líu lo.-> TN chỉ địa điểm nơi chốn. - VD2: Chị Võ Thi Sáu đã hi sinh anh dũng để bảo vệ độc lập tự do cho tổ quốc. -> Mục đích - VD3: Em không đi đá bóng vì trời mưa -> nguyên nhân. - VD4: Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc. -> TN chỉ thời gian. - VD5: Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. -> Vì lẽ đó chỉ nguyên nhân, đồng thời liên kết câu; xưa nay: thời gian - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả. - GV: gọi hs nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, bổ sung nhấn mạnh lại 1 số kiến thức cơ bản trên máy chiếu kết hợp phân tích ví dụ khắc sâu nội dung kiến thức. + Về hình thức: Trạng ngữ có thể được đặt ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. + Xét về chức năng: Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, chức năng dùng để nêu thông tin về thời gian, địa điểm, mục đích, nguyên nhân...của sự việc được nói đến trong câu.Như vậy chúng ta thấy rằng ở ví dụ 5 trạng ngữ còn có chức năng liên kết câu.	I. Ôn tập lí thuyết 1.Trạng ngữ

* GV chuyển giao nhiệm vụ - HS hoạt động cá nhân. - GV chiếu ví dụ và học sinh trả lời câu hỏi. + VD: Nước non lận đận một mình Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay. ? Thành ngữ trong câu ca dao có nhiều cách giải nghĩa theo em cách nghĩa nào thích hợp. Chỉ sự khó khăn. Chỉ sự vất vả, cực khổ. Chỉ sự khó khăn, cực khổ, nguy hiểm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả. - GV: gọi hs nhận xét, khái quát: Thành ngữ "lên thác xuống ghềnh". Nghĩa đen: Chỉ sự lên, xuống hai địa điểm hết sức khó khăn. Nghĩa bóng: Chỉ sự gian nan, vất vả, nguy hiểm. GV bổ sung: Khi nói hoặc viết cần hiểu đúng nghĩa của từ ngữ, thành ngữ để lựa chọn các từ ngữ từ, thành ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện. GV: Y/c HS vận dụng 2 kiến thức về trạng ngữ và nghĩa của từ ngữ (thành ngữ) để làm phần luyện tập.	2. Nghĩa của từ ngữ

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu:

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ: đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ. Nhận diện được thành ngữ qua các ngữ liệu trong SGK, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

b. Nội dung:

- GV tổ chức các hoạt động nhóm đôi nhóm 4, làm việc cá nhân kết hợp các kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi, tổ chức trò chơi, để củng cố kiến thức cho học về trạng ngữ và nghĩa của từ ngữ (thành ngữ) ở các bài tập 1->5 trong SGK.

c. Sản phẩm:

- Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV chiếu bài tập 1 SGK * GV Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS đọc bài tập 1/56 SGK - HS thảo luận nhóm đôi (<i>kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi</i>) (3 phút) - GV yêu cầu HS thảo luận y/c trong bài tập 1: <i>? Chỉ ra trạng ngữ trong các câu và cho biết chức năng của trạng ngữ ở từng câu?</i> - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả. - GV: gọi các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV Kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. - GV chiếu bài tập 2 SGK * GV Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS đọc bài tập 2/57 SGK - HS thảo luận nhóm 4 (3 phút) - GV yêu cầu HS thảo luận y/c trong bài tập 2: <i>? Thử lược bỏ trạng ngữ trong các câu sau và chỉ ra sự khác nhau về nội dung giữa câu có trạng ngữ với câu không còn trạng ngữ?</i> - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả. - GV: gọi các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV Kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. - GV chiếu bài tập 3 SGK. * GV Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS đọc bài tập 3/57 SGK GV cho hs chơi trò chơi tiếp sức(ai nhanh hơn) (gồm 3 đội, mỗi đội có 5 hs, thời gian chơi 3 phút) - Mỗi tổ có 3 phút để các thành viên trong đội lên bảng	II. Luyện tập 1. Bài tập 1/trang 56 a. TN: từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ → TN chỉ thời gian b. TN: giờ đây → TN chỉ thời gian c. TN: dù có ý định tốt đẹp → TN chỉ điều kiện 2. Bài 2/ trang 57 a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự về việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể. b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”: câu văn mất đi tính phổ quát c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu 3. Bài 3/ trang 57

viết đáp án. Sau khi kết thúc thời gian tổ nào viết được nhiều đáp án đúng sẽ thắng. - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện theo yêu cầu. - GV: gọi các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV Kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, tuyên dương đội thắng có thể cho điểm. - GV chiếu bài tập 4 SGK * GV Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS đọc bài tập 4/57 SGK - HS thảo luận nhóm đôi (<i>kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi</i>) (3 phút) - GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi trong bài tập 4. - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả. - GV: gọi các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV Kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. - GV chiếu bài tập 5 SGK * GV Chuyển giao nhiệm vụ - Yêu cầu HS đọc bài tập 5/57 SGK - HS hoạt động cá nhân theo câu hỏi trong bài tập 5 trên máy chiếu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả. - GV: gọi HS nhận xét, bổ sung. - GV Kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. Gv: Có thể hướng dẫn học sinh ý a. a. Thua em kém chị: Nghĩa là thua kém mọi người nói chung.	a. - Thời tiết âm dần, hoa đã bắt đầu nở. - Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở. - Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở. b. - Chủ nhật, bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước - Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước nếu tôi được học sinh giỏi c.- Mỗi mùa thi đến, mẹ rất lo lắng cho tôi. 4. Bài 4/ trang 57 a. chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí b. mười phen vten mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết. 5. Bài 5/ trang 57(Làm ý b,c) b. Mỗi người một vẻ: Mỗi nười có những điểm riêng, khác biệt, không ai giống ai. c. Nghịch như quỷ: Vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

b. Nội dung

- GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học về trạng ngữ để viết đoạn văn.

c. Sản phẩm

- Đoạn văn của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

- * GV chuyển giao nhiệm vụ

- HS hoạt động cá nhân

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ. (phiếu học tập số 2)

- GV Gợi ý:

- * Về hình thức: Học sinh viết đoạn văn ngắn gọn 5-7 câu);

- * Về nội dung: viết về thiên nhiên mùa xuân trong đó có sử dụng trạng ngữ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.

- HS nhận xét, đánh giá đoạn văn của bạn bằng Rubrics.

- GV nhận xét, đánh giá bằng Rubrics.

- GV chiếu đoạn văn mẫu.

Xuân! Xuân đến thật rồi. Trong vườn cây cối đã cởi bỏ đi cái áo khoác mà đã mang suốt mùa đông lạnh lẽo để thay vào đó là bộ quần áo mới mang màu xanh, màu êm dịu. Trên các nẻo đường, hoa khoe sắc, lộc nảy. Xuân nhẹ nhàng gói mưa vào trong nắng, chập chờn những cơn mưa vội vã ban chiều, không mỏng manh. Xuân ôm từng hạt nắng trong từng bông cúc vàng, nhuộm sắc những cơn mưa phùn vô tình đã làm mùa xuân rét ngọt, một cái rét tượng trưng. Những luồng gió nồm nam cứ thổi, thổi mãi thành cái đẹp của mùa xuân. Mùa về thật là đẹp.

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Hai loại khác biệt

- + HS đọc và tóm tắt văn bản.

- + HS hoàn thiện các phiếu học tập theo y/c của GV.

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi- đáp - Đánh giá sản phẩm học tập.	- Câu hỏi - Bài tập - Rubrics	

2. Rubric phần viết viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
	(0 điểm)	(0,25 - 5,0 điểm)	(5,25- 6điểm)	(6,25 – 7điểm)
1. Nội dung, hình thức (7,0 điểm)	- Đoạn văn không tả đúng về cảnh thiên nhiên mùa xuân. Không sử dụng trạng ngữ. - Đoạn văn chưa có bố cục.	- Đoạn văn có thể hiện nội dung viết về thiên nhiên mùa xuân nhưng đôi chỗ còn nhầm lẫn. Có sử dụng trạng ngữ. - Đoạn văn có bố cục tương đối hoàn chỉnh chưa rõ câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. - Các câu trong đoạn văn có sự	- Đoạn văn có thể hiện nội dung viết về thiên nhiên mùa xuân và có sử dụng trạng ngữ. - Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh (có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn).	- Đoạn văn tả đúng về cảnh thiên nhiên mùa xuân và có sử dụng trạng ngữ. - Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh, rõ ràng (có câu mở đoạn, thân

	- Các câu trong đoạn văn không có sự liên kết, không có biểu cảm.	liên kết, không có biểu cảm.	- Các câu trong đoạn văn có sự liên kết, có kết hợp yếu biểu cảm.	đoạn và kết đoạn) - Các câu trong đoạn văn có sự liên kết, có kết hợp yếu tổ biểu cảm hợp lí.
2. Cách trình bày (3,0 điểm)	(0 điểm) - Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. - Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe.	(0,25 - 1,0 điểm) - Giọng nói to, rõ ràng, có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu. - Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, chưa biểu cảm.	(1,25 - 2,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa truyền cảm. - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe biểu cảm khá phù hợp.	(2,25 - 3,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy. - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe nét mặt biểu cảm.

3. Phiếu học tập

Phiếu học tập số 1
<i>? Xác định các trạng ngữ cho biết vị trí và chức năng của trạng ngữ:</i>
Phiếu học tập số 2
<i>? Viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ:</i>

TIẾT 101+102: ĐỌC VĂN BẢN “HAI LOẠI KHÁC BIỆT”

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù:

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa đoạn trích.
- Viết bài văn nghị luận kết hợp phương thức tự sự, miêu tả.

2. Về phẩm chất

- Giúp HS phát triển các phẩm chất: Trung thực, thật thà; lương thiện. - Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tôn trọng sự khác biệt của mọi người xung quanh; cần tạo nên sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của cá nhân mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập:

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Hiểu khái quát về mỗi người cần có sự khác biệt từ đó gợi dẫn để tiếp cận với nội dung liên quan đến bài học: “ Sự khác biệt”.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh hoạt động cá nhân bằng những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm:

- HS chia sẻ suy nghĩ trước vấn đề mà GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị:

? Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao?

? Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng có những ưu điểm vượt trội?

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

+ GV dẫn dắt: Lứa tuổi dậy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản. Nhận diện được phương thức biểu đạt chính, tóm tắt được văn bản

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu chung về văn bản và tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, làm việc cá nhân kết hợp các kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi, phiếu học tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản. HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV & HS	Sản phẩm dự kiến
I. Đọc văn bản	
Nhiệm vụ 1: Đọc-chú thích B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) <i>? Yêu cầu HS đọc to, diễn cảm văn bản và đặt câu hỏi:</i> <i>? Nêu hiểu biết của em về tác giả và văn bản ?</i> <i>? Văn bản Hai loại khác biệt thuộc thể loại nào trong văn học?</i> <i>? Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó</i> <i>?Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?</i> <i>? Xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?</i> <i>? Thử chia bố cục của văn bản “Hai loại khác biệt”.</i> - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: <i>Giong-mi Mun (tác giả VB), quái đản, quái dị,</i> - HS lắng nghe. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng Nhiệm vụ 2: Tác phẩm	1. Tác giả - Giong-mi Mun (1964) - Quốc tịch: Hàn Quốc. - Là Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt (Harvard). 2. Tác phẩm - Văn bản: Trích từ cuốn sách “ <i>Khác biệt - thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh</i> ”. - Thể loại: Văn bản nghị luận → VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học.... Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình. - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi” - PTBD: nghị luận

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: ? Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể ? GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? ? Bố cục của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình.	Bố cục: 4 phần + Đoạn 1: Từ đầu... .. “vi phạm nội quy nhà trường” (nêu vấn đề nghị luận): Sự khác biệt. +Đoạn 2: Tiếp theo...“khá là mầu mực”: (bằng chứng) biểu hiện của hai loại khác biệt) + Đoạn 3: Tiếp theo... “không nề phục cậu” (lý lẽ) -> Cách tạo nên sự khác biệt. + Đoạn 4: còn lại (Kết luận vấn đề)

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Hiểu được nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.
- Xác định được đoạn có tính chất kể chuyện và đoạn có tính chất bàn luận trong văn bản.
- Giúp HS nhớ được những ý cơ bản về nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

b. Nội dung

- Chia lớp thành 4 nhóm tổ, vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn trên giấy A0 đã chuẩn bị sẵn.
- GV tổ chức cho HS hoàn thành phiếu học tập để tổng kết

c. Sản phẩm: Giấy A0 ghi kết quả làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV & HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ + Nhóm 1 ? Giáo viên đã giao cho học sinh bài tập gì? Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra? ? Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này?	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Mỗi người cần có sự khác biệt - Bài tập: Trong suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt. - Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn. - Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường. - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, để mỗi

+ Nhóm 2 ? Các bạn trong lớp đã thể hiện sự khác biệt như thế nào? ? Bạn HS nào có cách thể hiện khác? Phản ứng của cả lớp trước cách thể hiện đó là gì? ? Em nhận thấy sự khác nhau của việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J là gì? Dự kiến sản phẩm: + Số đông học sinh chọn cách mặc những trang phục kì dị, để kiểu tóc kì quặc, mặc quần áo kì lạ, làm trò quái đản với trang sức hoặc phân trang điểm, tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý → bộc lộ cá tính + Bạn học sinh J: chọn cách ăn mặc bình thường nhưng bạn chọn cách giơ tay trong tất cả các tiết học, trả lời chân thành và xưng hô lễ độ với thầy cô, bạn bè. + Phản ứng của mọi người: cười khúc khích dần dần mọi người nhận ra điều J làm mới tuyệt vời làm sao bởi hàng ngày J khá nhút nhát, ít nói. → Sự khác nhau: cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người. + Nhóm 3 ? Từ những bằng chứng đưa ra, tác giả đã rút ra điều cần bàn luận là gì? Em nhận xét gì về cách triển khai của tác giả? ? Em có đồng tình với ý kiến của tác giả không? Vì sao? - GV bổ sung: Ở Vb này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng. + Nhóm 4 ? Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này? B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS) HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.	HS tự rút ra được ý nghĩa của hoạt động → cách giáo dục giúp người học chủ động, tích cực nắm bắt vấn đề. 2. Bằng chứng: Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J - Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường. - Học sinh J chọn cách thể hiện sự khác biệt khác với ngày thường mình : thay vì nhút nhát, ít nói, cậu đã giơ tay và phát biểu trong các tiết học, xưng hô lễ độ với mọi người → Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau. 3. Lí lẽ: Cách để tạo nên sự khác biệt - Có 2 loại khác biệt: + Sự khác biệt có nghĩa. + Sự khác biệt vô nghĩa. - Đa số chọn loại vô nghĩa, vì nó đơn giản và chẳng mất công tìm kiếm nhiều. không cần huy động khả năng đặc biệt gì. ->Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS) GV: - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm... - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá... HS: - Trả lời câu hỏi - Báo cáo sản phẩm nhóm - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. GV chuẩn kiến thức: Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có được.	4. Kết luận vấn đề - Sự khác biệt có ý nghĩa làm nên giá trị riêng ở mỗi con người và sẽ khiến người khác chú ý và nể phục.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Giao nhiệm vụ nhóm: <i>? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</i> <i>? Nội dung chính của văn bản “Hai loại khác biệt”?</i> <i>? Ý nghĩa của văn bản.</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.	III. Tổng kết 1. Nội dung Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự. 2. Ý nghĩa → khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự, là thứ làm nên cá tính, phong cách, chất riêng của mỗi cá nhân. 3. Nghệ thuật - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí.

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.
- Chuyển dẫn sang đề mục sau.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(Viết kết nối với đọc)

a. Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học. Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với câu mở đầu “ *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa ...*”. HS sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.***

Gợi ý:

+ Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa?

+ Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm như thế nào?

-GV đưa ra yêu cầu: viết đảm bảo kiểu bài văn nghị luận (lí lẽ, bằng chứng)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Tôi không muốn người khác nhìn vào mình và chỉ thấy mình lập dị, khác loài, vô ích,... mà muốn được công nhận như một người đem lại những giá trị trong cuộc sống. Để khác biệt rất đơn giản nhưng để khác biệt có nghĩa lại vô cùng khó khăn. Để làm được điều này, trước hết con người không được thỏa mãn bởi những thứ quá đơn giản và tầm thường. Chúng ta cần tìm kiếm những điều có nghĩa lý hơn với bản thân cũng như xã hội. Ví dụ như nếu bạn học giỏi một cách xuất chúng, bạn sẽ thành ngôi sao. Nhưng nếu bạn chọn cách khác biệt bằng lối sống sa đọa, không lành mạnh, sự chú ý bạn nhận được không phải ngưỡng mộ mà là tức giận hay thương hại. Mỗi người đều có quyền lựa chọn người mà mình muốn trở thành. Với tôi, tôi muốn trở thành người khác biệt có ý nghĩa.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Củng cố lại nội dung kiến thức đã học.

b. Nội dung

- GV tổ chức các hoạt động cho học sinh để củng cố kiến thức về nội dung trong bài học.

c. Sản phẩm

- Kết quả câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi câu hỏi 4,5 trong phiếu học tập số 4.

+ *Vấn đề được bàn trong đoạn trích có ý nghĩa đối với em và các bạn của em hiện nay không? Vì sao?*

+ *Có ý kiến cho rằng: Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có có giá trị đối với mọi lứa tuổi. Em có đồng tình ý kiến này không? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

+ Vì hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết.

+ Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản có giá trị với mọi lứa tuổi. Vì bất kì lứa tuổi nào cũng cần trở nên khác biệt có nghĩa.

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Bài tập mà thầy giáo đưa ra cho cả lớp là gì?

A. Trong 24h trở nên hòa đồng với mọi người.

B. Trong 24h trở nên khác biệt với mọi người.

C. Trong 12h trở nên hòa đồng với mọi người.

D. Trong 12h trở nên khác biệt với mọi người.

Câu 2: Nhân vật tôi đã trở nên khác biệt bằng cách nào?

A. Trang điểm kì quặc.

B. Làm những hành động gây chú ý.

C. Để kiểu tóc khác lạ.

D. Trang phục khác lạ.

Câu 3: Việc J trở nên khác biệt khiến các bạn trong lớp cảm thấy như thế nào?

A. Nể phục.

B. Không thể hòa nhập.

C. Ghen tị.

D. Không đáng quan tâm.

Câu 4: Hai loại khác biệt được nhắc ở nhan đề là gì?

A. Khác biệt vô nghĩa và khác biệt có nghĩa.

B. Khác biệt vô danh và khác biệt có danh.

C. Khác biệt nam và khác biệt nữ.

D. Khác biệt mạnh mẽ và khác biệt nhẹ nhàng.

Câu 5: Người viết gọi sự khác biệt đó bản thân mình và do số đông học sinh trong lớp tạo ra là “sự khác biệt vô nghĩa” là vì:

A. Đó là sự khác biệt không có giá trị.

B. Đó là sự khác biệt thường tình.

C. Đó là sự khác biệt có tính hài hước.

D. Đó là sự khác biệt không nghiêm túc.

Câu 6: Lí do người viết gọi sự khác biệt do J tạo ra là “sự khác biệt có ý nghĩa”:

A. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác ngạc nhiên

B. Vì sự khác biệt ấy được tạo nên bởi một cá nhân

C. Vì sự khác biệt ấy cho thấy nhận thức và bản lĩnh của một cá nhân

D. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác không thể làm theo

Câu 7: Thái độ của người viết đối với “sự khác biệt có ý nghĩa” qua cách thể hiện của J:

A. Không quan tâm vì không phải là điều mình thích

B. Kinh ngạc vì thấy J không giống ai

C. Ngạc nhiên và nể phục

D. Xem thường, vì J chẳng có biểu hiện gì nổi bật

Câu 8: Câu “Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó.” Có trạng ngữ chỉ:

- A. Địa điểm
- B. Điều kiện
- C. Nguyên nhân

D. Thời gian

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Chuẩn bị bài mới: " Ôn tập giữa kì I"
- + Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản, thực hành TV.

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi - đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Bảng kiểm - Rubrics	

Bảng kiểm đánh giá sản phẩm tóm tắt văn bản nghị luận: “Hai loại khác biệt”

STT	Tiêu chí	Có	Không
1	Bản tóm tắt kể lại một cách ngắn gọn, khách quan những nội dung chính của văn bản.		
2	Bản tóm tắt đảm bảo tính ngắn gọn, súc tích. (7-10 câu văn).		
3	Các câu văn có sự liên kết với nhau bằng các từ ngữ liên kết (Ví dụ: từ liên kết: vì, tiếp theo, cuối cùng...)		
4	Từ ngữ tóm tắt chính xác, bám sát văn bản.		
5	Nói to, rõ ràng, lưu loát.		
6	Khi trình bày cần thể hiện rõ: cử chỉ, điệu bộ, cảm xúc của người nói.		

Rubrics đánh giá phần viết đoạn văn (5 – 7 câu) để hoàn thành một đoạn văn với câu mở đầu “ Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa”

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1. Nội dung đoạn văn (6,0 điểm)	(0 điểm) - Đoạn văn chưa có bố cục. - Chưa xác định được câu chủ đề	(0,25 - 3,0 điểm) - Đoạn văn có bố cục tương đối hoàn chỉnh chưa rõ câu, thân đoạn và kết đoạn. - Xác định được câu chủ đề nhưng	(3,25-4,0 điểm) - Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh (từ câu mở triển khai các câu thân đoạn và kết đoạn) - Xác định được câu chủ đề, biết triển khai ý.	(4,25-5,0 điểm) - Đoạn văn có bố cục hoàn chỉnh, rõ ràng (từ câu mở triển khai các câu thân đoạn và kết đoạn) - Xác định được câu chủ đề, triển khai ý lưu loát, logic.

	- Lời văn chưa logic, chưa khoa học. - Câu văn chưa có sự liên hệ bản thân, chưa biết rút ra bài học	- chưa biết triển khai ý. - Lời văn tương đối logic, khoa học. - Câu văn có sự liên hệ bản thân, chưa biết rút ra bài học.	- Lời văn logic, khoa học. - Câu văn có sự liên hệ bản thân, biết rút ra bài học.	- Lời văn logic, khoa học, có tính thuyết phục cao. - Câu văn có sự liên kết, biết rút ra bài học cho bản thân.
2. Cách trình bày (3,0điểm)	(0 điểm) - Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. - Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe.	(0,25-1,0 điểm) - Giọng nói to, rõ ràng, có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu. - Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, chưa biểu cảm.	(1,25- 2,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng nhưng chưa truyền cảm. - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe biểu cảm khá phù hợp.	(2,25- 3,0 điểm) - Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, hấp dẫn, trôi chảy . - Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt biểu cảm.
3. Mở đầu và kết thúc hợp lí (1,0 điểm)	(0 điểm) Không chào hỏi và không có lời kết thúc sau khi trình đoạn văn.	(0,25- 1,0 điểm) Có chào hỏi nhưng chưa có lời kết thúc hoặc ngược lại.	(1,25- 1,5 điểm) Chào hỏi và kết thúc nhưng chưa thực sự ấn tượng.	(1,75- 2,0 điểm) Chào hỏi và kết thúc tự nhiên, hấp dẫn, ấn tượng

2. Phiếu học tập

Phiếu HT số 1

? Giáo viên đã giao cho học sinh bài tập gì? Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra?

? Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này?

Phiếu HT số 2

? Các bạn trong lớp đã thể hiện sự khác biệt như thế nào?

? Bạn HS nào có cách thể hiện khác? Phản ứng của cả lớp trước cách thể hiện đó là gì?

? Em nhận thấy sự khác nhau của việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J là gì?

Phiếu HT số 3

? Từ những bằng chứng đưa ra, tác giả đã rút ra điều cần bàn luận là gì? Em nhận xét gì về cách triển khai của tác giả?

? Em có đồng tình với ý kiến của tác giả không? Vì sao?

? Có ý kiến cho rằng: Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có giá trị đối với mọi lứa tuổi. Em có đồng tình ý kiến này không? Vì sao?

? Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này?

TUẦN 26

NGÀY SOẠN: 17/3/2024

TIẾT 103+104: ÔN TẬP GIỮA KÌ II

TIẾT 105: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 106: ĐỌC VĂN BẢN “BÀI TẬP LÀM VĂN”

TIẾT 103+104: ÔN TẬP GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Hệ thống kiến thức cơ bản của bài 6, bài 7
- HS biết vận dụng tình huống giả định: Nếu là một nhân vật trong truyện thì sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào
- Củng cố kỹ năng làm bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, kể lại truyện truyền thuyết, cổ tích bằng cách đóng vai nhân vật trong truyện
- Biết vận dụng kiến thức về dấu chấm phẩy, nghĩa của từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ vào làm bài tập.
- Giúp HS thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa. Trung thực, trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao trong bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Suru tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Ti vi.
- Các câu hỏi kiểm tra kiến thức.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU:

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- Tổ chức choạt động:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Hãy kể tên các đơn vị kiến thức các em đã được học trong chủ đề 6 và chủ đề 7

B2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân).

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét, đánh giá
- Chiều sơ đồ tư duy kiến thức bài 6, 7
- Dẫn vào bài

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH HÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức cơ bản cho HS trong bài 6, bài 7

b. Nội dung: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS hoạt động cá nhân, nhóm. HS sử dụng SGK và sự hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu bài tập

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS, phiếu bài tập hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
I. PHẦN VĂN BẢN	
* Chuyển giao nhiệm vụ: Nhắc lại các văn bản đã học trong bài 6,7 * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	

Tác phẩm	Nội dung	Nghệ thuật
<i>Thánh Gióng</i> (Truyền thuyết)	Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước; thể hiện sự ngợi ca, tôn vinh của nhân dân đối với các thành tựu của tiền nhân trong lịch sử.	- Sử dụng nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo. - Nghệ thuật nói quá, so sánh.
<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> (Truyền thuyết)	<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> đã hiện tượng lũ lụt và ước mơ của nhân dân ta. Truyện đề cao và tôn vinh những chiến công của người Việt cổ trong công cuộc chống bão lụt, chế ngự và sử dụng nguồn nước để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, ổn định cuộc sống, dựng xây đất nước.	Sử dụng nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo.

<i>Ai ơi mùng 9 tháng 4</i> (Văn bản thông tin)	Văn bản thuật lại sự kiện lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng, diễn ra vào ngày mùng 9 tháng 4 âm lịch, tại xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	Số liệu chính xác, lời văn chân thực, cô đọng.
<i>Thạch Sanh</i> (Truyện cổ tích)	Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.	Truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng thần kì độc đáo và giàu ý nghĩa.
<i>Cây khế</i> (Truyện cổ tích)	<i>Cây khế</i> kể về người em hiền lành được báo đáp xứng đáng và người anh tham lam phải chịu kết cục thảm khốc khi cùng được chim trả công sau khi ăn khế. Đây là bài học về sự đền ơn đáp nghĩa, niềm tin ở hiền sẽ gặp lành và may mắn của nhân dân.	Sử dụng thể loại truyện cổ tích với những chi tiết hoang đường, kì ảo.
Xem người ta kìa! (Lạc Thanh)	Xem người ta kìa! bàn luận về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Con người luôn muốn người thân quanh mình được thành công, tài giỏi,... như những nhân vật xuất chúng trong cuộc sống. Tuy nhiên, việc đi làm cho giống người khác sẽ đánh mất bản thân mỗi người. Vì vậy chúng ta nên hòa nhập chứ không nên hòa tan.	Lập luận chặt chẽ, lí lẽ và dẫn chứng xác đáng cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.
Hai loại khác biệt (Giong-mi Mun)	Văn bản Hai loại khác biệt đã phân biệt sự khác biệt thành hai loại: có nghĩa và vô nghĩa. Người ta chỉ thực sự chú ý và nỗ lực những khác biệt có ý nghĩa.	Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng xác thực.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
* Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu hs phân biệt thể loại truyền thuyết, cổ tích; đặc điểm văn bản thông tin * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	

Thể loại	Khái niệm	Đặc điểm
Truyện thuyết	Là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.	Nhân vật chính là những người anh hùng. Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời nhân vật chính: hoàn cảnh xuất thân và thân thế; chiến công phi thường; kết cục. - Lời kể cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có yếu tố kì ảo.
Cổ tích	Là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.	Nhân vật thường chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác). Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo; thể hiện rõ quan hệ nhân quả.
Văn bản thông tin	Là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.	Thuật lại một sự kiện dùng để trình bày những gì mà người viết chứng kiến hoặc tham gia. - Diễn biến của sự kiện thường được sắp xếp theo trình tự thời gian.
Văn bản nghị luận	Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.	Cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: + Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. + Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
II. PHẦN TIẾNG VIỆT	
* Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chiếu sơ đồ tư duy khái quát các đơn vị kiến thức tiếng Việt - Gọi HS đọc và nêu ví dụ * Thực hiện nhiệm vụ	

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ * Báo cáo kết quả - HS trình bày, nêu ví dụ * Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, đánh giá - Bổ sung, sửa chữa, chốt kiến thức:	

Đơn vị kiến thức	Đặc điểm/Công dụng					
Dấu chấm phẩy	Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp					
Từ đơn	Chỉ có một tiếng					
Từ phức: + Từ ghép + Từ láy	Có hai tiếng trở lên + Các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa + Các tiếng có quan hệ với nhau về âm thanh					
Cụm danh từ	- Do danh từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành - Cấu tạo: <table><tr><td>PT</td><td>TT</td><td>PS</td></tr></table>			PT	TT	PS
PT	TT	PS				
Cụm động từ	Do động từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành					
Cụm tính từ	Do tính từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành					
So sánh	Đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác -> Câu văn sinh động, tăng sức gợi hình, gợi cảm					
Nhân hóa	Gọi tên, tả đồ vật, con vật bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người-> Thế giới loài vật trở nên gần gũi với con người hơn.					
Ẩn dụ	Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng-> Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt					
Hoán dụ	Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có quan hệ gần gũi -> Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt					

Điệp ngữ	Lặp đi lặp lại một từ, cụm từ hoặc cả câu
Nghĩa của từ	Nghĩa của từ là nội dung (hoạt động, tính chất, quan hệ) mà từ biểu thị.
Trạng ngữ	Là thành phần phụ của câu, có thể được đặt ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu, nhưng phổ biến là ở đầu câu. Được dùng để nêu thông tin về thời gian, địa điểm, mục đích, cách thức,... của sự việc được nói đến trong câu. Có chức năng liên kết câu trong đoạn.

III. PHẦN LÀM VĂN	
* Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1+ 3: Nhắc lại Yêu cầu, bố cục của bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) Nhóm 2+ 4: Nhắc lại Yêu cầu, bố cục của bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích * Thực hiện nhiệm vụ: Hs trả lời * Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả (cá nhân). * Đánh giá nhận xét, chốt kiến thức.	1, Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết đã học. * Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích a, Yêu cầu Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện. Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc. Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. b, Dàn ý: Mở bài: Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể. Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện. + Xuất thân của các nhân vật. + Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.

	+ Diễn biến chính: Sự kiện 1, sự kiện 2, sự kiện 3,... Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG: (10’)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân để làm bài tập.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK và sự hiểu biết của bản thân để luyện đề

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu đề hướng dẫn HS làm

I. Đọc –hiểu:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Giặc đã đến chân núi Trâu Sơn. Thế rất nguy, ai nấy đều hoảng hốt. Vừa lúc đó thì sứ giả đem ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lại, vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí vang lên mấy tiếng. Tráng sĩ mặc áo giáp vào, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, phi thẳng đến chỗ quân giặc đóng. Tráng sĩ xông vào trận đánh giết; giặc chết như ngã rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau mà trốn thoát. Tráng sĩ đuổi đến núi Ninh Sóc. Nhưng đến đấy, không biết vì sao, Người một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất.

(Trích SGK Ngữ văn 6, tập2 - Bộ sách

Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục VN, trang 7)

Câu 1. - Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? /Tác giả là ai?

- PTBD chính của đoạn trích là gì?
- Thể loại/ ngôi kể của văn bản chứa đoạn trích trên.
- Nhân vật chính của văn bản chứa đoạn trích trên

Câu 2.

- Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.
- Đoạn trích có những sự việc nào?
- Đoạn trích có chi tiết kì ảo không? Nêu ý nghĩa của chi tiết kì ảo (nếu có)

Câu 3. Hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau: Tráng sĩ xông vào trận đánh giết; giặc chết như ngã rạ.

Câu 4. Từ nội dung đoạn trích trên, em rút ra cho bản thân những bài học/ thông điệp gì?

D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG: (6')

a. Mục tiêu: HS sưu tầm và giới thiệu một số truyện cổ tích, truyền thuyết.

b. Nội dung: HS chuẩn bị.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nhắc lại yêu cầu.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chuẩn bị sản phẩm.

* **Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày

- HS khác bổ sung, nhận xét

* **Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Hướng dẫn tự học: (2)

1. Hoàn thành các bảng hệ thống kiến thức giữa học kì II.

2. Chuẩn bị kiểm tra chất lượng giữa học kì II.

* **RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi - đáp - Sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Bài tập	

2. Phiếu bài tập

Phiếu bài tập 1: Hệ thống hóa kiến thức phần VB theo bảng sau :

Tác phẩm	Nội dung	Nghệ thuật
		-

Phiếu bài tập 2: Phân biệt thể loại truyền thuyết, cổ tích; đặc điểm văn bản thông tin

Thể loại	Khái niệm	Đặc điểm
Truyền thuyết		

TIẾT 105: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Hiểu được vì sao cần lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu. Nắm được thao tác vì sao cần lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích nói viết cụ thể.
- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, KHBD, Ti vi.
- Tranh ảnh, phim ngắn, tư liệu liên quan đến ý nghĩa của VB: sự muôn màu của cuộc sống và tôn trọng sự khác biệt.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động:

- Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức
- Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
 - Theo em việc sử dụng từ ngữ thích hợp?
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời của HS: Trong một tập thể, một cộng đồng, mỗi con người luôn luôn có xu hướng tạo ra sự khác biệt. Nhưng có phải sự khác biệt nào cũng có ý nghĩa không? Chúng ta phải làm thế nào để khẳng định giá trị của bản thân trong một tập thể. Cùng cô khám phá VB **Hai loại khác biệt** để tìm hiểu và khám phá sự khác biệt của mình và mọi người trong tập thể các em nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

I. củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới.

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong câu và lựa chọn cấu trúc câu.
- Nắm được các thao tác lựa chọn từ ngữ thích hợp với ngữ cảnh.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi, cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS tạo các cặp đôi Nhiệm vụ: Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong câu Đọc câu sau để biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ: <i>Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.</i> - Cần chú gì về việc lựa chọn từ ngữ? Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.	I. Lí thuyết 1. Lựa chọn từ ngữ trong câu. a. Ví dụ: <i>Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.</i> Tác dụng: có một số từ gần nghĩa với noi gương như: <i>học theo, làm theo, bắt chước</i>,... nhưng noi gương là từ phù hợp nhất cho câu trên. b. Nhận xét: - Trong khi nói hoặc viết, lựa chọn từ ngữ là thao tác diễn ra thường xuyên.

* Bước 3. Báo cáo kết quả: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá (2)* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân. Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu Đọc câu sau để biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu phù hợp: <i>Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.</i> Vậy việc lựa chọn cấu trúc câu cần chú ý những điều gì? * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong bàn * Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Ở bất cứ vị trí nào trong câu, nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp. 2. Lựa chọn cấu trúc câu trong VB. a. Ví dụ: <i>Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.</i> Tác dụng: sử dụng cấu trúc câu có cặp quan hệ từ <i>càng...càng</i>, người viết đã thể hiện được ý: sự nhận thức của con về tình mẹ là một quá trình, nó sâu sắc và đầy đặn hơn theo thời gian và sự trưởng thành của con. b. Nhận xét: - Việc lựa chọn cấu trúc câu là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. - Việc lựa chọn cấu trúc câu cần: + Đúng ngữ pháp + Phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích nói/ viết, đặc điểm VB để chọn cấu trúc phù hợp.

HOẠT ĐỘNG 2 : II. Thực hành

1. Thực hành về lựa chọn từ ngữ.

a. Mục tiêu: TV- GQVĐ

- HS củng cố kiến thức về việc lựa chọn từ ngữ. Hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong một số câu văn trong ngữ cảnh cụ thể.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, cá nhân hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Yêu cầu HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của bài tập - Gv giao nhiệm vụ: Chia lớp thành 3 (hoặc 6 nhóm). Nhóm 1,2,3 thực hiện nhiệm vụ tương ứng câu a, b, c Phiếu học tập số 1) a. Trong câu: “<i>Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao</i>” có thể dùng từ “kiểu” để thay cho từ “vẻ” được không? Vì sao? b. Từ “<i>khuất</i>” dùng trong câu: “<i>Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn</i>” có phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh... c. Vì sao trong câu “<i>Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi.</i>”, từ <i>xúc động</i> được chọn hợp lí hơn các từ khác như <i>cảm động</i> hay <i>xúc cảm</i>? - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận trong nhóm. Trao đổi lí do của việc lựa chọn từ ngữ của mình. Sau đó cả nhóm thống nhất. CH tháo gỡ khó khăn: Nêu lí do em chọn từ ngữ đó? * Bước 3. Báo cáo kết quả: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. * Bước 4. Đánh giá kết quả	Bài tập 1/tr61. Trả lời các câu hỏi sau: a. Trong câu: “<i>Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao</i>” - Không thể dùng từ “<i>kiểu</i>” để thay cho từ “<i>vẻ</i>” được. Hai từ này tuy gần nghĩa nhưng vẫn có những nét khác nhau. + Từ “<i>kiểu</i>” thường dùng để nói về hành động của con người (<i>kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...</i>) hoặc một dạng riêng của đối tượng (<i>kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài, ...</i>) + Từ “<i>vẻ</i>” dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (<i>vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...</i>) b. - Từ “<i>khuất</i>” dùng trong câu “<i>Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn</i>” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh. - Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ “<i>khuất</i>” thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát. c. Trong tiếng Việt, “<i>xúc động, cảm xúc, xúc cảm</i>” là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. + <i>Xúc động</i>: biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với “<i>cảm động</i>” hay “<i>xúc cảm</i>”. => Vì vậy từ “<i>xúc động</i>” là lựa chọn phù hợp nhất.

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Lưu ý: GV lưu ý đến ngữ cảnh sử dụng, và sắc thái của từ ngữ. Bài 2: * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Yêu cầu HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của bài tập - GV dùng hình thức cá nhân & giao nhiệm vụ: Theo hình thức cuộc thi. Nghĩ nhanh, đáp trúng - Yêu cầu HS thực hiện: Chọn từ ngữ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn: * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chọn trong từng trường hợp. * Bước 3. Báo cáo kết quả: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - GV lưu ý không để HS làm bài vào SHS.	Bài tập 2/tr62. Chọn từ ngữ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn: <i>a. Bị cười, không phải mọi người đều.... giống nhau.</i> (phản ứng, phản xạ, phản đối, phản bác) Đáp án: <i>phản ứng</i> <i>b. Trên đời, không ai.... cả.</i> (hoàn tất, hoàn toàn, hoàn hảo, hoàn chỉnh) Đáp án: <i>hoàn hảo</i> <i>c. Đi đường phải luôn luôn... để tránh xảy ra tai nạn.</i> (nhìn ngó, dòm ngó, quan sát, ngó nghiêng) Đáp án: <i>quan sát</i> <i>d. Ngoài... của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.</i> (sức lực, tiềm lực, nỗ lực). Đáp án: <i>nỗ lực</i>

Phiếu số 1: (bài tập 1)

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
a. Trong câu: “<i>Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao</i>” có thể dùng từ “<i>kiểu</i>” để thay cho từ “<i>vẻ</i>” được không? Vì sao? 	b. Từ “<i>khuất</i>” dùng trong câu: “<i>Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn</i>” có phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “<i>chết</i>” như: <i>mất, từ trần, hi sinh</i>... 	c. Vì sao trong câu “<i>Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi.</i>”, từ <i>xúc động</i> được chọn hợp lí hơn các từ khác như <i>cảm động</i> hay <i>xúc cảm</i>? ·

2. Thực hành về lựa chọn cấu trúc câu

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm cấu trúc câu, và vai trò của cấu trúc câu trong việc thể hiện mục đích nói/ viết.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bài 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	<i>Bài tập 3/tr62</i>

GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài tập 3/ tr 62, nêu yêu cầu của bài. Làm việc theo hình thức cá nhân Câu a: 2 yêu cầu: - Chỉ ra ý nghĩa của cụm từ in đậm (cụm từ này là thành phần gì của câu?) - nếu bỏ thành phần đó, câu thay đổi như thế nào về cấu trúc và ý nghĩa. Câu b: 2 yêu cầu: - Văn bản "Hai loại khác biệt" có câu: "<i>Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi</i>". Nếu câu này được viết thành "<i>Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên.</i>" thì có phù hợp không? - Vì sao? Câu c: 2 yêu cầu: Câu "<i>Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.</i>" có thể đổi cấu trúc: "<i>Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.</i>" Vì sao không thể sử dụng câu biến đổi để thay cho câu gốc trong văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hình thức cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. - Đưa ra sự lựa chọn cấu trúc câu -Nêu công dụng của cấu trúc được lựa chọn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần) Bước 4: Kết luận, nhận định : GV lưu ý: Trong tiếng Việt, hể thay đổi cấu trúc câu, lập tức thay đổi về nghĩa. Bởi vì cấu trúc nào sinh ra nghĩa đó. Vậy muốn thay đổi một	a. <i>Giờ đây khi hồi tưởng lại</i>, tôi đoán bạn có thể nói rằng bài tập là một kỉ niệm khó quên. Gợi ý: - Cụm từ “<i>giờ đây khi hồi tưởng lại</i>” là trạng ngữ thông báo về thời gian xảy ra sự việc. - Nếu bỏ trạng ngữ, câu chỉ còn lại thành phần nòng cốt (gồm chủ thể và hành động của chủ thể), không nói rõ, hành động đó xảy ra vào lúc nào. b. Câu “<i>Cậu đã đứng lên và trả lời câu hỏi</i>” cho biết hành động “<i>đứng lên</i>” phải diễn ra trước khi “<i>trả lời câu hỏi</i>”. - Nếu viết lại thành: “<i>Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên</i>” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế. c. Câu văn "<i>Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.</i>" miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn học sinh, phía dưới. - Nếu đổi cấu trúc: “<i>Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước</i>” thì hóa ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, vậy còn “tiến lên phía trước” để làm gì?

thành phần nào trong câu cần bám sát vào VB.

Hoạt động: Vận dụng:

a. Mục tiêu: - Biết vận dụng tri thức về cấu trúc câu để thực hiện việc thay đổi, lựa chọn cấu trúc.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, đưa ra nhận xét về sự thay đổi cấu trúc câu sẽ thay đổi nghĩa của câu.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm của HS
Bài 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài tập 4/ tr 62, nêu yêu cầu của bài. Chia lớp thành 2 hoặc 4, 6 nhóm thực hiện ba nhiệm vụ a, b (Nhóm 1,3,5: phiếu số 2; Nhóm 2,4,6: phiếu 3) Yêu cầu cụ thể: - Thao tác 1: Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc. - Thao tác 2: Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong VB và kiểm tra xem có phù hợp không. - Thao tác 3: Đưa ra kết luận về vai trò của cấu trúc câu trong mạch VB.(Đánh dấu X vào câu em chọn) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. - Đưa ra sự lựa chọn cấu trúc câu -Nêu công dụng của cấu trúc được lựa chọn.	Bài tập 4/tr62 Sau đây là những câu được thay đổi cấu trúc so với câu gốc trong văn bản đã học. Nghĩa của câu được thay đổi cấu trúc khác như thế nào so với nghĩa của câu gốc? - Câu gốc: có 2 vế, vế đầu nêu băn khoăn về một điều chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. - Nếu đổi cấu trúc thành câu thay đổi thì lời giải thích lại xuất hiện trước điều băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào văn bản sẽ thấy không hợp lí. b. - Quan sát câu gốc và câu thay đổi có thể thấy sự khác biệt về nghĩa: hai vế “<i>điều quá nghiêm trọng</i>” và “<i>căn bệnh hết cách chữa</i>” được đặt trong quan hệ tăng tiến. - Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. - Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, vì đó là điều không ổn. -/- .

Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần) Bước 4: Kết luận, nhận định: GV lưu ý:	

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hiểu được ý nghĩa của việc lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu.
- Chuẩn bị nội dung cho bài đọc văn bản: “Bài tập làm văn”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

Phiếu số 2: Nhóm 1,3,5

Câu a	<u>Câu gốc</u>	<u>Câu thay đổi</u>
	<i>Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.</i>	<i>Có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế</i>
So sánh sự khác biệt về nghĩa	Có số về câu là:..... <i>Nghĩa về đầu</i> <i>Nghĩa về sau:</i> 	Nếu thay đổi cấu trúc dẫn đến những thay đổi:
Lựa chọn		Sự thay đổi đó có ổn không?

Phiếu số 3: Nhóm 2,4,6

Câu b	<u>Câu gốc</u>	<u>Câu thay đổi</u>
	<i>Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng</i>	<i>Tuy nhiên, đây không phải là "căn bệnh" hết cách chữa và càng</i>

	<i>không phải là "căn bệnh" hết cách chữa.</i>	<i>không phải là điều quá nghiêm trọng.</i>
So sánh sự khác biệt về nghĩa	Có số về câu là:..... Mối quan hệ về nghĩa giữa hai về: Về nào diễn đạt có tính chất cao hơn? 	Nếu thay đổi cấu trúc dẫn đến những thay đổi: Sự thay đổi đó có ổn không?
Lựa chọn		Sự thay đổi đó có ổn không?

* Hướng dẫn học ở nhà: (2')Sưu tầm tranh, ảnh gửi đến thông điệp về sự khác biệt có ý nghĩa

- Hoàn thành bài tập vào vở bài tập.

- Chuẩn bị bài: Bài tập làm văn.

Phiếu số 2: Nhóm 1,3,5

Câu a	<u>Câu gốc</u>	<u>Câu thay đổi</u>
	<i>Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.</i>	<i>Có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế</i>
So sánh sự khác biệt về nghĩa	Có số về câu là:..... <i>Nghĩa về đầu</i> 	Nếu thay đổi cấu trúc dẫn đến những thay đổi:

	Nghĩa về sau:	
Lựa chọn		Sự thay đổi đó có ổn không?

Phiếu số 3: Nhóm 2,4,6

Câu b	<u>Câu gốc</u>	<u>Câu thay đổi</u>
	<i>Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là "căn bệnh" hết cách chữa.</i>	<i>Tuy nhiên, đây không phải là "căn bệnh" hết cách chữa và càng không phải là điều quá nghiêm trọng.</i>
So sánh sự khác biệt về nghĩa	Có số về câu là:..... Mối quan hệ về nghĩa giữa hai về: Về nào diễn đạt có tính chất cao hơn?	Nếu thay đổi cấu trúc dẫn đến những thay đổi: Sự thay đổi đó có ổn không?
Lựa chọn		Sự thay đổi đó có ổn không?

TIẾT 106: ĐỌC VĂN BẢN “BÀI TẬP LÀM VĂN”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS hiểu được sự khác nhau cơ bản giữa Vb nghị luận và VB văn học.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: tự lập, biết suy nghĩ, nỗ lực cố gắng và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
- Ti vi.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: + Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài tập khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?	- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

+ Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. GV dẫn dắt:	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: Có thể yêu cầu HS phân vai người kể chuyện, nhân vật và có giọng đọc phù hợp tùy vào trạng thái tâm lí của các nhân vật trong từng tình huống cụ thể. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>lẹt đẹt, phật ý</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu chú thích

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <i>Xác định thể loại, bố cục của văn bản?</i> <i>Truyện sử dụng ngôi kể thứ mấy và tác dụng của ngôi kể?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung:	2. Thể loại - VB văn học - Ngôi kể: thứ nhất - Tác dụng: ngôi kể thứ nhất giúp nhân vật thể hiện được những tâm trạng, suy nghĩ của mình một cách cụ thể và rõ nét nhất. 3. Bố cục: 3 phần - P₁: Từ đầu -> rất là tuyệt: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập - P₂: Tiếp theo -> ông Blê-đuc tức giận: Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé - P₃: Còn lại: Ni-cô-la quyết định tự làm bài văn

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

1. Cậu bé Ni-cô-lai đã nhờ bố giúp việc gì?

2. Theo em, tại sao cậu phải nhờ bố làm hộ bài tập? Theo em hành động nhờ người khác làm giúp bài tập là nên hay không nên?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Có thể có nhiều lí do:

+ Ni-cô-la học yếu môn Văn, không tự tin về môn văn

+ Đề văn khó nên Ni-cô-la cảm thấy chật vật.

+ Trong học tập, Ni-cô-la thường có thói quen cậy dựa, không tự lực

- Không nên nhờ người khác làm giúp mà mình cần nỗ lực, cố gắng làm bài tập của mình

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Cậu bé nhờ bố làm giúp bài tập

- Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Hãy đóng vai là Ni-cô-la và kể lại câu chuyện này.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, nếu gặp phải đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm gì?

Gợi ý:

- Đầu tiên, cần chọn người bạn mà mình cảm thấy thân thiết, gần gũi, thấu hiểu nhất.
- Nhớ lại những đặc điểm riêng, đức tính của bạn, những kỉ niệm gắn bó thân thiết giữa hai người.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Đọc lại văn bản
- Chuẩn bị cho nội dung còn lại của bài.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

TUẦN 27**NGÀY SOẠN: 24/3/2024****TIẾT 107+108: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đảm bảo yêu cầu cần đạt cả 3 phần (đọc- hiểu VB, TV và TLV) ở chương trình từ đầu học kì II đến tuần 26.
- Vận dụng tổng hợp các năng lực: đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết để làm bài kiểm tra giữa kì đảm bảo theo nội dung và cách thức kiểm tra và đánh giá mới.
- Phẩm chất: Trung thực trong làm bài, trách nhiệm với bài làm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

Xây dựng bảng mô tả, ma trận đề, đề bài, đáp án, biểu điểm.

MA TRẬN, BẢNG MÔ TẢ, ĐỀ KIỂM TRA (GỒI TẬP KÈM THEO)

III. HÌNH THỨC - THỜI GIAN

- Hình thức: Trắc nghiệm, Tự luận
- Thời gian: 90 phút

TUẦN 27**NGÀY SOẠN: 24/3/2024****TIẾT 109 BÀI 8: ĐỌC VĂN BẢN “BÀI TẬP LÀM VĂN”****TIẾT 110: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II****I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS hiểu được sự khác nhau cơ bản giữa Vb nghị luận và VB văn học.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: tự lập, biết suy nghĩ, nỗ lực cố gắng và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
- Ti vi.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: + <i>Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài tập khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?</i> + <i>Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. GV dẫn dắt:	- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: Có thể yêu cầu HS phân vai người kể chuyện, nhân vật và có giọng đọc phù hợp tùy vào trạng thái tâm lí của các nhân vật trong từng tình huống cụ thể. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: <i>lẹt đẹt, phật ý</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu chú thích

- Không nên nhờ người khác làm giúp mà mình cần nỗ lực, cố gắng làm bài tập của mình

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt tiếp câu hỏi:

+ *Người bố có thái độ ra sao khi Ni-cô-la nhờ làm bài tập?*

+ *Bố có muốn làm bài thay cho Ni-cô-la vào lần sau nữa không?*

+ *Việc làm bài của người bố là để giúp con hay muốn con thấy mình rất giỏi văn?*

+ *Giọng kể chuyện ở đây nghiêm khắc hay hài hước?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời:

+ *Tại sao sau khi Ni-cô-la kể ra nhiều người bạn của mình mà bố cậu vẫn thấy khó viết?*

+ *Nếu không biết ai là bạn thân nhất của Ni-cô-la mà vẫn giúp cậu bé thì bài văn ấy sẽ nói về người nào? Nó có đáp ứng yêu cầu của đề được không?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Cả người bố và ông Blê-đúc đều không hiểu về những người bạn của Ni-cô-la nên không thể viết được bài văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập.

2. Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé

- Thái độ người bố: vui vẻ, hài hước khi nhận lời giúp cậu bé.

GV chuẩn kiến thức:

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: Ni-cô-la đã có quyết định như thế nào ?
Kết quả ra sao ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng
GV chuẩn kiến thức: Quyết định của Ni-cô-la là hoàn toàn đúng đắn, chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Nếu nhờ bố hoặc ai khác làm bài thì bài văn đó sẽ không phải là của cậu bé.

Trong học tập, trao đổi với nhau là điều cần thiết nhưng viết bài tập làm văn hay làm bài kiểm tra là hoạt động cá nhân, các em cần nỗ lực hết sức để làm bài cả mình.

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- Bố của Ni-cô-la cảm thấy khó viết vì bố hoàn toàn không hiểu về những người bạn đó của cậu.

3. Ni-cô-lai quyết định tự làm bài văn

- Cậu bé quyết định tự làm bài văn □ bài văn đạt điểm cao, cô giáo khen ngợi.

- Ni-cô-lai đã nhận ra cần phải tự lực, cố gắng hoàn thành công việc

	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: - Nội dung: kể về việc cậu bé Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập văn. - Ý nghĩa: nên tự lực, cố gắng hoàn thành công việc của mình. 2. Nghệ thuật - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: Hãy đóng vai là Ni-cô-la và kể lại câu chuyện này.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
 - b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
 - c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
 - d. Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, nếu gặp phải đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm gì?
- Gợi ý:
- Đầu tiên, cần chọn người bạn mà mình cảm thấy thân thiết, gần gũi, thấu hiểu nhất.
 - Nhớ lại những đặc điểm riêng, đức tính của bạn, những kỉ niệm gắn bó thân thiết giữa hai người.
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm đặc điểm của thể loại truyện
- Đọc và chuẩn bị cho bài Trả bài kiểm tra giữa kì II

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

TIẾT 110: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có ý thức chủ động, tích cực trong việc nhìn nhận ưu khuyết điểm để có hướng khắc phục.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống.
- Năng lực hợp tác : Biết lắng nghe, chia sẻ và học hỏi để mở rộng hiểu biết.

b. Năng lực đặc thù

- + Trình bày quan điểm, nêu được bài học về cách ứng xử của bản thân đối với vấn đề được đặt ra.
- + Viết bài văn tự sự đóng vai nhân vật kể lại truyện truyền thuyết(cổ tích), bày tỏ cảm xúc trong khi kể.
- + Nắm kiến thức được thể loại, ngôi kể, phương thức biểu đạt,nhân vật,...
- + Xác định cụm từ loại , trạng ngữ,...
- + Hiểu được và phân tích được giá trị của việc sử dụng biện pháp tu từ trong văn bản.

2. Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ trong học tập, kiểm tra

II. THIẾT BỊ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra đã chấm, phát hiện những lỗi của HS và chọn bài khá tốt.
- Máy tính, phiếu bài tập chuyển giao nhiệm vụ

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu đoạn văn trong bài làm của HS

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV cho HS quan sát 1 đoạn văn trong bài viết của HS

HS nhận xét đoạn văn(cách diễn đạt, các lỗi) ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ và trả lời câu hỏi.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Để giúp các em tự nhận ra những ưu điểm cũng như những nhược điểm trong bài KT của mình và của các bạn, các em tự khắc phục được những cái chưa tốt để hoàn thiện hơn trong những tiết KT sau

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :

HOẠT ĐỘNG 1: Trả bài kiểm tra

a. Mục tiêu: Nhận xét những ưu nhược điểm trong bài viết

b. Nội dung:

GV cung cấp đáp án, phát bài cho HS, HS cùng GV nhận xét những ưu nhược điểm trong bài kiểm tra.

HS hoạt động cá nhân, nhóm thực hiện nhiệm vụ được giao

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài kiểm tra của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cung cấp đáp án đề kiểm tra GV phát bài kiểm tra, nhận xét chung ưu, nhược điểm ? Tự nhận xét những ưu nhược điểm trong bài kiểm tra ? ? Trao đổi bài kiểm tra với bạn để cùng học tập ? HS tiếp nhận nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, lắng nghe, Thực hiện nhiệm vụ độc lập, nhóm B3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS <i>*Ưu điểm:</i> HS nắm kiến thức, vận dụng đọc hiểu đoạn văn tốt ; Trình bày quan điểm, nêu được bài học về cách ứng xử của bản thân đối với vấn đề được đặt ra ; HS viết được bài văn tự sự đóng vai nhân vật trong truyện theo yêu cầu. Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy: biết sử dụng phương tiện liên kết (kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm) <i>*Hạn chế:</i> - Nhiều bài viết chưa hoàn chỉnh, nội dung còn đơn giản. - Bên cạnh đó phần đọc hiểu , một số HS chưa đọc kỹ yêu cầu của đề , làm sai , kết quả chưa cao. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,.... Năng lực hình thành : thương thức –cảm thụ, giao tiếp, tự học	I. Đề và đáp án (như đề kiểm tra) II. Nhận xét chung

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để thực hành viết

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS phát hiện và sửa lỗi trong bài kiểm tra

HS hoạt động cá nhân , nhóm vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ : Yêu cầu HS đọc lại bài viết và phát hiện lỗi , HS cùng cả lớp đưa ra phương án sửa lỗi cho bạn.
- HS tiếp nhận và cùng nhau thực hiện nhiệm vụ
- HS lần lượt báo cáo sản phẩm dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: chia sẻ , học hỏi, vận dụng kiến thức đã học để thực hành viết

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS đọc bài viết tốt trong bài kiểm tra để HS cả lớp cùng tham khảo.

HS hoạt động cá nhân báo cáo

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ : HS đọc bài viết tốt trong bài kiểm tra để HS cả lớp cùng tham khảo. HS cùng cả lớp cùng lắng nghe.
- HS tiếp nhận và cùng nhau thực hiện nhiệm vụ
- HS lần lượt báo cáo sản phẩm dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

** Kết quả cụ thể:*

Lớp \ Điểm	TỐT	KHÁ	ĐẠT	CD
61				
65				

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Về nhà xem lại thể loại tự sự
- Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học trong học kì II
- HS tự đọc và tìm hiểu bài: Trình bày ý kiến về hiện tượng(vấn đề) mà em quan tâm.

TUẦN 28

NGÀY SOẠN: 31/3/2024

TIẾT 111+112+113+114: VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG(VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Biết chọn một hiện tượng có vấn đề để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.
- Bài viết đảm bảo các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.
- Trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Kế hoạch bài dạy.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan
- Ti vi
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Em hãy cho biết VB “Xem người ta kìa!” viết ra nhằm mục đích gì? Em có tán thành với ý kiến tác giả trình bày trong VB không?
- Em hãy quan sát các hình ảnh và suy nghĩ tìm ra một vài hiện tượng được gợi ra từ hình ảnh đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời: HS có thể chia sẻ:

- HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kỹ thuật trình bày 01 phút).

- **Vb:** “*Xem người ta kìa*”

- Thế giới này muôn hình, muôn vẻ. Mỗi người cần được tôn trọng với với tất cả những cái khác biệt vốn có.

- Em tán thành với ý kiến được trình bày trong văn bản vì tác giả của bài viết đã đưa ra được những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục cho thấy mỗi một cá nhân đều có đặc điểm, thể mạnh khác nhau. Chúng ta cần tôn trọng điều đó đồng thời phải biết phát huy thể mạnh của bản thân mình.

- Các hiện tượng như: chê bai nét ngoại hình của người khác, rác thải vừa bãi, nghiện game, tình đồng bào trong đại dịch covid,...

Bước 4: Kết luận, nhận định. GV dẫn dắt vào nội dung tiết học.

Có nhiều vấn đề của cuộc sống luôn được đặt ra cho chúng ta, đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ để đưa ra quan điểm của mình. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách để trình bày ý kiến về một vấn đề gần gũi trong cuộc sống.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

I. Tìm hiểu chung về bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

a. Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm:

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẬP ĐỐI CHIA SẺ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: (1) Trong phần kiến thức ngữ văn và qua 2 VB nghị luận em đã học, hãy nhắc lại những yếu tố cơ bản của kiểu văn bản nghị luận? GV hướng dẫn thảo luận theo hình thức bàn. + Dây trái: VB <i>Xem người ta kìa!</i> + Dây phải: VB <i>Hai loại khác biệt.</i> - Chỉ ra hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn trong VB? - Người viết tỏ thái độ gì trước vấn đề VB đặt ra? - Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào được sử dụng? (2) Vậy, theo em viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) cần có những yêu cầu gì?	I. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm 1. Dẫn chứng về VB nghị luận: a. VB <i>Xem người ta kìa!</i>: + Bàn về vấn đề: : Ý nghĩa về những cái chung của mọi người và cái riêng biệt của mỗi người. + Thái độ của người viết: trân trọng, khẳng định sự đáng quý trong nét riêng của mỗi người. b. VB <i>Hai loại khác biệt.</i>: + Bàn về vấn đề: Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi người. + Thái độ của người viết: phủ nhận sự khác biệt vô nghĩa, trân trọng, khẳng định giá trị của khác biệt có nghĩa.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức thảo luận theo câu hỏi. + GV quan sát, khuyến khích - Dự kiến: Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu Bước 4: Chuẩn kiến thức: về yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). Riêng phần nhìn lại 2 VB nghị luận GV nhắc lại nhanh, mục đích để HS hồi tưởng yếu tố cơ bản của Vb nghị luận.	2. Kết luận: Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề): - <i>Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.</i> - <i>Thể hiện được ý kiến của người viết.</i> - <i>Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.</i>

3. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chất lọc kiến thức SGK, HS thảo luận nhóm theo bàn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: VB. Cho HS đọc to VB, cả lớp cùng theo dõi - GV yêu cầu HS thảo luận (Thời gian 10 phút) - <i>Bài viết trình bày ý kiến về hiện tượng (vấn đề) gì? Nhờ đâu e nhận ra điều đó?</i> - <i>Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?</i> - <i>Người viết đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)?</i> - <i>Những bằng chứng nào được sử dụng?</i>	3. Phân tích bài viết tham khảo VB: “ Câu chuyện đồng phục” - Hiện tượng, vấn đề: Bàn về quy định học sinh mặc đồng phục khi đến trường. - Thái độ quan điểm của người viết: đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với học sinh. - Lí lẽ : + Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hòa. + Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường.

Hình thức thảo luận nhóm theo bàn- HS thảo luận theo các yêu cầu được thể hiện trong bài tham khảo: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. (Phần dẫn chứng HS trả lời chọn lọc, ngắn gọn) - Dẫn chứng: + cảnh toàn trường tập trung, từ trên cao nhìn xuống + Ví dụ về đồng phục của mỗi trường: + Dẫn chứng về hoàn cảnh của một số bạn trong lớp:	+ Đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo. + Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người. - Dẫn chứng: + cảnh toàn trường tập trung, từ trên cao nhìn xuống + Ví dụ về đồng phục của mỗi trường + Dẫn chứng về hoàn cảnh của một số bạn trong lớp

II. Thực hành viết theo các bước

1. Trước khi viết

a. Mục tiêu: HS xác định được mục đích viết để thuyết phục người đọc (người nghe) theo ý kiến của mình; dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

- Biết lần lượt thực hiện các bước chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý

b. Nội dung: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
(1)HOẠT ĐỘNG NHÓM Bước 1: GV giao nhiệm vụ: <i>Trước khi viết, em cần chuẩn bị những gì ?</i> (a) Lựa chọn đề tài: GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới) - <i>Hiện tượng (vấn đề) có gần gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em hay không?</i> - <i>Em có hiểu biết về hiện tượng (vấn đề) đó không?</i> - <i>Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về hiện tượng (vấn đề) ấy?</i> - <i>Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.</i> (b) Tìm ý Cần hiểu như thế nào về hiện tượng (vấn đề) này? - Những khía cạnh cần bàn bạc? - Bài học rút ra từ vấn đề? (c) Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý: - Mở bài em sẽ làm gì? - Thân bài: Em sẽ chọn lí lẽ cơ bản nào? Dẫn chứng nào sẽ phù hợp và tiêu biểu cho lí lẽ ấy? Sắp xếp các ý ra sao cho tăng độ thuyết phục? - Kết bài có nhiệm vụ như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ: HS viết ra giấy phần tìm ý, lập dàn ý đề tài đã chọn.Trao đổi với bạn + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày ý tưởng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung	1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài: Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là gì? Chọn một trong các đề tài sau: - <i>Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.</i> - <i>Thái độ đối với người khuyết tật</i> - <i>Noi gương những người thành công</i> - <i>Đánh giá khả năng của bản thân</i> - <i>Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.</i> b. Tìm ý - Hiểu biết cơ bản về hiện tượng (vấn đề) cần bàn. - Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng(vấn đề) đó (đúng/sai; lợi/ hại; cần thiết/ không cần thiết; tích cực/ tiêu cực) -Tại sao vậy? Các khía cạnh cần bàn: + <i>Lí lẽ để bàn luận vấn đề:</i> + <i>Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng</i> - <i>Mở rộng vấn đề/ Tìm ra nguyên nhân</i> - <i>Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)</i> - <i>Bài học (thông điệp) em muốn nhấn gửi</i> c. Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. - <u>Thân bài</u>: Đưa ra ý kiến bàn luận. + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng) + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)

Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các

- Hướng dẫn HS viết ý tưởng cá nhân, sau đó thảo luận thống nhất ý kiến với cả nhóm
- Sau đó, thực hiện phân dàn ý viết theo bố cục (HĐ cá nhân)

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV cho HS viết theo các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm, và dựa vào dàn ý đã lập để viết

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS viết và tự chỉnh sửa

Bước 3: HS báo cáo kết quả

- + HS báo cáo kết quả
- + Các nhóm nhận xét.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn .

+HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu dạng bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) .

+Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng SHS tr69)

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm,

- HS tự chữa bài mình theo bảng hướng dẫn.
- Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau (HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS

+ Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)

+...

- Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

Viết bài: Chú ý:

- Mở bài: Chọn một trong hai cách:
 - + trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng
 - + gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).
 - Thân bài: Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể.
 - Thể hiện rõ quan điểm của người viết.
- Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp

tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu +HS sửa bài viết cho bạn để hoàn chỉnh theo yêu cầu. +tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng) GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp.	3. Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. * Kiểm tra, điều chỉnh bài viết theo bảng gợi ý sau: * HS chữa bài cho nhau

Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu: HS luyện tập xây dựng đoạn nghị luận về vấn đề.

b. Nội dung: Luyện đề cụ thể theo dàn ý.

c. Sản phẩm: Bài làm của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: GV nêu yêu cầu Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về vấn đề cần tôn trọng sự khác biệt. B2: HS đọc yêu cầu đề, thực hành cá nhân. B3: HS báo cáo. B4: Nhận xét, bổ sung, kết luận. + Khẳng định cần phải tôn trọng sự khác biệt. Vì sao. Nêu dẫn chứng để chứng minh vì sao cần tôn trọng. Kết luận vấn đề.	

* Hướng dẫn tự học: (2')

- Hệ thống cách xây dựng ý cho đề văn.

- Chuẩn bị cho tiết Thực hành viết bài văn trình bày ý kiến về 1 hiện tượng (vấn đề trong đời sống xã hội).

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

-. Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là :.....

.....

-. Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng(vấn đề) đó:

.....

-. Lí lẽ để bàn luận vấn đề:

.....

-.Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Họ tên bạn được sửa:.....

Họ tên người sửa:.....

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa	ND nhận xét/chỉnh sửa
Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận	Đọc lại phần MB, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ.	
Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,...) của người viết về hiện tượng (vấn đề)	Bổ sung những câu tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu.	
Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.	Kiểm tra các lí lẽ bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa, thay thế, bổ sung.	
Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Phát hiện lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Mức độ			
Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). (10 điểm)	Nội dung bài viết còn sơ sài, độ thuyết phục chưa cao; người nói chưa tự tin trong trình bày (5 – 6 điểm)	Nội dung bài viết trình bày chi tiết; độ thuyết phục khá cao, biết dùng lí lẽ, bằng chứng; người nói trình bày tương đối tốt. (7- 8 điểm)	Nội dung bài viết trình bày sâu sắc; độ thuyết phục khá cao; người nói trình bày tự tin, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể (9- 10 điểm)

* Hướng dẫn học ở nhà: Hoàn thành bài viết ở phần vận dụng để chữa vào buổi chiều.

Về nhà thu thập tài liệu, tri thức thực tiễn để làm một trong đề cụ thể sau

- Sưu tầm bằng chứng liên quan cho các đề bài có trong phần lựa chọn đề tài (tôn trong giá trị của bản thân; cách cư xử với người khuyết tật;)
- Chọn một hiện tượng trong đời sống mà em quan tâm để lập dàn ý cho đề bài đó và tập tự luyện nói.
- Chuẩn bị cho bài: Nói và nghe Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

***RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 29

NGÀY SOẠN: 7/4/2024

TIẾT 115: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG, ĐỜI SỐNG

TIẾT 116, 117: BÀI 9

GTBH, TTNV, ĐỌC VĂN BẢN “TRÁI ĐẤT-CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG”

TIẾT 118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 115: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG, ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

- HS phải biết lựa chọn một vấn đề gần gũi, có ý nghĩa trong đời sống để trình bày ý kiến của mình. HS cần có các thao tác lập luận: sử dụng lí lẽ bằng chứng thuyết phục người nghe.
- Trong tư cách của người nghe, HS phải biết tóm tắt nội dung của bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói, và kĩ năng của người trình bày.
- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.
- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Kế hoạch bài dạy.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan
- Ti vi
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV trao đổi với HS về nội dung đã chuẩn bị cho bài luyện nói:

- Em đã chọn hiện tượng nào trong cuộc sống để trình bày ý kiến ?
- Ngoài lập dàn ý, em còn chuẩn bị những phương tiện nào để bài nói thêm sinh động?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời:

GV kết nối vào tiết học: Việc trình bày ý kiến về một vấn đề, một hiện tượng đời sống là điều rất cần trong hoạt động giao tiếp hàng ngày của chúng ta. Tiết học hôm nay, cô cùng các em sẽ luyện tập cách nói khi trình bày ý kiến để thuyết phục người khác về một hiện tượng nhé. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần tạo cho mình thói quen nghe và tóm tắt ý kiến của người khác như thế nào.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. CHUẨN BỊ BÀI NÓI

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề), có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Bài nói nhằm mục đích gì? - Người nghe là ai?	Đề bài: trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống 1. Chuẩn bị bài nói a. Xác định mục đích người nói và người nghe.

- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Về nội dung nói, em cần chuẩn bị những gì? Chọn một hiện tượng (vấn đề) cụ thể để thực hiện: Hãy tìm ý, lập dàn ý cho bài nói của mình? - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Em hãy tự tập luyện bằng cách: - Đứng trước gương để tập trình bày ý kiến, hoặc trình bày ý kiến cho người thân, bạn bè nghe trước - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói. - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh	Mục đích: thuyết phục người nghe về ý kiến của bản thân trước về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân... - Chuẩn bị nội dung nói: + Chọn một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống mà em quan tâm b. Tìm ý, lập dàn ý. - Hiểu biết cơ bản về hiện tượng (vấn đề) cần bàn. - Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng(vấn đề) đó -Tại sao vậy? Các khía cạnh cần bàn: + <i>Lí lẽ để bàn luận vấn đề:</i> + <i>Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng</i> - Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực) - Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi Lưu ý: - Tóm lược nội dung bài viết thành dạng đề cương. - Chú ý sự khác nhau về cách mở đầu, cách triển khai, cách kết thúc giữa bài viết và bài nói để trình bày các nội dung bằng ngôn ngữ nói phù hợp. - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, ghi chú thêm các số liệu, các bằng chứng,... - <i>Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:* Mở đầu</i> Nêu hiện tượng (vấn đề) cần bàn một cách gọn, rõ. Thu hút sự chú ý của người nghe bằng cách dùng câu chuyện để giới thiệu hiện tượng (vấn đề). * Triển khai - Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị. Khi nói, cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.

hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.	- Nhấn mạnh ý kiến riêng của bản thân. * Kết luận - Tóm lược nội dung đã trình bày. - Gọi suy nghĩ và kích thích sự đối thoại của người nghe.

2. Trình bày bài nói

- a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.
- c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.
- d. Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	2. Trình bày bài nói Bước 3: Luyện tập và trình bày. - Dựa vào dàn ý và thực hiện việc trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà). - Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn. - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

3. Trao đổi về bài nói

- a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ , HS được rèn kỹ năng đánh giá bài nói, kỹ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói trước tập thể
- b. Nội dung:** HS **chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi.**
- c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .
- d. Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)												
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chú ý: GV cần định hướng HS về một số mặt như: tính đầy đủ, tính hấp dẫn, tính chính xác của hiện tượng (vấn đề) được chọn trình bày. Chú ý đến ngữ điệu, cử chỉ, lời nói; thời gian trình bày.	3. Đánh giá bài nói Bước 4: Trao đổi, đánh giá. * Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói- nghe: <table> <tr> <th>Nội dung kiểm tra</th><th>Đạt/ chưa đạt</th></tr> <tr> <td>- Người nói đã nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn chưa?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn có gần gũi, thiết thực không?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Nội dung nói đầy đủ chưa?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Quan điểm của người nói thế nào, đã có sức thuyết phục chưa?</td><td></td></tr> <tr> <td>- Người nghe đã chú ý, nắm bắt và tóm lược vấn đề chưa?</td><td></td></tr> </table>	Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt	- Người nói đã nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn chưa?		- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn có gần gũi, thiết thực không?		- Nội dung nói đầy đủ chưa?		- Quan điểm của người nói thế nào, đã có sức thuyết phục chưa?		- Người nghe đã chú ý, nắm bắt và tóm lược vấn đề chưa?	
Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt												
- Người nói đã nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn chưa?													
- Hiện tượng (vấn đề) cần bàn có gần gũi, thiết thực không?													
- Nội dung nói đầy đủ chưa?													
- Quan điểm của người nói thế nào, đã có sức thuyết phục chưa?													
- Người nghe đã chú ý, nắm bắt và tóm lược vấn đề chưa?													

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

- Mục tiêu:** HS củng cố được kiến thức trong bài học ở các văn bản truyện cổ tích và thực hiện được các bài tập GV giao.
- HS biết mở rộng phạm vi đọc và tìm hiểu các VB ngoài sách có cùng chủ đề, thể loại.
- Nội dung:** HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập.
- Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm (YC)

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Câu 1. Qua việc học các văn bản trong bài, hãy trả lời các câu hỏi sau: (Hình thức cá nhân) a) Vì sao việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết? b) Vì sao trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chú ý: GV cần định hướng HS về một số mặt như: tính đầy đủ, tính hấp dẫn, tính chính xác của hiện tượng (vấn đề) được chọn trình bày.	Câu 1: a. Vì sao việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết? - Cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết. Bởi vì chính cái riêng, sự độc đáo trong mỗi một con người sẽ làm cho một tập thể, cộng đồng trở nên phong phú, đóng góp được cho tập thể cái là của chính mình. b. Vì sao trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ? - Trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ vì chính những sự thấu hiểu, chia sẻ đó làm cho người trở nên gần gũi với nhau hơn, sát lại gần nhau hơn, và càng làm cho mỗi con người tự hoàn thiện mình hơn.

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Suy nghĩ về hiện tượng vứt rác thải bừa bãi ra nơi công cộng hiện nay.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS bày tỏ quan điểm của cá nhân mình trước hiện tượng vứt rác bừa bãi nơi công cộng; biết dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người ngừng việc vứt rác ra môi trường, bảo vệ môi trường trong sạch.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dàn ý tham khảo:

1. Mở bài

Giới thiệu vấn đề: Hiện tượng xả rác bừa bãi ra đường, nơi công cộng

2. Thân bài

- Thực trạng: Hiểu về hiện tượng vứt rác bừa bãi như thế nào? (Bằng chứng em định đưa vào bài)
 - + Chúng ta có thể bắt gặp rác ở bất kì đâu xung quanh môi trường sống.
 - + Hiện tượng vứt rác thải đang ngày càng trở nên phổ biến, ở khắp mọi nơi: trường học, khu phố, điểm du lịch...
- Nguyên nhân: Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng vứt rác thải bừa bãi?
 - + Khách quan:
 - * Nhà nước, địa phương, cơ quan ban ngành chưa có chế tài xử lý đúng đắn, nghiêm khắc những hành vi vi phạm vứt rác bừa bãi
 - * Hệ thống thùng rác chưa được đầu tư ở nhiều nơi hoặc bố trí vị trí đặt chưa thích hợp
 - * Hệ thống xử lý rác thải chưa được đầu tư hiện đại khiến nhiều địa phương còn lúng túng trong việc xử lý rác.
 - + Chủ quan:
 - * Ý thức của con người chưa cao.
 - * Cha mẹ không giáo dục nghiêm khắc con cái, làm gương xấu cho con
 - * Thái độ sống ích kỉ, nhỏ nhen, không vì lợi ích chung của một số người cá nhân
- Hậu quả:
 - * Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, đời sống của người dân, không chỉ khiến sức khỏe bị suy giảm, gây nhiều bệnh tật.
 - * Xả rác bừa bãi là nguyên nhân lớn gây ô nhiễm môi trường
 - * Làm mất đi hình ảnh Việt Nam tươi đẹp trong mắt bạn bè quốc tế, khiến cho ngành du lịch giảm mạnh, thiệt hại chung về kinh tế.
 - * Tiêu tốn những khoản chi phí lớn để thuê nhân sự dọn dẹp vệ sinh

- Đề xuất giải pháp: Làm thế nào để hạn chế tình trạng vứt rác thải bừa bãi?
- * Tự giác nâng cao nhận thức, ý thức của bản thân trong việc bảo vệ môi trường.
- * Lên án, phê phán những hành vi vứt rác bừa bãi.
 - * Tuyên truyền cho gia đình, những người xung quanh cần vứt rác, xử lí rác đúng nơi quy định.
 - * Mỗi địa phương, cơ quan cần có những biện pháp phạt thật nặng những hành vi vi phạm, đầu tư những trang thiết bị, công nghệ xử lí rác thải hiện đại.

3. Kết bài

Khái quát vấn đề

- * Hướng dẫn tự học:
 - Luyện nói theo yêu cầu đề.
 - Đọc và chuẩn bị bài 9: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn, đọc văn bản: Trái Đất- cái nôi của sự sống.
- * RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1.Vấn đề đưa ra mang tính thời sự, hay	Không đưa ra được vấn đề mang tính thời sự	Vấn đề mang tính thời sự	Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay
2. Nội dung	ND sơ sài, không nêu được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục	HS đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục	Có sức thuyết phục sử dụng lí lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.

4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.

TIẾT 116, 117: : BÀI 9
GTBH, TTNV, ĐỌC VĂN BẢN “TRÁI ĐẤT-CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.
- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...
- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân;
- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.
- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.
- HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

Tích hợp tài nguyên và môi trường

Những hình ảnh Trái Đất đang bị tác động của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh minh họa, đoạn phim ngắn nói về Trái Đất.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c) Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Chúng ta biết gì về Trái Đất? Chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để TD mãi an toàn và tươi đẹp?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân.

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + <i>GV dẫn dắt:</i> Trong bài học này, chúng ta sẽ được cùng nhau tìm hiểu về Trái Đất – ngôi nhà chung của gần 8 tỉ người. Trái đất là hành tinh lí tưởng nhất cho sự sống của con người cho đến hiện nay nhưng con người đã làm gì để bảo vệ và giữ gìn mái nhà ấy. Đồng thời, chúng ta cũng được tìm hiểu về một thể loại văn bản mới.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

A. Tìm hiểu giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: <i>Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. Gv chuẩn kiến thức:	- Chủ đề bài học: sự sống trong Trái đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất. - Văn bản thông ti: một loại văn bản với những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức.

B. Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về văn bản, đoạn văn trong văn bản, VB thông tin, VB đa phương tiện

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>VB có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của chúng ta?</i> + <i>Em đã nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc tổ chức đoạn văn khi thực hành viết một VB?</i> + <i>Theo em, có những loại văn bản nào</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Trong VB, giữa các đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ và tất cả đều hướng vào việc làm sáng tỏ chủ đề chung của VB. Một đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng: mở đầu VB; trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc VB hoặc mở rộng, liên kết vấn đề.	1. Văn bản - Văn bản là những cấu trúc ngôn từ hoàn chỉnh, chứa thông điệp và ý nghĩa. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc... - Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản: + Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin + Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức. + Dựa vào hình thức: VB nói và VB viết 2. Đoạn văn trong văn bản - Là bộ phận quan trọng của văn bản, sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ VB thông tin gồm những yếu tố nào tạo nên?

+ Khi đọc một bài báo, em có đọc sa-pô không? Vì sao?
Sa-pô của bài báo có thể giúp gì cho em trong việc lĩnh hội thông tin chính từ VB?

+ Các VB truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là VB thông tin không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Các yếu tố cấu thành: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm....

- Sa -pô là đoạn văn nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin nhằm mục đích giới thiệu, tóm tắt nội dung của văn bản.

Sa-pô giúp em nắm được thông tin tóm tắt của văn bản.

- Các văn bản truyện hay thơ thuộc văn bản văn học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

3. VB thông tin

- Các yếu tố cấu thành: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm....

4. VB đa phương thức

- Là văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh...

++ <i>Hãy nêu suy nghĩ của em khi so sánh một VB thông tin chỉ có kênh chữ với VB thông tin đa phương thức.</i> + <i>Trong giao tiếp thường ngày và trong khi đọc sách báo, em có hay chú ý đến những từ “lạ” không? Có phải tất cả những từ “lạ” ấy đều là từ mượn?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: VB thông tin đa phương thức sẽ hấp dẫn hơn, trực quan, sinh động hơn vì ngoài kênh chữ còn có hình ảnh, kí hiệu, số liệu... Những từ lạ có thể là từ mượn hoặc từ mới xuất hiện Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	5. Từ mượn - Là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác như tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh.

C. Đọc văn bản

I. Tìm hiểu chung:

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó, bố cục trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + <i>Văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> thuộc thể loại văn bản nào? Tại sao em cho rằng như vậy?	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: Văn bản thông tin.

- GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi. Chú ý những chỉ dẫn bên phải văn bản. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: VB này thuộc văn bản thông tin vì có các yếu tố cấu thành văn bản gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>địa cực, tác nhân, hoá thạch, tuyệt chủng</i> Gv yêu cầu HS chú ý một số từ mượn: e-lip, ô-dôn. - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc: + <i>Liệt kê những thông tin chủ yếu từ văn bản</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	2. Đọc, tìm hiểu chú thích 3. Bố cục: 5 phần - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất - Sự sống phong phú trên Trái Đất. - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ - Hiện trạng của TĐ

GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung.	

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Phần sa-pô đã giới thiệu đến người đọc những nội dung nào?</i> + <i>Trong đoạn đầu tin, tác giả đã đề cập đến những thông tin nào về Trái Đất?</i> + <i>Em có nhận xét gì về những thông tin tác giả cung cấp?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - Phần sa-pô: góp phần định hướng nội dung cho người đọc về vai trò của Trái đất với sự sống của muôn loài và nhận thức của con người về việc bảo vệ Trái đất. Tác giả cung cấp cho người đọc các thông tin về Trái Đất - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời. - Quỹ đạo chuyển động: hình e-líp thông tin ngắn gọn, số liệu chính xác	1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời. - Quỹ đạo chuyển động: hình e-líp - Nhận xét: các thông tin khoa học chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, số liệu xác thực giúp người đọc có cái nhìn khái quát nhất về TĐ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt tiếp câu hỏi:

- + Trong phần 2, tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất? Theo em, xem nước như “vị thần hộ mệnh” của sự sống có hợp lý không?
- + Giữa đoạn nói về nước với nhan đề của văn bản có mối liên hệ như thế nào? Liệu đoạn nói về nước có chi phối nội dung của đoạn văn tiếp sau đó không?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Tác giả đã nói đến vai trò của nước – khiến cho cho TĐ trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức và bổ sung:

NV2:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :**

2. Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất

- Vai trò:
- + Nhờ có nước mà TĐ là nơi duy nhất có sự sống.
- + Nếu không có nước, TĐ chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi
- Nước bao phủ gần khắp bề mặt trái đất.
- Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống.
- Đoạn văn đóng vai trò bản lề trong văn bản.

3. Sự sống phong phú trên Trái Đất.

- Sự sống trải rộng từ trên khắp trái đất và trong khoảng thời gian dài.

+ *Sự sống trên TĐ phong phú như thế nào?*

+ *Bức tranh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*

- GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm về câu hỏi:
Hãy tìm thêm bằng chứng để chứng minh sự kì diệu của sự sống trên TĐ

- GV gợi ý HS tìm thêm dẫn chứng theo các hướng:
động vật – thực vật, loài sống trên cạn – loài sống trên không – loài sống dưới nước; màu sắc – hình dáng – khả năng thích nghi – trí thông minh.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bức tranh minh họa đã làm nổi bật những ý đã triển khai ở phần chữ. Trong tranh xuất hiện nhiều loài sinh vật sống trên mặt đất và dưới nước □ *Bức tranh giúp người đọc có được sự hình dung bao quát về không gian tồn tại của vạn vật trên hành tinh chúng ta.*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- GV bổ sung: Như vậy, Trái Đất chính là ngôi nhà diệu kì, trở thành nơi trú ngụ của vô số các loài sinh vật sống.

NV3

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS:

+ *Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?*

4. Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ

- Con người: có bộ não và hệ thần kinh phát triển, có ý thức, tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống, biết lao động cải tạo TĐ. Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ.

+ Theo em, điều gì tồn tại ở con người khiến con người được xem là đỉnh cao kì diệu? Hãy nhắc lại những câu chuyện mà trong đó có kể về cách Thương đế hay Chúa trời tạo ra con người?

- GV gọi câu hỏi, HS tranh luận theo nhóm: Em có đồng tình với ý kiến con người là “đỉnh cao kì diệu” của tác giả không?(PHT)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Tác giả khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ xuất phát từ góc nhìn văn hoá, từ những đóng góp của con người cho TĐ.

Tuy nhiên, con người cũng khai thác thiên nhiên bừa bãi, ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên TĐ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV4

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS:

+ Mục 5 “Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?” thể hiện nội dung gì?

+ Tìm những chi tiết phản ánh hiện trạng của TĐ hiện nay?

5. Hiện trạng của TĐ

- Tình trạng TĐ hiện nay rất đáng lo ngại: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán....

Con người sẽ phải chịu hậu quả từ thiên nhiên.

- Học cách có mặt trên hành tinh, trước hết con người phải biết chia sẻ những lo lắng, buồn vui cùng TĐ.

+ Câu “TĐ có thể chịu đựng đến bao giờ?” mang sắc thái biểu cảm gì? Câu này xuất hiện có bất ngờ không? Vì sao?

+ Em có chia sẻ với nội dung tình cảm hàm chứa trong câu hỏi này không?

+ *Chia sẻ những hình ảnh em thấy và biết về tình trạng trái đất hiện nay dưới sự tác động của con người?*

+ *Giới thiệu bức tranh em vẽ hoặc sưu tầm và nêu thông điệp của em từ bức tranh.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Mục 5 thể hiện tình trạng hiện nay của TĐ rất đáng lo ngại do đang bị con người tàn phá.

+ Những chi tiết phản ánh: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lỗ thủng tầng ozôn....

+ Những bức tranh các em sưu tầm và vẽ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Văn bản đề cập đến đến vai trò của Trái Đất với sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của TĐ hiện nay. Qua đó nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.

b. Nghệ thuật

- VB đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của VB thông tin : nhan đề, sa-pô, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: So sánh văn bản thông tin và VB đa phương thức?

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện cá nhân.

- Báo cáo thảo luận: HS trả lời câu hỏi.

- Nhận xét, kết luận: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Em hãy nêu vai trò của văn bản thông tin trong đời sống của con người?

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

- HS trình bày.

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung: Văn bản thông tin giúp người nghe nắm bắt được thông tin được cung cấp từ văn bản.

* Hướng dẫn tự học:

- HS nắm các kiến thức về tri thức Ngữ văn, nội dung phần văn bản đã học.
- Đọc và chuẩn bị cho tiết tiếp theo “Thực hành tiếng việt”

Phiếu học tập số

- Trong đoạn đầu tin, tác giả đã đề cập đến những thông tin nào về Trái Đất? - Em có nhận xét gì về những thông tin tác giả cung cấp?	

TIẾT 118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.
- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá...) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.
- Nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, ti vi.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
- SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** GV trình bày vấn đề
- Sản phẩm:** câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Từ đầu chương trình lớp 6, chúng ta đã được học nhiều văn bản. Hãy kể tên những văn bản mà em đã học? Trong các văn bản ấy, em thấy ngoài yếu tố ngôn ngữ còn có yếu tố nào khác không?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Những văn bản chúng ta đã học từ đầu chương trình lớp 6 đến nay có cả văn bản truyện, thơ, kí.... Vậy Văn bản được phân loại như thế nào? Đặc điểm của văn bản và vai trò của các đoạn văn trong văn bản ra sao? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.	HS huy động kiến thức đã có và kể tên, nêu hiểu biết của mình về văn bản.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới

- Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm, các chức năng của văn bản
- Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi SHS, nhắc lại khái niệm văn bản. - GV đặt tiếp câu hỏi: <i>Qua văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?</i>	Văn bản - VB là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc.. Bài 1/ trang 81 Các bằng chứng cụ thể để khẳng định Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản:

- HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức:	- Là một văn bản tồn tại ở dạng viết. - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ. - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay.
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: + <i>Căn cứ vào những yếu tố nào để phân loại văn bản? Có những loại văn bản nào</i> + <i>VB Trái Đất – cái nôi của sự sống thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của VB?</i> + <i>Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm:	Phân loại: - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó. Bài 2/Trang 81 VB <i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. các bộ phận cấu tạo của văn bản: - Nhan đề - Sa-pô

* Phân loại: - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó. * Liệt kê các bộ phận cấu tạo của văn bản: - Nhan đề - Sa-pô - Đề mục - Các đoạn văn - Tranh minh hoạ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng:	- Đề mục - Các đoạn văn - Tranh minh hoạ
NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống:	- Các thông tin trong văn bản phải tập trung vào một chủ đề, chứa thông điệp và có ý nghĩa. Bài 3/Trang 81 VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đựng thông điệp rõ ràng và

HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: <i>VB Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.	tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính. - Thông tin từ văn bản: - Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống. - Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái đất được duy trì, phát triển phong phú. - Trái đất là nơi cư trú của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao. - Con người trên Trái đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi - Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng - Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cấp thiết và cấp bách.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 4 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 và làm vào vở. - GV hướng dẫn HS: kẻ bảng và thống kê - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm:	Bài tập 4/ trang 82

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Giả sử VB vừa học cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó được đặt trong văn bản?

Gv hướng dẫn: Có thể bổ sung thêm đoạn văn **Những việc nhân loại cần làm** để bàn về những biện pháp con người có thể làm để bảo vệ và giữ gìn hành tinh xanh. Yêu cầu HS hãy triển khai đoạn văn với đề mục như trên

- *GV nhận xét, đánh giá, nhận xét.*

* *Hướng dẫn tự học:*

- *Nắm kiến thức về tri thức Tiếng Việt.*

- *Hoàn thành các bài tập.*

- *Đọc và chuẩn bị bài mới: Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản
Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài)	Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng)	Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu	Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài

TUẦN 30

NGÀY SOẠN: 14/4/2024

BÀI 9:

TIẾT 119+120: ĐỌC VĂN BẢN: CÁC LOÀI SỐNG CHUNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

TIẾT 121: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT 122: ĐỌC VĂN BẢN "TRÁI ĐẤT"

TIẾT 119+120: ĐỌC VĂN BẢN: CÁC LOÀI SỐNG CHUNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Hs nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.
- HS nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.
 - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*
 - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

Tích hợp Bảo vệ tài nguyên môi trường.

Những hình ảnh Trái Đất đang bị tác động của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt cho HS câu hỏi: 1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên? Em yêu thích chương trình nào nhất? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để TD có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	- HS kể ngắn gọn những chương trình đã xem, ví dụ như: khám phá động vật, thế giới quanh em... và nêu suy nghĩ về chương trình mà HS yêu thích.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. **Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Văn bản Hai loại khác biệt thuộc thể loại nào? + Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó - GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, giọng đọc khác nhau ở những đoạn bàn luận hay thống kê số liệu. Chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>tiến hoá, quần xã, kí sinh</i>. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Văn bản thông tin

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. **Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS có thể chia theo 8 đoạn ngắn để phân tích. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Có thể phân tích văn bản theo hướng tách nhỏ các đoạn văn. Tuy nhiên, chúng ta có thể phân theo bố cục 3 phần để thấy được tính chỉnh thể của văn bản. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi:	2. Đọc- kể tóm tắt 3. Bố cục: 3 phần - Đoạn 1: từ đầu => <i>tồn thương của nó</i>: đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó) - Đoạn 2: <i>Tiếp => đẹp đẽ này</i>: Nội dung chính (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ) - Đoạn 3: <i>Phần còn lại</i> : Kết luận vấn đề): Kết luận vấn đề II. Tìm hiểu chi tiết 1. Đặt vấn đề - Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.

+ Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này theo em có tác dụng gì?

+ Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để nói về vấn đề mà tác giả muốn đề cập □ đời sống của muôn loài trên TD và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.

=> Các vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới.

- GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Gv chuẩn kiến thức: Cách vào đề bằng việc đưa ra dẫn chứng từ một bộ phim hoạt hình kết hợp với cảm xúc của tác giả đã làm “mềm” đi sự khô khan thường có của VB thông tin. Đồng thời, vấn đề của tác giả đặt ra cũng là nỗi lo chung của toàn nhân loại khi nhiều loài sinh vật trên TD ngày càng bị con người tiêu diệt, một

□ Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên.

2. Thông tin chính của văn bản

số loài có nguy cơ tuyệt chủng. Vậy vấn đề đó tác giả đã triển khai ra sao?

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi:

+ *Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?*

+ *Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?*

GV đặt tiếp câu hỏi tìm hiểu đoạn (3)

Hãy quan sát ảnh minh hoạ và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết:

+ *Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?*

Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?

+ *Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Dẫn chứng: 1.400.000 loài, hơn 300.000 loài thực vật và 1.000.000 loài động vật.

☐ sinh vật đa dạng và phong phú

+ Các loài sinh vật cùng chung sống với nhau rất đông đúc, chúng ảnh hưởng và tác động đến nhau.

+ Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố : sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt, mức độ thay đổi các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường...

a. Sự đa dạng của các loài

- Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú.

- Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên TĐ.

- Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.

- Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.

- Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản.

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc đoạn (5) và đặt câu hỏi :**

- + *Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?*
- + *Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?*
- + *Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài

- Biểu hiện :

+ Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã : loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng...

+ Sự phân bố các loài trong không gian sống chung : theo chiều thẳng đứng, chiều ngang

□ nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất.

- Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- GV bổ sung: Như vậy, mỗi quần xã sẽ tìm cách tự cân bằng chính nó

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:

+ *Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Con người có nhiều sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp, tác động nhiều tới môi trường tự nhiên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Con người chúng ta cũng như vô vàn các loại sinh vật khác có mặt trên TĐ này, Tất cả cùng thở chung một bầu không khí, cùng ăn thức ăn và uống nguồn nước từ thiên nhiên. Nhưng với trí óc phát triển nhanh chóng, những sáng tạo đã giúp con người cải thiện cuộc sống của mình tốt hơn, trở thành bá chủ trong muôn loài. Chính điều đó khiến cho con người trở nên tự kiêu, tự cho mình quyền sắp đặt lại trật tự, can thiệp một cách thô bạo vào sự phát triển của thiên nhiên khiến cho đời sống muôn loài bị xáo trộn, nhiều loài đã biến mất. Những điều đó sẽ có tác động xấu ngược lại tới sự sống trên hành tinh của

c. Vai trò của con người trên TĐ

- Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng

□ đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ, chịu tác động xấu từ con người.

chúng ta và với trực tiếp loài người. Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ.

NV7

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ *Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì ?*

+ *Thực tế, con người đã có những ứng xử như thế nào với môi trường? Trình bày một số tranh ảnh mà các em đã chuẩn bị về các ứng xử chưa tôn trọng muôn loài? Nêu cảm nhận của em về các bức tranh.*

+ *Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc ?*

+ *Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là

3. Kết thúc vấn đề :

- Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TĐ.

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung:* Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.

* *Ý nghĩa :* VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ.

b. Nghệ thuật

- Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.

- Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.

bài học ý nghĩa cho loài người được gọi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”.

NV8

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: Văn bản có ý nghĩa gì ? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Qua văn bản, theo em, con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?

GV sử dụng Slide trình chiếu một số hình ảnh về những tác động của con người đến môi trường: phá rừng, săn bắt động vật hoang dã....

GV gợi ý: HS thảo luận theo nhóm và chỉ ra: những can thiệp tiêu cực của con người và những nỗ lực duy trì, phát triển sự sống đa dạng trên TĐ. Yêu cầu HS đưa ra những dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.***

GV đưa ra hướng dẫn: nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này,

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Thấy được mối quan hệ của muôn loài trên trái đất.

- Đọc và chuẩn bị bài: Thực hành tiếng việt”

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 121: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- Đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống một cách sáng tạo liên quan đến văn bản và đoạn văn.

- HS đọc các ví dụ trôi chảy, rõ ràng; tự tin trình bày trước nhóm, trước lớp; nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục, hiểu và phản hồi tích cực ý kiến của GV, HS.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- Nhận diện, phân tích được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.

- Chăm chỉ: tự giác, tích cực trong học tập; thường xuyên làm bài tập để nâng cao kỹ năng nhận diện, phân tích đặc điểm và chức năng của văn bản, đoạn văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết trạng ngữ
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS tham gia cuộc thi:

Câu 1. Bằng chứng nào cho thấy VB “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là văn bản?

Câu 2. Đoạn văn em vừa viết ở phần viết kết nối có thể coi là một văn bản không? Vì sao?

Dự kiến:

Câu 1.

Bằng chứng cụ thể để khẳng định Trái Đất - cái nôi của sự sống là một văn bản:

- Trái Đất - cái nôi của sự sống có các yếu tố: Nhan đề, đề mục các phần (5 phần), có 5 đoạn văn và bức tranh minh họa cho nội dung văn bản.
- Văn bản được triển khai theo quan hệ nguyên nhân - kết quả.
- VB Trái Đất - cái nôi của sự sống có chứa đựng thông điệp ý nghĩa rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.

Câu 2. Đoạn văn em vừa viết ở phần viết kết nối có thể coi là một văn bản ngắn vì: (HS đặc điểm của VB như phân tri thức ngữ văn)

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV): Chúng ta đã được đọc hiểu rất nhiều VB. Vậy VB có đặc điểm và chức năng như thế nào? Khi nói và viết, để tăng hiệu quả cho việc diễn đạt, ngoài vốn ngôn từ phong phú, chúng ta cần chú ý hình thành các kỹ năng xây dựng văn bản và đoạn văn phù hợp với ngữ cảnh và mục đích giao tiếp. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. **Mục tiêu:** HS củng cố lại kiến thức về đặc điểm, chức năng của văn bản, đoạn văn
- b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, kỹ thuật trình bày 1 phút, để nhắc lại lý thuyết, hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Văn bản * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS hoạt động hình thức cặp đôi chia sẻ: - VB có những đặc điểm gì? Kể tên những loại VB mà em biết? - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. * Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trao đổi với bạn bên cạnh, rồi sau đó thống nhất thông nhất ý kiến * Bước 3. Báo cáo kết quả: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. - Phân phân loại VB có thể GV chỉ giúp để HS tiếp cận dần * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Nhiệm vụ 2: Đoạn văn * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS hoạt động hình thức cá nhân: - <i>Thế nào là đoạn văn? Nêu đặc điểm hình thức để nhận diện một đoạn văn?</i> - <i>VB em vừa học gồm mấy đoạn văn? Nhờ vào những dấu hiệu nào mà ta nhận biết được một đoạn văn nói chung hay phân biệt đoạn văn này với đoạn văn khác? Có phải đoạn văn nào trong VB cũng đảm nhiệm một chức năng giống nhau không? Theo em có thể gọi là “đoạn văn quan trọng” và “đoạn văn thứ yếu” không?</i>	I. Nhắc lại lí thuyết 1. Văn bản: a. Ví dụ: b. Đặc điểm của văn bản: - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức; - Tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. - Dùng để trao đổi thông tin trình bày suy nghĩ, cảm xúc, chứa thông điệp ý nghĩa... c. Loại văn bản: có nhiều cách phân loại VB như: - <i>Dựa vào chức năng giao tiếp</i> có VB nghị luận, VB văn học, VB thông tin. - <i>Dựa vào tình đa dạng của phương tiện, phương thức truyền tải thông tin</i> có: VB thông thường, VB đa phương thức. - <i>Dựa vào hình thức xuất hiện</i> có: VB viết, VB nói. 2. Đoạn văn trong văn bản: a. Đặc điểm: - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ có một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời nhanh * Bước 3. Báo cáo kết quả: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Bước 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	- Đoạn văn bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng một dấu chấm câu. b. Chức năng đoạn văn trong văn bản: - mở đầu văn bản - trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính - kết thúc văn bản hoặc mở rộng liên kết vấn đề.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Chọn một đoạn văn trong văn bản *Trái đất - cái nôi của sự sống* và điền thông tin cần thiết vào bảng theo mẫu sau (làm vào vở):

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản
.....			
.....			

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản

Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài)	Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng)	Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu	Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Giả định văn bản *Trái đất - cái nôi của sự sống* cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu có điểm mở đầu, kết thúc, có ý chính của đoạn văn và dự kiến vị trí mà nó sẽ được đặt trong VB.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

Có thể bổ sung thêm đoạn văn **Những việc nhân loại cần làm** để bàn về những biện pháp con người có thể làm để bảo vệ và giữ gìn hành tinh xanh. Yêu cầu HS hãy triển khai đoạn văn với đề mục như trên.

+ GV gợi ý:

- Tiết kiệm nước
- Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng
- Phân loại, tái sử dụng, tái chế rác thải
- Sử dụng phân sinh học hay phân trộn
- Sử dụng đèn LED thay cho bóng đèn sợi đốt

- Sử dụng năng lượng một cách thông minh
- Sử dụng các thực phẩm bền vững
- Trồng nhiều cây xanh
- Loại bỏ đồ nhựa, bao bì nilong

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài học, hoàn thiện bài tập 4
- Học thuộc: khái niệm văn bản, văn bản được phân loại như thế nào? Đặc điểm của văn bản và vai trò của các đoạn văn trong văn bản ra sao?
- Hoàn thiện nội dung
- Chuẩn bị bài “Trái Đất”
- + HS đọc và thực hiện theo hướng dẫn SGK

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi đáp - Đánh giá sản phẩm, hoạt động của HS	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm, bảng rubrics	

2. Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP

Đọc lại đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài) hoàn thiện thông tin vào bảng?

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản

.....			
.....			
.....			

Sử dụng công cụ đánh giá: Bảng kiểm

Bảng kiểm đánh giá học sinh sau khi học sinh nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* là một văn bản?(*Hình thức, nội dung...*)

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1 (Hình thức)	1.1: Là một văn bản tồn tại ở dạng viết	☐	☐
	1.2: Bố cục rõ ràng, mạch lạc.	☐	☐
	1.3: Văn bản gồm: nhan đề, sa-po, đề mục, đoạn in chữ đậm, hình ảnh, số liệu...	☐	☐
	1.4: Tranh ảnh được sử dụng để cụ thể hoá, hình tượng hoá những mệnh đề khái quát, để khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ đặc lực cho trí nhớ,...	☐	☐
	2.1: Chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính: Trái Đất – cái nôi của sự sống”(chủ đề văn bản)	☐	☐
	2.2: VB dùng để trao đổi thông tin: như vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời, vai trò của	☐	☐

2 (Nội dung)	nước, sự sống của sinh vật trên và hiện trạng Trái Đất		
	2.3: Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của Trái Đất hiện nay.	☐	☐

Rubrics đánh giá phần viết đoạn văn *Những việc nhân loại cần làm* để bàn về những biện pháp con người có thể làm để bảo vệ và giữ gìn hành tinh xanh

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ			
	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
1.Nội dung (5,0 điểm)	(0điểm) Chưa nêu được vấn đề cần bàn luận	(0,25 - 3,0 điểm) Nêu được vấn đề cần bàn luận nhưng vấn đề đó chưa rõ ràng	(3,25-4,0 điểm) Đã nêu được vấn đề cần bàn luận..	(4,25-5,0 điểm) Vấn đề bàn luận được nêu ra rõ ràng, sát với thực tế cuộc sống có ý nghĩa.
2. Cách trình bày (3,0 điểm)	(0 điểm) - Không có bố cục. - Chưa trình bày được ý kiến đánh giá về vấn đề cần bàn luận.	(0,25-1,0 điểm) - Không rõ về bố cục, trình bày lộn xộn. - Đã có ý kiến trình bày nhưng chưa rõ ràng.	(1,25-2,0 điểm) - Có bố cục. - Có ý kiến trình bày về vấn đề đưa ra.	(2,25-3,0 điểm) Bố cục rõ ràng, hợp lí, khoa học. - Trình bày được ý kiến về vấn đề đưa ra hợp lí, chặt chẽ, có sức thuyết phục.
3.Mở đầu và kết thúc hợp lí	(0 điểm)	(0,25- 1,0 điểm)	(1,25-1,5 điểm)	(1,75- 2,0 đ) Mở đầu thuyết phục, lôi cuốn. kết thúc hợp lí,

(2,0 điểm)	Không có phần mở đầu và kết thúc.	Mở đầu và kết thúc chưa rõ ràng	Có phần mở đầu và kết thúc hợp lí	nêu được ý kiến, quan điểm.

TIẾT 122: ĐỌC VĂN BẢN “TRÁI ĐẤT”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Phân tích, cảm nhận được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản. Rút ra bài học cho bản thân qua văn bản.
- Nhận biết được sự khác nhau căn bản giữa văn bản văn học với văn bản thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng về một chủ đề.
- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ
- Nhân ái: Yêu quý, trân trọng trái đất
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, bảo vệ Trái Đất. Lên án những hành vi hủy hoại trái đất. Xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất- ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

(Tích hợp tài nguyên và môi trường)

Những hình ảnh Trái Đất đang bị tác động của con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD
- SGK, SGV.
- Tranh ảnh về nhà thơ Ra-xun gam-da-tốp và bài thơ Trái Đất
- Ti vi
- Giấy A4 để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS nghe, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV trao đổi với HS:

GV mở video hoặc bắt nhịp cho HS cùng hát bài hát “Trái Đất này là của chúng mình” của nhạc sĩ Trương Quang Lục.

Trong bài hát, Trái Đất được ví von là gì? Em còn biết những cách ví von nào khác về Trái Đất không? Hãy chia sẻ?

Vì sao có các điểm nhìn khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Kết luận, nhận định : HS chia sẻ, Gv kết nối vào bài: Có nhiều cách nhìn và nghĩ về Trái Đất. Dù nhìn ở góc nhìn nào chúng ta cũng đều nhận thấy: Trái Đất được chính là ngôi nhà chung của muôn vật, muôn loài, Trái Đất cần được bảo vệ, giữ gìn. Việc Trái Đất đang bị chính con người hủy hoại, và đã gây vô vàn tổn thương nghiêm trọng như cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, cây cối và động vật hoang dã bị hủy diệt, ...Dưới góc nhìn của một nhà thơ, Gam-da-tốp đã bộc lộ những trăn trở, cảm xúc gì trước hiện thực ấy. VB “*Trái Đất*” sẽ giúp các em hiểu được cảm xúc và cách nhìn nhân văn của nhà thơ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. ĐỌC VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được xuất xứ, thể loại, bố cục của VB của VB truyện cùng chủ đề với 2 VB trước.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm theo bàn.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm:

<i>Tiêu chí</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
Đọc rõ ràng, trôi chảy, không sai từ, hay bỏ từ		
Âm lượng đọc đảm bảo trong không gian lớp học đủ nghe		

Tốc độ đọc phù hợp, không nhanh, không chậm		
Giọng đọc thể hiện rõ cảm xúc của nhà thơ: có đau thương, phần nộ, có xót xa, dịu dàng		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: Tác giả của bài thơ Trái Đất là ai? Hãy giới thiệu đôi nét về ông? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. HS dựa vào phần chuẩn bị ở nhà để tổng hợp nhanh kiến thức. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: GV hướng dẫn cách đọc: (chiếu bảng kiểm kỹ năng đọc để HS thực hiện việc đọc. Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện rõ giọng điệu thích hợp, có đau thương, phần nộ, có xót xa, dịu dàng. Chú ý hệ thống đại từ nhân xưng được sử dụng trong bài. - GV đọc mẫu một lần. Sau đó gọi 2-3 HS đọc. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi + HS nhận xét lẫn nhau.	I. Đọc văn bản 1. Tác giả: Ra-xun Gam-da-tốp (1923 - 2003) - Quốc tịch: Người dân tộc Avar, nước Cộng hòa Đa-ghe-xtan, thuộc Liên Bang Nga. - Thơ ông tràn đầy tình yêu với quê hương, con người, sự sống và hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc. - Các tác phẩm chính: <i>Năm tôi sinh, Mùa xuân Đa-ghe-xtan, Trái tim tôi trên núi, Những ngôi sao xa, Đa-ghe-xtan của tôi</i> 2. Tác phẩm a. Đọc b. Xuất xứ: Bài thơ <i>Trái Đất</i> viết năm 1967 bằng tiếng Avar. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch tiếng Nga của Na-um Grep-nhi-ốp. c. Thể loại: thơ trữ tình - PTBD chính: Biểu cảm - Nhân vật trữ tình: “tôi”- tác giả

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV- nhận xét cách đọc của HS. Nhiệm vụ 2: tìm hiểu chung về bài thơ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: + Văn bản có xuất xứ như thế nào? Giới thiệu nét chính về văn bản như: thể loại, phương thức biểu đạt chính? + Chủ đề của bài thơ là gì? + Nêu bố cục của văn bản. CẶP ĐÔI CHIA SẺ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS thảo luận. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.	d. Chủ đề: tình yêu với Trái Đất và khẳng định sự cần thiết chung tay bảo vệ Trái Đất ngôi- nhà chung của chúng ta e. Bố cục: Văn bản có 8 câu thơ chia làm 2 khổ - <u>Khổ 1</u>: Bốn câu đầu: thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất - <u>Khổ 2</u>: Bốn câu sau: thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết các cách ứng xử đối với Trái đất được nhắc tới trong khổ thơ, tìm được điểm chung của cách ứng xử đó.
- Hiểu được thái độ, cảm xúc của nhà thơ với bọn hủy hoại Trái Đất
- Biết được thái độ của nhà thơ với Trái đất. Nhận biết được hình ảnh, ngôn ngữ giọng điệu của nhà thơ khi bày tỏ quan điểm, cảm xúc của mình về tình trạng Trái Đất hiện nay.
- Xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, kỹ thuật đặt câu hỏi, thảo luận theo nhóm, kỹ thuật "XYZ"
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ: 1. Những cách hành xử nào đối với Trái đất được nhắc tới trong khổ thơ? 2. Chúng có điểm chung gì với nhau? 3. Thái độ của tác giả đối với chúng là gì? 4. Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến khó khăn: câu hỏi số 3 - Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (3) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Thái độ đó được biểu hiện qua từ ngữ nào?). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.	* Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất + Cách nhìn nhận về Trái Đất: Xem là quả dưa: bổ, cắt thành muôn mảnh nhỏ. Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá. + Hành động: bổ, cắt, giành giật, lao vào, đá, đá Điểm chung: Đều muốn độc chiếm Trái Đất, nghĩa là muốn phá hủy ngôi nhà chung của chúng ta. Trái Đất bị biến thành miếng mồi để bọn người xấu xâm chiếm, khai thác, giành giật. * Thái độ của tác giả đối với chúng: + Được tác giả gọi là "bọn", "lũ". ⇒ Thái độ tác giả căm phẫn, khinh bỉ, lên án với những kẻ hủy hoại Trái Đất

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.	
2. Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất	
(1) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Thảo luận theo nhóm, mỗi người viết 2 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 2 phút về cách giải quyết câu hỏi và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh) + Nhà thơ đã hình dung Trái Đất , đã xưng hô ra sao và đã làm gì? (GV phát phiếu học tập số 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận, trao đổi nội dung thông tin cần điền trong phiếu HT số 2. GV quan sát, hỗ trợ HS nếu cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). (2) Bước 1: GV giao nhiệm vụ- Hình thức cá nhân. + Nhìn/nghĩ về Trái Đất nhà thơ đã thấy những gì? Trong văn học, thậm chí trong đời sống các hình ảnh “máu”, “nước mắt” thường được dùng với ngụ ý gì? + Nhắc đến “máu” và “nước mắt” nhà thơ nghĩ đến tình trạng nào của Trái Đất? + Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất? + Chúng ta cần có thái độ như thế nào với Trái Đất? Hãy vẽ một bức tranh về hình ảnh Trái Đất	- Hình dung của tác giả: + "chẳng là dưa, là bóng". → Từ phủ định, điệp từ "là". + "khuôn mặt thân thương". Với nhà thơ, Trái Đất giống như một con người có xúc cảm (có tâm trạng, nỗi khổ đau), và là một số phận đau khổ (có gương mặt thân thương) Xưng hô: “Trái Đất!” được gọi là “người” cách xưng hô tôn kính– nhân hóa Trái Đất như một con người, tác giả đã tưởng tượng, hư cấu ra một cuộc đối thoại giữa mình và Trái Đất, để tâm sự, chia sẻ... - Hành động: + "lau" nước mắt, "xin đừng khóc nữa". + "Rửa máu sạch", "hát", "dịu dàng". Nhìn, nghĩ về Trái Đất, nhà thơ nghĩ đến “nước mắt” và “máu”

đang chịu sự tác động tiêu cực từ con người? Chia sẻ thông điệp mà em gửi gắm qua bức tranh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+HS suy nghĩ, trả lời

+ GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Tổ chức trình bày suy nghĩ

+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

(3) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi chia sẻ: Phiếu học tập số 3:

+ Chỉ ra sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái Đất và thái độ cư xử với Trái Đất được thể hiện trong bài thơ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận nhanh

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

GV đối chiếu để làm nổi bật tình cảm và cách cư xử nhân văn, hiểu biết của nhà thơ với Trái Đất.

+ Hình ảnh ẩn dụ để nói đến trước tình trạng Trái Đất bị hủy hoại, giành giật, khai thác... quá mức khiến Trái Đất bị tổn thương nghiêm trọng.

=> Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất: đau xót, lo lắng, ưu tư, vổ về những tổn thương, đau đớn mà Trái Đất đang gánh chịu.

*** Những cách hình dung và thái độ cư xử với Trái Đất:**

Thực trạng Trái Đất	Trái Đất trong cảm xúc của nhà thơ
Trái Đất được nhìn nhận như vật sở hữu, một vật vô tri, vô giác	Trái Đất được hình dung như một con người, có cảm xúc, vừa là số phận đau khổ
Là miếng ăn, miếng mồi	Trái Đất là đối tượng cần được chia sẻ, yêu thương
=> Trái Đất đang bị đối xử thô bạo, thiếu hiểu biết	=> Cách cư xử nhân văn, hiểu biết

=> Tình yêu của nhà thơ với Trái Đất- ngôi nhà chung của chúng ta.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia nhóm lớp theo bàn

- Phát phiếu học tập số 4

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?

? Nội dung chính của văn bản “Trái đất”?

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do, các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ..

2. Nội dung

B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	- Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.
- Nội dung:** Trả lời câu hỏi trắc nghiệm về bài học.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm của HS
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhanh Câu 1: Hãy tìm ra đặc điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xum Gam-da-tốp với hai văn bản <i>Trái Đất - cái nôi của sự sống</i> và <i>Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> Câu 2: Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ <i>Trái Đất</i> vẫn có sự độc đáo, hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn riêng đó?	Câu 1: Tìm ra điểm giống nhau về ý nghĩa được đặt ra qua 3 VB đã đọc trong bài 9. Gợi ý: - Dù khác nhau về thể loại nhưng cả 3 VB đều hướng tới chủ đề đều + thể hiện tình yêu đối với Trái Đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài. + Thực trạng về việc con người đang ngày một phá hủy môi trường sống của mình. + Đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái Đất liệu không biết chịu đựng được đến bao

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhanh, trình bày quan điểm, so sánh về nội dung, hình thức của 3VB ở bài 9, chú ý nhấn mạnh nét đặc sắc của bài thơ Trái Đất Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS bày tỏ quan điểm - HS khác nghe, bổ sung nếu cần Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).	giờ. Từ đó, đẩy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái Đất của mỗi con người chúng ta. Câu 2: <table><tr><th>Văn bản thông tin</th><th>Văn bản trữ tình</th></tr><tr><td> - Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động - Thông tin chính xác, khoa học, thông qua các số liệu về đối tượng. - Trình tự trình bày thông tin theo trình tự nhân quả. - Bố cục phần rõ ràng </td><td> - Hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng, so sánh bất ngờ thú vị. - Giọng thơ trò chuyện, đối thoại tâm tình với Trái Đất - Ý nghĩa triết lí thâm trầm, sâu sắc. </td></tr></table>	Văn bản thông tin	Văn bản trữ tình	- Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động - Thông tin chính xác, khoa học, thông qua các số liệu về đối tượng. - Trình tự trình bày thông tin theo trình tự nhân quả. - Bố cục phần rõ ràng	- Hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng, so sánh bất ngờ thú vị. - Giọng thơ trò chuyện, đối thoại tâm tình với Trái Đất - Ý nghĩa triết lí thâm trầm, sâu sắc.
Văn bản thông tin	Văn bản trữ tình				
- Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động - Thông tin chính xác, khoa học, thông qua các số liệu về đối tượng. - Trình tự trình bày thông tin theo trình tự nhân quả. - Bố cục phần rõ ràng	- Hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng, so sánh bất ngờ thú vị. - Giọng thơ trò chuyện, đối thoại tâm tình với Trái Đất - Ý nghĩa triết lí thâm trầm, sâu sắc.				

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối VB với cảm xúc của HS.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, những việc cần làm khi các em rơi vào tình huống như nhân vật.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm của HS
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Tổ chức trò chơi: <i>thử làm phóng viên</i> - Cách chơi như sau: Một vài học sinh trong lớp thay phiên nhau đóng vai phóng viên Đài truyền hình, đài phát thanh, hoặc Báo thiếu niên tiên phong...và phỏng vấn các bạn theo các câu hỏi	

(câu hỏi có thể các em tự nghĩ ra hoặc GV gợi ý trước cho các em): 1. Có ý kiến cho rằng: loài người đang ăn Trái đất, bạn có suy nghĩ gì về ý kiến này? 2. Bạn đã làm gì để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ Trái đất của chúng ta? 3. Vì sao chúng ta phải bảo vệ Trái đất? 4. Theo bạn, bảo vệ Trái đất có phải là trách nhiệm của một quốc gia nào đó không? Vì sao bạn lại cho rằng như vậy?.... B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Tiến hành chơi trò chơi GV: Hướng theo dõi, quan sát HS hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS bày tỏ suy nghĩ cá nhân. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả của hoạt động.	

IV. Hướng dẫn tự học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập ở Vb3 Trái Đất
- Để tuyên truyền đến mọi người nâng cao ý thức bảo vệ Trái Đất em sẽ dùng hình thức nào: Viết vb thông tin, làm thơ; vẽ tranh, làm dự án (sử dụng chai lọ nhựa tái chế để làm chậu hoa...)
- Đọc và chuẩn bị nội dung cho phần viết: Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận; Tóm tắt sơ đồ nội dung một biên bản đơn giản

V. Hồ sơ dạy học

Phiếu học tập

Phiếu học tập số 1:

Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất		Thái độ của tác giả đối với chúng
Cách nhìn nhận về Trái Đất:	Hành động	Cách xưng hô: Thái độ:
.....		
.....		
.....		
Điểm chung:		

Phiếu học tập số 2

Nhà thơ đã hình dung Trái Đất	Xưng hô	Hành động
Trái Đất chẳng là.....		
=> Thái độ của nhà thơ với Trái Đất:		

Phiếu học tập số 3

Sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái Đất	Thực trạng Trái Đất	Trái Đất trong cảm xúc của nhà thơ
Cách cư xử với Trái Đất		

TUẦN 31

NGÀY SOẠN: 21/4/2024

TIẾT 123+124+125: VIẾT BIÊN BẢN CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

TIẾT 126: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TIẾT 123+124+125: VIẾT BIÊN BẢN CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Hiểu được cấu trúc của một biên bản.
- Nắm được các yêu cầu về hình thức và nội dung của một biên bản
- Biết viết một biên bản đúng quy cách.
- Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu và biết tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

2. Về phẩm chất

- Biết lắng nghe, trân trọng ý kiến của người khác, tôn trọng sự thật trong khi trình bày.

- Trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhớ lại một cuộc họp, hay một cuộc thảo luận, một vụ việc mà các em đã từng tham gia, chứng kiến. Em hãy chia sẻ đôi nét về sự kiện đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời: HS có thể chia sẻ về thời gian, địa điểm, sự kiện chính của cuộc họp, hay một cuộc thảo luận, một vụ việc mà HS được tham gia...

GV dẫn dắt vài bài: Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về biên bản, cách viết biên bản.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận đơn giản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, thực hiện cá nhân, thảo luận nhóm theo các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của HS, sản phẩm thảo luận nhóm trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I.TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BIÊN BẢN	
Tìm hiểu chung về biên bản HOẠT ĐỘNG CẤP ĐÔI CHIA SẺ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc ngữ liệu SGK /88 + Biên bản là gì? + Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? ? Hãy nêu số tình huống mà em thấy cần viết biên bản? ? Nội dung thông tin được trình bày trong biên bản cần đảm bảo điều gì?	1. Biên bản là gì? a. Ví dụ: b. Kết luận: - Biên bản là một loại văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. - Nó được lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của biên bản Bước 4: Chuẩn kiến thức: về yêu cầu đối với (2) Tìm hiểu thể thức của biên bản thông thường Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS trao đổi trong bàn và thống nhất quan điểm GV hướng dẫn HS đọc phần chữ xanh thể thức của biên bản thông thường (SGK /trang 88) Từ những gì được trình bày trong phần vừa đọc, em hãy nêu những tiêu chuẩn mà một biên bản một cuộc họp, một cuộc thảo luận cần phải đảm bảo? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS trao đổi, để thống nhất tiêu chuẩn về biên bản: + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của biên bản Bước 4: Chuẩn kiến thức:	- Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng. 2. Thể thức của biên bản thông thường - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiều nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc. - Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lý, làm thành tên gọi của biên bản. - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lý vụ việc,.... - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí. - Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc. - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên.

II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ



- GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc tìm hiểu biên bản tham khảo
- GV yêu cầu HS đọc VB,

Câu 1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ

1. Biên bản bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày Chủ nhật xanh” (SGK /trang 89)

2. Phân tích:

- Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí
- Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận.

thể thức biên bản trong văn bản trên. Thảo luận theo phiếu học tập 1 Sau đó cho HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn (*). Thời gian 8 phút Phiếu học tập số 1 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - Biên bản có tên gọi và ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí (vì Biên bản sẽ được lưu lại như một hồ sơ với tính chất quan trọng, cần thiết, lúc cần được đưa ra như một bằng chứng để chứng minh, đánh giá tính xác thực của vấn đề). - Nội dung được ghi chi tiết, cụ thể diễn biến cuộc họp, cuộc thảo luận. - Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí (vì đây là bằng chứng quan trọng chứng minh tính xác thực của biên bản)	- Cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí - Ngôn ngữ của biên bản mang phong cách ngôn ngữ hành chính, ngắn gọn, đơn nghĩa, dễ hiểu, súc tích.
III. THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN a) Mục tiêu: Giúp HS - Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận nhằm xây dựng hồ sơ đáng tin cậy về cuộc họp cuộc thảo luận nào đó. b) Nội dung: - GV sử dụng KT để hỏi HS về việc lựa chọn nội dung viết biên bản. - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	1. Trước khi viết

	- Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo sự chính xác và tính khách quan.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** củng cố kiến thức về viết một biên bản thông thường.

b. **Nội dung:** HS viết biên bản theo yêu cầu của GV.

c. **Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<i>(GV sử dụng PP giao nhiệm vụ, kỹ thuật đặt câu hỏi)</i> GV yêu cầu HS: Em hãy viết biên bản sinh hoạt lớp. - HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hành viết biên bản ở nhà. - HS dựa vào phần thể thức của biên bản thông thường để tự viết, sau đó nộp sản phẩm qua zalo nhóm cho GV	

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài học.
- Hoàn thành bài viết của mình về viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận
- Chuẩn bị bài: tóm tắt sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.
- + Đọc kĩ văn bản Trái đất và các loài chung sống với nhau như thế nào.
- + Tìm hiểu yêu cầu tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một VB đơn giản.
- + Hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu:

V. HỒ SƠ DẠY HỌC:

1. Kế hoạch đánh giá:

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Hỏi, đáp - Đánh giá sản phẩm học tập của HS.	- Câu hỏi - Bài tập - Phiếu học tập	

2. Phiếu học tập:

Phiếu học tập số 1.

	Nhóm 1,2	Nhóm 3,4
	Câu 1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên?	
Nhiệm vụ	Câu 2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí? Câu 3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?	Câu 4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí? Câu 5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

1.1 Năng lực đặc thù

Rèn luyện năng lực nghe, nói, đọc, viết.

1.2 Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2. Về phẩm chất:

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ + GV chơi trò chơi <i>Ai nhanh hơn</i> Trong học kì II, em đã học những thể loại, loại VB nào? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá.	- HS kể nhanh các thể loại, loại VB đã học: truyền thuyết, truyện cổ tích, VB nghị luận, VB thông tin.

GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loại văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong HK II.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

2.1 Ôn tập các thể loại văn bản đã học

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thể loại văn bản đã học bằng cách lập bảng thống kê. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Các thể loại VB

Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học	Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ	Điều em tâm đắc với một đoạn văn bản
Văn bản nghị luận (Xem người ta kia!)	Văn bản bàn về vấn đề cái riêng biệt trong mỗi con người là điều đáng trân trọng, cần phải được phát huy, hòa nhập ttrong cái chung của tập thể. Để có sức thuyết phục, tác giả đã sử dụng lý lẽ (Học hỏi theo sự hoàn hảo của người nhưng thế giới là muôn màu muôn vẻ, cần có những điều riêng biệt để đóng góp cho tập thể	Câu nói "Xem người ta kia" ở cuối bài văn chính là một lời khích lệ, động viên chính bản thân mình. Người khác đã hay, đã thú vị theo cách của họ, vậy tại sao mình không đặc biệt theo cách của chính mình.

	những cái của chính mình?), dẫn chứng (ngoại hình, tính cách các bạn trong lớp không ai giống ai,...)	

2.2 Ôn tập các kiểu bài văn đã học

a. Mục tiêu: Hiểu được mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	II. Các kiểu bài viết đã học - Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm.
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập liệt kê vào bảng. - Gv đặt câu hỏi: <i>Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua. GV cho HS chú ý ôn kiểu văn bản nghị luận.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS kẻ bảng và trình bày Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	

Các kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu	Các bước cơ bản thực hiện bài viết	Đề tài cụ thể	Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài

Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm	Thể hiện được ý kiến, quan điểm riêng đối với một vấn đề đang được xã hội quan tâm	Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. Thể hiện được ý kiến của người viết. Dùng lý lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc	Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý	Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề xử lý rác thải nhựa	Những khía cạnh cần bàn luận phải thể hiện quan điểm cá nhân một cách rõ nét

2.3 Ôn tập các kiểu bài văn đã học

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức tiếng việt đã học và vận dụng vào bài tập

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập số 3/ trang 108 - Gv đặt câu hỏi gợi dẫn, HS tìm hiểu về công dụng: + <i>Hiểu được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và tác dụng của các biện pháp tu từ, em có thấy thuận lợi hơn khi đọc các tác phẩm thơ, truyện không?</i> + <i>Nắm được vị trí, chức năng của trạng ngữ, khi tạo câu, em có thấy dễ dàng hơn trong việc nêu các thông tin về thời gian, địa điểm, điều kiện?</i> + <i>Hiểu biết về tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong biểu đạt có giúp em tiến bộ hơn khi viết các kiểu bài?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	III. Kiến thức tiếng Việt • Công dụng của dấu chấm phẩy • Cách lựa chọn từ ngữ trong câu • Trạng ngữ • Đặc điểm và các loại văn bản • Từ mượn

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm bài tập

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nháy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...) Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.

(Tiếng mưa - Nguyễn Thị Thu Trang)

Dựa vào nội dung câu in đậm trên, là một người con em sẽ trả nghĩa cho cha mẹ, thầy cô như thế nào khi đang ngồi trên ghế nhà trường? Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn 5-7 câu, có sử dụng trạng ngữ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS luyện nói với chủ đề được viết, đặt ra từ bài tập trên.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Hướng dẫn tự học:

- Nắm hệ thống các đơn vị kiến thức đã học.

- Luyện tập, hoàn thành các dạng bài tập.

- Chuẩn bị bài: Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

* RÚT KINH NGHIỆM:

TUẦN 32

NGÀY SOẠN: 28/4/2024

TIẾT 127: TÓM TẮT BẢNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

TIẾT 128: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

TIẾT 127: TÓM TẮT BẢNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

I. MỤC TIÊU.

- + Trình bày ý tưởng của bản thân đối với nội dung bài học.
- + Tóm tắt được nội dung văn bản bằng sơ đồ đơn giản.
- + Tự tin khi trình bày trước nhóm, lớp. Biết lắng nghe và phản hồi các ý kiến về nội dung bài học.
- + HS hiểu được nội dung, ý nghĩa văn bản để vận dụng tóm tắt lại nội dung của văn bản đó bằng sơ đồ.
- + Chăm chỉ: có ý thức tìm hiểu nội dung các văn bản đã học để tóm tắt nội dung văn bản bằng sơ đồ. Trách nhiệm: có ý thức chủ động trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Tì vi
- Giấy A0, bút màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về các cách tóm tắt văn bản, tiếp cận với nội dung chủ đề bài học.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ (đưa câu hỏi. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

(GV sử dụng pp đàm thoại, sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi)

GV lần lượt đưa ra câu hỏi:

+ Để nhớ được nội dung của một văn bản một cách ngắn gọn, xúc tích các em thường làm như thế nào?

+ Em thường tóm tắt bằng cách nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời.

- GV nhận xét, bổ sung.

- GV dẫn vào bài: Để nhớ được nội dung chính của một VB ta phải tóm tắt văn bản. Ngoài việc tóm tắt chúng ta thường làm thì có thêm tóm tắt văn bản bằng sơ đồ tư duy. Vậy thế nào là tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản, bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản

a. Mục tiêu:

- Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt nội dung một văn bản đã đọc bằng sơ đồ
- Rèn luyện được khả năng nắm bắt nhanh những thông tin chủ yếu của văn bản, bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận (các đoạn) trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BẢN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN	
HOẠT ĐỘNG: Thảo luận theo bàn Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc mục Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ ; Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản trong SHS trang 91 HS trao đổi trong bàn và thống nhất quan điểm ? Một bản tóm phải như thế nào để có thể được gọi là đạt/tốt? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức cho HS trao đổi, để thống nhất tiêu chuẩn về biên bản: + GV quan sát, khuyến khích	- Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản. - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ cho trí nhớ.

Bước 3: nhận xét sản phẩm, bổ sung	
GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của biên bản	
Bước 4: đánh giá, chuẩn kiến thức	

Hoạt động 2. Đọc và phân tích bản tóm tắt tham khảo

a. Mục tiêu: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chất lọc kiến thức SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
II. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO	
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc tìm hiểu bài tham khảo. Hình thức thảo luận đôi - HS: Tự xem lại văn bản <i>Trái đất - cái nôi của sự sống</i> GV nêu vấn đề thảo luận: + Là người đã đọc, đã học văn bản "<i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i>", em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong văn bản chưa? + Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận	1. Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản <i>Trái Đất - cái nôi của sự sống</i> 2. Phân tích: - Ưu điểm: + Phản ánh đúng những nội dung chính + Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. + Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ. - Nhược điểm: + Mỗi nội dung cần cụ thể chi tiết hơn. Ví dụ: - “có nước” có thể thay bằng: “nước- vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất. - “Con người- đỉnh cao của sự sống” nên thay bằng: “Con người và những tác động gây tổn thương cho Trái Đất”

+ GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Thiếu ý <i>Tình trạng của Trái Đất hiện nay ra sao?</i>

B.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(Thực hành viết theo các bước)

a. Mục tiêu: HS xác định được mục đích viết bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản, dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

b. Nội dung: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ để xác định các thao tác khi tóm tắt văn bản bằng sơ đồ: Trước khi tóm tắt, em cần xác định được điều gì? (nội dung cốt lõi và hệ thống ý) GV hướng dẫn HS đọc mục 1. Trước khi tóm tắt + Nêu những điều em còn băn khoăn, những đề xuất, sáng kiến của em? + HS chọn một VB đơn giản đã học để tóm tắt bằng sơ đồ nội dung VB đó Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:	<i>Đề bài: Hãy lựa chọn một văn bản có nội dung đơn giản mà em đã học, và hãy tóm tắt bằng sơ đồ nội dung văn bản đó.</i> Bước 1. Trước khi viết 1. Trước khi tóm tắt - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung đó. - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được. - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa. Ví dụ: Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về "vòng đời bất tận"

+ HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu các thao tác của quy trình tóm tắt VB trong SHS. + HS dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt VB + GV quan sát, hỗ trợ trong suốt quá trình tóm tắt. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày ý tưởng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ (2)Viết: HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN GV hướng dẫn HS lập viết theo các gợi ý SGK- HS hoạt động cá nhân 20p - Hướng dẫn HS chỉnh Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:	(trong đoạn đầu văn bản Các loài chung sống với nhau như thế nào?), em cần thực hiện các bước sau: a. Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một "vòng đời bất tận". b. Xác định các từ khóa: chúng ta, linh dương, chết, cỏ. c. Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa: chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ. Bước 2. Viết. 2. Tóm tắt - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa. - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp. - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau.
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với một sơ đồ tóm tắt nội dung một văn bản đơn giản - HS tự chữa bài mình theo bảng hướng dẫn. - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau (HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)	Bước 3: Chỉnh sửa và đọc Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa. - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS báo cáo kết quả thảo luận. + Các nhóm nhận xét. Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Chuẩn kiến thức về yêu cầu + HS tự sửa sơ đồ để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + tự kiểm tra lại sơ đồ của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng) GV chọn một số sơ đồ để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp.	- Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng. * HS chữa bài cho nhau

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bản tóm tắt nội dung văn bản theo sơ đồ, rèn kỹ năng tóm tắt nội dung văn bản bằng sơ đồ

b. Nội dung:

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Nêu ý nghĩa của việc tóm tắt sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

Tóm tắt nội dung văn bản: “*Trái Đất*”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

Sơ đồ bài *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài học.
- Xem lại bài viết của mình về viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận và tóm tắt văn bản để hiểu rõ hơn kiến thức.
- Thực hành: Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận (hs tự tìm hiểu và hoàn thành nhiệm vụ)
- Chuẩn bị bài: Nói và nghe thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường:
 - + Lựa chọn vấn đề
 - + Tìm ý và sắp xếp ý theo trình tự.
 - + Hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu:

Xây dựng dàn ý cho bài nói dựa vào những yêu cầu sau:

1. Vấn đề ô nhiễm môi trường em quan tâm đến là gì? (rác thải ở sông, suối; ô nhiễm môi trường đất do thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ hay khói bụi?...)	2. Nguyên nhân của tình trạng này là gì?	3. Em đưa ra những giải pháp nào để khắc phục tình trạng trên? + Việc làm 1? + Việc làm 2?

V. HỒ SƠ DẠY HỌC:

Phiếu học tập:

Họ và tên HS (Nhóm):

Lớp:

STT	Câu hỏi	Ý kiến cá nhân	Thống nhất chung cả nhóm
1	+ Là người đã đọc, đã học VB, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong VB chưa?		

2	+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ ưu điểm, nhược điểm gì?		

TIẾT 128: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

- Biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.
- Năng lực ngôn ngữ:
 - + Vận dụng tốt các từ ngữ đặc trưng của văn bản thông tin: số liệu, chi tiết,...trong bài nói.
 - + Nói mạch lạc, tự tin, kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, hành động, hình ảnh minh họa,...)
- Năng lực văn học:
 - + Biết vận dụng diễn đạt có tính văn học trong bài nói.
 - + Biết cảm thụ, đánh giá bài nói có đúng đề tài, đúng đặc trưng kiểu văn bản thông tin hay không.
- Nhân ái, trách nhiệm với cuộc sống, với Trái đất.

(Tích hợp bảo vệ tài nguyên và môi trường)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy.
- SGK, SGV.
- Ti vi
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.
- Phiếu bài tập, Powerpoint: dàn ý các giải pháp khắc phục, hình ảnh minh họa,...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b.Nội dung:

- GV nêu vấn đề.
- HS trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là tìm ra một giải pháp tối ưu, khả thi có thể thực hiện ngay để cải thiện tình hình.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Môi trường bị ô nhiễm đã gây ra tác hại nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta trong hiện tại và đe dọa cả tương lai loài người, vậy chúng ta cần phải làm gì để khắc phục nạn ô nhiễm môi trường?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ cá nhân.
- GV nhắc nhở những HS chưa tập trung suy nghĩ (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trước khi nói

a. Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói
- Luyện kỹ năng nói cho HS
- Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông.
- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

b. Nội dung:

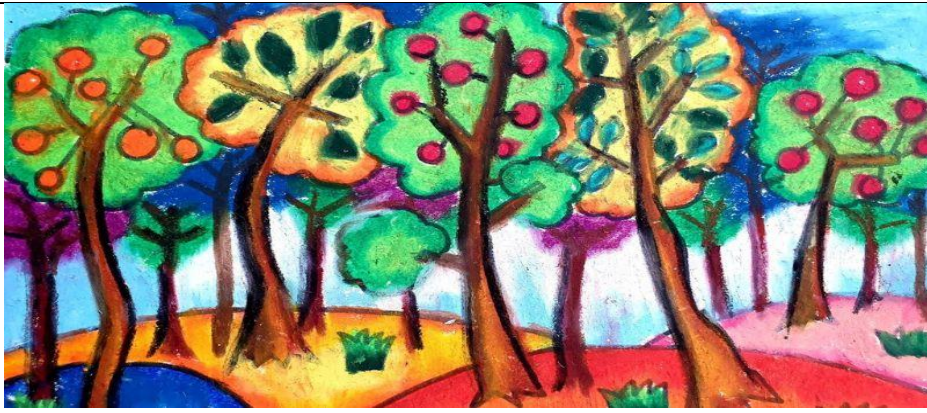
- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV -HS	Sản phẩm dự kiến
I. Trước khi nói	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? ? Em sẽ nói về nội dung gì? - Chia lớp thành 4 nhóm + Học sinh làm việc độc lập trong thời gian 2 phút vào phiếu học tập cá nhân + Nhóm thống nhất, ghi kết quả vào phiếu học tập chung. (Phiếu học tập số 1) - Nội dung thảo luận: Xây dựng dàn ý cho bài nói dựa vào những yêu cầu sau: 1. Vấn đề ô nhiễm môi trường em quan tâm đến là gì? (rác thải ở sông, suối; ô nhiễm môi trường đất do thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ hay khói bụi?...) 2. Nguyên nhân của tình trạng này là gì? 3. Em đưa ra những giải pháp nào để khắc phục tình trạng trên? + Việc làm 1? + Việc làm 2? + ... 4. Suy tầm tranh ảnh, sách báo về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường hiện nay.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. * Nội dung - Thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay - Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường - Các giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường: + Giải pháp (việc làm) thứ 1 + Giải pháp (việc làm) thứ 2 + ... 2. Tập luyện - HS nói một mình trước gương.



- HS nói tập nói trước nhóm/tổ.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ câu hỏi của GV. Làm việc cá nhân, nhóm tổng hợp lấy ý kiến chung.
- Dự kiến : HS không trả lời được câu hỏi.
- Tháo gỡ : GV đặt câu hỏi phụ.

B3: Thảo luận, báo cáo

- Các nhóm trưng bày phiếu học tập, tranh ảnh lên bảng

- Đại diện nhóm trình bày kết quả - Nhóm trưởng điều hành: + Gọi 1 – 2 bạn luyện nói + Các thành viên nhận xét, bổ sung - Các nhóm còn lại nghe, nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, Giáo viên nhận xét, đánh giá từng nhóm, tuyên dương nhóm làm tốt	
II. Trình bày bài nói	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Giáo viên nhận xét, tuyên dương kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.
III. Trao đổi về bài nói	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Trình bày ý kiến của em về một vấn đề môi trường.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trình bày ý kiến của mình về một vấn đề môi trường .

- GV hướng dẫn HS: ô nhiễm không khí, nguồn nước, rác thải ùn ứ, cống rãnh tắc nghẽn....

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy trình bày ý kiến về vấn đề môi trường nơi em sinh sống và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường / Hoặc yêu cầu học sinh vẽ tranh mô phỏng một giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)...

Hướng dẫn tự học ở nhà

- Sưu tầm các tranh ảnh, bài viết về bảo vệ môi trường, làm thành tập san và lưu vào hồ sơ học tập
- Chuẩn bị bài mới: **Độc mở rộng**
 - + Tìm đọc 1 số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gần gũi với văn bản: Trái Đất – ngôi nhà chung.
 - + Ghi chép lại những nội dung em tự tiếp thu được từ văn bản đó.
 - + GV chuẩn bị phiếu học tập

V. Hồ sơ dạy học

Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Xây dựng dàn ý cho bài nói dựa vào những yêu cầu sau:

1.Vấn đề ô nhiễm môi trường em quan tâm đến là gì? (rác thải ở sông, suối; ô nhiễm môi trường đất do thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ hay khói bụi?...)	2. Nguyên nhân của tình trạng này là gì?	3. Em đưa ra những giải pháp nào để khắc phục tình trạng trên?

.....		+ Việc làm 1?
.....		+ Việc làm 2?
		
		

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ HỌC SINH KHI TRÌNH BÀY BÀI NÓI VỀ CÁC GIẢI
PHÁP KHẮC PHỤC NẠN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
11	Nói mạch lạc, rõ ràng	☐	☐
12	Phong thái tự tin	☐	☐
33	Cử chỉ, điệu bộ phù hợp	☐	☐
44	Có hình ảnh minh họa	☐	☐
35	Nội dung đầy đủ, chặt chẽ:	☐	☐
	5.1. Thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay	☐	☐
	5.2 .Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường	☐	☐
	5.3 Các giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường: + Giải pháp (việc làm) thứ 1 + Giải pháp (việc làm) thứ 2 + ...	☐	☐
	Giải pháp có tính khả thi, sáng tạo	☐	☐

TUẦN 33

NGÀY SOẠN: 5/5/2024

TIẾT 129+130: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- + Biết viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề em quan tâm.
- + Nhận diện và hiểu được thể loại văn bản nghị luận
- + Nắm từ mượn, cụm từ
- + Xác định chủ đề
- + Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.
- + Biết vận dụng kiến thức về văn bản nghị luận viết đoạn văn
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, ...
- Ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường.
- Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra thi cử.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận
 - Cách tổ chức kiểm tra: Cho HS làm bài 90'
- (Có đề kèm theo)

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 34

NGÀY SOẠN: 12/5/2024

TIẾT 31: ĐỌC MỞ RỘNG

TIẾT 32: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HKII

TIẾT 33+34: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH.

TIẾT 31: ĐỌC MỞ RỘNG

I. Mục tiêu

- Năng lực ngôn ngữ:
- + Đọc văn bản theo kiểu loại
- + Đọc và hiểu được nội dung tường minh, hàm ẩn của các văn bản nghị luận, văn bản thông tin
- + Nói mạch lạc, tự tin, kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, hành động, hình ảnh minh họa,...)
- Năng lực văn học:

- + Chỉ ra và nhận xét được tác dụng của những yếu tố nghị luận, những biện pháp tu từ trong các văn bản nghị luận, văn bản thông tin
- + Thấy được sự giống và khác nhau theo đặc trưng thể loại của 2 kiểu văn bản này.
- Chăm chỉ: tích cực chuẩn bị nội dung bài nói, thực hiện các nhiệm vụ được giao
- Nhân ái: Yêu thương, trân trọng cuộc sống của muôn loài
- Trách nhiệm: Nêu cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ môi trường và tuyên truyền mọi người cùng tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung của chúng ta.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD, ti vi
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Powerpoint
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

A. Hoạt động Khởi động

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tiếp cận với nội dung chủ đề bài học.
- b) **Nội dung:** HS nêu những hiểu biết của mình về văn bản nghị luận, văn bản thông tin
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS qua bảng KWL
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Phương pháp đóng vai Phương pháp quan sát Kĩ thuật: Đặt câu hỏi Công cụ: Bảng KWL GV yêu cầu HS hoàn thành bảng KWL (hoàn thành cột K và cột W) để GV biết được mức độ ghi nhớ bài của HS về văn bản thông	

tin và văn bản nghị luận. Từ đó, GV tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với HS.

K	W	L
Em đã được biết những văn bản thông tin, văn bản nghị luận nào? Những văn bản ấy có đặc điểm gì?	Em cần biết thêm những gì về văn bản nghị luận, văn bản thông tin?	Em học được điều gì từ nội dung các văn bản đó?

Tình huống dự kiến:

- + Nếu HS nhắc lại được các kiến thức về khái niệm, đặc điểm, các bước đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV rút ngắn phần nhắc lại lý thuyết để tập trung sang phần thực hành.
- + Nếu HS không nhắc lại được các kiến thức về khái niệm, đặc điểm, các bước đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV cần đặt các câu hỏi gợi mở để HS nhớ lại các kiến thức.
- + Nếu HS chưa chuẩn bị được các văn bản thông tin và văn bản nghị luận thì GV cần cung cấp cho HS.

B. Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Học sinh trình bày bài nói đầy đủ nội dung, thuyết phục được người nghe.

b) Nội dung:

- Học sinh thực hiện hoạt động nhóm => thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để xây dựng nội dung bài nói và tiến hành luyện nói.

c) Sản phẩm:

- Phân trình bày miệng trước lớp của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Phương pháp dạy học: Dạy học hợp tác Kĩ thuật: Khăn trải bàn	1. Văn bản nghị luận và văn bản thông tin về chủ đề <i>Trái Đất – ngôi nhà chung</i>

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.

GV chia lớp: 4 – 5 nhóm

Học sinh làm việc cá nhân trong thời gian 2 phút, sau đó tổng hợp lại thành ý kiến chung của cả nhóm

Nội dung thảo luận:

Nội dung 1: Theo Phiếu học tập 1(phụ lục)

Nội dung 2: Chỉ ra điểm khác nhau giữa văn bản nghị luận và văn bản thông tin?

HS thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân
- HS tiến hành thảo luận theo nhóm và hoàn thành phần ghi nhận xét vào Phiếu học tập.

Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu các nhóm tự kiểm tra Phiếu học tập lẫn nhau.
- GV gọi nhóm trưởng báo cáo về ý thức thảo luận nhóm của nhóm mình.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét kết quả làm việc từng nhóm, chỉ rõ việc làm được, việc chưa làm được, biểu dương kết quả.

Phương pháp: Thuyết trình

Công cụ: Phiếu đánh giá tiêu chí

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu các nhóm chia sẻ nội dung trong Phiếu học tập với các bạn.

Khi HS trình bày, các HS còn lại cần căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để nhận xét bài cho bạn.

- HS trình bày.
- HS khác lắng nghe và nhận xét.

- Các văn bản nghị luận:
- Các văn bản thông tin:
- Điểm giống và khác nhau của mỗi loại văn bản.

2. Thuyết trình trước lớp

Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm. GV chia lớp: 4 – 5 nhóm Học sinh làm việc cá nhân trong thời gian 2 phút, sau đó tổng hợp lại thành ý kiến chung của cả nhóm <u>Nội dung thảo luận:</u> Nội dung 1: Theo Phiếu học tập 1(phụ lục) Nội dung 2: Chỉ ra điểm khác nhau giữa văn bản nghị luận và văn bản thông tin? HS thực hiện nhiệm vụ - Học sinh làm việc cá nhân - HS tiến hành thảo luận theo nhóm và hoàn thành phần ghi nhận xét vào Phiếu học tập. Báo cáo kết quả hoạt động - GV yêu cầu các nhóm tự kiểm tra Phiếu học tập lẫn nhau. - GV gọi nhóm trưởng báo cáo về ý thức thảo luận nhóm của nhóm mình. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét kết quả làm việc từng nhóm, chỉ rõ việc làm được, việc chưa làm được, biểu dương kết quả. Phương pháp: Thuyết trình Công cụ: Phiếu đánh giá tiêu chí Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chia sẻ nội dung trong Phiếu học tập với các bạn. Khi HS trình bày, các HS còn lại cần căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để nhận xét bài cho bạn. - HS trình bày. - HS khác lắng nghe và nhận xét.	- Các văn bản nghị luận: - Các văn bản thông tin: - Điểm giống và khác nhau của mỗi loại văn bản. 2. Thuyết trình trước lớp

- GV quan sát, lắng nghe. Báo cáo kết quả hoạt động - Các HS đã được nghe phân trình bày đến từ nhiều bạn trong lớp. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. - HS cần căn cứ vào Tiêu chí đánh giá để trả lời. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Giáo viên nhận xét, tuyên dương kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về văn bản nghị luận, văn bản thông tin

b) Nội dung:

- Lần lượt học sinh đưa ra câu trả lời theo quan điểm cá nhân của mình

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Phương pháp vấn – đáp Kĩ thuật: tia chớp * GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu lần lượt HS trả lời nhanh câu hỏi: <i>Điều em thu nhận được từ việc nghiên cứu, tìm hiểu về văn bản nghị luận, văn bản thông tin</i> Học sinh thực hiện nhiệm vụ Lần lượt học sinh đưa ra câu trả lời theo quan điểm cá nhân của mình	

Hoạt động 4: Vận dụng, tìm tòi mở rộng

a) Mục tiêu:

- Khơi dậy sự sáng tạo trong các sản phẩm học tập của học sinh.

b) Nội dung:

- Học sinh lựa chọn hình thức vẽ tranh, viết văn „về một chủ đề ấn tượng trong giờ học

c) Sản phẩm:

- Tranh trưng bày, bài văn,...của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- Phương pháp: Quan sát GV yêu cầu HS: Lựa chọn 01 chủ đề ấn tượng trong buổi chia sẻ và thực hiện dưới các hình thức sau. + Viết bài văn (khoảng 01 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó. + Vẽ tranh, poster minh họa về vấn đề đó. + Sáng tác 01 bài hát trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương	

IV. Hướng dẫn tự học ở nhà

- Sưu tầm các tranh ảnh, bài viết về bảo vệ môi trường, làm thành tập san và lưu vào hồ sơ học tập

- Chuẩn bị: Trả bài kiểm tra học kì II.

V. Hồ sơ dạy học

Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP

Đây là Phiếu của nhóm: Lớp:

Tên văn bản mà bạn em đã chọn	Đó là văn bản gì?		Thông tin em ghi được	Nhận xét của em
	Thông tin	Nghị luận		

	Nội dung cơ bản	Vấn đề nghị luận		
	Nội dung của từng đoạn văn	Ý kiến của người viết		
	Cách triển khai văn bản	Lý lẽ và dẫn chứng		

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được VB hay, có ý nghĩa	Chưa có VB trình bày trước lớp	Có văn bản trình bày nhưng chưa hay.	Văn bản có nội dung hay và ấn tượng.
2. Nội dung	Nội dung sơ sài, không trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận.	Nội dung đúng, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận.	Nội dung đúng, có cách ví von hấp dẫn, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận.
3. Ngôn ngữ và ngữ điệu	Nói nhỏ, thiếu tự tin, nét mặt chưa biểu cảm.	Nói to những đôi chỗ còn ngập ngừng, lặp lại, tự tin, biểu cảm phù hợp với câu chuyện.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại, tự tin, nét mặt sinh động.
4. Sản phẩm	Hoàn thành dưới 50% yêu cầu trong PHT.	Hoàn thành dưới 50 - 80% yêu cầu trong PHT.	Hoàn thành dưới 90 - 100% yêu cầu trong PHT.

TIẾT 32: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HKII

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có ý thức chủ động, tích cực trong việc nhìn nhận ưu khuyết điểm để có hướng khắc phục.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống.
- Năng lực hợp tác : Biết lắng nghe, chia sẻ và học hỏi để mở rộng hiểu biết.

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Trình bày quan điểm của bản thân đối với vấn đề được đặt ra

- Năng lực văn học:

+ Nhận diện và hiểu được thể loại, phương thức biểu đạt.

+ Hiểu và xác định yêu cầu đề.

+ Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã gợi ra.

+ Biết vận dụng kiến thức về văn thuyết minh vào viết bài.

+ Biết viết bài tự sự đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện cổ tích hoặc truyền thuyết ngoài sách giáo khoa.

2. Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ trong học tập, kiểm tra

II. THIẾT BỊ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra đã chấm, phát hiện những lỗi của HS và chọn bài khá tốt.
- Máy tính, phiếu bài tập chuyển giao nhiệm vụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu đoạn văn trong bài làm của HS

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV cho HS quan sát 1 đoạn văn trong bài viết của HS

HS nhận xét đoạn văn(cách diễn đạt, các lỗi) ?

HỌẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cung cấp đáp án đề kiểm tra GV phát bài kiểm tra, nhận xét chung ưu, nhược điểm ? Tự nhận xét những ưu nhược điểm trong bài kiểm tra ? ? Trao đổi bài kiểm tra với bạn để cùng học tập ? HS tiếp nhận nhiệm vụ B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, lắng nghe, Thực hiện nhiệm vụ độc lập, nhóm B3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV)	I. Đề và đáp án (như đề kiểm tra) II. Nhận xét chung

Nhận xét câu trả lời của HS <i>*Ưu điểm:</i> HS nắm kiến thức, hoàn thành tương đối tốt phần đọc hiểu, nắm thể loại, đặc điểm của thể loại, cụm động từ, từ mượn; Trình bày quan điểm, nêu được chủ đề của đoạn ngữ liệu ; viết được đoạn văn ; viết được bài văn nghị luận về một vấn đề quan tâm. Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy: biết sử dụng phương tiện liên kết <i>*Hạn chế:</i> - Nhiều bài viết chưa hoàn chỉnh, chưa làm tốt kiểu bài nghị luận xã hội. - Bên cạnh đó phần đọc hiểu, một số HS chưa đọc kỹ yêu cầu của đề, làm sai , kết quả chưa cao. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,.... Năng lực hình thành : thương thức –cảm thụ, giao tiếp, tự học	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP :

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để thực hành viết

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS phát hiện và sửa lỗi trong bài kiểm tra

HS hoạt động cá nhân , nhóm vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ : Yêu cầu HS đọc lại bài viết và phát hiện lỗi , HS cùng cả lớp đưa ra phương án sửa lỗi cho bạn.

- HS tiếp nhận và cùng nhau thực hiện nhiệm vụ

- HS lần lượt báo cáo sản phẩm dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: chia sẻ, học hỏi, vận dụng kiến thức đã học để thực hành viết

b. Nội dung:

GV yêu cầu HS đọc bài viết tốt trong bài kiểm tra để HS cả lớp cùng tham khảo.

HS hoạt động cá nhân báo cáo

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ : HS đọc bài viết tốt trong bài kiểm tra để HS cả lớp cùng tham khảo. HS cùng cả lớp cùng lắng nghe.

- HS tiếp nhận và cùng nhau thực hiện nhiệm vụ

- HS lần lượt báo cáo sản phẩm dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- GV nhận xét, đánh giá,

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Xem lại các thể loại đã kiểm tra.

- Chuẩn bị: Bài 10

Giới thiệu bài học, tri thức ngữ văn, tìm hiểu “Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách”

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TIẾT 33+34: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH.

I. MỤC TIÊU

- Phát triển kỹ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

- Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

- HS yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Cuốn sách theo chủ đề học tập được định hướng
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, các phương tiện khác như màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa (tranh ảnh, phim ngắn...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

DẠY HỌC THEO DỰ ÁN

DỰ ÁN: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Chủ đề: Gỗ cửa trái tim, Khác biệt và gần gũi

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
Tiết	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Khởi động	Giới thiệu bài học, Tri thức ngữ văn	- Danh mục sách được chọn, po-xơ chung của dự án - Góc đọc sách của nhóm, lớp		
2,3,4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách	Nhật kí đọc sách của nhóm (pô-xơ, phiếu đọc sách)		
5,6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả	- Sản phẩm nghệ thuật minh họa sách (kết hợp viết và vẽ minh họa) - Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc		
7,8	Thực hiện dự án: Nói và nghe	Về đích: Ngày hội với sách	Bài trình bày trực tiếp hoặc bằng hình, đoạn phim ngắn ghi lại nội dung nhóm, cá nhân trình bày ý kiến về một vấn đề		

			trong đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.		

GIẢI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học. tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c) Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức trò chơi: <i>Giải mã mật thư xanh</i> <i>GV tổ chức phần thi ngắn giữa các nhóm theo hình thức câu đố</i> <i>1.</i> Trái đất mặc áo mây tầng Đố em biết áo mây tầng là chi ☐ Đáp án: Khí quyển Không có quả không có cây Thế mà có hạt rụng đầy nơi nơi Cỏ cây thấy rụng thì vui Loài vật thấy rụng tìm nơi ẩn mình ☐ Đáp án: Hạt mưa Cầu gì chỉ mọc sau mưa Lung linh bảy sắc, bắc vừa tới mây? ☐ Đáp án: Cầu vồng Chân gì ở tít tắp xa Gọi là chân đấy, nhưng mà không chân ☐ Đáp án: Chân trời Là sông chẳng giọt nước nào Lại còn vắt vẻo trên cao lạ kỳ Ban ngày tránh nắng sông đi Lúc sông hiện rõ là khi đêm về	HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân.

☐ Đáp án: sông Ngân Hà Chẳng phải củi , chẳng phải than Mà nuôi được lửa từ ngàn năm xưa Hình hài nào thấy bao giờ ở đâu mà thiếu , lửa chờ chẳng lên ☐ Đáp án: Khí oxi Trong như hạt ngọc Mọc trên lá xanh Nắng rọi xuống cành ☐ Đáp án: Hạt sương Biến nhanh như chớp Hình hài nào thấy xưa nay thế mà chạy được suốt ngày suốt đêm ☐ Đáp án: Gió HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + <i>GV dẫn dắt:</i> Sách là người thầy, người bạn thân thiết của chúng ta và giúp mỗi người có thêm nhiều tri thức. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu và khám phá những cuốn sách với chủ đề “Trái Đất – ngôi nhà chung”.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khám phá Tri thức ngữ văn

- a. **Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về VB nghị luận văn học
- b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + <i>VB nghị luận văn học là gì?</i> + <i>Lí lẽ là gì? Bằng chứng trong VB được lấy từ đâu?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	1. VB nghị luận văn học - Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại,... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới. - Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại,... - Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học.

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Lựa chọn được những chủ đề sách yêu thích và đọc các cuốn sách có liên quan. Nắm rõ được các thông tin cuốn sách, nội dung, nghệ thuật đặc sắc của cuốn sách.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Mỗi nhóm lựa chọn 2 trong số các chủ đề sau: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung.	1. Đọc và thể hiện sản phẩm - Cả nhóm cùng đọc và rút ra những thông tin cần thiết về tác phẩm.

+ HS cùng đọc sách đã lựa chọn và nắm rõ các thông tin: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản. Các thông tin về nội dung: đề tài chủ đề sách, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết. + HS thể hiện nội dung lên pô-xtơ và trang trí nội dung. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Các nhóm hoàn thành sản phẩm trình bày trên giấy A0 và trình bày Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	- Thể hiện sản phẩm: pô-xtơ minh hoạt cho sp, xây dựng đoạn phim ngắn...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: So sánh đặc điểm của VB nghị luận và VB nghị luận văn học để chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Đọc VB nghị luận văn học và tìm ra các đặc điểm đặc trưng thể loại

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** Hướng dẫn tự học: (2')**

- Nắm các kiến thức về tri thức Ngữ văn
- Biết chọn và tìm hiểu các cuốn sách đã học và đọc.
- Chuẩn bị bài: Đọc văn bản Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

TUẦN 35

NGÀY SOẠN: 12/5/2024

TIẾT 135+136: ĐỌC VĂN BẢN “THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH”. (TT)

TIẾT 137+138: THÁCH THỨC THỨ HAI “MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH”

TIẾT 135+136: ĐỌC VĂN BẢN “THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH”. (TT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Về năng lực:

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác:
 - + Trong hoạt động học tập tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến.
 - + Trình bày 1 cách tự tin ý kiến của mình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống. Tự thiết kế một sản phẩm minh họa cho cuốn sách như: poster, fanpage, sơ đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- Tìm hiểu, thu thập thông tin về sách, về các văn bản văn học. Biết đọc văn bản theo thể loại nghị luận
- Đọc - xây dựng các sản phẩm thể hiện việc nắm bắt được thông tin, hiểu biết về các cuốn sách đã đọc. Biết giới thiệu một tác giả mà HS yêu thích một cách rõ ràng về thông tin, quan điểm, thái độ, ...
- Hợp tác, chia sẻ thông tin - kết quả của hoạt động đọc và báo cáo dự án của nhóm.
- Phát biểu, trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, quan điểm, sở thích cá nhân về nhân vật, tác giả hoặc những điều thú vị trong sách.
- Phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo và yêu thích biểu diễn (đóng vai) của HS qua các hoạt động.
- Nhận biết được một số yếu tố của bài văn nghị luận văn học bàn về một tác giả.

- Phân tích và so sánh để thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách.

2. Về phẩm chất:

- **Yêu nước:** Tự hào về giá trị văn hóa thông qua những cuốn sách.
- **Chăm chỉ:** Thích đọc sách. Học hỏi và trau chuốt ngôn ngữ để vận dụng vào việc thuyết trình dự án đọc sách.
- **Nhân ái:** Có thái độ (lên án, cảm thông,...) trước hoàn cảnh, số phận...gợi ra từ cuốn sách.
- **Trung thực:** Thắng thắn trình bày quan điểm cá nhân.
- **Trách nhiệm:** Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sgk, sgv, kế hoạch bài dạy.
- Một số cuốn sách hoặc tác phẩm văn học.
- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Tư liệu và tranh ảnh về tác giả Lò Ngân Sủn
- Tranh ảnh, trích đoạn phim *CÂY KHẾ* được chuyển thể từ truyện *CÂY KHẾ*
- Phiếu học tập; Phiếu đánh giá theo tiêu chí.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Lựa chọn được những chủ đề của dự án.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

- GV cho HS quan sát một số hình ảnh liên quan đến những tác phẩm đã học, từ đó tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS thi đua sưu tầm tên sách hoặc cuốn sách cần đọc nhất theo chủ đề

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

1. Chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe câu hỏi và tổ chức trò chơi “Ngôi nhà của những người yêu sách”:

? Cho biết hình ảnh trên minh họa cho văn bản nào? Thuộc chủ đề nào đã học?

- Tổ chức trò chơi cho HS sưu tầm tên sách hoặc những cuốn sách liên quan đến chủ đề vừa tìm.

- Sau đó sắp xếp các cuốn sách mà HS chọn theo hai chủ đề mà ta lựa chọn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

1. **HS** quan sát hình ảnh, thực hiện theo yêu cầu và tham gia trò chơi.

GV quan sát, lựa chọn kết quả trả lời từ học sinh.

2. **HS** đọc phân tri thức Ngữ văn.

3. **HS** làm việc theo nhóm 5’.

- HS hợp tác tiến hành làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả phiếu học tập hoặc bảng phụ nhóm mình.

GV theo dõi, hỗ trợ HS khuyến khích các em chưa chủ động tham gia trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc.
- Viết tên chủ đề dự án và kết nối vào chủ đề “**Cuốn sách tôi yêu**”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 1.

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS giới thiệu về những điều thú vị trong cuốn sách yêu thích mà mình đã đọc theo quan điểm cá nhân.
- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Giao nhiệm vụ cho HS về nhà tìm đọc một cuốn sách mà em cho là hay nhất, yêu thích nhất, viết ra những thông tin về cuốn sách và những điều thú vị trong cuốn sách ấy theo phần câu hỏi gợi ý SGK/100 bằng phiếu giao việc. - GV tổ chức thuyết trình theo hình thức quay số hoặc bốc thăm để chọn người thực hiện. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Lựa chọn và đọc cuốn sách mà mình thích, viết ra những thông tin và điều thú vị về cuốn sách vừa đọc (làm ở nhà). - HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân theo hình thức thuyết trình trực tiếp hoặc quay video... GV - Theo dõi, hỗ trợ HS trong quá trình chia sẻ của HS. B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu các nhóm giới thiệu về sản phẩm nhóm mình. HS: - Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu đã đọc về cuốn sách đó).	2. CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét phần trình bày của HS và bổ sung những thông tin cần thiết cho HS.
- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.

HOẠT ĐỘNG 2. GẶP GỠ TÁC GIẢ**a) Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận ra được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học thông qua bài đọc.
- HS hiểu rõ hơn về tác giả Lò Ngân Sủn
- Nhận ra được đặc điểm của bài văn nghị luận văn học bàn về một tác giả.
- Mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật: văn học và nghệ thuật, văn học và hội họa.

b) Nội dung:

- GV cho HS đọc theo nhóm, chơi trò chơi "Ai nhanh hơn" để tìm hiểu bài.
- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV cho học sinh xem phim **Tâm Cầm** - phim được chuyển thể từ sách và chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và sách.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. Phiếu trả lời trắc nghiệm của học sinh; Phiếu học tập của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
- GV yêu cầu học sinh trình bày những thông tin về nhà thơ LNS đã được chuẩn bị ở nhà. - Hs Trình bày kết quả theo cá nhân - HS khác bổ sung. - GV nhận xét, chốt: Nhà thơ Lò Ngân Sủn (1945 – 2013), dân tộc Giáy, quê Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Ông nguyên là Tổng thư ký Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, nguyên ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam và nguyên Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Lào Cai. Sinh thời, nhà thơ Lò Ngân Sủn đã cho ra đời 17 tập thơ với nhiều giải thưởng * Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS: đọc VB <i>Nhà thơ Lò Ngân Sủn - người con của núi</i>, - Thông qua văn bản này chúng ta cần nhận ra được đặc điểm của VB nghị luận văn học bằng cách trả lời các câu hỏi - GV yêu cầu HS: đọc văn bản theo nhóm bàn. Chú ý các thông tin mục “theo dõi” để tìm các lí lẽ của người viết và các bằng chứng được nêu ra để minh họa, làm rõ cho lí lẽ. ? Dựa vào kiến thức đã tìm hiểu của tiết trước cho biết văn bản này thuộc thể loại gì?	3. GẶP GỠ TÁC GIẢ Tìm hiểu văn bản “Nhà thơ Lò Ngân Sủn - người con của núi”

? Vấn đề nghị luận (đối tượng nghị luận) là gì? - GV yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau vào phiếu trả lời trắc nghiệm (Nhóm nào nhiều đáp án đúng sẽ giành chiến thắng). Việc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sẽ làm sáng tỏ các đặc điểm cho bài văn nghị luận: <i>Phiếu học tập</i> Câu 1. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là “người con của núi”? A. Vì những bài thơ của Lò Ngân Sủn khiến người đọc như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. B. Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng. C. Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn đích thực là một “người con của núi”, của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. D. Vì Lò Ngân Sủn là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên chín khúc Bản Xèo</i>, <i>Ngôi nhà rông</i>. ? Luận điểm của văn bản được thể hiện qua câu văn nào? Câu 2. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài. A. Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. B. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phần hồn thơ Lò Ngân Sủn. C. Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như <i>Chiều biên giới</i>, <i>Trời và đất</i>, <i>Đi trên chín khúc Bản Xèo</i>, <i>Ngôi nhà rông</i> đều mang âm vọng của núi, mệnh mang lời của núi. D. <i>Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?</i> Câu 3. Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết? A. Lí lẽ B. Bằng chứng C. Luận điểm D. Luận đề Câu 4. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu? A. Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận	- Thể loại: nghị luận văn học (bàn về một tác giả). - Vấn đề nghị luận (Đối tượng nghị luận): Nhà thơ Lò Ngân Sủn - Luận điểm: Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ

B. Làm bằng chứng cho vấn đề được nêu ra để bàn luận C. Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận D. Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu ra để bàn luận ? Từ quá trình phân tích trên các em hãy rút ra các yêu cầu về luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng của văn bản nghị luận văn học? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung	mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông? - Luận cứ: Là dẫn chứng các câu thơ trong bài văn, các lí lẽ của tác giả về nhà thơ LNS * Đặc điểm cơ bản của văn bản NLVH: luận điểm rõ ràng, lí lẽ chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục

HOẠT ĐỘNG 3. PHIÊU LƯU CÙNG TRANG SÁCH

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của HS.

b) Nội dung:

- GV cho học sinh xem "cây khế" - phim được chuyển thể từ sách, sử dụng KT mảnh ghép để so sánh sự khác nhau của sách và phim.
- HS suy nghĩ cá nhân, thảo luận để trả lời, hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập của HS.

HD của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV nêu yêu cầu trước khi cho học sinh xem video. - Chia lớp thành 8 nhóm, giao nhiệm vụ: Em hãy xem video sau và so sánh điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và hình thức giữa tác phẩm được chuyển thể và sách. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Xem video. - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận	4. PHIÊU LƯU CÙNG TRANG SÁCH * So sánh sự khác biệt giữa sách và phim chuyển thể - Tương đồng: Phim giữ nguyên cốt truyện, kể về những thử thách mà Tấm trải qua. - Khác biệt: Phim có sử dụng âm nhạc, đầu tư hình ảnh, diễn viên,...-> hấp dẫn thu hút người xem.

HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách đưa ra các câu hỏi gợi mở (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Nắm chắc kiến thức đã học vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS hợp tác nhóm và thực hiện đóng phân vai cho một tác phẩm trích đoạn trong một tác phẩm thuộc chủ đề đã chọn.

c) Sản phẩm: Tiêu phẩm do HS trình diễn.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm, cho HS thảo luận 5 phút chuẩn bị đóng vai.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

HS tiến hành chọn tác phẩm, thảo luận phân chia vai, tiến hành đóng vai.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- Đại diện các nhóm lên biểu diễn.

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, phát triển năng khiếu hội họa của HS.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS là 1 tác phẩm hội họa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Vẽ lại bìa của một cuốn sách mà em yêu thích hoặc vẽ lại một hình ảnh mà em ấn tượng nhất trong cuốn sách đã đọc.

- Nộp sản phẩm về cho GV dạy môn Mỹ thuật của lớp hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hành vẽ và trang trí ở nhà.

GV phối hợp với GV dạy Mỹ thuật để đánh giá HS.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV dạy Họa qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học
- Nhớ được đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận
- Chuẩn bị: Thách thức thứ hai.

V. Hồ sơ dạy học**1. Kế hoạch đánh giá**

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập - Hồ sơ học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

2. Phiếu học tập

Nhan đề	Mở đầu	Thế giới từ trang sách	Bài học từ trang sách
<i>Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?</i>	<i>Phần mở đầu có gì đáng chú ý? Vì sao?</i>	<i>Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đọc?</i>	<i>Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?</i>

3. Phiếu đánh giá theo tiêu chí

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ (Điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và truyện)			
NHÓM:			
TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Tốt (8-10 điểm)	Đạt (5-7 điểm)	Chưa đạt (dưới 5 điểm)
1. Nêu được đầy đủ điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và truyện	X		
2. Chỉ nêu được 1 trong 2 nội dung tương đồng hoặc khác biệt giữa phim và truyện.		X	
3. Nêu được chưa đầy đủ các nội dung hoặc nêu chưa chính xác điểm tương đồng giữa phim và truyện.			X

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TIẾT 137+138: THÁCH THỨC THỨ HAI “MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH”

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Bước đầu viết được một bài văn trình bày trình bày ý kiến về một sự việc, hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã học.
- Biết giới thiệu một cuốn sách mà bản thân yêu thích.
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ, biết bảo vệ và quadiểm cá nhân một cách thuyết phục.
- Nhận diện hiện tượng đời sống từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.
- Viết được bài văn trình bày trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống
- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một hiện tượng đời sống.
- Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách đã đọc.
- Vận dụng được những điều đã học vào giải quyết những vấn đề tương tự trong thực tế cuộc sống.
- Say mê, yêu thích khám phá, sáng tạo.
- Có thói quen đọc sách, trân quý sách.
- Trung thực, thẳng thắn bày tỏ quan điểm trước những hiện tượng đặt ra trong sách vở và đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sgv, sgk, kế hoạch bài dạy
- Ti vi
- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu

- Huy động trải nghiệm đọc của HS, kết nối với chủ đề, hình thành động cơ, hứng thú với bài học.

b) Nội dung

GV tổ chức cho HS chia sẻ về trải nghiệm đọc sách.

? Gần đây, em đọc cuốn sách nào? Nếu được đề nghị chia sẻ về cuốn sách đó, em sẽ chia sẻ điều gì? Bằng hình thức nào?

c) Sản phẩm

Chia sẻ của HS về cuốn sách mình đang đọc hoặc đã đọc.

d) Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi khơi gợi để HS chia sẻ trải nghiệm đọc sách (có thể bắt đầu bằng việc chia sẻ trải nghiệm của chính bản thân mình).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, hồi tưởng về những điều thú vị muốn chia sẻ với mọi người về cuốn sách mình đã hoặc đang đọc.

B3. Báo cáo, thảo luận

- GV mời 2-3 HS chia sẻ trải nghiệm.

B4. Kết luận, nhận định

- GV biểu dương thái độ chăm chỉ đọc sách của HS.
- Từ những chia sẻ của HS, GV kết nối với chủ đề bài học: *Một cuốn sách giá trị sẽ có khả năng khơi dậy những cảm xúc, suy tư về những nhân vật, chi tiết...trong đó. Không chỉ thế, nó còn có khả năng gợi ra những suy tưởng về đời sống thực tế của chúng ta. Để chia sẻ những điều đó, người đọc có thể lựa chọn nhiều cách thức khác nhau.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (báo cáo dự án)

HOẠT ĐỘNG I. SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT

a) Mục tiêu

Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách yêu thích.

b) Nội dung

HS được yêu cầu lựa chọn và thực hiện một trong các nội dung sau:

- Kể chuyện sáng tạo (chọn một đoạn truyện)
- Dựng phim ngắn (chọn đoạn truyện tiêu biểu)
- Nếu được đề nghị thiết kế bìa minh họa cho cuốn sách em yêu thích trong lần tái bản sắp tới, em thiết kế như thế nào? (vẽ tay hoặc sử dụng phần mềm thiết kế)
- Vẽ tranh hình ảnh nhân vật em yêu thích (minh họa sự kiện)

c) Sản phẩm: Các sản phẩm nghệ thuật của HS được lấy ý tưởng từ cuốn sách.

d) Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Hướng dẫn HS các hình thức có thể sử dụng để sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật liên quan đến cuốn sách yêu thích.
- + Hướng dẫn HS thành lập 06 nhóm theo sở trường.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hành vẽ và trang trí ở nhà.

GV phối hợp với GV dạy Mỹ thuật để đánh giá HS.

B3. Báo cáo thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV dạy Họa qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

B4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, biểu dương tinh thần học tập của HS.
- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Góp ý để các nhóm hoàn thiện sản phẩm nghệ thuật của mình (có thể đánh giá bằng điểm số).

HOẠT ĐỘNG II. VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC

a) Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài, các yêu cầu đối với kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã học.
- Lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng phù hợp để làm rõ hiện tượng. Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng.
- Biết cách trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách.
- Bài viết tham khảo trình bày về nỗi đau của Ken-ga (Kengah) và trách nhiệm của con người với môi trường.
- Biết cách giới thiệu hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách.
- Học tập cách đưa sử dụng lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề.
- Biết viết bài theo các bước. Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Trình bày được ý kiến cá nhân về hiện tượng bằng một bài văn hoàn chỉnh.

b) Nội dung:

- GV chia nhóm lớp. Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập.
- HS đọc SGK. Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra
- GV:
 - + Tổ chức trò chơi “*Ai thuộc về ai*” để gợi ý HS lựa chọn hiện tượng đời sống trong các cuốn sách.
 - + Hướng dẫn HS hoàn thành phiếu tìm ý và lập dàn ý, triển khai bài viết theo các bước.
- HS tham gia trò chơi, lựa chọn đề tài, hoàn thành phiếu tìm ý, lập dàn ý và triển khai bài viết.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS, Phần chơi của HS; phiếu tìm ý, dàn ý và bài viết của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Theo em, bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc thuộc kiểu bài nào? ? Em sẽ sử dụng chủ yếu những yếu tố nào khi viết bài văn thuộc kiểu văn bản này? - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát SGK. - Làm việc cá nhân 2'. - Làm việc nhóm 3' để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. HS: - Trình bày sản phẩm nhóm.	I. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc”. - Kiểu văn bản: nghị luận văn học - Các yếu tố chủ yếu: lí lẽ và dẫn chứng - Nêu được tên sách và tác giả - Nêu được hiện tượng đời sống gọi ra từ cuốn sách và nêu ý kiến của em về hiện tượng đó - Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục sau.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm <i>1. Bài viết giới thiệu tên cuốn sách, tác giả ở đâu? Như thế nào?</i> <i>2. Hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra là gì? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng đó?</i> <i>3. Tìm và nhận xét về những lí lẽ, dẫn chứng mà bài viết sử dụng để làm rõ hiện tượng?</i> <i>4. Phần thực tế đời sống ở đâu? Liên hệ như vậy đã phù hợp và sát với thực tế hay chưa?</i> <i>5. Ý nghĩa của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách này là gì? Phát biểu ý kiến của em?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định GV: Nhận xét + Câu trả lời của HS	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo. - Trình bày về hiện tượng ô nhiễm môi trường. 1. Tên cuốn sách và tác giả ở phần đầu, giới thiệu trực tiếp nhưng rất thú vị. 2. Hiện tượng đời sống được gợi ra: ô nhiễm môi trường và trách nhiệm của con người. → Chia sẻ suy nghĩ cá nhân: đau xót, lo lắng... 3. Lí lẽ, dẫn chứng: - “Thứ chất lỏng... mạng sườn của cô”. - Con người đã gây ra nỗi đau cho Ken-gan. - Ô nhiễm môi trường ở khắp mọi nơi. → hợp lí, có tính thuyết phục. 4. Liên hệ: (ngay sau phần lí lẽ, dẫn chứng): - Nâng cao ý thức cá nhân của mỗi con người. - Thu gom rác thải, ý thức giữ gìn môi trường xanh – sạch- đẹp dù là ở bất kì nơi nào. - Sử dụng năng lượng một cách hợp lí. - Hạn chế việc thải những lượng rác thải độc hại vào môi trường. 5. Tầm quan trọng , ý nghĩa của hiện tượng: - Đây là một hiện tượng nóng bỏng, vừa có tính thời sự, vừa có ý nghĩa lâu dài. - Câu chuyện nhỏ nhưng có giá trị to lớn, gióng lên hồi chuông thức tỉnh ý thức trách nhiệm của con người.

+ Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm									
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Hãy suy nghĩ và kết nối các cuốn sách với hiện tượng đời sống tương ứng mà nó gọi ra bằng cách tham gia trò chơi “Ai thuộc về ai”. ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Tham gia trò chơi để tìm hiểu và lựa chọn đề tài cho bài viết. - GV chia nhóm theo đề tài HS lựa chọn. - Đọc, nghiên cứu, hoàn thiện phiếu học (tìm ý). - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table border="1" data-bbox="792 495 1471 850"> <tr> <td>Điều em muốn viết liên quan đến cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó?</td><td></td></tr> <tr> <td>Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?</td><td></td></tr> <tr> <td>Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - Mở bài: Giới thiệu tên sách, tác giả, hiện tượng đời sống mà cuốn sách gọi ra. - Thân bài: + Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng). + Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến cá nhân về hiện tượng cần bàn luận. + Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gọi lên hiện tượng cần bàn. - Kết bài: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách. 2. Viết bài - Triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý. - Phân biệt mở bài, thân bài, kết bài. - Có thể tách các ý trong phần thân bài thành các đoạn văn. - Quan điểm (ý kiến) về hiện tượng phải rõ ràng, nhất quán. - Các câu văn, đoạn văn có sự liên kết, mạch lạc. 3. Chỉnh sửa bài viết Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo: - Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật. - Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ.	Điều em muốn viết liên quan đến cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó?		Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?		Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?		Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó	
Điều em muốn viết liên quan đến cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó?									
Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?									
Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?									
Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó									

A. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Viết được bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc

b. **Nội dung:** HS viết bài theo yêu cầu của GV.

c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV – HS	Sản phẩm dự kiến
PP đàm thoại gợi mở, pp giải quyết vấn đề KT động não, cá nhân - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc. - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - GV yêu cầu vài HS trình bày bài viết, HS khác nhận xét, bổ sung - Đánh giá bài viết của học sinh qua phiếu đánh giá theo tiêu chí rubric	IV. Luyện tập Đề bài Viết bài văn nghị luận ngắn (khoảng 10 đến 15 dòng) về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

a) **Mục tiêu:**

-HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vừa học để phát hiện và nêu ý kiến về các hiện tượng đời sống trong các cuốn sách khác.

b) **Nội dung:**

- Tìm đọc các cuốn sách thuộc các đề tài gần gũi (GV có thể gợi ý: Truyện Tô Hoài, Phạm Hổ, Vũ Hùng, Nguyễn Nhật Ánh,...; Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh...)

- Phát hiện những hiện tượng đời sống có thể được gọi ra từ cuốn sách.

- Viết bài văn trình bày ý kiến về một trong những hiện tượng vừa chỉ ra.

c) **Sản phẩm:**

- Tên sách và các hiện tượng đời sống gọi ra từ cuốn sách.

- Bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách.

d) **Tổ chức thực hiện:**

GV Chuyển giao nhiệm vụ:

- Tìm đọc các cuốn sách thuộc các đề tài gần gũi (GV có thể gợi ý: Truyện Tô Hoài, Phạm Hổ, Vũ Hùng, Nguyễn Nhật Ánh,...; Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh...)

- Phát hiện những hiện tượng đời sống có thể được gọi ra từ cuốn sách.

- Viết bài văn trình bày ý kiến về một trong những hiện tượng vừa chỉ ra.

HS: Thực hiện tại nhà, chia sẻ kết quả thực hiện trên group học tập hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

GV: Theo dõi, nhận xét trực tuyến hoặc trong các giờ ngoại khóa.

IV. Hướng dẫn tự học ở nhà

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. GV giao nhiệm vụ cho HS.

+ Chuẩn bị bài mới:

Chuẩn bị cây đọc sách của nhóm, lớp.

Nhật kí đọc sách của cá nhân.

Các cuốn sách đã đọc

Bài giới thiệu sách của cá nhân của nhóm, lớp;

- Chuẩn bị cho Về đích: Ngày hội với sách.

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Quan sát - Vấn đáp - Sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Bài tập - Rubric	

2. Phiếu học tập

PHIẾU TÌM Ý	
Họ và tên: Lớp	
Hiện tượng đó là gì?	
Ý kiến của em như thế nào?	
Hiện tượng đó xảy ra như thế nào?	
Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác?	
Cần làm gì để khắc phục (hiện tượng xấu) hoặc phát huy (hiện tượng tốt)?	

3. Phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubric)

TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ		
	Tốt (8 – 10 điểm)	Đạt (5 – 7 điểm)	Chưa đạt (dưới 5 điểm)
Bài viết xác định được một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc; thể hiện được ý kiến của người viết; dùng dẫn chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc. Bài viết có đầy đủ bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.	X		
Bài viết đã xác định được một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc; đã thể hiện được ý kiến của người viết, tuy nhiên việc dùng dẫn chứng và lí lẽ chưa thực sự thuyết phục người đọc. Bài viết có đầy đủ bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.		X	
Bài viết sơ sài, chưa đưa ra được hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách, các câu văn lủng củng			X

TUẦN 35+

NGÀY SOẠN: 12/5/2024

TIẾT 139+140: VỀ ĐÍCH “NGÀY HỘI VỚI SÁCH”

I. MỤC TIÊU

- Trình bày suy nghĩ và cảm nhận của cá nhân về một cuốn sách yêu thích.
- Trình bày quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục.
- HS biết cách nói và nghe phù hợp trong các tình huống,
- Rút ra ý nghĩa, bài học từ các cuốn sách đã đọc.
- Chăm chỉ: Thích đọc sách. Học hỏi và trau chuốt ngôn ngữ để vận dụng vào việc thuyết trình dự án đọc sách.
- Trách nhiệm: Có ý thức tự giác, tích cực trong học tập, có ý thức tìm hiểu, giữ gìn sách.
- Nhân ái: Có thái độ (lên án, cảm thông,...) trước hoàn cảnh, số phận...gợi ra từ cuốn sách.
- Trung thực: Thẳng thắn trình bày quan điểm cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sgk, sgk, kế hoạch bài dạy.
- Tì vi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Giấy A4.
- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.
- Cây đọc sách của nhóm, lớp.
- Nhật kí đọc sách của cá nhân.
- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.
- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.
- Danh mục sách.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú học tập cho học sinh.
- Kích thích học sinh tìm hiểu thông điệp gợi ra từ video về hiện tượng đời sống.

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video về thông điệp cuộc sống và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung là trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ video.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu 1 đoạn video ngắn trong bài hát *Trang sách em yêu* do Ái Khanh biểu diễn (*Vào youtube*) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ GV yêu cầu HS xác định tên bài hát, tác giả của bài hát. Nội dung bài hát muốn thể hiện là gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1 : giới thiệu sản phẩm minh họa sách

a) Mục tiêu

* HS trưng bày sản phẩm về cuốn sách muốn minh họa:

- HS được trải nghiệm, được thể hiện sự sáng tạo của mình qua các sản phẩm cụ thể; Biết cách trưng bày sản phẩm đẹp và khoa học.
- HS trình bày ý kiến sao cho thuyết phục, thảo luận một cuốn sách hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức đóng kịch, ngâm thơ,...
- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.
- Cây đọc sách của nhóm, lớp.
- Nhật kí đọc sách của cá nhân.

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.
- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức.

b) Nội dung:

- HS đọc SGK/106. Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.
- HS sắp xếp, trưng bày sản phẩm sáng tạo của cá nhân và các nhóm về tranh minh họa, sưu tập các loại sách theo chủ đề đã được học.
- HS thuyết trình được về sản phẩm sáng tạo của cá nhân, nhóm về tranh minh họa, các loại sách theo chủ đề đã được học.

c) Sản phẩm:

- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;
- Các cuốn sách đã đọc;
- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp.
- Các bài thuyết trình về sản phẩm minh họa sách.
- HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của gv – hs	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gọi HS xác định yêu cầu của hoạt động. - KT: phòng tranh, chia nhóm Nhiệm vụ (qua bốc thăm) của các nhóm đã được phân công ở các tiết học trước. - GV nêu rõ yêu cầu: GV cho các nhóm/ cá nhân thời gian 05 Phút để chuẩn bị/ trưng bày sản phẩm của cá nhân/ nhóm mình. - GV yêu cầu học sinh nào được giao nhiệm vụ thuyết trình cũng chuẩn bị bài nói (đã chuẩn bị ở nhà). - GV hướng dẫn HS chuẩn bị. B2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Trưng bày sản phẩm minh họa sách.

- HS thực hiện yêu cầu. B3: Báo cáo thảo luận HS:- Đại diện nhóm trưng bày sản phẩm sách, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm. B4: Kết luận, nhận định GV: - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	
- GV cho các nhóm/ cá nhân bốc thăm thứ tự thuyết trình của nhóm mình. - Bầu ra một bạn làm thư kí tổng hợp điểm. - GV đưa ra yêu cầu + Đối với HS đại diện nhóm khi đứng ra thuyết trình. * Yêu cầu: Thời gian trung bình: 3 phút (tùy đối tượng học sinh) + Đối với các học sinh nhóm khác: chú ý lắng nghe để thảo luận trao đổi, nhận xét và cho điểm cho kết quả nhóm bạn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ - Phát phiếu tiêu chí chấm điểm. (Gv khuyến khích, động viên, hoặc cho cả lớp động viên bằng tràng pháo tay...) - Đại diện học sinh các nhóm lần lượt trình bày theo thứ tự bốc thăm. - HS nhóm khác nghe - HS thảo luận kết quả của các nhóm, đưa ra câu phản biện yêu cầu đội trình bày trả lời. - HS nhóm khác cho điểm và GV cho điểm. - GV nhận xét, tiếp tục khuyến khích.	2: Thuyết trình sản phẩm minh họa sách

- GV yêu cầu thư kí tổng hợp điểm và công bố điểm vào đầu giờ sau.	

(Điểm cộng của cả hai tiết báo cáo và lấy điểm theo nhóm/cá nhân.)	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS. HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập. Mảnh giấy ghi những điều cô đọng nhất muốn chia sẻ.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó dựa trên việc trả lời những câu hỏi sau:

- Em đã đọc cuốn sách khi nào? Điều gì làm em thích thú khi đọc cuốn sách?

- Cuốn sách đem đến cho em những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ gì?

- Vì sao nên đọc cuốn sách này?

Bài tập 2: Ghi vào một mảnh giấy hình chiếc lá, quả táo, trái đào, ngôi sao.... những điều cô đọng nhất em muốn chia sẻ về cuốn sách mới đọc. Gắn mảnh giấy lên góc đọc sách, cây đọc sách của lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó.

- GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi. Gợi ý HS trình bày suy nghĩ của mình.

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày sau đó gắn mảnh giấy lên góc đọc sách, cây đọc sách của lớp.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG - MỞ RỘNG

a) Mục tiêu:

- Củng cố khắc sâu kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm kiến thức bằng cách yêu cầu học sinh thống kê các danh mục sách đã học và đã đọc.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Giới thiệu một sản phẩm minh họa sách cùng với các bạn trong lớp, khối của em.

Bài tập 2: Em hãy lập danh mục sách mà em đã học (đã đọc) và thử trang trí để danh mục ấy thật hấp dẫn, sinh động?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng.

IV. Hướng dẫn tự học ở nhà

- Củng cố lại kiến thức đã học.
- Học sinh lập kế hoạch đọc sách, giới thiệu sách đến các bạn và mọi người.

V. Hồ sơ dạy học

1. Kế hoạch đánh giá

- Kế hoạch đánh giá hs của GV

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú

Đánh giá thường xuyên	- PP giải quyết vấn đề. - PP dạy học nhóm. - PP hợp tác. - PP quan sát - PP hỏi đáp - PP đánh giá qua sản phẩm học tập. - PP đàm thoại, gợi mở	- Sản phẩm học tập. - Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)	

2. Phiếu học tập

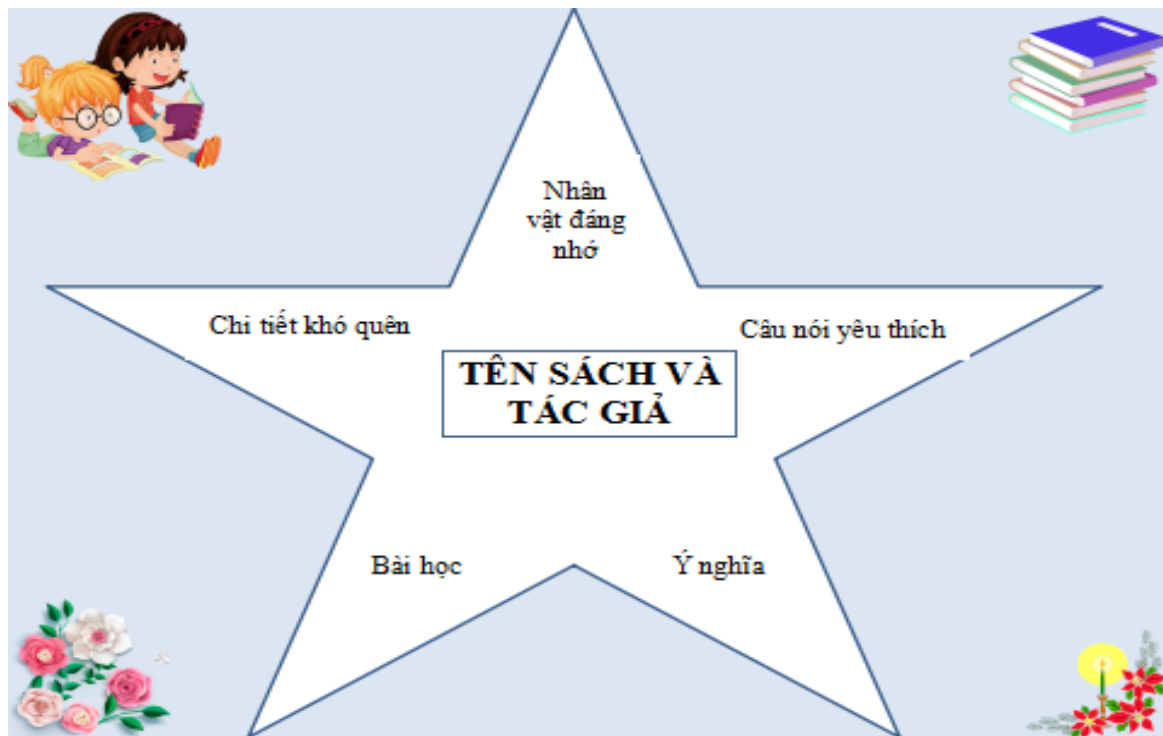
2.1. Hoạt động thuyết trình 1.2

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM NHÓM/CÁ NHÂN

Tiêu chí đánh giá (2.5 điểm/tiêu chí)		Điểm tối đa	Điểm giáo viên dạy	Điểm nhóm khác (Hoặc GV dự giờ)
Tranh vẽ minh họa sách	Bố cục, trang trí, màu sắc			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình(<i>Tự tin, lời cuốn</i>)			
Nhóm.....	Tổng (10đ)			
Trung bày sách	Hình thức(<i>Cân đối, bắt mắt, sinh động, phong phú...</i>)			
	Nội dung			
	Sáng tạo			
	Thuyết trình			
Nhóm	Tổng (10đ)			
Bài giới thiệu sách	Hình thức (<i>trình bày rõ ràng, dễ hiểu, cụ thể, hình minh họa có không?</i>)			

(bài viết của cá nhân, tập san của nhóm)	Nội dung (sách hay, hữu ích không?)			
	Phong cách thuyết trình (lời cuốn người nghe không?)			
	Sáng tạo			
Nhóm	Tổng (10đ)			

Nhóm/ Cá nhân đánh giá:



TUẦN 18B**NGÀY SOẠN: 7/1/2023****TIẾT 69: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT (ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI)****TIẾT 70: NÓI VÀ NGHE : CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG
HOẶC TỪNG ĐẾN****TIẾT 71: ĐỌC MỞ RỘNG****TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HKI****TIẾT 69: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT (ĐÁNH GIÁ VÀ SỬA BÀI)****I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Trình bày đúng bố cục của một bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- HS xác định được phạm vi, đối tượng cần tả.
- Hiểu được trình tự tả.
- Có thể hiện cảm xúc khi câu chuyện diễn ra và khi tả lại.
- Có lòng nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch dạy học.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Ti vi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- a) Mục tiêu: HS nhắc lại bố cục của một bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- b) Nội dung: GV cho HS chọn đáp án đúng. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- d) Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức thực hiện bài tập nhanh:

GV trình chiếu các bài tập trắc nghiệm chọn đáp án đúng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Từ phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu: HS củng cố lại các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết), trả bài cho HS.
- Nội dung: chốt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.
- Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.
- Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 *Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt. *Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: <i>HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</i> *Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận *Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	I. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. * Kiểm tra, điều chỉnh bài viết. - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó. - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. + Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng ở Phiếu học tập số 1)	

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết đoạn mở hoặc kết hoặc 1 ý thân bài.

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS xây dựng đoạn văn tả cảnh chào cờ ở trường em.

b) Nội dung:

- HS làm bài.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - HS xây dựng đoạn văn tả lại cảnh chào cờ ở trường em. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét, bổ sung, kết luận.	Bài viết của HS

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học. Dựa vào phiếu học tập số 3, hoàn thành bài viết của mình.
- Học sinh tự đọc: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.
- + Suu tầm thêm một số bài thơ lục bát ngắn.
- Hoàn thành phần củng cố, mở rộng / SGK – 106
- Chuẩn bị bài Nói và nghe Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
- HS chuẩn bị: Trình bày bài chia sẻ.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Họ và tên người chỉnh sửa:.....

Họ và tên tác giả bài viết:.....

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đã giới thiệu cảnh cần tả chưa?

.....

2. Bài viết có nêu được phạm vi, đối tượng cần tả chưa?

.....

3. Có cần bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung).

.....

.....

4. Có cần lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn nên lược bỏ).

.....

.....

5. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các lỗi cần sửa chữa).

.....

TIẾT 70 : NÓI VÀ NGHE : CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nắm ngôi kể và người kể chuyện
- Biết trình bày bài nói về trải nghiệm đáng nhớ của bản thân
- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

2. Năng lực:

- Thu thập và xử lí thông tin.
- Tự chủ, tự học.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, kế hoạch bài dạy
- Ti vi, bảng phụ, phiếu bài tập, kế hoạch bài dạy
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS lắng nghe một đoạn ngữ liệu (câu chuyện) và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đọc cho HS nghe một đoạn ngữ liệu và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn văn bản? Nhân vật trong đoạn văn bản kể về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TRƯỚC KHI NÓI	
Mục tiêu: - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói Nội dung: - GV hỏi và nhận xét sâu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. ? Em sẽ nói về nội dung gì? B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b	CHUẨN BỊ BÀI NÓI a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói ? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra? ? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó. ? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì? ? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành động, lời nói như thế nào? ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em?	b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện. <i>* HS chuẩn bị được bài nói</i> bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh. <i>* Tập luyện</i> - HS nói một mình - HS luyện nói cùng cặp đôi

- GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị bài nói - HS luyện nói tại chỗ B3: Thảo luận, báo cáo - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm B4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói.	

TRÌNH BÀY NÓI	
Mục tiêu: - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị. - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lý. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.	

HĐ 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

“Kể về một chuyến du lịch của gia đình em.”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét phần nói và nghe của HS.

HĐ 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy quay lại bài nói của em về “Một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến” thành một video

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS lắng nghe và ghi chép

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành: gửi video về địa chỉ mail của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Khái quát cho HS những nội dung cần học ở nhà.
- Chuẩn bị:

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

TIẾT 71: ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Có khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để thực hành đọc mở rộng.
- Có khả năng cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, xứ sở qua việc đọc mở rộng về VB thể bài du kí, VB thơ lục bát.
- Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện trao đổi, thảo luận.
- HS nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân sau khi được góp ý, tự định hướng và hoàn thiện bản thân.
- Học sinh phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc đọc mở rộng.
- Chăm chỉ: Chăm học, có tinh thần tự học, tích cực, tự giác sưu tầm các văn bản liên quan đến chủ đề đã học.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập tìm tòi, mở rộng kiến thức. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Giáo án; máy chiếu;
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. Khởi động

- Mục tiêu: Tạo hứng thú, tiếp cận với nội dung chủ đề bài học.
- Nội dung: GV giao nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV cho HS kể tên một số bài thơ lục bát , nêu cảm nhận - HS lắng nghe, trình bày cảm nhận sau khi nghe bài thơ lục bát đó. - GV gợi dẫn vào bài	

B. Hình thành kiến thức

Mục tiêu:

- Hs tự tìm đọc được văn bản có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB vừa học; nắm được nội dung, nghệ thuật cơ bản của VB vừa đọc.

- HS có khả năng đọc diễn cảm, đọc sáng tạo văn bản

b) Nội dung: Gv nêu yêu cầu, định hướng.HS tìm đọc các văn bản theo chủ đề đã học, hoạt động theo nhóm hoàn thiện phiếu học tập

c) Sản phẩm: Bài đọc, câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí về quê hương, đất nước mà các em tự tìm đọc hoặc cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: Bài 1, bài 4. “Quê hương yêu dấu” và bài 5. “Những nẻo đường xứ sở”chất lọc kiến thức, trình bày vào phiếu học tập 1 hoặc 2. - GV hướng dẫn, gợi ý. * HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ điền vào phiếu học tập 1 hoặc 2. * Báo cáo kết quả và thảo luận: - HS các nhóm báo cáo, trình bày kết quả thảo luận; - GV gọi HS ở nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. * GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm. - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng	I. Thực hành đọc II. Trao đổi, thảo luận

C. Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đọc diễn cảm.

- b. Nội dung: GV chuẩn bị văn bản để chiếu lên máy chiếu, hs đọc văn bản theo yêu cầu.
- c. Sản phẩm: Bài đọc của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- GV gọi một số HS tập đọc diễn cảm trước lớp, đọc phân vai: + Đọc diễn cảm (một đoạn) + Đọc phân vai một đoạn trong văn bản truyện. - GV nhận xét và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp.	

D. Vận dụng, tìm tòi, mở rộng (3 phút)

- a. Mục tiêu: Khuyến khích học sinh chia sẻ và trao đổi sách, truyện để đọc
- b. Nội dung: Gv đưa yêu cầu, Hs thực hiện theo yêu cầu của Gv
- c. Sản phẩm: Hoạt động của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng thêm nguồn tài liệu đọc. - GV giới thiệu và yêu cầu HS đọc tham khảo một trong số các cuốn sách như: Truyện Việt Nam - HS thực hiện.	

Hướng dẫn tự học:

- Xem lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Chuẩn bị tiết: Trả bài kiểm tra học kì I

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

V. HỒ SƠ DẠY HỌC:

1. Kế hoạch đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Đánh giá thường xuyên	- Phương pháp hỏi đáp - Phương pháp quan sát - Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập - Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	- Câu hỏi - Rubric	

Rubric

PHIẾU SỐ 1: ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NÓI				
NHÓM:				Điểm
Tiêu chí	Mức độ			
	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)	
1. Chọn được nội dung phù hợp	Chưa có nội dung, đề tài để kể, tả	Có đề tài, nội dung để kể, tả nhưng chưa hay	Nội dung và đề tài hay và ấn tượng	
2. Trải nghiệm phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu trải nghiệm của bạn	Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm của bạn	Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm và hấp dẫn, thú vị.	
3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy	Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần.	Giọng nói to, rõ ràng; có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy, truyền cảm.	
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn về người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.	

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có lời chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.	
Tổng điểm				

PHIẾU SỐ 2: ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHE. NHÓM:.....		
Tiêu chí	Yêu cầu	Nhận xét (Đánh dấu X vào dòng thích hợp)
1. Tập trung chú ý	Chú ý (2đ)	
	Bình thường(1đ)	
	Chưa chú ý (0đ)	
2. Thái độ lắng nghe	Chăm chú, ghi chép lại (2đ)	
	Chú ý nghe nhưng không ghi chép (1đ)	
	Không chú ý(0đ)	
3. Phản hồi ý kiến	Khéo léo, lịch sự (2đ)	
	Bình thường (1 đ)	
	Gay gắt (0đ)	

2. Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NHÓM:.....	TRẢ LỜI
* Văn bản thể bài du kí:	
+ Hình thức ghi chép:	
+ Cách kể chuyện có gì đặc biệt?	

TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp .
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.
- Năng lực văn học: Luyện tập kĩ năng dùng từ, đặt câu và kĩ năng xây dựng văn bản.
- Giáo dục HS ý thức phê bình và tự phê bình, có ý thức vươn lên cố gắng trong các bài làm lần sau.

II. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU

- KHBD, bài kiểm tra đã chấm, tìm những lỗi của HS và chọn bài khá tốt

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. MỞ ĐẦU:

HOẠT ĐỘNG 1. Tình huống xuất phát

a. Mục tiêu: *Giới thiệu bài học, tạo tâm thế hứng thú cho HS*

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS quan sát và đọc một số đoạn văn, nhận xét cách diễn đạt, lỗi các loại...
- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin, trình bày 1 phút, tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

-GV chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS quan sát 1 đoạn văn trong bài viết của HS

HS nhận xét đoạn văn(cách diễn đạt, các lỗi) ?

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả của cá nhân; HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối bài học : Để giúp các em tự nhận ra những ưu điểm cũng như những nhược điểm trong bài KT của mình và của các bạn, các em tự khắc phục được những cái chưa tốt để hoàn thiện hơn trong những tiết KT sau

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận thấy được ưu nhược điểm trong bài kiểm tra

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
- Chuyển giao nhiệm vụ - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài kiểm tra đã làm ? Xác định yêu cầu của đề, định hướng làm bài phân đọc hiểu VB ? Xác định yêu cầu của đề ? Thể loại ? Nội dung trong phần làm văn? HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Báo cáo kết quả GV đánh giá , cung cấp đáp án GV nhận xét ưu, nhược điểm, đọc đáp án Gv: nêu đáp án cho hs theo dõi - Phân đọc –hiểu: GV đọc đáp án - Phân làm văn đáp án (bảng phụ) ? Theo dõi dàn bài, em thấy trong bài làm của mình hôm trước đã đầy đủ ý chưa ? Gv: Nhận xét ưu – nhược điểm trong bài làm của hs <i>* Ưu điểm:</i> HS có ý thức học tập, vận dụng đọc –hiểu tốt, nhận thực được bài học từ VB, HS nắm được phương pháp làm bài văn tự sự Nắm được bố cục, những bài viết chân thành, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy...	I. Đề và đáp án (như đề kiểm tra) II. Nhận xét chung

<i>* Hạn chế:</i> - Nhiều bài diễn đạt vụng chưa hoàn chỉnh . - Bên cạnh đó vẫn còn một số bạn chưa đọc kỹ đề, còn hiểu sai đề, kiến thức chưa vững, không có sự đầu tư nên điểm thấp. - Nhiều em còn sai chính tả, dùng từ chưa chính xác, viết câu chưa rõ nghĩa,.... HS theo dõi, lắng nghe <i>* Những bài viết có nội dung tốt:</i> Năng lực hình thành : thương thức –cảm thụ, giao tiếp, tự học	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Giúp HS

- Sửa lỗi trong bài kiểm tra, tham khảo học tập

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét cho bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS ,câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
Gv chuyển giao nhiệm vụ : Phát bài cho hs theo dõi, đối chiếu đáp án, phát hiện lỗi sai - Hướng dẫn cách sửa lỗi .Giải đáp những thắc mắc của học sinh chung quanh bài làm đã chấm điểm(nếu có) -Yêu cầu học sinh đổi bài cho nhau để nhận xét, tham khảo Gv: lấy điểm vào sổ HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ Báo cáo kết quả , GV đánh giá	III. Trả bài, chữa lỗi

Năng lực hình thành : Giải quyết vấn đề, hợp tác, thưởng thức cảm thụ, tự học, sáng tạo, giao tiếp

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Giúp HS

- Tham khảo học tập từ bài viết của bạn

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT nêu – giải quyết vấn đề tổ chức cho HS
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét cho bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS ,câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	HỢP KIẾN THỨC
GV chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS nghe đọc bài tham khảo từ phía HS GV giao nhiệm vụ: Viết lại phần tự luận cho bài kiểm tra - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Báo cáo kết quả - GV đánh giá - HS về nhà tự thực hiện Năng lực hình thành: thưởng thức –cảm thụ, sáng tạo	IV. Đọc bài tham khảo

** Kết quả cụ thể:*

Lớp \ Điểm	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	>TB
61						
65						

E. HƯỚNG DẪN HỌC

- Về nhà xem lại thể loại truyện ngắn, văn kể lại trải nghiệm đáng nhớ
- Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học

Bài mới:

- + Chuẩn bị nội dung phần giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn, Thánh Gióng.
- + Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK

RÚT KINH NGHIỆM:

.....